TRẦN THU DUNG

SỰ HIỆN DIỆN CỦA THÀNH VIÊN TAM ĐIỂM TẠI VIỆT NAM

Ghi chép

OMEGA+ NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

SỰ HIỆN DIỆN CỦA THÀNH VIÊN TAM ĐIỂM TẠI VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 024.38222135

E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

http://nxbhoinhavan.com

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - TP.HCM

Tel & Fax: 028.38297915

Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42 Trần Phú - TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.3849516

Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C Hoàng Lam - TP. Bến Tre

Tel: 0275.3812736 - 016.998.083.86

Email: nxbhnvmekong@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập: Tạ Viết Đăng

Sửa bản in: Quán Thị

Thiết kế bìa: Phạm Ngọc Điệp

Trình bày: Minh Thái

In 3.000 bản, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH MTV in Tiến Bộ.

Địa chỉ: 175 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Số ĐKXB: 4842 - 2019/CXBIPH/35 - 175/HNV.

Quyết định xuất bản số: 2036/QĐ - NXBHNV cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019.

ISBN: 978-604-9886-43-0. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS)

VP HN: Tầng 3, Tòa nhà Dream Center Home, số 11A, ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (024) 3233 6043

VP TP. HCM: 138C Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38220 334 | Ext: 120

Website: www.omegaplus.vn

Lời ngỏ

Có thể nói, cho đến tận ngày nay, hội Tam Điểm dường như vẫn còn là một ẩn số lớn với thế giới. Xuất phát từ hình thức sinh hoạt đặc thù của một hội kín với thành phần tham gia hạn chế ở một số tầng lớp nhất định như giới chính trị, quý tộc, trí thức cao cấp,... những thông tin hoặc tài liệu liên quan đến Tam Điểm vẫn chứa nhiều nghi vấn mà đôi khi không thể kiểm chứng hay làm sáng tỏ được. Mặc dù vậy, thông qua những lần hé mở về hoạt động của các thành viên Tam Điểm cũng như việc công khai phần nào những hoạt động của tổ chức này trong khoảng thời gian gần đây, người ta dần khám phá ra được quy mô, sự phổ biến và thịnh hành của hội kín này trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, đặc biệt là vào khoảng thế kỷ XVIII - XIX ở các quốc gia phương Tây.

Tại Việt Nam, giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã chứng kiến những bước ngoặt to lớn trong lịch sử quốc gia. Với thất bại của triều đình nhà Nguyễn trong việc bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc trước sự xâm lược của người Pháp, chế độ thực dân được áp đặt trên toàn cõi Việt Nam với sự phân chia thành xứ thuộc địa Nam kỳ và hai xứ bảo hộ Bắc và Trung kỳ. Cùng với quá trình này, hội Tam Điểm đã theo bước chân của những nhà cai trị người Pháp du nhập và tồn tại trong suốt một khoảng thời gian dài tại Việt Nam thời thuộc địa. Tuy nhiên, như đã đề cập, với hình thức của một hội kín, những hoạt động, thành phần tham gia của Tam Điểm tại Việt Nam cũng trở thành một ẩn số chưa có giải đáp cụ thể tương tự như các hội Tam Điểm khác trên thế giới.

Tìm hiểu về sự có mặt và hoạt động của hội Tam Điểm tại Việt Nam trong lịch sử chính là chủ đề xuyên suốt cuốn sách *Sự hiện diện của thành viên Tam Điểm tại Việt Nam*. Sau một quá trình tìm tòi, nghiên cứu từ những kho tư liệu, sách báo liên quan đến Tam Điểm còn lưu giữ được tại một số quốc gia, đặc biệt là Pháp, quốc gia có liên hệ trực tiếp với Việt Nam trong quá khứ, cùng những

cuộc trao đổi gặp gỡ trực tiếp với hậu duệ của các thành viên Tam Điểm Việt Nam, tác giả Trần Thu Dung đã khái quát và trình bày những vấn đề liên quan đến hoạt động của hội Tam Điểm tại Việt Nam chủ yếu dưới thời Pháp thuộc và giai đoạn 1954-1975 khi người Mỹ hiện diện tại miền Nam Việt Nam. Bên cạnh đó, cuốn sách còn nêu bật lên vai trò và đóng góp trên phương diện văn hóa của các thành viên Tam Điểm người Việt xuất thân từ tầng lớp trí thức Tây học chịu ảnh hưởng của Pháp như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Huy Lục,...

Một phần quan trọng khác được đề cập đến trong *Sự hiện diện của thành viên Tam Điểm tại Việt Nam* là sự hình thành của các tôn giáo bản địa tại Nam kỳ như Cao Đài, Hòa Hảo,... Thông qua những đối chiếu, suy luận, tác giả đặt ra những giả thuyết và chứng minh phần nào về sự liên hệ mật thiết giữa Tam Điểm và đạo Cao Đài trong suốt quá trình hình thành và phát triển của tôn giáo này.

Tuy nhiên, cũng bởi mang tính chất và đặc trưng của một hội kín, cho đến hiện nay, việc làm sáng tỏ những thông tin, tư liệu liên quan đến hoạt động, quy mô và tổ chức Tam Điểm tại Việt Nam vẫn là một điều khó khăn. Đồng thời, bởi những biến cố liên tiếp xảy ra trong ngót nghét trăm năm kể từ khi thực dân Pháp hoàn tất việc đặt nền móng đô hộ tại Việt Nam cho đến khi chiến tranh hoàn toàn chấm dứt vào tháng 4 năm 1975, những thông tin liên quan đến Tam Điểm lại càng trở nên ẩn khuất và hiếm hoi. Gần như chỉ duy nhất một lần, dư luận Việt Nam thời Pháp thuộc ghi nhận được hoạt động công khai của hội Tam Điểm, trong đám tang của Nguyễn Văn Vĩnh vào tháng 5 năm 1936 tổ chức tại trụ sở hội Tam Điểm "Huynh đệ Bắc kỳ" phố Gambetta (nay là Trần Hưng Đạo), Hà Nội. Kể từ đó cho đến mãi về sau này, gần như không có bất kỳ một hoạt động nào khác của các thành viên Tam Điểm tại Việt Nam được ghi nhận một cách trực tiếp và công khai. Tổ chức này lại tiếp tục ẩn khuất trong khoảng tối của lịch sử.

Cuốn sách *Sự hiện diện của thành viên Tam Điểm tại Việt Nam* vẫn chưa phải là một công trình nghiên cứu thật sự hoàn chỉnh, tất cả chỉ dừng ở mức khai phá, hệ thống và trình bày lại vấn đề cũng như nguồn tư liệu mà cá nhân tác giả đã kỳ công sưu tập được từ nhiều nơi kèm theo đó là những lập luận, nhận định dưới góc nhìn chủ quan. Với vai trò của đơn vị xuất bản, chúng tôi mong nhận được những ý kiến phản biện và góp ý từ phía người đọc để việc tu chỉnh được thực hiện kịp thời, giúp cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sắp tới.

Lời giới thiệu

Hội Tam Điểm ở Việt Nam - Một ẩn khuất lịch sử

Hội Tam Điểm ở Việt Nam nằm đúng vào vòng xoáy của lịch sử. Vì những lý do liên quan đến một số nhân vật quan trọng của nhà nước sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (1945); thêm một số lý do khác thuộc về khác biệt tôn giáo và văn hóa; và thêm nữa, một số điều nghi ngại vô căn cứ - hội Tam Điểm gần như bị xóa sổ trong ký ức cộng đồng - ngay trong giới nghiên cứu, trí thức.

Công trình của Tiến sĩ Trần Thu Dung đã đưa ra ánh sáng một sự thật lịch sử rất quan trọng. Vấn đề hội Tam Điểm với các thành viên đầu tiên của nó bộc lộ những sinh hoạt chính trị, tư tưởng của tầng lớp tinh hoa trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nó cho thấy một phần của sự hợp tác cũng như đối kháng luôn song hành giữa nước Việt Nam thuộc địa với chính quyền thực dân. Một khía cạnh vô cùng quan trọng và cực kỳ thú vị nữa mà công trình nghiên cứu này đem lại: những tư liệu vô cùng quý giá về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo rất đặc biệt, có thể nói là "có một không hai", không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Trong đó, có sự ra đời và những bước thăng trầm của một tôn giáo mới nảy mầm do hoàn cảnh lịch sử mà khi hưng thịnh có đến hai triệu tín đồ.

Công trình này cũng đóng góp rất quan trọng vào việc nghiên cứu tiểu sử của một số nhân sĩ có ảnh hưởng rất lớn đến lịch sử Việt Nam hiện đại.

Lê Anh Hoài (nhà văn, nhà báo)

Dẫn nhập

Thánh Gióng là một anh hùng trong truyền thuyết của Việt Nam được phong thánh sau khi đánh dẹp giặc ngoại xâm. Thánh Gióng không chỉ là biểu tượng thuần túy cho tinh thần anh hùng chống giặc ngoại xâm của dân tộc như bao nhiêu truyền thuyết trên thế giới mà còn ẩn chứa nhiều ý nghĩa lớn lao khác. Gióng là một đứa trẻ câm, không biết nói, không biết đi, chỉ biết nằm, bỗng nhiên biết nói và vụt lớn lên khi nghe tiếng loa gọi tìm người tài ra cứu nước. Gióng là người bất lực trong hòa bình, nhưng có tài trong chiến trận. Thiên tài của Gióng được phát huy khi giặc ngoại xâm đến. Hình ảnh Thánh Gióng bỗng vụt dậy, mang ý nghĩa tượng trưng rất lớn. Sự im lặng của Gióng biểu trưng cho hình ảnh dân tộc Việt Nam hiền lành, biết nhẫn nhịn và yêu hòa bình. Hãy để chúng tôi nằm yên, đừng động đến chúng tôi. Chúng tôi là một dân tộc khao khát và yêu chuộng hòa bình. Việt Nam, đất nước nhỏ bé nằm cạnh một nước Trung Quốc hùng mạnh, luôn luôn bị nhòm ngó, hăm he thôn tính, muốn biến Việt Nam cùng các nước nhỏ bé xung quanh thành chư hầu. Việt Nam đã bao lần bị giặc phương Bắc tràn xuống, và cả nghìn năm bị Trung Hoa đô hộ, gần nghìn năm triều cống và phải cử sứ giả sang thương thuyết hòa bình. Khát vọng hòa bình độc lập là khát vọng được nuôi từ nghìn đời của dân tộc Việt Nam. Gióng tượng trưng cho đất nước Việt Nam chịu nhẫn nhịn từ bao nhiêu năm vì một sự hòa bình yên ổn của muôn dân. Nhưng con giun xéo mãi cũng quằn. Sự im lặng của Gióng đã đến lúc cần phải chấm dứt, và con người bất động cần phải vùng lên. Tiếng loa tìm hiền tài cứu nước, chính là tiếng gọi chung đối với những người ái quốc. Sự câm lặng của Gióng vừa thể hiện khát khao hòa bình với các nước láng giềng, vừa nói lên sự thức tỉnh. Đến người câm như Gióng cũng không thể chịu để cho kẻ nào xâm lăng đất nước. Đứng lên! Phải đứng dậy! Người ta lớn vì ta quỳ xuống, im lặng là chết, nên Gióng đã thức tỉnh. Đã đến lúc, những người im lặng mãi phải lên tiếng. Gióng bỗng nhiên cất tiếng nói và đòi xung trận. Tổ quốc lâm nguy, nhún nhường mãi không được.

Hình ảnh Gióng lớn vụt lên, biết nói, tượng trưng cho sức mạnh tinh thần bùng nổ, thức tỉnh. Giống như văn chương thời Phục hưng bên châu Âu, nhiều nhân vật khổng lồ về mọi phương diện bỗng xuất hiện. Gargantua của Rabelais với tầm vóc to lớn vĩ đại, vừa mới sinh ra Gargantua đã có cơn khát khủng khiếp. Sau này Gargantua đã chiến thắng kẻ thù xâm lăng để bảo vệ đất nước. Gióng là biểu tượng khát khao hòa bình của dân tộc Việt Nam, một dân tộc không muốn chiến tranh và chỉ muốn bình yên. Nằm yên không có nghĩa là chịu nhục. Gióng nằm yên vì Gióng vốn khát vọng hòa bình. Nhưng kẻ xâm lược nhầm tưởng dân tộc Gióng nhu nhược, câm điếc. Sự im lặng biểu trưng cho những con người hiền lành chất phác, không muốn gây chiến. Gióng bỗng lớn lên thành Phù Đổng. Gióng được dân làng chăm lo cho ăn nên lớn nhanh như thổi. Đấy chính là sức mạnh và lòng yêu nước toàn dân đã bùng nổ khi không thể lặng yên nhìn giặc ngoại xâm đang giày xéo quê hương. Chiến thắng của Gióng cũng là bài học để mọi kẻ thù xâm lược biết rõ sức mạnh tiềm ẩn bên trong những người dân hiền lành. Sức mạnh đó xuất phát từ lòng yêu nước đã ngấm từ lâu trong cơ thể Gióng. Tinh thần yêu nước đã thức tỉnh chú Gióng câm lặng. Hình ảnh Gióng ba tuổi câm, chỉ nằm, cũng chính là hình ảnh tượng trưng cho nhận thức ấu trĩ về sự ngây thơ trong tư tưởng của những người chủ trương bất phản kháng. Yêu nước, phải đấu tranh và phải bảo vệ cái mình yêu. Im lặng bất phản kháng và chấp nhận sự giày xéo là tự biến mình thành kẻ hèn yếu. Gióng hết ngây thơ, Gióng thức tỉnh và Gióng đã chiến đấu vì quê hương của mình.

Hết chiến tranh, Gióng lặng lẽ ra đi, đó chính là dấu hiệu để kẻ xâm lăng biết là đất nước tôi chỉ khát vọng hòa bình. Cũng như Lê Lợi sau khi chiến thắng đã mang gươm ra hồ để trả thần Kim Quy, việc trả gươm chính là hành động để báo cho kẻ thù biết đất nước tôi chỉ mong bình an sinh sống, nhưng kẻ nào động đến, tôi sẽ lại cầm gươm bảo vệ đất nước.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, những trí thức Việt Nam như Thánh Gióng, đã tỉnh dậy và khát khao giành độc lập. Tinh thần yêu nước của hầu hết trí thức Việt Nam đã bừng tỉnh, họ tụ nhau để tìm con đường đòi lại độc lập dân tộc. Con đường cứu nước của nhiều trí thức rất khác nhau, nhưng đại đa số đều xuất phát từ lòng ái quốc. Lòng ái quốc được thể hiện đa dạng và phong phú hơn bao giờ hết ở thời kỳ đất nước Việt Nam bị Pháp đô hộ.

Tham gia hội Tam Điểm cũng là một hình thức đấu tranh nhân quyền của trí thức Việt Nam thời kỳ này. Một con đường đấu tranh khôn khéo, để lôi kéo những người bạn Pháp dân chủ tiến

bộ, chân chính ủng hộ trong việc đòi độc lập và bình đẳng dân chủ. Hội Tam Điểm ở Việt Nam hầu như ít người biết đến. Lần theo dấu vết Tam Điểm ở Việt Nam, cuốn sách này giúp chúng ta hiểu được con đường đấu tranh khôn khéo của ông cha ta thời Pháp thuộc và hiểu rõ thêm về hội Tam Điểm. Ông cha chúng ta đã tương kế tựu kế để chống thực dân Pháp. Mục đích cuốn sách này cũng nhằm để nhìn lại một con đường đấu tranh bài trừ thực dân của tiền nhân. Thỏa hiệp không đồng nghĩa với chấp nhận, đầu hàng và không yêu nước. Gióng nằm yên không đồng nghĩa là Gióng không yêu nước. Hoàn cảnh không cho phép và sức yếu buộc một số người đã phải tìm *con đường đi sâu vào lòng địch để cứu dân bằng cách giáo dục dân trí, âm thầm nuôi tư tưởng dân chủ tự do và đòi tự trị bằng con đường bất bạo động.*

Tam Điểm là một hội kín huyền bí gần như xa lạ đối với quần chúng, nhưng hầu hết các thành viên xuất sắc của hội nắm giữ các cương vị chủ chốt trong chính quyền ở nhiều quốc gia, đặc biệt là Mỹ, Anh và Pháp. Hội Tam Điểm luôn gắn chặt với sự phát triển văn hóa, kinh tế, chính trị của Mỹ và các nước châu Âu. Hội đã góp phần quan trọng và thiết yếu trong việc thành lập một nước Cộng hòa Pháp với khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" và nước Mỹ luôn tự cho họ là đất nước đang xây dựng một "trật tự thế giới mới". Quá trình đi xâm chiếm và khai phá thuộc địa kéo theo sự hiện diện của các thành viên Tam Điểm trên thế giới. Việt Nam bị Pháp đô hộ gần một thế kỷ và hơn hai mươi năm sau đó lại có sự tham gia của Mỹ ở miền Nam, việc có mặt của hội Tam Điểm tại Việt Nam là chuyện dễ hiểu trong giai đoạn này. Các thành viên của hội Tam Điểm đã xuất hiện ở Việt Nam trong vai trò của những người đi khai hóa văn minh trong thời kỳ thuộc địa Pháp như Auguste Pavie, Chasseloup Laubat, Albert Sarraut,... Nghiên cứu về hội Tam Điểm sẽ giúp hiểu sâu hơn vấn đề thuộc địa Đông Dương và sự có mặt của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Qua đó, chúng ta sẽ thấy một phần sự thật bị che khuất trong giai đoạn lịch sử hào hùng chống ngoại xâm của dân tộc và những chiến thắng đầy thông minh và khôn khéo của người Việt trước những thế lực mạnh trên thế giới.

* * *

Cuốn sách này đề cập chủ yếu đến hội Tam Điểm Pháp, và một phần hội Tam Điểm Mỹ, hai quốc gia có nhiều mối liên quan đến Việt Nam. Đặc biệt là hội Tam Điểm Pháp, bởi nước Pháp gắn chặt với quá trình cai trị thuộc địa Đông Dương, nhiều thành viên của hội Tam Điểm lại là nòng cốt trong chính quyền thực dân, nên có thể nói sự có mặt của những thành viên Tam Điểm đã đóng vai trò

nhất định trong sự bình định và khai hóa thuộc địa. Đó là lý do chúng tôi chủ yếu đề cập đến hội Tam Điểm của Pháp.

Cuốn sách có thể còn thiếu sót, do nhiều tư liệu bị đốt, hoặc bị tiêu hủy khi nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng, và bởi tình hình chính trị ở Việt Nam có nhiều biến động qua các thời kỳ. Mặc dù Pháp đã rời bỏ Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ, Mỹ cũng phải rút quân hơn bốn mươi năm trước, nhưng nhiều gia đình tại Việt Nam vẫn ngại cung cấp thông tin, và né tránh nhắc đến ông cha họ vì sợ bị hiểu lầm.

Thời gian trôi qua, đại đa số những thành viên Tam Điểm đầu tiên đã về cõi tiên. Việc nhìn nhận vai trò của họ trong lịch sử Việt Nam lúc giao thời giữa hai nền văn hóa là điều cần thiết và cũng để xóa bỏ những hận thù, hiềm khích, hiểu nhầm do chiến tranh gây ra. Nhất là khi những thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên đã đóng góp rất lớn trong lĩnh vực văn hóa, văn học và đặc biệt cho công cuộc đòi lại chủ quyền, độc lập dân tộc mà triều đình nhà Nguyễn đã để rơi vào tay thực dân Pháp.

Chương I
Truyền thuyết và lịch sử

Theo lịch sử do các thành viên Tam Điểm cung cấp, hội Tam Điểm có từ thời xây cất đền thờ Solomon[1], thậm chí còn trước nữa, vì trong truyền thuyết và khảo cổ đều có dấu ấn của Tam Điểm. Mặc dù vậy, thực chất, hội Tam Điểm phát sinh từ châu Âu chỉ hơn ba thế kỷ trước. Truyền thuyết La Mã và Hy Lạp là cái nôi của nền văn minh châu Âu. Tất cả đều dựa trên những hiểu biết ghi lại trong truyền thuyết và thần thoại của mỗi dân tộc, rồi cộng với hiện thực, họ huyền thoại hóa thêm lịch sử mới tiếp theo. Hội Tam Điểm mang tính chất huyền bí, nên nhiều chi tiết về nguồn gốc Tam Điểm cũng mang tính huyền thoại. Hội Tam Điểm xuất hiện ở châu Âu vào cuối thế kỷ XVII. Thời Trung cổ, giáo hội và nhà vua là hai thế lực mạnh nhất. Những người xây dựng đền đài cung điện, nhà thờ, luôn luôn được nhà vua và giáo hội ân sủng vì họ là những người tài giỏi, đóng vai trò kiến tạo nên những công trình kiến trúc hoành tráng. Các kiến trúc sư giỏi thường được vua và giáo hội cho phép hành nghề tự do. Họ thành lập những hội đoàn sinh hoạt riêng, lấy tên "những người tự do nghề nghiệp". Họ cũng tham gia sinh hoạt của nhà thờ và còn được nhà vua mời tham dự các buổi yến tiệc. Do bí mật nghề nghiệp, ban đầu họ hội họp kín đáo, không công khai và chỉ gồm toàn những người hành nghề xây dựng, sau này được gọi là Tam Điểm thực hành để phân biệt với thành viên Tam Điểm xuất thân từ nghề nghiệp khác. Họ hội họp vì nhiều mục đích, trao đổi kiến thức bí mật và giúp đỡ nhau. Hơn nữa, vì hầu hết họ phải di chuyển sau những công trình lớn, nên việc tụ hội để chia sẻ và tương trợ là nhu cầu tất yếu. Sự tụ tập lập hội kín được vua và những người có thế lực cho phép vì lợi ích của triều đình. Những công trình vĩ đại, những lâu đài nguy nga cần những khối óc thiên tài của những người Thợ cả với vai trò tương tự những kiến trúc sư và công trình sư ngày nay. Chính vì vậy, vua chúa đặc ân cho họ quyền tự do hội

họp.

---

[1] Còn được gọi là Đền thờ thứ Nhất, tọa lạc trên núi Zion hay Núi Đền tại Jérusalem thời cổ đại. Theo Kinh Thánh, ngôi đền này được xây dựng bởi vua Solomon nhằm lưu giữ hai phiến đá khắc Mười điều răn của Chúa Trời. Ngôi đền này bị vua Nebuchadnezzar II của Babylon phá hủy vào năm 537 TCN. Khu vực Núi Đền, còn tồn tại cho đến ngày nay, vẫn được coi là địa điểm thiêng liêng bậc nhất đối với người Do Thái trên khắp thế giới (Cước chú của biên tập viên, về sau viết tắt là BT. Các cước chú còn lại của tác giả).

Trong những buổi giải trí, sinh hoạt dần dần bắt đầu có sự tham gia của tầng lớp tăng lữ, quý tộc, thậm chí cả nhà vua. Nhờ thế lực và sức mạnh về tài chính do có sự tham gia của tầng lớp quý tộc, hội phát triển và mở rộng. Những thành phần không phải là những người trực tiếp điều khiển công trình như quý tộc, tăng lữ được gọi là những thành viên Tam Điểm lý thuyết (*Franc-maçons spéculatifs*). Với sự có mặt của quý tộc và các thành viên hoàng gia như gia đình Napoléon, hội phát triển nhanh chóng và nắm giữ quyền lực trên mọi lĩnh vực. Nhưng chỉ đến đầu thế kỷ XVIII, các thành viên Tam Điểm khắp nơi mới tụ về Anh, lập hội đầu tiên, chính thức đặt tên là Đại đường Luân Đôn (*Grande Loge de Londres*). Đến năm 1723, các hội thống nhất cho công bố bản Hiến pháp chung cho Tam Điểm *với mục tiêu để phục vụ nhân loại, và yêu cầu thành viên Tam Điểm phải là những người tốt, không bị chính quyền kết án, chân thật và tôn trọng tự do tín ngưỡng của mỗi cá nhân*.

Họ có bổn phận liên kết tất cả các hội viên trên thế giới, không phân biệt tôn giáo, và tất cả hội viên, vì đều là huynh đệ, sẽ tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Để đạt được điều này, mỗi thành viên Tam Điểm luôn phải tự hoàn thiện mình bằng phương pháp "suy tư", giống như thiền của đạo Phật. Quá trình luôn luôn tiến hóa và không ngừng hoàn thiện. Và giống như đạo Phật chính thống, thành viên Tam Điểm suy tư để hành động, để cải thiện xã hội đang tồn tại mà trong đó mỗi thành viên Tam Điểm như một mắt xích chính kết nối để xây dựng xã hội hoàn thiện. Họ phải luôn tự tìm hiểu, tự khám phá và trau dồi bản thân qua các dụng cụ xây dựng hàng ngày. Những dụng cụ tưởng tầm thường, đơn giản, thậm chí thô sơ như thước thợ bằng gỗ, dây dọi đã làm nên những công trình vĩ đại của nhân loại qua bao thế kỷ.

Hiện nay, hội Tam Điểm ở Anh và Pháp có ảnh hưởng lớn đối với các hội Tam Điểm tại các quốc gia khác trên thế giới. Một số hội ở các quốc gia tồn tại độc lập như Đức, Thụy Sĩ... Số lượng người

theo Tam Điểm trên thế giới không đông, nhưng họ lại nằm trong bộ máy chủ chốt của chính quyền ở nhiều nước. Nhiều người nắm chức vụ quan trọng trong mọi lĩnh vực.

Nhiều Tổng thống Mỹ là thành viên của hội như Washington, Thomas Jefferson, Grant, Abraham Lincoln, Franklin Roosevelt, G. Bush (cha) cũng như các Tổng thống Pháp François Mitterrand và Jacques Chirac… Nhiều Thủ tướng, Bộ trưởng trên thế giới như Winston Churchill, Allende, La Fayette, Mirabeau, Sieyès, gia đình Napoléon; nhiều nhà văn nổi tiếng như Voltaire, Montesquieu, Fichte, Rudyard Kipling, Mark Twain, Poushkin, Stendhal…; nhiều tài tử nổi tiếng như Clark Gable, John Wayne; phi hành gia Gordon Cooper; nhiều nhạc sĩ như Mozart, Haydn, Louis Amstrong, Rouget de Lisle cũng là thành viên Tam Điểm. Trong khoa học có Alexander Fleming, Laplace, Lumière - ông tổ ngành điện ảnh thế giới - tham gia hội. Tóm lại, hội thu hút được nhiều thành phần ưu tú trong xã hội. Những người ưu tú lại trở thành hạt nhân thu hút những người tài giỏi khác vây quanh quỹ đạo của họ. Sự lựa chọn kỹ lưỡng thành viên tốt vào hội, cộng thêm tinh thần huynh đệ cao, giải thích việc nhiều thành viên của hội tham gia nắm chính quyền và đóng vai trò cao cấp, quan trọng trong cơ chế kinh tế và xã hội của quốc gia. Nhiều người nhầm lẫn và đồng hóa Tam Điểm với tôn giáo. Tam Điểm không phải tôn giáo. Các tín đồ tôn giáo chỉ theo tôn giáo của họ. Họ không thể cùng một lúc vừa là tín đồ Phật giáo vừa là Công giáo, đạo Hồi, đạo Tin Lành… Thành viên của hội Tam Điểm được quyền theo bất kỳ tôn giáo nào. Họ có thể là tín đồ Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo hay tôn giáo khác. Tam Điểm cũng không phải là một đảng phái. Thành viên Tam Điểm có thể sinh hoạt ở bất kỳ tổ chức chính trị nào mà họ thấy phù hợp. Tôn trọng sự nhận thức của mỗi cá nhân, thành viên Tam Điểm có mặt ở khắp các tổ chức chính trị khác nhau và theo các tôn giáo khác nhau. Song, vì là một hội kín mang tính chất huyền bí không mở rộng cửa như các đoàn thể khác nên nhiều người nghĩ nhầm hội Tam Điểm là một hình thức tôn giáo hay là một giáo phái. Theo sách vở và tài liệu về lịch sử hội Tam Điểm, hội có từ thuở khai thiên lập địa như các tôn giáo trên thế giới vì biểu tượng Con mắt có mặt trong một số tôn giáo khắp nơi từ Á đến Âu, cũng như Thiên Chúa giáo La Mã, các tôn giáo châu Âu, hay Phật giáo đều có truyền thuyết và sự tích giải thích việc hình thành của đạo. Cây có gốc, nước có nguồn. Thời kỳ đại đa số người không biết chữ, những câu chuyện được vẽ trên tường hoặc kính cửa sổ, trần nhà thờ nhằm để truyền lại sự tích và nguồn gốc của đạo. Riêng hội Tam Điểm, vì trong thực tế, chính thức ra đời khoảng thế kỷ XVII và XVIII ở châu Âu,

và hội viên là những người xuất sắc, ban đầu, họ không cần vẽ tranh để miêu tả tích các chuyện trong nhà thờ của hội, tuy nhiên mỗi hình vẽ trang trí đều mang ý nghĩa tượng trưng cho huyền thoại về xuất xứ của Tam Điểm.

Giống như hầu hết những câu chuyện về nguồn gốc các tôn giáo ở châu Âu đều dựa theo truyền thuyết, thần thoại Hy Lạp và Lã Mã, Tam Điểm cũng dựa vào truyền thuyết, thần thoại xây dựng đền thờ Solomon. Tổ sư của hội là kiến trúc sư Hiram Abiff từ thời vua Solomon (Do Thái) khoảng 900 năm trước Công nguyên (TCN).

1. HUYỀN THOẠI HIRAM

Huyền thoại Hiram, kiến trúc sư xây đền thờ Solomon, có một số dị biệt, tuy nhiên về nội dung chính thì tương đồng. Tìm hiểu kỹ huyền thoại Hiram sẽ thấy rõ lý do đặt tên của nhiều hội Tam Điểm trên thế giới và mật khẩu giữa những thành viên Tam Điểm khi hoạn nạn.

Theo kinh Cựu Ước, Solomon là con của David và Bethsabée, vua Israel từ năm 970 đến năm 931 TCN. Ông nổi tiếng về sự thông thái và công bằng trong các cuộc phán xử. Ông cho xây đền thờ đầu tiên ở Jérusalem. Solomon được cha truyền ngôi khi còn trẻ. Ông luôn cầu nguyện Thượng đế cho mình một trái tim biết lắng nghe. Truyền thuyết về sự phán xử thông thái của ông được ghi lại nhiều trong Thánh thư. Một câu chuyện nổi tiếng kể lại hai người đàn bà sinh con cùng một lúc, chẳng may một đứa bé bị chết, và tranh nhau nhận đứa còn sống là con mình. Vua Solomon cho gọi hai bà đến và trao cho một thanh kiếm rồi ra lệnh chia đứa trẻ làm đôi, mỗi người một phần đem về nuôi. Một bà từ chối, khóc và nói: "Thưa Đức vua anh minh, tôi thà từ bỏ con còn hơn giết đứa bé như thế". Vua Solomon biết đó mới là người mẹ đích thực. Mọi người mẹ mang nặng đẻ đau đều được quyền nuôi dưỡng con. Từ đó sinh ra thành ngữ "phán xử của Solomon" nói lên công lý, bình đẳng và sự thông thái của người phán xử. Solomon là hiện thân của sự anh minh và công bằng, là nhà vua trị vì đem lại thịnh vượng và hòa bình cho vương quốc. Ông cũng được mệnh danh là vua xây dựng, vì đương thời ông cho xây cất nhiều đền đài, thành quách. Thánh thư viết nhiều về câu chuyện của ông và bà hoàng Saba.

Khi vua David chiếm được Jérusalem, ông tuyên bố nơi đây là thủ phủ, và thành phố này được đặt tên là thành David. Để tạ ơn thần đã giúp ông ngự trị bình an, ông cho xây đền thờ. Ông đã mất

trước khi thực hiện được mong muốn này. Solomon kế ngôi cha, ông bắt đầu thực hiện công trình vĩ đại theo ước nguyện của cha. Đền thờ này được coi như nhà thờ đầu tiên của người Do Thái ở Jérusalem, nằm trên quả đồi Moria, nơi mà theo truyền thuyết, Abraham đã đem con trai Isaac đến để cúng cho Yahvé - thần đã sinh ra con người nhưng cũng đã tức giận trừng phạt con người bằng trận đại hồng thủy. Đại hồng thủy hung dữ đã giết chết hết con người cùng sinh vật, chỉ có chiếc thuyền gỗ duy nhất của Noé sống sót. Để tránh cơn giận của Yahvé, hàng năm con người tổ chức lễ tế thần để cầu mong sự phù trợ của thần. Solomon ra lệnh xây đền thờ làm nơi tế thần và cầu mưa. Đền thờ có chỗ được mạ vàng.[1]

Đền thờ vĩ đại xây ở Jérusalem được hoàn thành khoảng năm 960 TCN. Công trình vững được gần bốn thế kỷ, sau bị vua Nebuchadnezzar phá vào năm 586 TCN. Gần năm mươi năm sau đó, vua Cyrus chiếm được thành Babylone, thả người Do Thái trước đó bị bắt làm nô lệ. Họ trở về Jérusalem và xây lại đền thờ dưới sự chỉ đạo của Zerubbabal. Công trình hoàn tất vào năm 515 TCN, sau đó bị quân La Mã chiếm và phá hủy. Bây giờ chỉ còn bức tường kiên cố, bên trong đã xây lại hai nhà thờ Hồi giáo trên nền đền thờ cũ. Tuy nhiên, Jérusalem vẫn được coi như là thánh địa, hàng nghìn con chiên hành hương mỗi năm tràn về đất tổ.[2]

---

[1] Theo Thánh thư, vòng cung mạ vàng lấy từ Ophir - một cảng trù phú đầy đá quý. Ophir theo truyền thuyết cũng là một trong những đứa con của Joktan. Ngày nay, các nhà khảo cổ vẫn còn tranh cãi về địa điểm của cảng Ophir và đền thờ Solomon trên bản đồ. Các nhà khảo cổ hầu như không tìm thấy dấu vết, nhưng trong Thánh thư lại ghi chép nhiều tên địa danh này cùng với đền thờ Solomon.

[2] Theo Thánh thư, Hiram là con của vua Abibaal nước Tyr. Ông đã xây dựng hai cái cầu bắc qua con kênh nối vào thành phố. Ông là tác giả của nhiều cung điện, đền thờ nên được các nước lân cận biết đến tài năng. Vua David có ước nguyện xây đền thờ dâng thần trên đồi Moria, nhưng vì chiến tranh liên miên nên vua không thực hiện được. Khi David mất, Solomon quyết thực hiện ý nguyện của cha. Khi David còn sống, ông mời Hiram đến để bàn chuẩn bị xây đền thờ. Vua David mất, nên con trai kế vị Solomon tiếp tục công trình và giao cho Hiram đảm trách toàn bộ. Hiram đã thỏa thuận với vua Solomon về công xá và việc xây dựng trong hai mươi năm. Vua Solomon hứa trao cho Hiram một số tỉnh thuộc vương quốc của Solomon khi bàn giao công trình.

Truyền thuyết về hội Tam Điểm tuy cũng dựa trên truyền thuyết về lịch sử xây đền này nhưng nhấn mạnh vai trò và tài năng của những người thợ xây, đặc biệt là Hiram, được coi như đại kiến trúc sư, một vĩ nhân mở đầu cho sự ra đời của Tam Điểm. Do đó, câu

chuyện xây cất đền thờ này gắn chặt với công lao của vua Solomon và đại kiến trúc sư Hiram. Theo truyền thuyết Tam Điểm, vua Solomon vâng lệnh Thượng đế cho cất đền thờ Jérusalem trên đồi Moria. Hiram do vua Hiram Đệ nhất, vương quốc Tyr, gửi đến để xây đền thờ vĩ đại ở Jérusalem theo lời mời của vua Solomon. Hiram vừa là nhà kiến trúc đại tài, vừa được coi là chuyên gia đúc đồng nổi tiếng được vua Solomon giao cho trang trí "ngôi đền vĩnh cửu" này. Bằng tài năng, trí thông minh và sự hiểu biết, ông đã dựng được hai cột hoành tráng có tên Jachin (cột bên phải) và Boaz (cột bên trái), ngay tiền sảnh nhà thờ. Ông còn cho đúc cái bể rộng, trên có mười hai con bò bằng đồng, nhiều cái chảo lớn và cốc vại. Trong Thánh thư, ông được coi là người nắm mọi bí quyết mỹ thuật và công nghệ. Công trình hoàn thành sau bảy năm, do 217.451 thợ xây dựng. Việc điều khiển được số lượng thợ như vậy trong thời đại không có máy móc và vi tính như ngày nay ngoài mấy dụng cụ đơn sơ như thước thợ, bay, compa, nên đòi hỏi một số lượng nhân công rất lớn và đầu óc thiên tài của người chỉ đạo công trình. Để hoàn thành công việc vĩ đại và khó khăn này, nhà vua chỉ định kiến trúc sư Hiram chỉ huy đội quân gồm ba mươi nghìn thợ luyện kim giỏi, tám mươi nghìn thợ hồ, bảy mươi nghìn phu khuân vác. Kiến trúc sư xuất sắc này đã chia đội quân thành ba cấp theo khả năng của họ để cấp lương nuôi đội quân vĩ đại. Bậc đầu tiên là Tập sự có mật hiệu Jakin, sau đến Thợ chính có mật hiệu là Boaz, bậc cao nhất là Thầy có mật hiệu là Jéhovah. Mọi người nghiêm túc làm việc và nhận biết nhau qua tín hiệu quy định. Hiram nắm được bí quyết xây đền do Moses trao cho. Khi công việc đang tiến hành trôi chảy, ba người thợ chính do ganh tị và muốn thay thế Hiram, âm mưu bắt và dọa giết Hiram nếu không cho họ lên bậc Thầy và truyền bí quyết xây đền. Một đêm khuya vắng, Hiram đi tuần trong đền, ông bị phục kích và giết chết. Chúng đem xác ông chôn dưới gốc cây keo (Acacia). Rất may mắn, trước khi chết Hiram đã kịp ném cái dây chuyền có chiếc tam giác vàng vẫn đeo ở cổ ông xuống giếng sâu. Chiếc tam giác ấy chính là nơi giấu tất cả những bí quyết mà nhà tiên tri Moses đã truyền cho dân Do Thái mà người đại công trình sư Hiram nắm giữ được. Nữ hoàng Saba, người yêu của Hiram, lúc đó đang mang thai không được tin tức gì của Hiram đã đến tận nơi tìm ông.

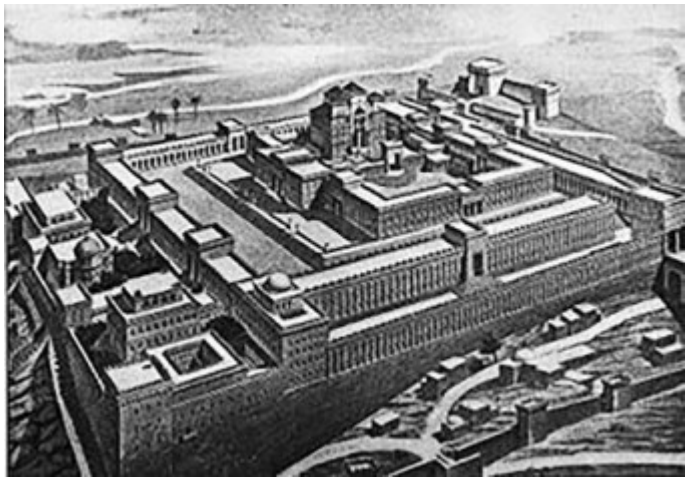

Bản vẽ dựng lại nhà thờ Solomon của Hérode.

Vua Solomon ra lệnh cho các Thầy xây dựng đi tìm Hiram. Chín người Thầy đã tìm thấy xác của Hiram chôn dưới cây keo. Ba tên phản tặc bị chặt đầu. Chín người Thầy được vua chỉ định thay Hiram làm tiếp công trình vĩ đại. Những người này chính là tiền thân của hội Tam Điểm. Họ thường bí mật họp nhau lại để trao đổi kinh nghiệm và để hoàn thành công trình dở dang của Hiram. Thành viên Tam Điểm tự nhận họ là những đứa con của Hiram - người xây cất "Ngôi đền của Vũ trụ" và cũng tự coi mình là "những đứa con côi của bà mẹ góa, tức là nữ hoàng Saba".

2. XUẤT XỨ CỦA HỘI TAM ĐIỂM

Hội ban đầu xuất phát từ những nghiệp đoàn thợ xây, những buổi sinh hoạt ban đầu là bàn việc phân công những người đứng đầu phụ trách từng nhóm. Thời đó để xây một công trình vĩ đại như đền thờ và cung điện đòi hỏi một lực lượng lao động chân tay rất đông, và nhiều người chỉ huy phân đội rất giỏi để phối hợp, dưới sự chỉ huy của một công trình sư chính. Nhóm chỉ huy này thường tụ lại với nhau, được nhà vua và giáo hoàng ưu đãi để công trình được sớm hoàn tất. Họ được tự do và không bị ràng buộc bởi những quy định của nhà thờ hay luật lệ của nhà vua đối với dân thường. Do đi xây dựng nhiều công trình khác nhau nên họ được gọi là những người Thợ xây tự do, theo tiếng Pháp là Franc-maçon và tiếng Anh là Free mason. Tuy nhiên, những người Thợ xây tự do phải tuân thủ rất nghiêm ngặt những quy định của Thầy tức là Thợ cả và chịu sự chỉ đạo chặt chẽ của người Thầy chỉ huy mà vua giao cho toàn quyền. Hội Tam Điểm ra đời. Họ là những người rất từ tâm, hay che giấu giúp đỡ những người

hoạn nạn chạy trốn các cuộc thanh trừng tôn giáo như người Do Thái, tín đồ Tin Lành, những người bị coi là tà giáo.

Thành phần của hội đều là những người xuất sắc và quyền quý, những người ưu tú được chọn lọc trong xã hội. Do đó chữ "Thợ nề tự do" có ý nghĩa tượng trưng khác. Hội nhiều phen bị triệt phá, do hiểm khích, tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng, nên danh sách thành viên thường không bao giờ công khai để bảo vệ sự an toàn của họ trong khi tham gia sinh hoạt ở các nơi khác. Nguyên tắc của hội nhằm bảo vệ sự bí mật và tính huyền bí cho nên các thành viên của hội không công khai nhận mình là thành viên Tam Điểm, họ chỉ được phát tín hiệu nhận nhau qua cách bắt tay, hoặc mật khẩu riêng dùng khi gặp hoạn nạn.

Hội Tam Điểm còn gọi là Illuminati, tiếng La tinh có nghĩa là những người được thần linh khai sáng, cũng còn có nghĩa là ánh sáng lan tỏa. Vì thế các chi nhánh của hội thường mang tên như Ánh Sáng, Phương Đông (nơi mặt trời mọc, bình minh, nơi ánh sáng đầu tiên đến trái đất, cũng mang nghĩa khác là phương hướng), thức tỉnh, báo thức, sao, trăng, đèn pha… Ánh sáng là biểu tượng quan trọng trong Tam Điểm. Con người với những công cụ đơn giản đã tìm ra chân lý tức là tìm ra ánh sáng. Ánh sáng soi đường cho con người đi tiếp được. Từ bóng tối, con người khám phá ánh sáng để vượt qua được mọi thử thách của cuộc đời và đạt được chân lý.

Ba dấu chấm (∴) chính thức dùng từ năm 1775, tượng trưng cho ba câu hỏi thường phải trả lời khi vào hội, cũng có nghĩa là ba nghĩa vụ mà thành viên Tam Điểm không thể quên: tự hướng về chính bản thân mình, về đồng loại, về Thượng đế, nói ngắn gọn là Cá nhân - Đồng loại - Thượng đế. Trong thư tín gởi cho nhau, họ thường viết tắt ba chấm thay thế hình tam giác đều như **F.∴.** (*Frère* - hiền huynh hay hiền đệ), **M.∴.** (*Maître* - Thầy). Việt Nam vốn đơn giản hóa cách gọi cho tiện, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, việc dịch tên "Hội Thợ nề tự do" dễ bị hiểu nhầm là những người trong nghề xây dựng. *Thợ xây ở đây có nghĩa là những người muốn xây dựng một trật tự mới trong xã hội.* Người Việt Nam thông minh, lấy đặc trưng nổi bật của hội qua mỗi lần ký văn thư của thành viên để đặt tên.

Chân lý đơn giản nhưng không phải ai cũng nắm bắt được. Chân lý đó chính là tự do, công bằng, huynh đệ bác ái.

Tự do, công bằng, huynh đệ bác ái - khát vọng muôn thủa của con người, trở thành ba nguyên tắc chính của hội Tam Điểm. Ba

nguyên tắc chính là đòn bẩy để thu hút tất cả mọi người, mọi nơi, mọi chính kiến khác nhau, đến với nhau trong hội. Hội Tam Điểm có thể chia làm hai thành phần, ban đầu là những người "kiến trúc sư" tài năng, sau này hội kết nạp những thành phần không cùng nghề nghiệp, trong mọi lĩnh vực. Ngày nay, hội Tam Điểm chủ yếu là những thành viên lý thuyết có mặt trong mọi lĩnh vực: văn hóa, kinh tế và chính trị. Hội Tam Điểm trở thành một hội triết lý và bác ái.

Tam Điểm sử dụng lịch khác với lịch dương, thường cộng thêm bốn nghìn năm vì họ quan niệm con người bắt đầu tính từ thiên niên kỷ ánh sáng chân lý. Ngày nay, để tiện việc liên lạc, một số chi hội Tam Điểm không sử dụng lịch này mà tính như lịch dương. Nhiều thành viên truyền thống sang đến Đông Dương vẫn sử dụng cỗ lịch này khi viết báo cáo về trụ sở chính ở Pháp.

3. MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG CỦA HỘI TAM ĐIỂM

Biểu tượng của hội Tam Điểm dựa trên lòng hiếu học. Khát vọng nắm bắt và chinh phục vũ trụ là nguyên nhân chính đã gắn chặt với ham muốn tồn tại, tình yêu chân lý và cuộc sống. Sự ngu dốt cản trở tự do của con người. Sự hiểu biết giúp con người tự giải phóng chính bản thân ra khỏi sự lệ thuộc. Hiểu biết về sự thật thường biến đổi cũng như lịch sử diễn biến không ngừng. Hôm nay sự khám phá đó chỉ là chân lý tạm thời trong một giai đoạn, ngày mai nó trở nên lỗi thời, con người luôn luôn phải tự trau dồi và khám phá không ngừng. Sự tiến triển không ngừng bao trùm cả tôn giáo, chính trị, thậm chí khoa học.

Khoa học cũng có thể nhầm lẫn, mọi quan niệm tôn giáo, triết lý và chính trị cũng có thể nhầm hoặc thiếu sót, cần được bổ sung và liên tục hoàn chỉnh, phù hợp với từng giai đoạn của cuộc sống. Chính vì thế nên có sự khác biệt, bất đồng về những quan niệm triết lý khác nhau, nhưng các thành viên hội Tam Điểm đều có ý thức tích cực là không thù hận giữa các chi hội, và luôn tìm cách giải quyết mâu thuẫn giúp nhau khi gặp khó khăn. Mỗi thành viên Tam Điểm đều dùng một số biểu tượng chung, cùng với quy định mật khi hoạn nạn, cách bắt tay để nhận biết, ở mọi nơi trên thế giới.

Như huyền thoại, thành viên Tam Điểm là những người thợ xây ngôi đền của vũ trụ, các dụng cụ thợ xây được coi là biểu tượng sức mạnh của họ. Những dụng cụ rất đơn giản, nhưng với trí óc tuyệt vời con người đã làm nên những công trình vĩ đại của thế

kỷ. Êke (thước góc vuông), thước thợ, quả dọi, dao bay, compa, búa là những dụng cụ cần thiết tối thiểu của những người thợ để tạo nên những đền đài, nhà thờ hoành tráng khắp nơi trên thế giới. Các dụng cụ được vẽ trong logo biểu tượng là các dụng cụ đơn giản nhưng nói lên những phẩm chất làm nên tất cả sự thật. Tuy nhiên, tùy theo quan niệm của từng chi nhánh và cách vẽ sáng tạo của người họa sĩ, kiến trúc và kiểu trang trí ở các nhà thờ Tam Điểm hơi khác nhau. Hình tam giác, con mắt, chiếc compa, thước thợ, dây dọi là những hình không thể thiếu được trong bất kỳ hội Tam Điểm nào trên khắp thế giới.

Compa tượng trưng cho dương, cho sự đoàn kết, sự kết nối vòng tròn.

Con mắt giữa mặt trăng và mặt trời như cán cân để cân bằng sáng tối, để hài hòa thế giới, mắt tượng trưng cho sự hiện diện thấy được khắp nơi.

Thước vuông êke tượng trưng cho yếu tố âm, biểu tượng của công lý và sự chính xác. Âm dương hòa hợp mang ý nghĩa khi con người biết đoàn kết và theo công lý thì sẽ tìm được chân lý, tức là xây được một trật tự mới. Âm dương kết nối xung quanh Đấng sáng tạo thế giới (G).

Con mắt trong Tam Điểm được giải thích theo con mắt trong thần thoại Hy Lạp. Con mắt của Horus bị Seth lấy mất trong trận chiến trả thù cho cha. Seth cắt con mắt này làm thành từng miếng thả xuống sông. Thần Zeus vớt lên trả lại con mắt cho Horus, nhưng lại thiếu một mảnh chỉ bằng 1/64 con mắt.

Thần Zeus đã tái tạo tài tình, phù phép nốt một phần nhỏ bé đó để cho con mắt của Horus hoàn chỉnh hay còn gọi là *oudjat* (có nghĩa là đầy đủ, hoàn chỉnh). Con mắt Horus tượng trưng cho ánh sáng, sự hiểu biết, sự thấu thị và tìm ra hạnh phúc. Để mãi tưởng niệm cuộc chiến vì nghĩa chống lại điều ác, con người lấy con mắt để biểu tượng cho sự hoàn hảo, nhìn thấu được mọi điều trên thế gian, giúp những người làm điều thiện chống điều ác. Hội Tam Điểm còn dùng những con số bí ẩn để nói lên sự hoàn thiện cuối cùng như mảnh thứ 64, và sự đền đáp của đấng thiêng liêng khi con người có khát vọng thực sự và quyết tâm đạt được ý muốn hoàn thiện của chính mình. Sự tìm tòi những bí ẩn của cuộc đời là hành trình của mỗi cá nhân. Những sự ngẫu nhiên và những con số kỳ diệu đã tạo nên những bí ẩn của cuộc đời. Cuộc đời cũng chẳng có gì là bí ẩn, nếu con người có khát vọng tìm hiểu và đi tìm chân lý, họ sẽ tìm được mảnh thứ 64.

Hình tam giác tượng trưng cho sự hoàn hảo. Theo huyền thoại Tam Điểm, hình tam giác là nơi cất giữ bí quyết của Moses truyền cho con người mà Hiram ném xuống giếng trước khi mất. Theo đạo Công giáo thì hình tam giác là ba dấu thánh nhân danh Cha - Con - Thánh thần. Cả ba đều đóng vai trò chủ thể như nhau trong việc tạo dựng thế giới. Nhiều nhà thờ có con mắt của Chúa, hoặc hình ảnh Chúa bên trong hình tam giác. Trong đạo Ki-tô cũng có hình tam giác, mắt và Chúa. Trong khi theo Tam Điểm thì hình tam giác mang nhiều ẩn ý khác. Trong biểu tượng Tam Điểm, chỉ có con mắt ở giữa, không có hình đầu Chúa bên trong như bên Ki-tô giáo. Trong biểu tượng Tam Điểm, tam giác còn có nghĩa là ba cấp bậc (Tập sự - Thợ - Thầy), và ba tiêu chí "Tự do - Bình đẳng - Bác ái". Tất cả mọi cấp bậc đều bình đẳng dù ở góc độ nào. Con người quyết tâm vươn lên sẽ đứng được ngang tầm. Tập sự giỏi sẽ vươn lên ngang với Thợ và tiếp tục cố gắng sẽ thành Thầy.

Ngược lại, Thầy luôn tiếp tục trau dồi kiến thức như Tập sự để vươn lên thành Thợ và thành Thầy ở mức độ cao hơn. Thầy cũng là Tập sự của nhận thức không ngừng tiến triển. Kiến thức tạo cho con người bình đẳng và vươn lên đỉnh cao. Hai hình tam giác ghép lại mang ý nghĩa khác.

Hình tam giác có đỉnh hướng lên trên tượng trưng cho lửa - dương, ngược lại hình có đỉnh chúc xuống dưới tượng trưng cho nước - âm. Hai hình tam giác úp đáy vào nhau tạo thành một hình thoi tượng trưng cho hòa hợp âm dương. Hai hình đan xen vào nhau thành ngôi sao David trong ấn của Solomon.

Con số 3 luôn được sử dụng như một mật hiệu. Trước khi vào thỉnh Thầy, thành viên Tam Điểm phải gõ cửa ba lần xin phép, Thầy gõ đáp lại là được phép. Ba ngọn nến thắp trong các nhà thờ vào lúc hành lễ và hội họp tượng trưng cho Mặt trời, Mặt trăng và Thầy. Trời trị vì ban ngày, Trăng trị vì ban đêm, Thầy điều khiển toàn bộ hội. Trong một số nhà thờ hội Tam Điểm có dựng ba cột tượng trưng cho sự hiền minh - sức mạnh - hoàn mỹ. Nhờ hiền minh mới tạo ra sức mạnh. Khi con người có sức mạnh, có tiềm lực mới đạt được cái đẹp, cái hoàn thiện. Ba ngạch trong Tam Điểm: Tập sự - Thợ - Thầy, ba luồng ánh sáng vĩ đại là cuốn Luật thiêng, compa, và thước thợ. Trong mỗi luồng ánh sáng có Thầy và hai người trực bên là thư ký và diễn giả. Ba luồng ánh sáng là Mặt trời, Mặt trăng và ánh sáng của Thầy. Thầy cũng như ánh sáng Mặt trời, Mặt trăng, là nguồn kiến thức truyền lại. Tôn sư, trọng đạo chính là nguyên tắc đạo đức căn bản trong Tam Điểm. Ánh sáng ở đây bao hàm nhiều ý nghĩa cũng như tam giác ba cạnh. Cuốn Luật thiêng chính là thánh thư của hội Tam Điểm.

Đọc sách tức là con người tự kiểm nghiệm và đón nhận thông điệp. Mỗi cuốn sách mang một thông điệp nội tại và người đọc tự khám phá ra thông điệp. Thông điệp trong sách chính là ánh sáng nuôi từ những ánh sáng khác, tức là mọi tri thức đều bắt nguồn từ những tri thức khác, khám phá tri thức là không ngừng để tìm ra ánh sáng. Con số 3 thiêng liêng, khi viết thư cho nhau thành viên Tam Điểm thường ký hiệu ba chấm như ba góc hình tam giác. Ngoài ra cũng có nhiều con số khác mang tính chất huyền bí. Số 5, năm yếu tố của thiên nhiên làm nên vũ trụ tượng trưng cho sự hòa hợp giữa Trời và Đất, giống như trong triết lý phương Đông.

Kim tự tháp do những hình tam giác ghép tạo thành. Kim tự tháp nói lên khát vọng vươn lên đỉnh cao của con người, thể hiện sức mạnh tài giỏi của Thợ xây (tức là của hội Tam Điểm) và là đỉnh cao ánh sáng. Kim tự tháp Ai Cập là những công trình kiến trúc nổi tiếng với nghệ thuật thiết kế ánh sáng tài tình. Chỉ có một tia sáng xuyên qua một khe hở chiếu thẳng vào mộ khi mặt trời lên. Hội Tam Điểm thường dùng kim tự tháp để làm logo, để nói lên sức mạnh vĩ đại huyền bí của Thượng đế và con người. Không phải vô tình mà trong tờ giấy bạc một đô-la của Hoa Kỳ có in hình kim tự tháp chưa xây xong, còn thiếu cái chóp, trên có hình con mắt. Phía dưới con mắt có khẩu hiệu "Novus Ord Sectorum" (Trật tự mới toàn cầu) gần giống như biểu tượng của *Illuminati* trong hội Tam Điểm (xem ảnh ở phần sau). Trong quốc ấn Hoa Kỳ cũng có hình kim tự tháp mất đầu và con mắt soi sáng ở trên, nhìn thấu vạn vật. Con người khi đạt tới đỉnh cao như nắm bắt được ánh sáng. Ánh sáng của trí tuệ, của ý thức, con mắt như mở ra tìm được con đường mới. Đồng một đô-la là đồng tiền giấy có giá trị nhỏ nhất, từ cái nhỏ nhất con người có thể đến cái lớn hơn như 1/64 mảnh mắt thiếu tìm được.

Một số con vật cũng mang ý nghĩa tượng trưng trong Tam Điểm, như rắn là tượng trưng cho sự thông minh, sắc sảo, sự bất tử vì tự lột xác để lớn lên. Con người muốn lớn lên phải biết tự lột xác mình, qua nhận thức học hỏi. Kiến thức sẽ giúp con người lớn lên. Nhưng con người phải tự biết và can đảm lột xác thông minh như con rắn.

Bình thường rắn không tấn công đối phương trước, chỉ dùng vũ khí nọc độc tự vệ trong trường hợp gặp nguy hiểm, khi bị động đến, nó sẽ phản ứng, chỉ cần cắn nhẹ cũng đủ gây tổn thương và thiệt mạng cho đối thủ. Nhờ sự thông minh và khôn khéo, rắn trở thành con vật tượng trưng cho Tam Điểm.

Gà trống báo hiệu ánh sáng bình minh sắp đến, tượng trưng cho

việc con người đang đi từ biết đến nhận biết.

Đồng hồ cát cho phép con người được suy nghĩ về thời gian.

Bánh mì là cách con người tự nhận biết từ sống đến chín.

Lửa và nước là yếu tố thiên nhiên sinh động trong vũ trụ, biểu trưng của Tam Điểm, vì lửa tiêu hủy tất cả những điều ác và nước hòa tan tất cả theo thời gian.

Khi trời đất giao hòa, cây sống tươi tốt và đơm hoa kết quả. Cây keo (Acacia) tượng trưng cho sự bất diệt. Theo truyền thuyết, xác Hiram bị chôn dưới gốc cây này. Cây keo là một loại cây có sức sống rất mãnh liệt và tái sinh nhanh ở châu Âu, to như cổ thụ, dù bị chặt sát gốc, cây không chết, hàng loạt chồi từ các rễ phụ mọc lên vô vàn cây con một cách nhanh chóng và phát triển mạnh mẽ. Thân cây có gai cứng nhọn, việc phá chặt cây không đơn giản, cây có sức chịu đựng mùa đông lạnh giá ở châu Âu. Hoa rất thơm, hương tỏa lan khắp nơi. Acacia tượng trưng cho sự bất diệt của Đại công trình sư Hiram. Thành viên Tam Điểm luôn luôn là những người khát khao đi tìm lại xác của Hiram, tức là đi tìm chân lý và công lý trong cuộc đời. Tờ báo riêng của hội Tam Điểm cũng lấy tên *Acacia* (Cây keo).

Cây ôliu, theo truyền thống Hy Lạp - La Mã xưa là phần thưởng cao quý cho quá trình nỗ lực phấn đấu. Dầu ôliu dùng để thắp và tạo ra ánh sáng. Đối với dân cư đạo Hồi, ôliu mang lại điềm lành, sự giàu có cho con người, là món hàng kinh tế chiến lược của họ. Lá xanh quanh năm tượng trưng sự vĩnh hằng của ánh sáng. Ôliu, lá thơm, lâu héo.

Nguyệt quế cũng là loại cây lá thơm như ôliu.

Ôliu và nguyệt quế, cũng như cây keo, có sức sống mãnh liệt, chịu được thời tiết khắc nghiệt. Mùa đông băng giá, lá nguyệt quế vẫn xanh. Trong các tượng Hy Lạp, La Mã, nhiều bức tượng thần đeo vòng nguyệt quế ở trên đầu, một phần thưởng cao quý dành cho những người chiến thắng trên mọi lĩnh vực.

Hoa hồng tượng trưng cho sự hồi sinh, hiền minh và cái đẹp. Theo truyền thuyết Hy Lạp, loại hoa này trước tiên màu trắng nhưng nữ thần tình yêu Venus trong khi chạy đến cầu cứu Adonis giúp thoát khỏi sự ghen tuông trả thù của thần chiến tranh Mars, chân giẫm phải gai chảy máu, máu của thần tình yêu thấm vào cánh hoa trắng và khiến nó biến thành màu hồng.

Con lừa Apulée ăn hoa hồng này trở lại thành người, nên hoa còn mang nghĩa hồi sinh, tình yêu làm sống lại con người và biến đổi con người từ thú vật thành người. Hoa hồng như ảo thuật, như sự hiền minh, sức mạnh; sắc đẹp làm thay đổi thế giới.

Tổ ong là công trình của thiên nhiên, ong cũng có trật tự tự nhiên nhất định để xây dựng tổ của mình. Ong - những người Thợ cần cù, tượng trưng cho công trình và sự hồi sinh liên tục. Nhiều chi hội Tam Điểm lấy tên tổ ong (*Ruche*). Ong cũng như những thành viên Tam Điểm cùng nhau xây cất đền thờ, và tổ ong chỉ có một ong chúa, đó là Thầy. Ong có một tổ chức tự nhiên quy củ và tự tạo ra công trình bằng mật hút từ nhụy hoa. Ong chỉ chuyên đi hút sự tinh túy của hoa thơm đem về xây tổ làm ra mật ngọt cho đời. Thành viên Tam Điểm tự ví mình như những con ong đi hút tinh hoa của đời để xây nên trật tự xã hội mới, ngọt ngào như mật ong.

Sàn nhà thờ màu sắc đen trắng đan xen như ngày và đêm, xung quanh lát nhiều màu thể hiện sự đa dạng của cuộc sống con người và họ cũng dựa trên lý thuyết Âm dương của Á Đông để nói về sự tuần hoàn của vũ trụ, sự đối lập đi đến hòa quyện, hài hòa tạo nên vũ trụ. Hai màu đen trắng biểu hiện bóng tối và ánh sáng, đêm và ngày, vật chất và trí tuệ, mà con người sống trong thế giới phải trải qua và nhiều khi còn được giải thích như vòng tròn âm dương của Lão giáo.

Trần nhà trang trí đầy sao. Sao tỏa ánh sáng ra giữa hai dụng cụ chính để giúp con người tài ba xây dựng đền đài vĩ đại. Hình các dụng cụ xây dựng, và ngôi sao ở giữa rất thường gặp trong nhà thờ Tam Điểm. Sao vẽ chi chít trên trần nhà tượng trưng cho nhà thờ không bị che khuất, tạo một cảm giác ở giữa không gian trời đất bao la. Sự hiểu biết chân lý là vô tận, mênh mông như trong vũ trụ. Không phải cứ vào hội Tam Điểm có nghĩa là nắm bắt được hết bí quyết cuộc đời. Tất cả đều vô hạn. Muốn nắm bắt vũ trụ, con người phải tự mình nắm bắt và vươn lên mãi mãi.

Thang vẽ trong những bức tranh trang trí như cấp bậc để con người vươn lên cao tìm sự thật, tìm thấy Thượng đế, tìm thấy chính mình. Cũng như người thợ xây dựng, họ phải leo lên từ bậc thang thấp nhất, tiếp đến lên cao dần mới đạt tới đỉnh. Thang để nhắc cho con người biết mình phải rèn luyện và phấn đấu để tìm được chân lý cuộc sống.

Kiếm để bảo vệ công lý, sự thật, và sự an toàn. Kiếm nhọn là sự tư duy, là sự mài giũa mũi nhọn để xuyên qua được bí mật, huyền bí

của ngôn từ, của chữ để ánh sáng trí tuệ từ đấy tràn ra. Kiếm ở đây không phải là vũ khí thuần túy mà là vũ khí ánh sáng. Thời thập tự chinh bên châu Âu, những người lính kỵ mã đeo kiếm để biểu hiện dòng dõi quý tộc. Thành phần hội Tam Điểm ban đầu kết nạp phần đông là tầng lớp quý tộc, kiếm biểu hiện sự cao quý của các thành viên. Lưỡi kiếm ở Tam Điểm mà vị Đại sư đeo uốn lượn như lửa, tượng trưng cho ánh sáng nội lực, lửa, sét và chớp. Khi người mới nhập hội, được Thầy dùng kiếm gõ lên lưng coi như Thầy truyền cho ánh sáng, tức là người Tập sự bắt đầu giác ngộ ánh sáng chân lý. Một số hội Tam Điểm ở Anh và hội dành cho phái nữ không dùng kiếm lưỡi lửa khi làm lễ nhập hội.

Kiếm tượng trưng cho quyền lực thế tục và linh thiêng. Nhà nước và nhà thời xưa là hai thế lực thường cạnh tranh nhau ở châu Âu. Kiếm biểu trưng cho sự hòa hợp hai quyền lực nhà nước và nhà thờ. Bậc Thầy Tam Điểm bắt buộc phải đeo kiếm, trong các buổi lễ và buổi kết nạp thành viên mới mang ý nghĩa đã được tẩy sạch và sáng tạo. Nhiều thành viên Tam Điểm, trong nhà thường treo thanh kiếm hoặc cái khăn tạp dề để trang trí trên tường.

Tạp dề và *găng tay* bắt buộc dùng khi sinh hoạt hội. Hình thức trang trí, màu sắc tùy từng hội và tùy từng cấp bậc.

Thành viên Tam Điểm coi mình là những người Thợ xây đi xây dựng trật tự xã hội mới, nên đeo tạp dề là thể hiện sự chấp nhận quy luật của một người học nghề thực thụ khi làm việc, chấp nhận làm người học trò của trí tuệ và kiến thức của nhân loại.

Tạp dề màu trắng viền các màu xanh, đỏ, đen, trắng dành cho những cấp bậc khác nhau. Tạp dề có chữ M có nghĩa là *Maçon* - tiếng Pháp hay *Mason* - tiếng Anh (Thợ xây hay Tam Điểm theo tiếng Việt). Khi sinh hoạt hội phải bắt buộc mang tạp dề, còn kiếm thì tùy theo nội quy của mỗi hội.

Chìa khóa mở ra kho báu của nhân loại. Bí mật cuộc đời như kho tàng quý báu, con người phải nắm được chân lý tức là nắm được chiếc chìa khóa để mở được cánh cửa bí mật huyền diệu của sự thật, của ánh sáng. Từ bóng tối, con người tự mày mò ra chiếc chìa khóa để tìm được ánh sáng chân lý.

Sách đem lại kiến thức và sự hiểu biết vô tận. Cuốn sách luôn mở ra, bày trang trọng trên bàn trong nhà thờ, hai bên trang sách có in chữ G - Thượng đế. Chữ G - *God* để chỉ Thượng đế trong tiếng Anh. G vừa có nghĩa Thượng đế, nhưng cũng có nghĩa Hình học - *Géometrie* hay *Gnose* (gốc Hy Lạp là sự hiểu biết). Hội Tam Điểm tự

nhận là đứa con mồ côi, cũng có nghĩa không thừa nhận cha, chỉ thừa nhận một đấng sáng tạo duy nhất. Có nhánh không thừa nhận Thượng đế, chỉ thừa nhận đấng sáng tạo ra vũ trụ.

Trong nhà thờ Tam Điểm, cuốn sách thiêng luôn được mở ra, tượng trưng kiến thức luôn mở để đón những người muốn tìm hiểu chân lý qua nhận thức.

Trong nhà thờ Tam Điểm có *hai quả cầu* tượng trưng cho trời và đất. Mặt trời, mặt trăng đều đem lại ánh sáng. Mặt trời mọc ở phương Đông. Ánh sáng bắt đầu từ Đông. Mặt trời và mặt trăng ngày đêm đem ánh sáng cho nhân loại. Quả địa cầu tượng trưng cho sự liên minh nhân loại trên thế giới.

Trong nhà thờ có hai cột, cột dựng ở phía bắc khắc chữ J (*Jakin*), tiếng Do Thái cổ có nghĩa là "người sẽ lập nên", là chỗ dành cho hạng Tập sự; còn cột phía nam (B - *Boaz)*, nghĩa là sức mạnh. Trên cái tạp dề, đọc từ trái sang phải có nghĩa là người sẽ thiết lập nên sức mạnh; mặt trăng chiếu thẳng vào cột B truyền năng lượng, còn mặt trời chiếu trước cột J. Ánh sáng mặt trăng là ánh sáng phản quang từ mặt trời, con người có hiểu biết sẽ sử dụng ánh sáng hiểu biết mà mình đạt được để phát sáng trí tuệ. Trong nhà thờ Tam Điểm ở Anh, ba cột tượng trưng cho sự Hiền minh, Sức mạnh và Hoàn mỹ. Mỗi cuộc họp đều được thắp sáng để nói lên những gặp gỡ thảo luận trao đổi kiến thức sẽ dẫn con người đạt được Hiền minh, Sức mạnh và Hoàn mỹ. Tại trụ sở một số hội Tam Điểm chỉ đặt tượng trưng trên bàn hai cột nhỏ, trên để hai quả địa cầu tượng trưng cho trái đất và trời. Khi hội họp, cột địa cầu hạ nằm xuống, cột trời dựng lên, cuối buổi dựng ngược lại.

Rất nhiều hình tượng và con số mang tính huyền ảo bí ẩn trong Tam Điểm, tương tự như trong phim *Da Vinci code* (Mật mã Da Vinci)[1]. Con người có nhiệm vụ phải đi tìm được mật mã để đến được kho báu của nhân loại. Trong Tam Điểm, con người cũng phải tự tìm ra mật mã để mở cánh cửa đến được chân lý sự thật và nói nôm na theo Phật giáo là giác ngộ. Hình tượng trong hội Tam Điểm rất phong phú và đa dạng, mang nhiều ý nghĩa nhằm hướng con người tự vận động không ngừng để nắm bắt trí tuệ và tự nhận thức để hoàn thiện bản thân.

---

[1] *Bộ phim của đạo diễn Ron Howard, ra mắt vào năm 2006, được chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết nổi tiếng cùng tên của nhà văn người Mỹ Dan Brown - BT.*

Mắt Horus trong thần thoại trong biểu tượng Tam Điểm.

Một logo trong Tam Điểm với ba ngôi sao David.

Hình tam giác và con mắt trong nhà thờ Tam Điểm.

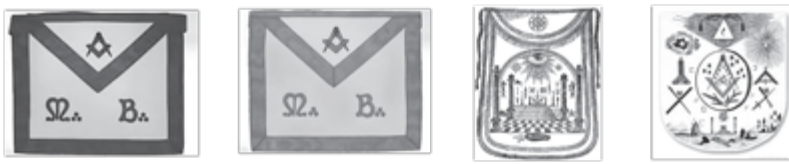

Tạp dề dùng khi sinh hoạt trong Tam Điểm với màu sắc theo cấp bậc.

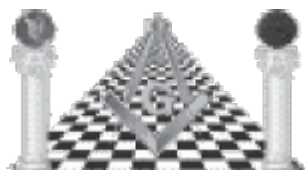

Mắt Horus trong biểu tượng Tam Điểm.

Chìa khóa đặc trưng trong Tam Điểm.

Trang trí nội thất nhà thờ Tam Điểm.

Kiếm của Lafayette, với biểu tượng Tam Điểm.

Cây Ôliu.

Nguyệt quế.

Chương II

Hệ thống tổ chức và Hội Tam Điểm Pháp

Hệ thống tổ chức Tam Điểm tùy thuộc vào từng Đại đường của mỗi nước. Trải qua ba thế kỷ thăng trầm, hệ thống tổ chức, hiến chương của hội cũng có nhiều thay đổi. Việt Nam từng là thuộc địa của Pháp trước đây, nên ở cuốn sách này cũng cần giới thiệu sơ lược về hệ thống tổ chức của hội Tam Điểm Pháp.

1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ LỄ KẾT NẠP

Năm 1817, hội Tam Điểm các nước trên thế giới thống nhất tập hợp dưới sự chỉ đạo chung của Đại đường Luân Đôn (London). Năm 1723, mục sư Tin Lành James Anderson, người Tô Cách Lan (Ecosse) đã thảo ra một bản Hiến chương cho toàn hội Tam Điểm trên thế giới gọi là Hiến chương Anderson. Hiến chương ghi rõ những mục đích và quy định của hội. Theo Hiến chương Anderson, *Tam Điểm có mục tiêu phục vụ con người, thành viên Tam Điểm phải là những người tốt và chân thật, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi cá nhân. Hiến chương cũng ghi rõ nhiệm vụ của Tam Điểm là kết hợp người tốt trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo*. Mọi việc làm của các chi hội đều phải báo về Đại đường Luân Đôn.

Hội Tam Điểm Pháp đã biến đổi một số điều khoản trong Hiến chương Anderson cho phù hợp với nhu cầu riêng của họ. Hiện nay trên thế giới, một số chi hội vẫn theo nghi lễ của Tam Điểm Đại đường Luân Đôn, một số chịu ảnh hưởng nghi lễ Tam Điểm Pháp. Sau này do hoàn cảnh mỗi nước, nhiều chi hội Tam Điểm thấy bất tiện trong nhiều việc khi cần giải quyết, một số nước tách ra độc lập, không ràng buộc với Đại đường Luân Đôn.

Một số tùy theo quy định của từng chi hội do nhu cầu cụ thể từng nước sở tại như Đức, Thụy Sĩ. Các bậc chức sắc cũng thay đổi tùy từng nước. Hệ thống cổ truyền gồm ba mươi ba bậc cấp theo hệ thống Anh cũng được áp dụng ở Pháp, nhưng cũng có chi hội tổ chức đơn giản, giảm xuống còn bảy bậc. Nhìn chung, tất cả đều chia thành ba loại như thời Đại công trình sư Hiram: Tập sự, Thợ, Thầy. Trong mỗi loại lại chia ra từng loại bậc theo trình độ nhận thức của mỗi cá nhân. Một số thành viên Tam Điểm cả đời sinh hoạt vẫn chỉ ở bậc Tập sự. Chi hội Tam Điểm York ở Anh có mười bốn bậc, ban đầu cũng có ba bậc cơ bản (Tập sự với mật hiệu Jakin, sau đến bậc Thợ mật hiệu Boaz, còn Thầy mật hiệu Jehovah). Tiếp sau Thầy chia tiếp nhiều bậc, tạm dịch như Thầy bậc tư, Thầy cổ, Thầy xuất sắc, Thầy hoàng gia, Thầy tuyển chọn, Thầy cao cấp, Thầy Bắc đẩu Hồng Thập Tự, Thầy Bắc đẩu Malte, Thầy Bắc đẩu nhà thờ, Thầy Bắc đẩu Constin v.v... Các cấp bậc Tam Điểm thể hiện sự phấn đấu và thành công của mỗi thành viên trong xã hội.

Luật nhập hội trước tiên đòi hỏi người muốn gia nhập phải có đức tin vào thế giới siêu hình, trên hai mươi mốt tuổi mới đủ lĩnh hội được vai trò và trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, nếu cá nhân đã là thành viên của DeMolay hay có cha đã là thành viên Tam Điểm thì chỉ cần trên mười tám tuổi. DeMolay là một tổ chức dành cho lớp trẻ từ mười hai đến hai mươi mốt tuổi, thành lập ở Missouri năm 1919, do Thầy DeMolay - thành viên Tam Điểm sáng lập. Hội có khoảng mười tám nghìn thành viên, chủ yếu ở Canada và Mỹ. Những thanh niên nào tham gia tổ chức này thì mười tám tuổi được phép kết nạp vào Tam Điểm sớm, không phải chờ đến hai mươi mốt tuổi theo Luật Anderson. Hội được sự trợ giúp của các chi nhánh Tam Điểm và được coi như một bộ phận của Tam Điểm vì các thành viên tham gia chủ yếu là con em gia đình Tam Điểm. Hội giáo dục thành viên Tam Điểm tương lai lòng ái quốc, sự quan tâm đến cha mẹ và gia đình, tình bạn, sự trung thành và lối sống trong sạch.

Thành viên phải tự tìm hiểu và nhận biết về Tam Điểm, và xác định rõ việc vào hội không phải vì lợi ích cá nhân, đồng thời bắt buộc phải là người có đạo đức, trong sạch, chưa từng bị truy tố hay bị bắt.

Luật Anderson không kết nạp những người nô lệ. Người nô lệ không phải là người tự do và lệ thuộc vào chủ, thường bị coi là tầng lớp thấp hèn nhất trong xã hội, không có quyền tham gia bầu cử và sinh hoạt nên việc không được tham gia hội Tam Điểm là điều tất yếu.

Các buổi lễ ở các chi hội được tổ chức khác nhau, do đó việc kết nạp thành viên cũng rất khác nhau. Bất kỳ ở đâu, tại buổi lễ theo nghi thức cũng đều nói rất rõ nguồn gốc của chi nhánh. Việc kết nạp thành viên mới mang tính chất huyền bí. Người muốn gia nhập Tam Điểm phải được thành viên của hội Tam Điểm giới thiệu. Người muốn vào hội phải nộp đơn và nói rõ lý do mình muốn gia nhập. Đơn sẽ được niêm yết để mọi thành viên chi hội biết. Chi hội bí mật cử người theo dõi người muốn vào hội trong vòng sáu tháng hoặc một năm để xét tư cách của người nộp đơn. Đồng thời, chi hội mở cuộc phúc tra về người này để báo cáo lên hội. Tất cả những ai đang bị dính đến pháp luật đều không được kết nạp. Hội viên bị kết án sẽ bị khai trừ ra khỏi hội. Trước khi kết nạp, thành viên tương lai được yêu cầu nộp một bản trích lục án sử có xác nhận của Sở Nội vụ cho hội. Bản trích lục trắng tức là người đó chưa bị kết án bao giờ thì mới được xét. Sau khi điều tra, chi hội sẽ tổ chức bỏ phiếu kín để chấp nhận kết nạp hay không. Trước khi chính thức trở thành hội viên, họ phải qua nghi lễ thụ giáo khai tâm. Lễ kết nạp mang tính chất huyền bí. Hội viên mới bị bịt mắt, được một thành viên Tam Điểm dắt vào một phòng kín, tối bưng. Trong phòng kín đó người này phải một mình mò mẫm trong bóng tối. Trong phòng có một cái bàn, trên bàn có sọ người và nhiều vật dụng khác. Đây như một thử thách lòng can đảm của con người phải vượt qua chướng ngại vật đầu tiên. Ở trong đó, người sắp thành hội viên tự mình tìm hiểu trong bóng tối. Cảm giác sợ hãi hay lo sợ tùy theo mỗi cá nhân tự cảm nhận.

Sau đó, họ tìm được một cánh cửa và một cái chìa khóa để mở cánh cửa. Ánh sáng òa vào mắt, con người ngỡ ngàng nhưng hạnh phúc vì đã tìm ra và thấy được ánh sáng, coi như tìm được chân lý. Đó là một trong những nghi lễ cổ truyền để kết nạp thành viên. Người được đưa vào phòng kín không hề biết được những gì đang chờ đợi mình trong đó. Họ tự tìm hiểu sự huyền bí kỳ diệu qua các hiện vật, suy ngẫm về bóng tối và cái chết. Con người đi từ chết chóc, đau thương, từ sự giam cầm, từ bóng tối để vươn ra ánh sáng, tiến tới tự do. Tự do ở đây chính là đạt được sự phóng tâm. Nghi lễ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng cho quá trình tiến hóa về nhận thức của mỗi cá nhân để đạt tới chân lý hiện thực và sự thật của cuộc sống. Darwin, tác giả nổi tiếng với Thuyết tiến hóa có viết về nghi lễ gia nhập Tam Điểm của cụ thân sinh ra ông trong cuốn hồi ký rằng: hồi trẻ cha ông có gia nhập hội Tam Điểm.

Một người bạn của cha ông, thành viên Tam Điểm, giả vờ không biết cha ông sợ máu, đã hỏi cha ông khi hai người cùng đi đến dự buổi lễ khai tâm rằng "cậu đâu có ngán mất vài giọt máu?" Trong buổi lễ gia nhập đoàn thể, người ta bịt mắt cha ông và xắn tay áo

của ông lên. “Tôi không biết ngày nay một buổi lễ như vậy có còn diễn ra không, nhưng cha tôi nói về buổi lễ hôm ấy như một ví dụ tuyệt hảo về sức mạnh của tưởng tượng, bởi vì ông cảm thấy rõ ràng máu chảy dọc theo cánh tay của ông, và ông không tin ở mắt mình sau đó khi ông không thấy dấu tích gì của một vết chích nào.”[1]

---

[1] Francis Darwin, The Life and Letters of Charles Darwin (Hồi ký của Darwin), John Murray, London, 1887, tr. 27.

Vượt qua đau đớn, tân thành viên tìm ra sự thật. Qua đau đớn, chết chóc, con người đi đến nhận thức đúng và đánh giá đúng những gì mình đạt được. Cuộc đời đến không phải trên thảm đỏ, những nhận thức đến từ sự đau đớn và mất mát hy sinh, nên buổi kết nạp khi vào hội con người trong bóng tối phải sờ đầu lâu xương sọ lạnh toát và mò mẫm tìm đường ra chân lý mới thoát được sự kinh hoàng. Nếu không bình tĩnh, can đảm, không dám hy sinh xương máu, sợ hãi sẽ không mở được cánh cửa chân lý cuộc đời. Con người sợ hãi sẽ quỵ ngã trước khó khăn ban đầu.

Cách kết nạp hội viên mang tính triết lý về quá trình nhận thức của cuộc sống và sự tiến triển của tư duy nhận thức. Đó chính là giai đoạn đầu tiên của thành viên Tam Điểm tự nhận biết về cái chết và sự sống. Trên bàn còn để lọ muối chiết lọc từ nước biển bốc hơi, cốc nước, ngọn lửa, lọ lưu huỳnh, là những biểu tượng triết lý về sự tồn tại cơ bản đầu tiên trên trái đất. Lưỡi liềm tượng trưng cho sự gặt hái tri thức. Ánh sáng và bóng tối luôn tồn tại cùng nhau, con người là những kẻ xây dựng thế giới phải kiên trì đi từ bóng tối tìm ra chân lý. Nếu run sợ hoảng hốt, con người sẽ không đạt được chân lý ánh sáng. Nói theo đạo Phật là chưa giác, chưa ngộ được chân lý. Hình ảnh con gà trống báo hiệu ánh sáng bình minh sắp đến cũng là sự báo hiệu con người đang đi từ biết đến nhận biết.

Goethe, nhà thơ nổi tiếng người Đức, thành viên Tam Điểm đã để lại những vần thơ về lễ thụ giáo khai tâm này:

“Anh không còn bị giam hãm

Trong bóng tối đến kinh hãi

Một ham muốn mới cuốn hút anh

Đến giao hòa tuyệt đỉnh…”[1]

[1] *Daniel Beresniak, Symboles des franc-maçons, Assouline, 1997, tr. 4.*

Việc tìm hiểu là quá trình suốt đời, đòi hỏi sự chăm chỉ và kiên nhẫn của mỗi cá nhân. Con người càng hiểu biết, càng thấy mình chưa biết gì. *Thành viên Tam Điểm là con người luôn đi tìm sự hiểu biết ẩn tàng trong cuộc sống mênh mông và vô tận để xây dựng một trật tự mới của thế giới mới. Con người tự quyết định chính số phận của mình.* Ánh sáng chính là nhân đạo, con người hiểu biết là con người nắm được ánh sáng, tức là lòng nhân đạo. Bản thân cá nhân không tự mình tìm đến ánh sáng của hiểu biết, tức là chưa đạt đến được nhân đạo. Chủ nghĩa nhân bản quang minh bao trùm và hàm chứa tất cả. Tư cách con người được đánh giá qua cách xử sự của chính họ, chứ không phải qua tư tưởng, tôn giáo, chính trị, nghề nghiệp. Để đạt đến chủ nghĩa nhân bản quang minh, con người phải không ngừng nhận thức.

Cuốn sách luôn mở đặt trên bàn thờ trong nhà thờ Tam Điểm tượng trưng cho nhận thức luôn mở, chỉ có người lười biếng mới không tìm đến được nhận thức.

Trước khi trở thành hội viên, người gia nhập cũng phải trả lời một số câu hỏi để chứng minh sự nhận thức của mình về Tam Điểm, về Đấng Tối cao. Trước khi được Thầy chứng nhận là thành viên Tam Điểm chính thức, Thầy sẽ dùng kiếm lưỡi lửa gõ nhẹ vào lưng thành viên như biểu tượng đã truyền ánh sáng vào người Tập sự. Người mới nhập hội phải ký vào một bản cam kết. Bản cam kết của mỗi chi hội khác nhau đôi chút nhưng đều thề nguyện từ nay sẽ tuân thủ đúng nguyên tắc chung, thực hiện đúng các thông tri, quyết định của hội đề ra và các nội quy riêng của chi hội kết nạp, cam kết đóng hội phí đầy đủ ít nhất là trong ba năm ở chi hội. Người nào không thực hiện đúng cam kết sẽ bị khai trừ khỏi hội. Hội viên bắt buộc phải mặc quần áo đeo tạp dề (tablier) mang găng, đeo băng theo đúng cấp bậc khi vào lễ.

Nghi lễ khác nhau theo từng nước. Những nghi lễ chính thường đặt tên kèm theo tên hội để nhận biết thuộc nghi lễ nào. Những nghi lễ quen thuộc nhất là nghi lễ Tô Cách Lan *(Ecosse)* cổ truyền và chấp nhận (*Le rite écossais ancien et accepté*[1]), nghi lễ Ê-cốt cải biến (*rite écossais rectifié*), nghi lễ hiện đại (*le rite moderne*), nghi lễ York, nghi lễ Memphis v.v...

[1] *Accepté có nghĩa là chấp nhận. Vì hội Tam Điểm có hai loại thành viên: Tam Điểm thực hành và Tam Điểm lý thuyết. Ngày nay, hầu hết đều là thành viên*

Tam Điểm lý thuyết. Chữ chấp nhận ở đây có nghĩa là đã được hội Tam Điểm chấp nhận vào đối với thành viên không phải trong nghề. Nghi lễ cổ truyền và chấp nhận là nghi lễ của các hội Tam Điểm trực thuộc Đại đường Luân Đôn.

Trong Tam Điểm có năm điều cơ bản biểu hiện tình huynh đệ khi chào nhau và mang ý nghĩa bác ái: chân trên chân có nghĩa sẵn sàng đi giúp đỡ; đầu gối chạm đầu gối nghĩa là hãy cầu nguyện cho nhau; ngực áp ngực là nguyện giữ kín cho nhau; tay ôm sau lưng nghĩa là huynh ngã đệ nâng; miệng để gần tai là thì thầm khuyên nhủ.

Khi hành lễ, hội viên phải mặc đúng quần áo theo cấp bậc của mình. Tạp dề viền xanh da trời cho ba cấp bậc đầu, từ bậc 4 đến 18 tạp dề viền đỏ, từ bậc 19 đến 30 viền đen, mấy bậc cuối tạp dề trắng. Khi vào gặp cấp bậc Thượng sư và Đại sư, người Tập sự phải đi ba bước theo quy định của hội Tam Điểm. Hội theo nghi lễ Ê-cốt không kết nạp người da đen, nô lệ, phụ nữ, người nghèo. Bên Mỹ, các cấp bậc rút ngắn chỉ còn mười. Nghi lễ Ê-cốt có ba mươi ba bậc. Nhiều người nổi tiếng có thể được thăng nhiều bậc. Lúc mới vào Tam Điểm, phải trải qua nhiều đợt kiểm tra nhận thức qua các công việc. Khi đã lên bậc Thầy, tức là thực sự tự do vì coi như đã chín và có thể tự đứng ra quản được một chi hội khác.

Hội Tam Điểm có nhiều tên gọi khác nhau. Cuộc họp toàn thành viên Tam Điểm gọi là cuộc họp mặc trang phục, còn cuộc họp mở rộng có nhiều người không phải Tam Điểm tham gia gọi là họp trang phục mở rộng.

Những nhân vật nổi tiếng có công trình và đóng góp trong xã hội dễ dàng được kết nạp, thậm chí được mời vào hội. Quá trình kiểm xét chỉ là hình thức đối với những người đã có danh tiếng trong xã hội. Một số nhân vật nổi tiếng được mời vào nhưng từ chối như đại văn hào Victor Hugo. Trong cuốn nhật ký của Victor Hugo, ngày 13/8/1879 có ghi: "Bà Edmond Adam giới thiệu tôi… ông… đáng kính của chi nhánh (Loge - tên hội Tam Điểm), ép tôi vào hội Tam Điểm, nhưng tôi tránh xa…"[1] Mặc dù cha của Victor Hugo là một vị tướng, là thành viên Tam Điểm, nhưng ông từ chối vào hội. Sau này ông mất, hội Tam Điểm đã mặc nhiên coi ông là thành viên của Tam Điểm ở Mexique nhưng không có bằng chứng kết nạp ông vào hội.

---

[1] *Loys Dechamp, Vrais et faux macons, Historia, Hors serie 30, 1973, tr. 22.*

Các hiện vật trong phòng kín để chuẩn bị cho hội viên mới vào làm lễ khai tâm.

Tân hội viên mặc quần áo trắng, bịt mắt, chuẩn bị được dẫn vào phòng kín để làm lễ thụ khai tâm.

Trang phục Tam Điểm.

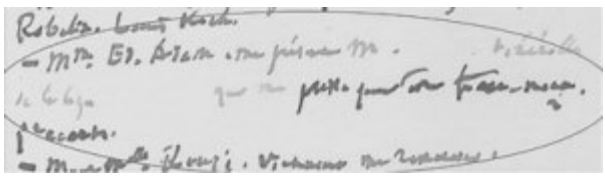

Thủ bút Victor Hugo, trích từ nhật ký ngày 13/8/1879.

Nhân vật nổi tiếng như V. Hugo, nếu thực sự là thành viên chắc chắn không thể không có hồ sơ, thẻ ghi tên ông. Nhiều nhà văn nổi tiếng thời kỳ Khai sáng như các triết gia Voltaire và Montesquieu đều luôn được nhắc đến trong lịch sử hội Tam Điểm, vì sự vinh quang cho cuộc Cách mạng dân chủ bình đẳng không chỉ cho riêng nước Pháp mà cho toàn nhân loại khát khao dân chủ và bác ái trên thế giới đầy bất công, đau khổ và phân biệt chủng tộc.

Thành viên Tam Điểm được phép tự do sinh hoạt ở bất cứ đảng phái chính trị nào và tín ngưỡng nào mà bản thân nhận thấy phù hợp nhưng họ phải tuyệt đối tôn trọng "luật im lặng" hay nôm na còn gọi là luật bảo mật (*La loi du silence*). Làm gì hay sinh hoạt bất kỳ nơi đâu, họ phải giữ bí mật, không được tiết lộ mình là thành viên Tam Điểm. Luật này càng làm tăng thêm vẻ huyền bí của các thành viên Tam Điểm. Sự cho phép tự do ý thức về chính trị và tôn giáo tạo sức hút được nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Do tinh thần tương trợ huynh đệ trong hội, và việc tuyển chọn chất lượng cao, thành viên Tam Điểm có chân rết trong các cơ cấu trọng điểm của xã hội. Tự do tư tưởng là nguyên tắc chính của Tam Điểm. Tam Điểm quy định không được đưa bất kỳ hình thức áp đặt tôn giáo và chính trị nào vào dạy ở trường học hay nói một cách khác Tam Điểm chủ trương một nền giáo dục thế tục.

Trường học giảng dạy tất cả các tôn giáo cũng như, các chủ nghĩa chính trị khác nhau ở nước Pháp và trên thế giới để học sinh nắm bắt và tự tìm hiểu lý tưởng nào thích hợp với mình. Lúc đầu khi vấn đề này được đưa ra, phía giáo hội Công giáo đã phản đối kịch liệt. Trước kia trường học đều có giờ giảng dạy về Chúa Ki-tô, học sinh phải cầu nguyện theo kiểu đạo Thiên Chúa vì nhà thờ nắm quyền lực mạnh trong xã hội. Mọi việc kể cả tấn phong vua đều được cử hành tại nhà thờ. Cách mạng Pháp đã làm đảo lộn trật tự xã hội. Bình đẳng, dân chủ, nhân đạo là phương châm hàng đầu mà Cách mạng Pháp muốn đạt được. Để thực hiện được các mục tiêu này, biết bao người phải hy sinh trên đoạn đầu đài như Condorcet, Lavoisier… Tuy nhiên, khi cách mạng thành công, một thành viên Tam Điểm đã ký lệnh phê chuẩn luật máy chém. Nhà chính trị Guillotin (1738-1814), thành viên Tam Điểm thuộc chi nhánh Angoulême đầy nhiệt huyết và nhân đạo, đã đề xướng và áp dụng hình phạt máy chém.

Ông mang tư tưởng hiện đại về sự nhân đạo. Ông đề nghị bình đẳng trước cái chết và nhân đạo đối với sự kéo dài đau đớn khi chịu án tử hình. Xưa kia các hình phạt khác nhau tùy theo giai cấp. Người ăn cắp bị treo cổ hoặc bị cột trên bánh xe quay, kẻ làm tiền giả thì bị bỏ vạc dầu, phù thủy thì bị thiêu cháy, người quý tộc gây án chỉ bị đi đày v.v… Sự đau đớn kéo dài của thể xác thật vô nhân đạo, tàn nhẫn và vô ích cho nên ông bỏ hết các hình phạt này. Ông đã phê chuẩn và đưa ra quốc hội hình phạt bình đẳng cho mọi tội phạm dù thuộc giai cấp nào bằng cách sử dụng máy chém. Máy chém đã gắn với tên ông, sự vinh danh đó đã làm nhân vật Tam Điểm này rất khổ tâm. Victor Hugo đã từng nói có những con người bất hạnh vì sáng chế của mình.

Nhiều người hạnh phúc được gắn tên mình với công trình của họ, với những định luật và các cách đo lường mà họ tìm ra như Watt, Joule, Newton, hay Celsius. Amerigo Vespucci đã khẳng định nước Mỹ là mảnh đất mới, không phải là Ấn Độ như Christophe Colombo nhầm, nên đã đặt tên cho lục địa là America. Poubelle phát minh ra thùng rác, nên trong tiếng Pháp từ "poubelle" có nghĩa là thùng rác. Guillotin rất đau khổ vì tên ông được dùng để chỉ cái máy chém. Giờ đây, các nhà chính trị chống Tam Điểm vẫn đem chuyện này ra giễu hội Tam Điểm là tình huynh đệ "máy chém" vì Tam Điểm vẫn tự nhận là một tổ chức bác ái và nhân đạo. Những quan điểm nhân đạo và bình đẳng của mọi người khi sinh ra cũng như trước cái chết của ông dường như không ai nhớ, nhưng tên ông lại bị gán cho cái máy giết người nhanh chóng, và được ghi vào từ điển. Tên ông trở thành động từ chém đầu rất tàn khốc cũng như Điện Biên Phủ biến thành động từ để chỉ cái chết

hàng loạt. Điều này đã làm cho ông đau khổ đến khi chết. Con cháu, hậu duệ, không ai dám tự hào về sáng chế của ông. Nếu tổ tiên là người gắn liền với những sáng chế văn minh như máy cày, máy bay, hậu duệ sẽ luôn tự hào nhắc đến tên, như tháp Eiffel, thuyết Einstein, định luật Euclide. Cái máy chém "nhân đạo" chính là điều ông ân hận mặc dù đó là hình thức xử tử nhân đạo và bình đẳng lúc bấy giờ. Thực chất máy chém có từ lâu. Máy chém được thử giết cừu và chỉ được áp dụng khi luật của Guillotin ra đời. Guillotin không phải là người chế ra máy chém, nhưng là người đem máy chém ra ứng dụng, thay thế cho tất cả các hình phạt nặng nề và vô nhân đạo trước đó đối với án tử hình.

Trong thời điểm đó, đại văn hào Victor Hugo lại chủ trương bãi bỏ án tử hình, một ý tưởng đầy tính nhân bản. Xóa bỏ án tử hình là hình thức giáo dục ân xá nhân đạo cao nhất đối với tất cả những kẻ phạm tội. V. Hugo đề ra cách giáo dục con người cần thiết và hiệu quả hơn án tử hình. Chính vì thế hội Tam Điểm luôn muốn đưa Hugo vào danh sách những người huynh đệ. Giờ đây, việc bãi bỏ án tử hình đã được quốc hội Pháp phê chuẩn. Nước Pháp nhân đạo đã không còn án tử hình, máy chém chỉ là kỷ niệm đau đớn của nước Pháp Cộng hòa lúc Cách mạng mới thành công. Tuy nhiên, chúng ta không thể quên được rằng, cũng chính các thành viên Tam Điểm Pháp đã có công lớn trong việc triển khai nền giáo dục cấm tuyên truyền tôn giáo và chính trị trong trường học để tạo nên sự bình đẳng trong giáo dục và tự do ý thức trong cuộc sống.

Hội Tam Điểm có Hiến chương riêng của hội. Tất cả hoạt động của các chi hội đều phải báo về Đại đường, tức là Tổng hội. Đại đường quản lý và ra quyết định. Mọi việc kết nạp, khai trừ, thu hay xin ngân quỹ, mở chi nhánh, đặt tên chi nhánh, đều phải xin phép Đại đường. Việc nhập hội khó khăn, nhưng việc ra khỏi hội hết sức đơn giản, chỉ cần viết một cái đơn xin từ bỏ sinh hoạt hội đệ trình lên cấp trên.

Việc kết nạp hội viên có khi kéo dài, kiểm xét thử thách từ sáu tháng đến một năm. Người sắp được kết nạp được mời tham gia các buổi sinh hoạt từ thiện và nhân đạo để xem tư cách thành viên mới trước khi kết nạp chính thức. Họ cũng được học tập điều lệ và nội quy của hội viên như đóng niên liễm, phải tham gia sinh hoạt hàng tháng, phải mặc trang phục đúng nghi lễ… Đại đường Luân Đôn tại Anh được coi là trung tâm đầu não của Tam Điểm thế giới. Những chi nhánh nào thuộc Anh thì theo nghi thức Tam Điểm Anh.

Nhiều chi hội Tam Điểm tách ra do quan niệm triết lý khác nhau, nên theo những nguyên tắc riêng của từng hội. Tuy nhiên, các hội đều dựa trên Hiến chương Anderson.

2. HỘI TAM ĐIỂM VÀ PHỤ NỮ

Trước đây, hội Tam Điểm không kết nạp phụ nữ, vì những thế kỷ trước phụ nữ thường ít được tự do, sống phụ thuộc chồng và chịu sự quản lý của chồng. Theo Hiến chương Anderson, soạn thảo từ năm 1723, thành viên Tam Điểm "phải là những người đàn ông đàng hoàng, tự do (thời đó còn nô lệ), và có danh tiếng, tuổi thành niên, thận trọng, Tam Điểm không nhận nô lệ, đàn bà và đàn ông có tiền án." Phụ nữ bị coi như một dạng nô lệ trong gia đình và chưa được tự do bầu cử. Nhưng ở Pháp, vào khoảng thế kỷ XVIII, hội Tam Điểm khó ngăn cản phụ nữ quý tộc có học thức tách hẳn ra khỏi trào lưu triết học và huyền bí được coi là mốt thời thượng lúc đó. Nhiều phụ nữ quý tộc được học hành và có kiến thức uyên thâm. Họ cũng giàu tiền bạc và đa số thuộc dòng dõi quý tộc cao sang. Dựa vào Hiến chương Anderson không cấm phụ nữ tham dự các buổi dạ hội, hòa nhạc, hay tang lễ, các huynh đệ Tam Điểm xin cho phu nhân đến tham dự và được gọi là "muội". Dần dần họ thành lập hội Tam Điểm các bà mệnh phụ hay gọi là con nuôi Tam Điểm dành cho các bà quý tộc, thành phần hoàng gia. Nhưng tên các chi nhánh nhiều khi mang tên đàn ông, như Tam Điểm Lorient, Narbonne, Rochefort, Toul v.v... Thành phần phụ nữ tham gia toàn xuất thân từ các gia đình quý tộc, nên trên phương diện xã hội, các nghi lễ chỉ được tổ chức trong giới quý phái. Đến năm 1808, các hội này bị Đại Đông Đường (G.O - Grand Orient) cấm vì vi phạm Luật Anderson. Đến giữa thế kỷ XIX, bắt đầu xuất hiện lại chi nhánh Tam Điểm dành cho cả hai phái nam và nữ. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn chỉ tham gia chủ yếu trong các hoạt động từ thiện, lo tổ chức lễ hội, tang lễ, lễ cưới, lễ sinh nhật và rất ít tham gia chính trường. Nhiều chi nhánh phụ nữ tách ra hoạt động riêng và tự kết nạp phụ nữ, nhưng không đóng vai trò mạnh mẽ trong xã hội như nam giới.

Người phụ nữ đầu tiên được kết nạp vào hội Tam Điểm năm 1732 là bà Aldworth, ở Ireland. Do có những bất tiện trong sinh hoạt hội họp toàn đàn ông, nên hội Tam Điểm không kết nạp phụ nữ nữa. Mãi đến năm 1882, bà Maria Deraismes mới được vào hội Tam Điểm Pháp. Bà đã kết nạp mười bảy phụ nữ khác vào năm 1893, và thành lập chi nhánh chung cho cả hai giới lấy tên "Đại chi nhánh nam nữ quyền con người", tượng trưng Ê-cốt (Ecosse) của Pháp. Sau đó, ở Anh cũng phát triển các chi nhánh chung cho

cả nam lẫn nữ. Do nhu cầu đòi hỏi sự bình đẳng trong giới tính, đầu thế kỷ XX, Đại Đông Đường mở lại chi nhánh con nuôi. Do đó, xuất hiện những hội toàn phụ nữ hoặc những hội lẫn lộn hai giới nam và nữ ở Anh và Pháp. Càng ngày, số lượng phụ nữ tham gia hội càng đông. Một vài phụ nữ lên được chức Thầy. Việc cấm phụ nữ tham gia Tam Điểm trong Hiến chương Anderson là một trong những biểu hiện thiếu bình đẳng về nam nữ trong xã hội. Như vậy, chữ bình đẳng đề ra trong mục tiêu của hội là không triệt để. Để khắc phục điều này và trước phong trào giải phóng phụ nữ đang lên ở nước Pháp lúc bấy giờ, Tam Điểm đã chấp nhận mở hội khác để phụ nữ sinh hoạt. Tuy nhiên, Đại đường Pháp vẫn không chấp nhận phụ nữ tham gia. Đại đường Pháp không có sự bình đẳng tuyệt đối, nhất là trong xã hội mà số lượng phụ nữ bao giờ cũng thường chiếm tỷ lệ hơn 50%. Hội Tam Điểm này không chấp nhận sự hiện diện của phụ nữ. Nếu phụ nữ muốn tham gia, họ chỉ giới thiệu qua hội khác. Điều đó cũng thể hiện sự bất bình đẳng, thiếu dân chủ trong nhân sinh quan của những thành viên Tam Điểm theo Đại đường Pháp và một số chi hội Tam Điểm trên thế giới giữ quan điểm tôn trọng Luật Anderson không chịu thừa nhận sự tiến hóa của xã hội. Theo Tam Điểm, nhận thức phát triển không ngừng thì luật cũng phải biến đổi khi tình hình thay đổi. Ngày nay, nhiều phụ nữ đã tham gia trên chính trường thế giới, những thành viên Tam Điểm cổ hủ này đã làm giảm thiểu hình ảnh bình đẳng giới tính trong xã hội mới hiện nay và viện cớ Hiến chương Anderson để ngăn cản sự tiến bộ của phụ nữ trong xã hội. Theo Tam Điểm, nhận thức luôn không ngừng tiến triển và đổi mới, nhưng Đại đường Pháp bảo thủ, trở nên mâu thuẫn với triết lý tiến bộ về nhận thức của chính họ.

3. HỘI TAM ĐIỂM Ở PHÁP

Hội Tam Điểm đầu tiên ở Pháp thành lập năm 1721, lấy tên là "Tình Bằng hữu và Tình Huynh đệ" (*Amitié et la Fraternité*), nghi lễ thuộc hệ Anh, ở Dunkerque, biên giới phía bắc nước Pháp. Về sau, nhiều hội khác thành lập tại Paris, tách khỏi ảnh hưởng của Anh, không phải báo cáo về Đại đường Luân Đôn. Nhiều tăng lữ, trí thức ưu tú gia nhập hội, đã làm nên cuộc Cách mạng năm 1786 và lập ra Cộng hòa Pháp. Hội đề cao tự do dân chủ, bác bỏ sự chuyên quyền độc đoán của nhà vua và giáo hội nên nhiều thành viên Tam Điểm bị giết hoặc bị lưu đày như Montesquieu phải qua Anh tị nạn. Giáo hoàng Công giáo La Mã tuyên bố rút phép thông công đối với nhiều thành viên Tam Điểm với lý do Tam Điểm tuyên truyền "tà đạo và hoạt động bí mật".

Tuy nhiên, khát vọng tự do dân chủ bác ái là khát vọng của đại đa số. Giáo hội Công giáo không thể ngăn được xu thế khi chính giáo hội cũng phải đề cao quyền bình đẳng và bác ái. Ở Pháp, các chi hội nhỏ hợp lại thành "the French Freemasonry". Đại đường Pháp được chấp nhận năm 1756. Năm 1771, do bất đồng chính kiến, hội Tam Điểm chia thành hai nhánh. Nhánh tách ra xưng danh là Đại Quốc đường Pháp (*Grand National de France*), sau năm 1773 đổi tên thành Đại Đông Pháp do Công tước Chartres làm Đại sư (*Grand maître*)[1] phụ trách. Chức Đại sư là chức vị cao nhất trong hội Tam Điểm. Như vậy, hai hệ phái song song hoạt động vẫn liên lạc với nhau. Quan điểm của Tam Điểm là tôn trọng tự do nhận thức cá nhân, nên thành viên Tam Điểm ở những nhánh khác nhau ít khi đụng độ nhau.

---

[1] Chúng tôi tạm dịch các cấp bậc chính trong Tam Điểm: Grand maître = Đại sư; Maître = Sư thầy; Compagnon = Thợ chính, Apprentis = Tập sự. Từ bậc Sư thầy đến Đại sư còn nhiều cấp bậc, ở đây tạm dùng chung là Thượng sư.

Những thành viên Tam Điểm như Đại tướng La Fayette, Talleyrand, Sieyès, Camille Desmoulins, Saint Just, Danton, Marat, Linh mục Grégoire, La Rochefoucauld, Noailles đã tham gia Cách mạng Pháp 1789.

Khi cuộc Cách mạng thành công, phương châm chính của hội được ghi vào trong tuyên ngôn đầu tiên của Hiến pháp nước Cộng hòa Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Tuy nhiên, một số thành viên Tam Điểm thuộc dòng dõi quý tộc đã không ủng hộ Cách mạng vì quyền lợi của cá nhân và hoàng tộc như Công tước de Montmorency và de Luxembourg đã chạy trốn sang Anh và Áo tị nạn. Hội Tam Điểm cũng đã từng cứu nguy Cộng hòa Pháp khi quân đội Áo tấn công để giúp phái bảo hoàng năm 1792 bằng cách đưa tám triệu quan cho Công tước de Brunswich. Do thành viên Tam Điểm tham gia trong các chính trường nên hội Tam Điểm Pháp bị nhiều phen điêu đứng. Năm 1793, nhiều hội viên bị xử tử và tù đày. Nhiều thành viên chạy trốn sang Anh. Sau đó hội nhanh chóng tụ lại để gầy dựng. Họ chia thành hai phái chính trị, phe hữu ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, phe tả ủng hộ chế độ Cộng hòa và chống đối giáo hội Thiên Chúa. Đến thời Napoléon, hội lại trở thành lực lượng chủ chốt của chính quyền. Cả gia đình Napoléon đều tham gia Tam Điểm. Anh cả của Napoléon được phong chức Đại sư của Tam Điểm Đại Đông Pháp vào ngày 5/11/1804. Sau khi Napoléon thua trận, bị bắt và đi đày, hội Tam Điểm rút vào hoạt động bí mật.

Thời hoàng kim trong tiến trình bình định các nước thuộc địa Pháp, cũng là thời vàng son của Tam Điểm. Nhiều quan Toàn quyền ở thuộc địa của Pháp là thành viên Tam Điểm, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Tổng thống thời đó cũng là thành viên Tam Điểm (Paul Doumer, Paul Beau, Klobukowski, Constans (Bộ trưởng Nội vụ tương lai)). Hội Tam Điểm lại bùng lên, phát triển và mở các chi nhánh ở các thuộc địa. Đến thời chính phủ Vichy, Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng, Tam Điểm bị coi là một sinh hoạt mang tính chất huyền bí, ma thuật lại bị cấm, các Đại đường bị đóng cửa, tài liệu và tài sản của hội bị tịch thu và sung công. Hội Tam Điểm một lần nữa bị điêu đứng, nhiều thành viên lãnh đạo bị tử hình và bị đem đi thủ tiêu. Hoạt động Tam Điểm trở lại khi nước Pháp tham gia lực lượng đồng minh thắng Hitler. Nhiều thành viên của hội đã giữ vai trò chủ chốt trong chính trường Pháp. Nhiều Tổng thống Cộng hòa Pháp là thành viên Tam Điểm như Paul Doumer (1857-1932), thành viên Tam Điểm chi nhánh *L'Union Fraternelle*, Gaston Doumergue (1863-1937), thành viên hội *L'Écho* thuộc Đại Đông Pháp ở Nîmes, Félix Faure (1841-1899), nhiệm kỳ 1895-1899 thuộc chi nhánh *La Parfaite Aménité* ở thành phố cảng Le Havre. François Mitterrand (1916-1996) cũng là thành viên của Tam Điểm, Jacques Chirac (1932-2019) thuộc hội *Suisse Alpina*. Hội Tam Điểm Pháp cũng có nhiều hệ phái nhưng có ba hội chính thường được nhắc đến và có mặt ở Việt Nam:

Đại đường Pháp (Grande Loge de France) viết tắt là GLDF, thành lập từ năm 1738. Đại đường Pháp có trụ sở tại 8 rue Puteaux, Paris 17 với tiêu chí "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Hội này không kết nạp phụ nữ. Nếu phụ nữ muốn tham gia, họ được giới thiệu qua hai hội kia.

Đại Đông Pháp (Grand Orient de France) viết tắt là GODF. Đại Đông Pháp có trụ sở chính tại 16 rue Cadet, Paris 9. Hội này giờ đây cho phép kết nạp phụ nữ vào hội. Hội thành lập từ năm 1771, tách ra từ Đại đường Pháp.

Hội "Nhân quyền" (Droit Humain) viết tắt là DH. Hội "Nhân quyền" có trụ sở ở 9 rue Pinel, Paris 13. Hội này gồm có hai phái nam và nữ sinh hoạt chung. Hội chính thức thành lập ngày 4/4/1893 khi không thể phủ nhận quyền bình đẳng giới tính đang là phong trào lúc bấy giờ. Những hội khác như Memphis Misraim, Ecossais… không có mặt ở Việt Nam.

Hội Tam Điểm nắm phần đông các chức vụ trọng đại trong chính quyền Pháp và châu Âu. Hội Tam Điểm không ngần ngại công khai biểu lộ vai trò của họ trong việc hình thành nước Cộng hòa

Pháp, Bưu chính Pháp cho ra mắt con tem năm 2003, thời Tổng thống Chirac - thành viên Tam Điểm, có ghi rõ chữ Tam Điểm Pháp (La Franc-maçonnerie française) bên trên và bên cạnh Cộng hòa Pháp (RF - La République française). Auguste Pavie, một thành viên Tam Điểm, đã có công trong việc mở mang hệ thống bưu điện Đông Dương cũng được trân trọng in vào tem Đông Dương. Điều này chứng minh sức mạnh của Tam Điểm trong chính quyền thuộc địa và nước Cộng hòa Pháp. Nhiều thành viên được đặt tên cho trường học nổi tiếng ở thuộc địa Đông Dương như Chasseloup Laubat, Albert Sarraut, trung tâm triển lãm Maurice Long… Hội Tam Điểm đã nở rộ một thời huy hoàng ở Đông Dương.

4. HỘI TAM ĐIỂM PHÁP VÀ CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM

Hội Tam Điểm là những người "Thợ tự do" đi xây đền đài, nhà thờ, cung điện nên được sự ủng hộ của nhà thờ - một thế lực mạnh ở châu Âu. Đó là những người thợ xây thực sự. Khi hội Tam Điểm phát triển và đón nhận thành viên quý tộc, không hề có sự va chạm giữa Công giáo và Tam Điểm. Thời đó, thành viên Tam Điểm và tín đồ Công giáo không tách bạch. Một người có thể vừa là thành viên Tam Điểm vừa là tín đồ Công giáo. Khi tổ chức Tam Điểm thu hút được lực lượng đông đảo, lập nên nước Cộng hòa Pháp, và có sự hỗ trợ của Napoléon, hội Tam Điểm và Công giáo bắt đầu kình địch với nhau vì tranh giành ảnh hưởng xã hội và chính trị. Công giáo tôn thờ Thượng đế, Tam Điểm đề cao Đấng sáng tạo ra thế giới, có hội vẫn đề cao Thượng đế, và yêu cầu thành viên muốn vào hội phải có lòng tin vào Thượng đế. Công giáo và Tam Điểm đều dựa trên nguyên tắc cuộc sống bác ái, nhân đạo. Công giáo mở ra đại quần chúng, nhưng Tam Điểm chỉ giới hạn ở những thành viên xuất sắc trong xã hội hoặc những người thuộc dòng dõi quý tộc, trí thức và trình độ tay nghề giỏi và cao. Công giáo có ảnh hưởng lớn và vốn có thế lực mạnh từ xưa. Mỗi khi vua lên ngôi đều phải được Giáo hoàng làm lễ tấn phong để được lòng dân. Vua coi như con của Thượng đế gửi xuống để giúp dân vì đại đa số người châu Âu thời bấy giờ đều là tín đồ Công giáo. Trong các cuộc Thập tự chinh, Công giáo là đội quân mạnh mẽ đi chinh chiến. Công giáo có mặt từ lâu đời, có ảnh hưởng lớn đối với xã hội châu Âu.

Hội Tam Điểm thành lập khoảng bốn thế kỷ gần đây. Hội đã tham gia cuộc cách mạng 1789 để lập nên nước Cộng hòa Pháp. Thành phần Tam Điểm vốn là thế lực ngầm bên trong các cuộc cách

mạng. Họ bí mật tham gia trong thành phần chính của Nhà nước và quân đội. Sức mạnh và đóng góp của Tam Điểm đối với nước Pháp dân chủ, bình đẳng ngày nay không cần bàn cãi. Vai trò đắc lực của Tam Điểm trong các cuộc vận động bầu cử ở châu Âu là điều rất hiển nhiên. Nhiều thành viên Tam Điểm đắc cử Tổng thống hoặc những vị trí quan trọng trong xã hội Pháp.

Công giáo thường công kích hội Tam Điểm công khai trên báo chí. Công giáo coi chiến tranh trên thế giới đều do người lãnh đạo Tam Điểm tham gia trong thành phần chính quyền quyết định. Thực chất, Công giáo cũng khát vọng quyền lực. Đó là khát vọng muôn thủa của Công giáo và Tam Điểm. Chỉ có đạo Phật, do quan điểm từ bỏ mọi dục vọng nên không trực tiếp tham gia triều chính. Các vua quan Việt Nam hay châu Á khi chán ngán thế sự thường bỏ lên núi tu hành như vua Trần Nhân Tông nhường ngôi lên núi Yên Tử đi tu sau khi đại thắng xâm lược Nguyên Mông và sau đó lập ra phái Trúc Lâm Yên Tử khoảng thế kỷ XIII (1258-1308). Phật Thích Ca cũng xuất thân từ hoàng gia quý phái giàu sang và bỏ ngai vàng đi tu tìm đạo giải thoát cứu độ chúng sinh.

Công giáo công kích Tam Điểm về việc đề ra luật vô thần và phi chính trị (tức là không ai được quyền áp đặt những chính kiến chính trị hay tôn giáo) trong giáo dục. Hội Tam Điểm đề nghị bỏ ép buộc phải đọc kinh kính Chúa trước buổi học mà trước kia Công giáo đã đề ra. Trong chương trình học, có giảng dạy tất cả các tôn giáo, tư tưởng chính trị, nhưng không có áp đặt. Tự do tín ngưỡng và không áp đặt tín ngưỡng để mọi người tự nhận thức những gì mình cần phải theo, Công giáo coi đó là vô thần và chỉ trích kịch liệt hội Tam Điểm. Hơn nữa, thành viên của hội Tam Điểm tham gia trong Liên hiệp châu Âu đã thêm vào điều khoản của Hiến pháp châu Âu bắt buộc giáo hội phải lệ thuộc quốc gia, các tổ chức triết học được miễn phí và Hiến pháp cố tình không hề nhắc đến gốc gác Ki-tô giáo của châu Âu… Điều này gây nên sự bất bình trong lòng Công giáo.

Công giáo tin vào Thượng đế Tối cao. Khoảng thế kỷ XVII, những thành viên Tam Điểm đầu tiên cũng là các tín đồ Công giáo hoặc Tin Lành. Những bản thảo viết tay đầu tiên đều chịu ảnh hưởng của nhà thần học Calvin, những thành viên Tam Điểm lúc đầu không hề dùng từ "Đại kiến trúc sư vũ trụ" và khuyên những người mới nhập Tam Điểm phải trung thành với Thượng đế và nhà thờ Công giáo. Mãi đến năm 1723, trong Hiến chương của Tam Điểm, lần đầu tiên khái niệm về "Đại kiến trúc sư vũ trụ" mới được dùng trong sách viết về Tam Điểm. Năm 1760, Đại đường Luân Đôn và Dublin đều coi Thượng đế, đấng xây dựng thế giới là

đấng sáng tạo con người. Những thành viên Tam Điểm thường theo quan điểm của các nhà khai sáng như J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu, những nhà thần luận theo quan điểm thiên nhiên. Con người và Thượng đế hiệp thông trực tiếp. Tất cả những gì không phải do con người tạo ra đều do Thượng đế, nhưng Thượng đế không can thiệp trực tiếp vào công việc và dự án của con người. Con người chính là chủ thể của hành động của mình, không có thế lực siêu nhiên phù phép và phi lý can dự. Con người tự nhận thức để vươn lên nắm được bí quyết của thế giới bằng việc thiện. Do đó nhiều người nhầm lẫn đồng hóa vô thần với Tam Điểm. Cũng vì lý do này, hội Tam Điểm mất một số huynh đệ là tín đồ Công giáo. Công giáo và Tam Điểm ở một số nơi trở nên thù địch, như ở Vương quốc Bỉ, hai thế lực không dung hòa được với nhau. Do cạnh tranh ảnh hưởng chính trị, hội Tam Điểm ở Bỉ năm 1837 ra lệnh cấm tín đồ Công giáo gia nhập hội Tam Điểm. Việc giảm số lượng lớn tín đồ Công giáo trong Tam Điểm tạo điều kiện cho thành phần tự do công khai chống Công giáo. Chủ nghĩa duy lý dựa trên những hiểu biết khoa học đã thắng, thành viên Tam Điểm bỏ nghi lễ cầu Thượng đế Tối cao trong các buổi họp ở hội Tam Điểm Bỉ. Ngày 6 tháng 9 năm 1875, Đại hội Tam Điểm tập hợp những đại diện cao cấp đã tuyên cáo những nguyên tắc của hội trong đó nhấn mạnh rõ, hội Tam Điểm tuyên bố sự tồn tại của Đấng Tối cao dưới tên gọi là "Đại kiến trúc sư vũ trụ", một Đấng Tối cao siêu việt. Một số nơi bác bỏ quan điểm này và tin vào sự hiện hữu của Thượng đế.

Năm 1877, hội Tam Điểm Đại Đông Pháp bổ sung vào Hiến chương năm 1849 "Hội Tam Điểm với triết học tiến bộ dựa trên sự tồn tại của Thượng đế và sự bất tử của linh hồn..." Năm 1867, các thành viên Tam Điểm thuộc Đại Đông Pháp tổ chức một cuộc tranh luận về chủ đề sự tồn tại của Thượng đế. Năm 1875, sự tham gia của các thành viên Tam Điểm mới như Emile Littré và Jules Férry đã làm thay đổi một phần lớn nội dung của Hiến chương. *Hội Tam Điểm thực chất là một tổ chức cơ bản từ thiện, triết học tiến bộ, có mục đích tìm kiếm sự thật và nghiên cứu đạo đức thế giới, khoa học, nghệ thuật và sự tồn tại của từ thiện.* Hội có nguyên tắc cơ bản là tự do tuyệt đối về nhận thức và tình đoàn kết nhân loại. Hội luôn tôn trọng mọi chính kiến và tôn giáo khác nhau trên thế giới. *Tôn chỉ của hội: Tự do, Bình đẳng, Tình huynh đệ. Hội bác bỏ việc bắt buộc phải tin vào Thượng đế, nhưng khái niệm về Đại kiến trúc sư vũ trụ thì hoàn toàn tự do theo nhận định của mỗi thành viên.* Tuy nhiên, chỉ mười năm sau khi khánh thành công trình nhà thờ hội Tam Điểm, các thành viên đã đề cao biểu ngữ "Vì sự vinh quang của Đại kiến trúc sư vũ trụ" và hàng năm tổ chức lễ

lớn dành cho Đại kiến trúc sư vũ trụ. Lễ này về sau cũng biến mất dần dần ở các chi nhánh.

Hội Tam Điểm ở Mỹ ra đời sau và có tiêu chí hơi khác. "Mỗi chi hội trong năm năm giữ quyền lực và quyền tạo ra những nguyên tắc hay thay đổi với thiện ý vì tình huynh đệ, song với điều kiện phải tuân thủ Luật Landmarks." Luật này cũng chưa được hoàn thiện, đòi hỏi thành viên Tam Điểm không được kết nạp những người vô thần hay đa thần và từ chối không giải thích rõ chủ nghĩa thần học. Luật Landmarks nói rõ chỉ có Đấng chủ thể duy nhất đối với tất cả mọi tín ngưỡng nhưng dưới tên gọi khác nhau. Sau này ở hội Tam Điểm Anh, muốn gia nhập hội thì điều kiện tối thiểu phải có niềm tin vào Đại kiến trúc sư vũ trụ - Đấng Tối cao. Hội Tam Điểm luôn cổ vũ thành viên tham gia trong các tổ chức chính trị và các công tác xã hội, đặc biệt là công tác từ thiện.

Nhìn chung, việc không bắt buộc tin vào Đấng Tối cao trong đại đa số các chi hội là sự chấp nhận chủ nghĩa thần luận khoa học thiên nhiên tin ở Đấng sáng tạo tối cao nhưng từ bỏ những khái niệm siêu hình, thần chú, tiên tri, phép lạ. Tất cả sự giải thích về Thượng đế đều do con người đặt ra. Thượng đế không hề can thiệp vào công việc của con người.

Ban đầu, lúc mới phát triển, hội Tam Điểm đã liên kết với nhà thờ Công giáo; liên kết vì lợi ích chung của cả hai bên. Công giáo vốn là thế lực mạnh từ trước và đóng vai trò quan trọng trong xã hội châu Âu vì hầu như đại đa số người dân châu Âu thời bấy giờ theo Công giáo. Hội Tam Điểm và Công giáo kình địch vì triết lý khác nhau. Thành viên Tam Điểm tự nhận thức ra chủ thể sáng tạo vũ trụ trong quá trình hiểu biết. Công giáo thừa nhận ngay từ đầu sự can thiệp của Đức Chúa Trời. Đến cuối thế kỷ XIX, Công giáo bắt đầu chỉ trích công khai hội Tam Điểm. Năm 1887, Đại Đông Pháp (GODF) nhân danh sự tự do ý thức loại bỏ bắt buộc phải có niềm tin ở Thượng đế trong khi Đại đường Pháp (GLDF) vẫn giữ nguyên khái niệm về Thượng đế. Cả hai hội đều họp nhau thống nhất bảo vệ tôn trọng tín ngưỡng nhưng không áp đặt tín ngưỡng vào trong giáo dục, và chủ trương một nền giáo dục phi tôn giáo để cho con người tự nhận thức ra chủ thể sáng tạo vũ trụ trong quá trình hiểu biết.

Tam Điểm và Công giáo không đụng độ ở Việt Nam. Người châu Âu ở xa mẫu quốc, giữa dân bản xứ chủ yếu theo đạo Phật, số người Pháp quá ít so với dân bản địa, họ bắt buộc liên kết vì tình đồng hương để bảo vệ quyền lợi của chính họ nói riêng và của nước Pháp nói chung. Nhưng trong thâm tâm hai bên đều ganh tị

về quyền lực và ảnh hưởng trong xã hội Đông Dương. Trong lá thư của một chức sắc Tam Điểm thuộc chi nhánh Huynh đệ Bắc kỳ, có đệ trình thư về Đại Đông Pháp nói về việc các vị truyền giáo mở ồ ạt một số trường tiểu học nhằm gây ảnh hưởng, nhưng ngoài việc truyền giáo họ ít quan tâm đến nội dung và mục đích của giảng dạy, nên người biên thư đề nghị Đại sư phải xem xét và can thiệp kịp thời. Bức thư chứng tỏ sức mạnh quyền lực của Đại sư Tam Điểm đối với các nhà cầm quyền Đông Dương lúc bấy giờ.

Hội Tam Điểm tuy ít về số lượng do Công giáo đông con chiên nhưng Tam Điểm vẫn đóng vai trò rất quan trọng ở thuộc địa. Tại Việt Nam, thành viên Tam Điểm vẫn đến nhà thờ để gặp bạn bè, nhưng ngược lại tín đồ Công giáo nếu không phải là Tam Điểm không được tham gia sinh hoạt hoặc được phép vào trong nhà thờ Tam Điểm. Tam Điểm có sức mạnh trong chính quyền thuộc địa, nên số lượng tuy ít nhưng họ đủ mạnh để cạnh tranh ảnh hưởng với Công giáo.

Công giáo đến Việt Nam sớm hơn, từ thế kỷ XVI, do những nhà truyền đạo Bồ Đào Nha đi cùng các thuyền buôn đến xứ ta. Việc truyền giáo cũng chỉ bắt đầu chính thức từ đầu thế kỷ XIX vì vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của đông đảo người bản địa theo tam giáo và đạo cổ truyền thờ cúng ông bà, từ lâu đã bắt rễ sâu ở Việt Nam cùng với ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa sau nghìn năm đô hộ. Sau khi nhà Nguyễn nhượng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp, đa số người Việt Nam đã nhận thấy sự có mặt của đạo Ki-tô như là tay trong cho Pháp, là đạo của kẻ phản bội. Đa số người Việt không chấp nhận việc này và muốn tẩy chay đạo của "người Tây". Những người cải đạo theo Ki-tô được coi là những kẻ phản bội dân tộc, phản đạo đức cổ truyền, không thờ cúng tổ tiên. Do những quan niệm khác nhau hoàn toàn về linh hồn và thể xác, các nghi lễ dường như đối lập nhau, Ki-tô giáo đã vấp phải sự phản kháng của dân và triều đình vì sự lo ngại đạo châu Âu làm hại phong tục tập quán dân tộc.

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Tâm linh người Việt vốn tin vào sự phù trợ của thần linh nên không chấp nhận đạo Công giáo. Đại đa số người Việt Nam theo đạo Phật và thờ cúng tổ tiên nên không chấp nhận Công giáo. Do đó, nhà Nguyễn coi Công giáo là đạo của Tây nên ra sức bài trừ, ngăn chặn sự xâm nhập của các nhà truyền giáo châu Âu. Các thừa sai đã nhờ tàu Pháp cứu viện, Pháp bắn phá các pháo đài phòng thủ ở Đà Nẵng. Sau Hiệp ước 1868, Jean Dupuis, tay buôn thực dân (1829-1912), giả vờ bị cấm đậu ở cảng và gây quấy nhiễu ở cảng, để Pháp có cớ cử quân ra Bắc bắt đầu chiếm hoàn toàn Đông Dương. Khi Việt Nam trở thành thuộc địa

và nằm dưới sự bảo hộ của Pháp, những người Pháp đi "khai hóa" đầu tiên đã họp nhau ca ngợi công lao của Dupuis trong việc chiếm thuộc địa và dựng tượng Dupuis ở Đông Dương.

Ngay sau khi chiếm được Việt Nam, cơ quan tối cao điều hành cuộc viễn chinh xâm lược, Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp có trụ sở tại Paris, do Chasseloup Laubat - một thành viên Tam Điểm làm Bộ trưởng, công khai tuyên bố phải biến xứ Nam kỳ thành Philippines thứ hai tại châu Á, biến Nam kỳ thành một xứ Công giáo là giải pháp tốt nhất để ổn định thuộc địa một cách lâu dài. Công giáo trở thành công cụ phát triển và bảo vệ thuộc địa của Pháp. Chính sách Công giáo hóa được áp dụng ở Nam kỳ bằng cách thành lập hệ thống các giáo xứ, và các thừa sai Pháp được hưởng lương như công chức Pháp. Từ năm 1864, Nhà nước thuộc địa Pháp đã trả cho các giáo sĩ 40 nghìn francs, và năm 1879 lên 145 nghìn francs. Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại, Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp còn ra lệnh phải tích cực yểm trợ cho các giáo sĩ. Alexandre de Rhodes đã từng về châu Âu vận động Vatican và Pháp mở cuộc viễn chinh truyền giáo sang Đông Dương.

Georges Coulet, tác giả cuốn *Cultes et Religions de l'Indochine Annamite* (*Nghi lễ và tôn giáo người An Nam ở Đông Dương*) ghi nhận Ki-tô giáo đã mở cửa cho quân đội Pháp và là nguyên nhân trực tiếp của cuộc xâm lược nước Việt Nam[1].

---

[1] *Georges Coulet, Cultes et Religions de l'Indochine Annamite, Ardin, Saigon, 1929, tr. 99.*

Vào thế kỷ XVII, tại Nagasaki (Nhật Bản), hai mươi nhà truyền giáo Âu châu bị giết, nhiều tín đồ Công giáo bị sát hại, dân Nhật Bản bị cấm theo đạo Công giáo và ngược lại được trao tặng huy chương bạc nếu chịu bỏ đạo Công giáo để trở về đạo truyền thống. Vì sao quân đội nước ngoài không tấn công Nhật Bản? Điều đơn giản là vì vấn đề biến Nhật Bản thành thuộc địa chưa được đặt ra, hơn nữa Nhật Bản cũng là nước mạnh, nên thực dân châu Âu không dám động đến. Nếu triều đình nhà Nguyễn vững mạnh như Nhật Bản thì sự cầu viện của thừa sai Pháp sẽ không được Pháp đáp ứng. Mục đích của Pháp là muốn chiếm Việt Nam nên đã cho tàu đậu gần cảng Việt Nam từ trước để xem xét và chờ thời cơ.

Việc bảo vệ Công giáo bị đàn áp chỉ là cái cớ để Pháp chính thức tấn công, bắt Việt Nam đền bù chiến tranh, trong khi kẻ xâm lược lại được hưởng lợi lộc. Yếu về mặt quân sự, triều đình nhà Nguyễn đành chịu lép vế và nhượng bộ dần dần, dẫn đến mất toàn bộ đất

nước. Công giáo dựa vào đó để phát triển mạnh ở Việt Nam vào thời kỳ hoàng kim của chế độ thực dân. Công giáo được chính quyền thuộc địa bật đèn xanh ở Việt Nam, chính quyền thuộc địa câu kết với Công giáo để cai trị Việt Nam. Hội Tam Điểm liên minh với Công giáo ở Việt Nam để giữ chế độ thuộc địa và quyền lợi chung của hai bên. Đại đa số những người tham gia chỉ huy quân sự tấn công chiếm Việt Nam là thành viên Tam Điểm. Toàn bộ Tổng ủy viên quân sự và khoảng 70% Thống đốc quân sự Nam kỳ thuộc hội Tam Điểm. Việc liên kết giữa Tam Điểm và Công giáo để bình định Nam kỳ là điều nhất thiết để thiết lập bộ máy chính quyền thực dân tại đây.

Song song với sự phát triển và bình định thuộc địa, những người thực dân tiên phong đã tụ nhau lập hội để giải trí, thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt gặp gỡ trao đổi và tương trợ nhau. Họ lập ra nhóm yêu nghệ thuật, âm nhạc, hội quần ngựa, hội chơi, hội thể thao, hội đua xe... Người Pháp đã xây nhà đấu xảo, một số điểm giải trí, nhiều nhà thờ... Cùng thời điểm đó các chi nhánh Tam Điểm bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam khi thực dân Pháp đã hầu như nắm trọn nước ta. Từ năm 1858 đến năm 1896, Đông Dương nói chung gần như do Pháp bảo hộ và cai trị. Từ năm 1897 đến năm 1913, Pháp bắt đầu thực hiện chính sách khai thác thuộc địa. Giai đoạn này đánh dấu thời kỳ hoàng kim của nước Pháp với nhiều thành công trong công cuộc bình định thuộc địa. Hội Tam Điểm đóng vai trò quyết định trong công cuộc bình định thành công rực rỡ ở Đông Dương. Mối quan hệ tự nhiên giữa những người Cộng hòa và Tam Điểm trở nên khăng khít, những thành viên Tam Điểm muốn khẳng định sự đóng góp của họ trên mọi lĩnh vực và vai trò rất quan trọng của Tam Điểm trong việc thành lập, củng cố nền Cộng hòa Pháp. Thời kỳ này, một số khá lớn thành viên Thượng nghị viện, Hạ nghị viện, Bộ trưởng, Chủ tịch hội đồng, thậm chí Tổng thống đều là thành viên Tam Điểm, chẳng hạn như Gambetta, Brisson, Floquet, Méline, Bourgeois, Férry, Rouvier, Dupuis, Combes, Emile (Chủ tịch hội đồng nhà nước), Doumer, Doumergue, Millerand, Viviani, Chautemps, và nếu ngẫu nhiên nhắc đến một vài nhân vật nổi danh thời đó, nhiều người là Tam Điểm. Nhiều nhân vật quan trọng trong chính phủ đều là các chức sắc trong Tam Điểm ở các chi hội khác nhau. Ngay cả triết lý và quốc hiệu của nền Cộng hòa Pháp cũng đều xuất phát từ tư tưởng Tam Điểm. Tam Điểm muốn thâu tóm mọi quyền bính trong tay, qua vụ thẻ lý lịch cá nhân "*Affaire des fiches*" làm rùm beng nước Pháp. Vụ này bùng lên vào ngày 28/10/1904 về cái gọi là "Kế hoạch trong sạch hóa đội ngũ sĩ quan" trong quân đội Pháp. Tướng André, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, thành viên Tam Điểm,

đã nhận được một danh sách chi tiết các thông tin về lai lịch cá nhân cùng quan điểm tôn giáo và chính trị của từng sĩ quân quân đội Pháp, tức là tư liệu đời tư của hai mươi bảy nghìn sĩ quan Pháp.

Danh sách này giúp cho các thành viên Tam Điểm cấp lãnh đạo biết được tư tưởng, thành phần của từng sĩ quan trong quân đội Pháp để dễ dàng thực hiện chính sách nâng đỡ những sĩ quan Tam Điểm, nhanh chóng kiểm soát bộ máy chính quyền Pháp ở khắp nơi. Vụ này do báo chí phe đối lập phanh phui. Vụ việc thể hiện rõ sức mạnh của Tam Điểm trong bộ máy chính quyền Pháp. Hội Tam Điểm muốn bố trí các thành viên Tam Điểm trong bộ máy chính quyền và thâu tóm toàn bộ quyền lực trong quân đội. Nhân danh là dân chủ bình đẳng, vụ "thẻ lý lịch cá nhân" đã nói lên sự mâu thuẫn trong phương châm bình đẳng của nền Cộng hòa - Tam Điểm. Sự mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực hành càng bộc lộ rõ hơn qua việc thành lập chi nhánh Tam Điểm ở Việt Nam. Vụ "thẻ lý lịch cá nhân" cũng bộc lộ rõ những bí mật trong việc loại bỏ hay nâng đỡ những tín đồ Công giáo không theo tư tưởng Tam Điểm trong bộ máy chính quyền. Bên ngoài, vì lợi ích chung Tam Điểm tất yếu liên kết với những tín đồ Công giáo gốc Pháp ở Việt Nam. Cuốn sách *Quand les Missionnaires rencontraient les Vietnamiens (1920-1960)*[1], do Karthala xuất bản năm 2008, cũng nhắc rất nhiều đến vai trò của thực dân Tam Điểm ở Đông Dương. Để thành công trong việc truyền đạo Ki-tô ở Đông Dương, các nhà truyền giáo cũng phải dựa vào thế lực của hội Tam Điểm. Mặc dù có những mâu thuẫn ngầm, công kích nhau để tranh giành ảnh hưởng, bất đồng trong quan niệm triết lý và chủ trương giáo dục, các thành viên Tam Điểm đã thành công trong việc thành lập những chi hội đầu tiên ở Đông Dương, và các nhà truyền giáo cũng lan tỏa được ở xứ này.

Song song với việc mở chi nhánh, hội Tam Điểm thành lập được thư viện nhân dân, ra tờ báo *Indochine populaire* (Đông Dương nhân dân) ở 57 phố des Pavillons Noirs[2], Hà Nội, và lập được nhà thờ riêng của Tam Điểm trên khu đất rộng 8.000m² ngay giữa Hà Nội, nhà thờ ở Sài Gòn. Các nhà truyền giáo cũng xây dựng thành công nhà thờ lớn ở Sài Gòn, Hà Nội, và nhiều nơi ở miền Trung.

---

[1] *Khi những nhà truyền giáo gặp người Việt (1920-1960).*

[2] *Nay là phố Mã Mây - BT.*

Đó là bằng chứng hùng hồn của sự song tồn và thỏa hiệp để bảo vệ

quyền lợi của cả Công giáo, Tam Điểm cũng như chính quyền Pháp ở Đông Dương.

Chương III
Thành lập Hội Tam Điểm Đông Dương

1. TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG

Ngày 6 tháng 6 năm 1884, nhà Nguyễn buộc phải ký Hòa ước Patenôtre (hay còn gọi là Hòa ước Giáp Thân) với thực dân Pháp tại Huế, đại diện phía Pháp là Jules Patenôtre. Việt Nam bị chia làm ba xứ với ba chế độ quản lý khác nhau, nhưng thực chất Việt Nam đã nằm hoàn toàn trong tay thực dân Pháp. Nam kỳ là thuộc địa của Pháp, Bắc kỳ và Trung kỳ chịu sự bảo hộ của Pháp. Trên nguyên tắc, triều đình nhà Nguyễn được quyền kiểm soát Bắc kỳ và Trung kỳ, nhưng thật ra chỉ là chính quyền thoi thóp đang chuyển dần vào tay chính quyền Pháp.

Năm 1887, Pháp thành lập Liên hiệp Đông Dương. Trong suốt thời kỳ thuộc địa, nhiều thành viên Tam Điểm được giao trọng trách lớn ở Đông Dương. Thống kê danh sách các nhân vật Toàn quyền Đông Dương, rất nhiều người là thành viên Tam Điểm: Jean Antoine Ernest Constans (16/11/1887 đến 4/9/1888), Paul Doumer (13/2/1897 đến 10-1902), Jean Baptiste Paul Beau (15/10/1902 đến 5/6/1908), Antony Wladislas Klobukowski (24/9/1908 đến 31/5/1911), Maurice Long (20/2/1920 đến 15/3/1923), Martial Henri Merlin (10/8/1923 đến 27/7/1925), Alexandre Varenne (18/11/1925 đến 18/11/1928)... Số thành viên Tam Điểm lên tới mười tám trong số ba mươi hai Toàn quyền Đông Dương. Trong số đó có mười người giữ quyền tạm thời trong khoảng thời gian ngắn trong khi chờ chính phủ bổ nhiệm người mới, như vậy hai mươi hai người chính thức được bổ nhiệm trong đó có mười lăm thành viên Tam Điểm (khoảng 69%). Cao ủy có tám người thì sáu trong số đó là hội viên Tam Điểm (75%), bốn

Tổng ủy viên đều là hội viên Tam Điểm (100%), trong giai đoạn xâm lược và chiếm đóng trước khi bình định Nam kỳ từ năm 1858 đến năm 1879, chín trong số mười sáu Thống đốc quân sự là thành viên Tam Điểm (gần 60%). Thống kê này cho thấy đại đa số các nhân vật quan trọng trong bộ máy chính quyền thuộc địa là thành viên hội Tam Điểm. Đông Dương có thể được coi như thuộc địa của hội Tam Điểm.

Để củng cố thuộc địa, các hội Tam Điểm Pháp bắt đầu công khai mở chi nhánh sang các nước thuộc địa như Sénégal, Maroc, Tunisie, Tân Đảo v.v... Đông Dương cũng nằm trong mục tiêu của Tam Điểm. Hội Tam Điểm bắt đầu thực hành chiến dịch mở rộng địa bàn sang thuộc địa Đông Dương. Thực chất nhiều thành viên Tam Điểm đã đến trước là những người tiền phong đi khai phá thuộc địa. Nhiều sĩ quan, giáo chức và công chức Pháp cao cấp phục vụ tại Việt Nam là thành viên Tam Điểm. Việc thành lập chi hội trực thuộc ở Đông Dương là thiết yếu để các thành viên Tam Điểm có điều kiện sinh hoạt tiếp tục và phát triển hội viên mới. Hơn nữa, nhiều nhân vật quan trọng trong Bộ Thuộc địa là thành viên Tam Điểm, nên sự có mặt công khai của Tam Điểm ở Đông Dương là điều hiển nhiên để phô trương thế lực. Hội Tam Điểm, có thể nói, gắn chặt với sự phát triển thuộc địa Pháp và chính sách thực dân ở Đông Dương. Các huynh đệ Tam Điểm nhanh chóng họp nhau một cách chính thức và thỉnh ý Đại sư xin thành lập hội tại bản địa nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, gặp gỡ công khai trong nhóm và tương trợ lẫn nhau.

Sự thắng lợi to lớn của việc khai thác thuộc địa đã đem lại cho họ lợi nhuận lớn và vị trí vững chắc trong xã hội thuộc địa. Họ là những chủ thầu, chủ kinh doanh khai thác trên các lĩnh vực kinh tế (tàu biển, thương thuyền, hải quan, đường sắt, đồn điền cao su, cà phê...). Hội Tam Điểm Pháp tại mẫu quốc bắt đầu tỏa nhánh đến thuộc địa. Chi nhánh đầu tiên thành lập ở Việt Nam thuộc Đại Đông Pháp. Sau đến các chi hội thuộc Đại đường Pháp và hội "Nhân quyền".

2. HỘI TAM ĐIỂM VÀ VẤN ĐỀ KẾT NẠP NGƯỜI BẢN XỨ

Hội Tam Điểm ban đầu chỉ hoàn toàn gồm những người Pháp - thành viên Tam Điểm đi tiên phong sang khai thác thuộc địa vì nhiều mục đích: vì công vụ và để làm giàu. Người bản xứ không được quyền tham gia với nhiều lý do.

Lý do thứ nhất là tình hình lịch sử Đông Dương bắt đầu có nhiều biến động. Sự bất bình đối với chế độ bóc lột ở thuộc địa đã dấy lên những phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số lượng nhà tù nhiều hơn trường học. Trong các đồn điền cao su, cà phê, hầm mỏ, người bản xứ bị bóc lột và bị khinh thường thậm tệ, nhiều người bị chết vì rừng thiêng nước độc. Phương châm "tự do, bình đẳng, bác ái", ghi trong Hiến pháp của Cộng hòa Pháp chỉ là sự giả hiệu. Phản ứng chống bóc lột người lao động bản xứ ở các đồn điền khai thác thuộc địa thể hiện qua nhiều câu ca dao Việt Nam thời kỳ đó. Nhân phẩm người Việt bị rẻ rúng và chà đạp. Những người nông dân bị mất đất biến thành công nhân bất đắc dĩ vì nghèo khổ. Cái nghèo hèn đeo đẳng người dân mất nước. Số phận của họ còn thua gốc cây cao su mà chính tay họ trồng trên mảnh đất quê hương để làm lợi cho thực dân xâm lược.

"Cây cao su quý hơn người,

Mỗi khi cây bệnh, cây thời nghỉ ngay

Lang ta cho chí lang tây

Đêm đêm chăm sóc, ngày ngày chăm lo."[1]

---

[1] *Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1996, tr. 124-126.*

Hay:

"*Cao su xanh tốt tuyệt vời*

Mỗi cây bón một xác người công nhân."

Những người dân nghèo đến đất đỏ lao động tưởng kiếm được tiền nhưng thực chất bị đi đày khổ sai xa gia đình và bị bóc lột tận cùng.

"*Cao su đi dễ khó về,*

Khi đi trai tráng khi về bủng beo."

"*Chẳng tu thì cũng như tù chung thân.*"

Người nông dân vừa bị mất đất, vừa phải gánh chịu sưu cao thuế nặng đè lên lưng.

"Hỡi trời cao đất dày

Thuế sao nặng thế này

Làng xóm đành bóp bụng

Bán đìa nộp cho Tây."

Cuộc sống khổ cực, đủ các loại thuế đè nặng lên người lao động, nhà toàn quyền còn ra lệnh bắt dân phải mua rượu và thuốc phiện để kiếm lợi nhuận, đẻ ra đủ loại sưu thuế vô lý.

"Thuế đò, thuế chợ, thuế xia

Bây giờ Tây bắt đóng thổ thuế đinh."

Nạn bắt lính đi tham gia đội quân viễn dương, nạn bắt đi khai thác mỏ ở các thuộc địa đã tạo nên phản ứng của các tầng lớp nhân dân.

"Bỏ thây xứ lạ, làm giàu cho ai

Hỏi rằng đi chết cho ai

Cho nhà, cho nước cho tình cho em

Hay là đi chết vì tiền."

Đất của họ, nhưng họ phải bỏ đi làm thuê hầm mỏ, đồn điền cho Tây.

"Nhà tan nước mất ai ơi,

Cái thân nô lệ, sống đời cu li."

Cuộc sống của kẻ làm thuê, làm phu đồn điền trong mỏ than khổ cực nhưng không được trả lương đúng mức; mọi lợi nhuận rơi vào túi những ông chủ thực dân cộng thêm nỗi nhục mất nước và bị chà đạp đã khơi dậy sự phản kháng của người dân Việt Nam. Đầu thế kỷ XIX, xuất hiện gần như cùng một lúc hai phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu đề xướng và phong trào Duy Tân do cụ Phan Châu Trinh lãnh đạo. Hai phong trào thu hút được nhiều nhân sĩ yêu nước ủng hộ và tham gia, nhưng cả hai đều bị Pháp dẹp ngay vào năm 1908.

Hội Tam Điểm thành lập trong giai đoạn nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào ái quốc đang bùng nổ, các thành viên Tam Điểm lo

ngại các huynh đệ bản xứ vào hội sẽ nhân danh bình đẳng và tự do để đòi quyền lợi cho dân tộc họ. Sự tiên báo này đã được Toàn quyền Varenne, một người tương đối khá tiến bộ trong chính sách đối với người bản xứ, phát biểu trong bài diễn văn của ông rằng, một người Việt dù ở Nam kỳ hay ở Bắc kỳ, cũng không bao giờ coi nước Pháp là quê hương của họ được. Nỗi lo sợ này đã ngăn cản việc kết nạp người bản xứ vào hội Tam Điểm.

Mặt khác, hội Tam Điểm chỉ kết nạp những thành phần xuất sắc trong xã hội tức là những người thường bị coi là "cứng đầu" không mấy khi chịu bị coi thường và luôn đấu tranh để giành chỗ đứng cho chính bản thân và cho dân tộc họ. Việc đấu tranh đòi quyền tự do và bình đẳng là điều không thể tránh khỏi trong tâm trí của những người tài giỏi xuất sắc.

Việt Nam chính thức là thuộc địa của Pháp sau hiệp ước Patenôtre (1884). Mối liên hệ Pháp - Việt trước kia chưa có. Người Việt Nam không biết gì về tổ chức này. Ngay khi Việt Nam trở thành thuộc địa Pháp, ở Việt Nam chỉ có tầng lớp trí thức Nho học cũ. Đại đa số lớp nhà nho không chấp nhận lối sống của Tây và cũng không muốn thỏa hiệp với kẻ xâm lược. Họ đã bị chính sách thực dân bỏ rơi bằng cách vô hiệu hóa lớp người Nho học, không sử dụng họ vì đại đa lớp trí thức này mang nặng nghĩa trung hiếu với triều đình và lòng ái quốc không chịu khuất phục.

"Nào có ra gì cái chữ Nho,

Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co.

Chi bằng đi học làm ông Phán,

Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò."[1]

---

[1] *Thơ Tú Xương (1870-1907), tức Trần Tế Xương, là một nhà Nho quê ở Nam Định. Ông sinh ra giữa lúc nền Nho học dần đi đến chỗ suy tàn cuối triều Nguyễn. Cuộc đời gắn liền với thi cử, tuy nhiên, cả tám lần đi thi, ông đều chỉ đậu tới Tú tài. Tú Xương nổi tiếng trong việc làm thơ trào phúng, châm biếm hiện thực xã hội Việt Nam trong buổi giao thời - BT.*

Vì bị vô hiệu hóa, lớp trí thức cũ càng tăng thêm lòng căm thù Pháp.

Lý do hết sức hiển nhiên cho việc không kết nạp người bản xứ là vì lợi ích riêng của người Pháp ở thuộc địa. Lợi ích thuộc địa không thể tạo nên sự bình đẳng giữa kẻ bóc lột và kẻ bị bóc lột.

Thành viên Tam Điểm Pháp phải bảo vệ quyền lợi của chính họ. Họ buộc phải nhắm mắt làm ngơ những việc làm phi nhân bản ở thuộc địa vì quyền lợi chung của người Pháp.

Bản thân những thành viên Tam Điểm là những ông chủ thuộc địa, những nhà chức trách trong quân đội, chính quyền thuộc địa, họ phải tán thành hoặc im lặng để không tiếp nhận người bản xứ vào hội.

Ngay những thành viên Tam Điểm tiến bộ cũng không dám bênh vực và phản đối việc phân biệt đối xử với người bản xứ và từ chối không kết nạp những thành viên xuất sắc gốc An Nam. Trường hợp ông Schneider và ông bạn luật sư người Pháp có tư tưởng tiến bộ là một điển hình. Hai ông đều là những thành viên Tam Điểm, họ rất coi trọng tài năng và quan hệ thân thiết với một số người bản xứ. Họ rất khâm phục tài năng của Nguyễn Văn Vĩnh, song chẳng ông nào dám giới thiệu. Chỉ nhân dịp một chuyến đi hội chợ triển lãm ở Pháp của Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh, họ mới mời ông lên Paris chơi và giới thiệu với mấy người bạn thuộc hội "Nhân quyền" Pháp. Nguyễn Văn Vĩnh được kết nạp vào hội trong thời gian ngắn ở Pháp, không cần qua thử thách sáu tháng, thậm chí cả năm để kết nạp như trong điều lệ. Điều này chứng tỏ tài năng xuất chúng của Nguyễn Văn Vĩnh và vai trò của hai nhân vật người Pháp này trong Tam Điểm ở Đông Dương trong việc bảo lãnh cho Nguyễn Văn Vĩnh. Hai vị hội viên Tam Điểm này buộc tìm cách kết nạp Nguyễn Văn Vĩnh vào Tam Điểm để tạo nên mối dây ràng buộc vô hình huynh đệ và nuôi hy vọng sự cắm rễ vào lớp trí thức bản xứ thông qua tiếng tăm của Nguyễn Văn Vĩnh. Việc đưa Nguyễn Văn Vĩnh sang Pháp nhằm được kết nạp vào hội Tam Điểm để tránh phản ứng và mâu thuẫn của các huynh đệ Tam Điểm thực dân ở Đông Dương lúc bấy giờ.

Một lý do cơ bản khác về việc không chấp nhận người bản xứ chính là sự phân biệt chủng tộc ngấm ngầm bên trong đại đa số những người tự coi mình đi khai sáng văn minh. Cuối thế kỷ XIX, chế độ nô lệ chưa được xóa bỏ trên thế giới. Người da trắng luôn tự nhận họ là người thuộc tầng lớp trên đối với người da màu. Trường hợp gia đình Đỗ Hữu Vị là một điển hình. Đỗ Hữu Vị sinh ra trong một gia đình quan lại[1] sớm thức thời gia nhập vào hàng ngũ dân Tây và ủng hộ nước Pháp thuộc địa. Đỗ Hữu Vị tốt nghiệp trường sĩ quan Saint-Cyr ở Pháp với hàm thiếu úy. Ông vinh dự là người Việt Nam đầu tiên đỗ bằng lái máy bay chiến đấu ở trường quân sự nổi tiếng tại Pháp. Tốt nghiệp sĩ quan, Đỗ Hữu Vị được tuyển mộ vào quân đoàn lính lê dương và từng được Toàn quyền Albert Sarraut mời vào làm nghiên cứu chủ đề không quân tại

Đông Dương.

---

[1] Đỗ Hữu Vị là con trai của Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, Tong-doc honoraire (Tổng đốc danh dự) - một chức danh do người Pháp bổ nhiệm - BT.

Sau đó viên thiếu úy này trở lại Pháp tham gia chiến tranh chống Đức, bị thương hai lần nhưng vẫn xung trận và được thưởng Bắc đẩu bội tinh vì lòng dũng cảm hy sinh cho nước Pháp. Theo Gibert David, trong cuốn *Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946* (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), ngày 11 tháng 11 năm 1920, các nhà chức trách thuộc địa Đông Dương họp bàn xây đài tưởng niệm những người lính hy sinh vì Tổ quốc Pháp trong đại chiến thế giới thứ nhất ở Huế, Sài Gòn và Hà Nội. Các bậc sinh thành được vinh hạnh mời đến dự lễ tưởng niệm nhưng cha mẹ của Đỗ Hữu Vị không được mời. Không một người lính gốc Việt nào hy sinh vì Tổ quốc Pháp được khắc tên trên bảng vàng kỷ niệm. Toàn quyền Martial Merlin (1922- 1925) nhất định không thừa nhận công lao của những người lính gốc bản xứ đã hy sinh vì nước Pháp. Toàn quyền Merlin là một huynh đệ Tam Điểm mang tư tưởng phân biệt chủng tộc. Em trai Đỗ Hữu Vị tốt nghiệp bác sĩ loại giỏi ở Pháp, được học bác sĩ nội trú dành cho những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc. Năm 1923, sau khi tốt nghiệp, bác sĩ này trở về Việt Nam, nộp đơn xin thi vào chức phụ tá giám đốc bệnh viện lao quân đội ở Sài Gòn nhưng bị từ chối vì ông là người Pháp nhưng gốc bản xứ, tức là người Pháp trên giấy tờ chứ không phải thực sự có dòng máu Pháp chảy trong người. Ông tức giận, viết thư phản đối gửi đến Toàn quyền Merlin nhưng lá thư không được phúc đáp. Ông bỏ theo Nhật với hy vọng chống thực dân và mất trong trận ẩu đả giữa những người lính Nhật và Triều Tiên. Thực chất, người Pháp thực dân da trắng chính cống không thừa nhận làm việc dưới sự chỉ huy của dân bản xứ. Một chức vị có chút quyền lực này lại được trao cho tay bác sĩ Pháp bị kỷ luật vì lỗi nghề nghiệp làm chết một bệnh nhân ở Marseille. Đông Dương trở thành chỗ dành cho những người Pháp bị kỷ luật hoặc thất nghiệp đành chấp nhận ra đi để kiếm sống. Chính quyền thuộc địa thà chấp nhận người Pháp học vị thấp, đạo đức tồi lãnh đạo hơn là mấy tay "An Nam" nhỏ con, da vàng chỉ đạo họ và chính quyền tin tưởng hơn mấy tay Tây gốc mẫu quốc. Điều lo ngại này không phải không có lý. Sự phân biệt chủng tộc thể hiện qua những ngôn từ mà thực dân Pháp dùng để miệt thị người bản xứ "mọi, nhà quê, dân Annamit".

Những cuộc hôn nhân giữa người Pháp và người bản xứ thường bị

xem là hôn nhân dị tộc và coi khinh. Nhiều người Pháp không đến dự, hoặc tìm cách nói xấu và phản đối như trường hợp giáo sư Yes Baillif đến Đông Dương làm việc và dạy học ở Đà Lạt. Do ham thích săn bắn, ông đã quen thân với già làng Jarai, ông sống với người Jarai và học nói thành thạo tiếng Jarai và đem lòng yêu con gái của già làng. Việc làm giấy tờ xin cưới của ông gặp khó khăn mặc dù đã có sự giúp đỡ của người bạn trong Tam Điểm là sĩ quan Louis Vidal. Thời đó, tất cả những người Thượng được người Pháp gọi một cách miệt thị là "lũ mọi" và coi như lũ khỉ trên rừng giống như người châu Âu coi khinh người Digan. Nhiều giáo sư dạy ở trường Yersin đã phản đối cuộc hôn nhân mà họ cho là không cùng chủng tộc. Họ đã nhân danh bảo vệ thuần giống da trắng để ngăn cản cuộc hôn nhân "dị tộc" này. Người con gái Jarai không có khai sinh thời đó, Vidal đã phải đích thân ra Sài Gòn giúp bạn làm giấy khai sinh cho cô gái dân tộc Jarai. Thật kỳ cục, trong giấy khai sinh ghi cha mẹ không biết mặc dù cha mẹ cô chính là già làng nổi tiếng khắp Jarai. Lễ cưới được tổ chức ở phòng thị chính Đà Lạt. Già làng Jarai mặc khố chạy vào bất chấp những cái nhìn khinh bỉ của một số người Pháp có mặt, ông chẳng biết tiếng Pháp, ông làm một số dấu hiệu theo nghi lễ gả con của người Jarai, rồi bỏ đi. Chàng rể Tây từ đó bị đồng hương gọi là "thằng mọi". Sự phân biệt đối xử ngay cả ở những nơi giải trí như rạp chiếu bóng, thính phòng, người bản xứ chỉ được vào một số nơi nếu đi cùng một người Pháp da trắng. Trong một lần tổ chức khiêu vũ ở Hà Nội, vợ của Toàn quyền Varenne - một phụ nữ tiến bộ mời một vị công chức bản xứ ra nhảy, đã gây tiếng xì xầm và những ánh mắt thiếu thiện cảm với quý bà phu nhân Varenne. Việc bà dám nhảy cùng một người đàn ông bản địa này dù có thể tài năng giỏi hơn nhiều người Pháp có mặt ở đấy thể hiện sự coi trọng và bình đẳng của bà, nhưng lại bị đánh giá là hành vi thấp hèn đi với bọn "Annamit". Trong cuốn sách *Conseils d'hygiène aux coloniaux en partance pour l'Indochine* (Một số lời khuyên về an toàn vệ sinh khi đến Đông Dương) của bác sĩ C. Spire (éditions de la Dépêche Coloniale, 1923) người đọc thấy rõ sự hạ thấp người bản xứ, khi tác giả khuyên đề phòng các bệnh truyền nhiễm qua đường sinh dục, người Pháp độc thân nên tránh tuyệt đối việc quan hệ sinh lý với phụ nữ bản địa. Nhưng chắc chắn khó kiêng giữ được, tốt nhất là cưới tạm thời (*mariage temporaire*) một người bản xứ để tránh bệnh truyền nhiễm. Việc cưới người bản xứ không phải vì tình yêu, mà tạm thời giải quyết sinh lý nhất thời khi đi sang Đông Dương làm việc. Các vị linh mục và các bà xơ mới phải lập ra trại trẻ mồ côi và có chính sách ngầm ưu tiên dành riêng cho trẻ con lai. Vidal - một sĩ quan Pháp, thành viên chức sắc Tam Điểm thuộc chi nhánh "Chùa 9" (*Pagode IX)* lấy con gái[1] của Hộ pháp Phạm

Công Tắc đã bị thuyên chuyển công tác sang tận Lào mặc dù con nhỏ chưa thôi nôi, cách Sài Gòn hơn ba trăm cây số (thời đó giao thông đi lại khó khăn), vì một sĩ quan Pháp không được cưới một người phụ nữ bản xứ. Mặc dù trong Hiến pháp không ghi quy định, nhưng đó là luật bất thành văn đối với những người muốn tiến cao trong nghề nghiệp khi sang Đông Dương. Ngay những người Pháp còn thấy chướng tai gai mắt vì sự phân biệt đối xử với vợ con họ, huống hồ những gia đình thuần Việt. Năm 1902, Trường Y Đông Dương (École de Médecine de Indochine) do Alexandre Yersin mở, với chính sách đào tạo người bản xứ để họ tự đảm nhiệm cùng người Pháp ở Đông Dương, nhưng họ không được học thành bác sĩ, chỉ được học ở mức y tá, y sĩ và giữ chức vụ nhỏ không quan trọng trong các cơ sở y tế. Năm 1909, Lê Văn Chinh và một số sinh viên y khoa xuất sắc được sang Pháp thực tập. Ông đã tận mắt nhìn thấy sự phát triển của nền y học Pháp, nên đã đề nghị chính quyền cho học tiếp để thành bác sĩ. Chính quyền thuộc địa chẳng vội vàng gì để cho đám bản xứ dám đặt ngang hàng với họ, do đó kiến nghị ham học này đã bị chính quyền lờ đi không hồi âm. Sự bất bình ngấm ngầm tạo nên sự phân chia và khoảng cách giữa người bản xứ và người Pháp. Đến những năm 1930 mới có một vài người bản xứ được đào tạo thành bác sĩ tại Đông Dương. Ông Nguyễn Văn Hương, mặc dù phụ trách một phòng nghiên cứu ở Viện Pasteur năm 1934, một chức vụ thường dành cho người Pháp, bị chính quyền từ chối không cho qua mẫu quốc thực tập. Sự bất bình này đã thức tỉnh ông cùng nhiều trí thức bản địa khác, như bác sĩ Tôn Thất Tùng đi theo kháng chiến để giành độc lập.

---

[1] Louis Vidal, lãnh đạo hội Tam Điểm FB3 (Free Brothers, Huynh đệ tự do), vợ ông tên là Phạm Thị Tốt - BT.

Một lý do nữa: thời điểm đó hầu như chưa có người bản địa nói tiếng Pháp thành thạo. Goupillon trong lá thư trả lời cũng lấy lý do dân thuộc địa vẫn chưa được phát triển để trì hoãn việc kết nạp người bản xứ. Sau hai mươi năm khai sáng văn minh, một lớp trí thức Việt Nam Tây học mới xuất hiện. Lối thi cuối cùng theo Nho học chấm dứt năm 1919 cũng đánh dấu sự ra đời của một tầng lớp trí thức Việt Nam Tây học - những người mở màn cho một nền văn hóa mới hiện đại ở Việt Nam. Do đó việc kết nạp người bản xứ để bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng tại thuộc địa chỉ bắt đầu vào khoảng năm 1920. Một phần do việc những thành viên Tam Điểm kết nạp tại Pháp bắt đầu trở về nước và trường hợp như Nguyễn Văn Vĩnh có nhu cầu sinh hoạt thường lệ. Vấn đề kết nạp

người xuất sắc của bản xứ vào hội được đặt ra trước sự phản ứng của những huynh đệ Pháp. Những người anh em từ Pháp trở về ban đầu cũng không được tham gia. Họ viết thư gửi về cho các Đại sư, nên sự tham gia của người bản xứ thực sự chỉ bắt đầu xuất hiện ở khoảng năm 1920.

Vấn đề đưa người bản xứ vào hội chỉ được để cập chính thức trong những lá thư gửi về Đại đường vào đầu thế kỷ XX, tức là khoảng sau hơn hai mươi năm Pháp xâm chiếm Việt Nam, sau khi một lớp trí thức Tây học hình thành. Tuy nhiên, việc kết nạp người bản xứ vẫn gặp nhiều trở ngại do sự không đồng tình của nhiều thành viên trong hội Tam Điểm tại Đông Dương. Sau hơn ba chục năm (từ 1886, năm chi hội Tam Điểm đầu tiên thành lập ở Đông Dương), khoảng đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, hội Tam Điểm mới kết nạp các thành viên người Việt. Họ chính là những người sinh ra trong thời kỳ Pháp thuộc và chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp hoàn toàn. Việc kết nạp người bản xứ tại thuộc địa khó khăn vì có nhiều vấn đề đặt ra. Nếu đã chấp nhận người bản xứ tức là chấp nhận họ được bình quyền. Vì phương châm mà hội Tam Điểm đề cao là tự do, bình đẳng và bác ái. Tất cả đều là huynh đệ, như vậy chấp nhận người bản xứ vào, hội vô hình trung, thừa nhận quyền tự do, bình đẳng. Người bản xứ có thể ngang hàng với người Pháp. Việc này sẽ dẫn đến thành viên Tam Điểm Pháp chấp nhận trao quyền tự do, độc lập cho các huynh đệ. Đồng nghĩa với việc từ từ trao trả tự do, độc lập cho người Việt, trong khi những thành viên Tam Điểm Pháp muốn duy trì vai trò ưu tiên của kẻ thực dân.

Mối quan hệ ngang hàng, bình đẳng với đám dân bản xứ là điều không thể chấp nhận đối với kẻ thực dân. Tốt nhất là không kết nạp người bản xứ để phòng họ nổi loạn đòi dân chủ và bình đẳng cho huynh đệ bản xứ. Việc lo sợ người Việt đòi bình đẳng không phải là không có lý. Năm 1903, cụ Phan Bội Châu đã viết "Lưu Cầu huyết lệ tân thư", thông qua tình trạng đau đớn mất nước của Lưu Cầu để thức tỉnh người dân: Ông thấy cần mở mang dân trí, chấn hưng dân khí, bồi dưỡng nhân tài. Ngay từ khi thực dân Pháp đến Việt Nam đã có biết bao cuộc khởi nghĩa, nổi dậy chống Pháp. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân bắt đầu xuất hiện. Các nhà trí thức yêu nước Việt Nam đã nhận thức được vấn đề "mất nước", và "nô lệ". Những thành viên Tam Điểm lo xa sự bùng nổ tinh thần ái quốc của những huynh đệ tương lai gốc bản xứ là việc hiển nhiên đối với họ, nên phòng tránh trước.

Tại Pháp quốc, đối với các sinh viên Việt Nam sang du học, việc vào hội không gặp khó khăn như ở Việt Nam. Một số người Việt

qua Pháp du học đã được kết nạp vào hội Tam Điểm tại Pháp. Việc kết nạp tại Pháp cũng rất hạn chế, nhưng dễ dàng hơn ở Đông Dương. Bên Pháp, việc kết nạp đơn giản và dễ hơn vì hai lý do. Thứ nhất, số người bản xứ qua Pháp du học quá ít, hầu như là những thành phần xuất sắc hoặc con nhà giàu có, quý tộc và có chức quyền ở Đông Dương. Nếu Tam Điểm nhắm vào họ chính là nhắm vào tầng lớp trí thức xuất sắc, lớp điều khiển xã hội tương lai và là những người phục vụ trung thành cho nước Pháp sau này tại thuộc địa. Đám trí thức này trở về thường được trọng dụng, nên hội Tam Điểm mẫu quốc không ngần ngại kết nạp. Hơn nữa số người này quá ít, như muối bỏ biển, nếu họ ở lại Pháp thì không đủ sức để chống lại chính quyền, vì họ cần hội giúp đỡ trong việc làm và còn phải cạnh tranh rất lớn với người Pháp tại mẫu quốc. Mặt khác tại Pháp quốc, không tồn tại sự phân biệt giữa người bản xứ và kẻ thực dân rõ ràng và công khai như ở thuộc địa. Số lượng người này luôn luôn là thiểu số bé nhỏ đối với số đông người Pháp nên thành viên Tam Điểm không e ngại trong những cuộc bầu cử nội bộ. Mặc dù tham gia hội Tam Điểm, hoạt động của nhiều thành viên ái quốc Việt Nam đều bị theo dõi. Mật thám luôn theo sát Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường, Dương Văn Giáo… những người lãnh đạo phong trào sinh viên và hội người Việt tại Pháp. Chính quyền Pháp rất lo sợ những nhân vật Tam Điểm gốc bản xứ này khơi dậy lòng yêu nước và gây ra làn sóng chống lại chính quyền thực dân khi hồi hương, nên tìm cách ngăn cản ngay từ đầu. Tờ báo nào dám công khai bài trừ thực dân ngay tại Pháp sẽ bị cấm.

3. CÁC CHI NHÁNH TAM ĐIỂM Ở ĐÔNG DƯƠNG

Với khẩu hiệu đi khai sáng, hội Đại Đông Pháp mở chi nhánh đầu tiên ở Sài Gòn năm 1868. Sau khi Pháp xác lập được quyền bảo hộ Bắc kỳ và Trung kỳ, Việt Nam coi như hoàn toàn nằm trong tay Pháp. Song song với việc phát triển Công giáo để bình định Nam kỳ, chi nhánh Tam Điểm đầu tiên ra đời lấy tên "Đông phương Thức tỉnh" (*Le Réveil de l'Orient*) ngày 10/11/1886 tại Sài Gòn. Chưa đầy một năm sau, ngày 9/9/1887 chi hội thứ hai, đồng thời là chi hội đầu tiên ở Bắc kỳ thành lập lấy tên "Huynh đệ Bắc kỳ" (*La Fraternité Tonkinoise*) tại Hà Nội. Như vậy hội Tam Điểm đã có mặt tại hai thành phố lớn nhất của Việt Nam thời bấy giờ. Tại Huế, vì lúc đó còn triều đình nhà Nguyễn, việc thành lập hội chậm hơn. Sau sáu năm, đến năm 1892, hội mở thêm chi nhánh ở Hải Phòng, vì Pháp lúc này được quyền bảo hộ hai thành phố chính ở Bắc kỳ là Hải Phòng và Hà Nội. Hải Phòng là một bến cảng lớn của Việt Nam, thời bấy giờ lực lượng hải quân Pháp mạnh,

việc mở chi nhánh Hải Phòng cũng nhằm mục đích để các sĩ quan hải quân Tam Điểm sinh hoạt, chi nhánh lấy tên "Ngôi sao Bắc kỳ" (*L'Étoile du Tonkin*) thành lập ngày 21/7/1892. Năm 1908, chi hội thứ tư thành lập ở Sài Gòn do nhu cầu tăng thành viên và lấy tên "Những người nhiệt huyết vì Tiến bộ" (*Les Fervents du Progrès*) ngày 16/4/1913.

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam hoàn toàn thuộc quyền cai trị của Pháp, Đại đường Pháp và hội "Nhân quyền" bắt đầu mở chi nhánh tại Đông Dương.

Hội "Nhân quyền" là một chi nhánh Tam Điểm lớn tại Pháp cho phép phụ nữ được tham dự, đã có mặt ở Việt Nam vào năm 1920, nhưng một số thành viên của hội như ông Delmas có mặt ở Việt Nam từ năm 1913. Delmas đã gửi thư về Pháp cho ông André Lebey vừa là thành viên Tam Điểm, vừa là đại biểu của đảng Xã hội Pháp, đề xuất mở chi nhánh. Tuy nhiên không có phụ nữ An Nam nào được kết nạp vào hội Tam Điểm. Phụ nữ Việt Nam không tham gia Tam Điểm vì Hiến chương Anderson cấm và một phần phụ nữ Việt Nam vẫn còn bị định kiến nhiều trong chế độ phong kiến. Ngay chính nam giới Việt Nam cũng không chấp nhận việc phụ nữ đứng ra thảo luận về chính trị - xã hội giữa thế giới toàn nam giới, nhất là thời đó phụ nữ châu Á đi với người ngoại quốc vẫn bị đánh giá thấp và bị coi thường.

Đại đường Pháp là một hệ thống Tam Điểm lớn và mạnh tại Pháp. Năm 1906, tổ chức "Tương lai Cao Miên" (*l'Avenir Khmer)* được thành lập ở Nam Vang. Năm 1907, sau gần mười sáu năm đô hộ, chi nhánh Tam Điểm tại Trung kỳ mở sau cùng, vì lúc bấy giờ triều đình nhà Nguyễn đóng đô ở Huế, nên việc thành lập không phải đơn giản. Huế là một thành phố nhỏ, ít dân hơn Sài Gòn, Hà Nội và Hải Phòng. Hầu như về kinh tế, kinh đô nhà Nguyễn không có gì phát triển, thành phần trí thức và quan lại ở Huế còn rất phục tùng nhà vua. Năm 1907, Huế có chi nhánh duy nhất lấy tên "Tư tưởng tự do An Nam" (*La Libre Penssée de l'Annam*). Riêng việc đặt tên ở đây cũng khác so với các thành phố khác và các chi hội ở thuộc địa của Pháp (Ánh sáng, Thức tỉnh, Báo thức, Đèn pha, Ngôi sao...). Hội này lúc đầu thành lập ở Đà Nẵng, cảng lớn miền Trung để các sĩ quan, thủy thủ và công chức Pháp là thành viên Tam Điểm sinh hoạt. Nhưng do mâu thuẫn nội bộ, hội chuyển ra Huế. Ngày 19/6/1908, "Tổ ong phương Đông" (*La Ruche d'Orient*) thuộc Đại đường Pháp được mở tại Sài Gòn. Tháng 03/1912, "Những người Ê-cốt ở Bắc kỳ" (*Les Ecossais au Tonkin*) thuộc Đại đường Pháp mở ở Hà Nội. Năm 1908, chi hội "Vị tha và Tình Huynh đệ" (*Tolérance et Fraternité*) được thành lập, năm 1911 chi

hội này hợp nhất với chi nhánh "Huynh đệ Bắc kỳ" và vẫn giữ tên "Huynh đệ Bắc kỳ".

Khoảng những năm 1920-1925, các hội Tam Điểm bắt đầu kết nạp người bản xứ. Như vậy, ban đầu hội chỉ toàn người Pháp, đến năm 1920 một số thành viên Tam Điểm gốc Việt từ Pháp trở về, những thành viên Tam Điểm bản xứ này có nhu cầu sinh hoạt thường xuyên như bên mẫu quốc. Vấn đề kết nạp người bản xứ mới chính thức được đưa ra trong cuộc họp của Tam Điểm tại Đại đường. Ngày 22/1/1922, ông Goupillon gửi thư đề nghị nên để người bản xứ tham gia Tam Điểm, tạo nên những thành phần thân Pháp hoặc lập một hội riêng để thay dần người Pháp trong một số việc quản lý. Lá thư phúc đáp ngày 22/1/1924 trả lời rất khéo "*Tam Điểm không phân biệt màu da, chủng tộc và cũng không có quy định nào cấm kết nạp thành viên da màu.*" Căn cứ vào lá thư này, có thể khẳng định năm 1924 hội Tam Điểm tại Đông Dương bắt đầu chính thức cho người bản xứ sinh hoạt cùng và bắt đầu kết nạp thành viên gốc bản xứ. Goupillon bắt đầu thiết lập văn phòng bảo trợ cho Tam Điểm Tập sự trong đó có hai người bản địa là Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Văn Thinh. Như vậy Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Văn Thinh là những Tập sự Tam Điểm đầu tiên ở Đông Dương. Nguyễn Văn Vĩnh là người bản xứ đầu tiên được đưa sang Pháp để kết nạp vào hội Tam Điểm. Có thể nói, từ lúc đó các chi nhánh Tam Điểm bắt đầu kết nạp người bản xứ (song không phải tất cả các chi nhánh). Một số thành viên người bản xứ đã nhìn thấy tình huynh đệ giữa người Pháp và Việt khó tồn tại. Sự ghen tị và coi người bản xứ là luôn thấp kém hơn mình khiến nhiều người Pháp không muốn chấp nhận cho người bản xứ được giữ vị trí cao trong hội như trường hợp Phạm Huy Lục, đảng viên đảng Xã hội Pháp (SFIO), Chủ tịch Viện Dân biểu Bắc kỳ được bầu phụ trách hội Tam Điểm Khổng Tử trong đó có 60% thành viên là người bản xứ (chính xác hơn, sáu trong mười thành viên là người bản xứ). Hội Tam Điểm mẫu quốc toan dẹp nhưng còn lo ngại sự phản đối từ nhiều phía.

Hội "Khổng Tử" ở Hà Nội ra đời do Albert Janvier thành lập, bắt đầu thu hút nhiều trí thức xuất sắc tại bản địa, những người Tây học mang đậm ảnh hưởng văn hóa Pháp.

Một số trong những người này đã không ngần ngại tham gia cùng người Pháp tiến bộ lập hội Tam Điểm dành riêng cho họ lấy tên Khổng Tử chi nhánh số 614, gồm ba mươi hội viên bản địa. Hội trở thành nơi sinh hoạt của những trí thức lớn như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm Huy Lục...

Ngày 19/12/1929, tại Sài Gòn cũng lập chi hội "Khổng Tử" do luật sư Weil Lavau thành lập, ngày 4/1/1930 chính thức lấy tên "Khổng Phu Tseu" gồm Bùi Quang Chiêu, Trần Văn Tý, Nguyễn Xuân Bái và một số thành viên Việt Nam Tam Điểm từ Pháp du học về như Cao Triều Phát, Trịnh Đình Thảo tham gia.

Bộ mặt thật của một số thành viên Tam Điểm được bộc lộ qua việc kết nạp người bản xứ. Một số thành viên Tam Điểm nhập hội không phải vì lý tưởng "bác ái, huynh đệ" mà vì mục đích cá nhân, vì ảnh hưởng lớn lao của hội, vào hội họ nhận được sự ủng hộ triệt để trong sự nghiệp. Jean Lan, một thành viên Tam Điểm đã viết rất nhiều thư về Đại Đông Pháp, trong đó có lá thư tố cáo hội Tam Điểm Đông Dương, người đứng đầu hội là người An Nam và 60% thành viên của hội là người bản xứ. Jean Lan không chấp nhận người bản xứ "da màu" giỏi hơn lãnh đạo các huynh đệ "da trắng". Sự ghen tị hẹp hòi ích kỷ đã bộc lộ qua lá thư của Jean Lan gửi về Đại Đông Pháp ở Paris báo cáo trong lá thư đề ngày 10/1/1934 cho Đại sư về hội "Khổng Tử", đề nghị dẹp bỏ để tránh âm mưu phản loạn chống chính quyền thực dân vì hội chủ yếu là người bản xứ có tinh thần yêu nước quốc gia chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước sự phản ứng của một số huynh đệ tiến bộ, hội vẫn tồn tại.

Ngay tại Huế, hội Tam Điểm lấy tên "Tự do tư tưởng Trung kỳ" thành lập năm 1907. Nhân danh tự do tư tưởng nhưng hội lại không muốn người bản xứ tự do tư tưởng. Lá thư từ hội này tường trình buổi họp, gửi về Đại Đông Pháp viết "*Một điều thẳng thắn cần phải dự phòng trước, một ngày các huynh cho phép người bản xứ vào hội. Thưa các huynh, tôi nhắc các huynh điều quan trọng đầu tiên là các huynh nên kiểm tra kỹ lưỡng các đơn gia nhập. Vào hội Tam Điểm là một sự lựa chọn, nó đòi hỏi các huynh từ chối không thương tiếc những con ký sinh (kẻ ăn bám) vào Tam Điểm, những kẻ hãnh tiến chỉ đòi lôi các huynh vào các cuộc phiêu lưu vì lợi ích cá nhân của họ...*"

Những người bản xứ được ví như những con ký sinh bám vào hội. Thực chất thành viên Tam Điểm Pháp không muốn đón nhận người da màu vào trong hội, cùng sinh hoạt. Bản thân giữa những thành viên Tam Điểm Pháp cũng có sự hiềm khích và ghen tị nhau, huống hồ đối với người bản xứ. Hội Tam Điểm Đà Nẵng vì có vấn đề mâu thuẫn nội bộ phải chuyển về Huế. Nhiều lần dân bản xứ chứng kiến sự đụng độ gay gắt giữa người Pháp trong công việc. Thành viên Tam Điểm đuổi thẳng thừng một số tín đồ Công giáo làm việc từ thiện trong bệnh viện Saint Paul. Ngay giữa các huynh đệ cùng một tổ chức cũng đầy mâu thuẫn và hiềm tị nhau.

Điển hình như ở trong hội "Những người Nhiệt huyết Tiến bộ", đầy phe phái và tư tưởng đối nghịch. Ông Henri Donnadieu, cha của nhà văn nữ nổi tiếng Marguerite Duras[1], sang Đông Dương dạy ở trường Sư phạm Sài Gòn rồi định cư luôn ở Nam kỳ từ năm 1905. Ông gần như là một trong những người đầu tiên tham gia sinh hoạt hội Tam Điểm này. Năm 1912 ông xin thôi sinh hoạt. Ông đã chê trách tình trạng phe phái trong các hội Tam Điểm ở Đông Dương. Nhiều khi vì cả nể và muốn nhanh chóng có nhiều thành viên nên việc kết nạp vào hội dễ dàng hơn so với mẫu quốc và gây nên sự hiềm khích chống đối giữa cựu thành viên Tam Điểm kết nạp từ trước khi sang Đông Dương và tân thành viên.

Trường hợp một người bản xứ được kết nạp đầu tiên cũng là một bằng chứng sự thiếu tình bác ái của huynh đệ Tam Điểm. Theo Jacques Dalloz, Trần Nguyên Hạnh là người bản xứ được kết nạp đầu tiên vào Tam Điểm năm 1884, nhưng lại bị khai trừ vì không đóng nguyệt liễm[2]. Chẳng nhẽ những người xuất sắc trong một lĩnh vực mới được kết nạp lại không đủ tiền đóng lệ phí cho hội để bị khai trừ khỏi hội? Muốn kết nạp hội viên phải có hai thành viên Tam Điểm giới thiệu. Các thành viên Tam Điểm đều là những tay thực dân, điền chủ, kinh doanh, sĩ quan, những người khá giả hoặc có học, họ cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi giới thiệu một người bản xứ vào Tam Điểm để không bị mất mặt. Việc kết nạp phải được cả hội đồng ý. Nếu thành viên nghèo, không có tiền, không nghề nghiệp, thì chắc chắn không được kết nạp.

---

[1] Tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng viết về Đông Dương như Người tình, Đập chắn Thái Bình Dương...

[2] Tiền đóng hàng tháng cho đoàn thể - BT.

Thành viên này phải được những người huynh đệ tin tưởng và tôn trọng nên mới giới thiệu. Chẳng nhẽ trong lúc hoạn nạn, thành viên không còn tiền, thất cơ lỡ vận, tình huynh đệ bác ái của hai vị giới thiệu không thể giúp đóng nguyệt liễm tạm thời để đến nỗi phải khai trừ làm mất mặt người giới thiệu? Việc không đóng hội phí chỉ là cái cớ để từ bỏ hội. Thành viên tự bỏ hội bằng cách không đóng lệ phí. Phải chăng ông Trần Nguyên Hạnh thấy cô đơn, lạc lõng bị những ánh mắt coi thường và xoi mói giữa hội toàn người châu Âu? Bên cạnh đó, việc tham gia đi lại với người Pháp lúc đó vẫn bị coi là phản bội dân tộc và không được bạn bè cùng dân tộc nhìn với thiện cảm. Đi với Tây là một sự sỉ nhục cho gia đình.

"Nghèo thì ăn sắn ăn khoai,

Ai ơi đừng có theo loài thực dân."

Ông ta bị tẩy chay trong đám bạn bè lúc đó, phải chăng ông buộc từ bỏ hội bằng cách không đóng lệ phí cho hội? Cảm giác lạc lõng nên ông thôi đóng nguyệt liễm để được khai trừ, đó có thể là một lý do để giải thích. Thành viên này sau biến mất, không có tên tuổi gì ở Việt Nam. Thông thường, hội Tam Điểm kết nạp những người ưu tú, nhất là người bản xứ phải xuất sắc hơn mới được thừa nhận, như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh. Vậy nhân vật này biến mất, hay bị thủ tiêu sau đó? Những người bạn thân kết nạp ông vào cũng không nhắc đến ông nữa. Việc khai trừ có lẽ có gì đó bí ẩn. Thông thường hội Tam Điểm giữ thẻ hội viên và lý lịch từng người. Tất nhiên trong thời kỳ chính phủ Vichy, nhiều tài liệu bị đốt, cho nên việc giấu tông tích nhân vật này là một câu hỏi lớn được đặt ra. Có lẽ đấy chính là giới hạn đầu tiên của sự "bình đẳng", mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt chủng tộc, màu da, những điều này đã được ghi rõ trong Hiến pháp của nước Pháp. Hội Tam Điểm đã đề nghị bỏ chế độ nô lệ, người bóc lột người và sự kỳ thị chủng tộc.

Sau vụ đó, chẳng có thành viên bản xứ nào được kết nạp vì lý do họ còn thấp "dân trí". Một lý do khó hiểu vì Việt Nam có trường học từ rất lâu và có nhiều nhà nho nổi tiếng, như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh…

Nếu người Pháp chỉ đến để khai sáng văn minh và đem lại sự công bằng bác ái, tại sao biết bao nhiêu người Việt phải lầm than, phải bỏ tổ quốc đi làm lính đánh thuê, hay đi phu mỏ ở thuộc địa Pháp và phải hy sinh đổ máu? Thủ tướng Pháp Jules Férry, một thành viên Tam Điểm, tham vọng xây dựng đế chế thuộc địa và ông đề xướng ra "nhiệm vụ khai hóa các chủng tộc thấp kém (*Le devoir de civiliser les races inférieures*)[1]. Sử dụng từ này chứng tỏ Férry coi người bản xứ là chủng tộc thấp hèn, kém hơn. Việc từ chối kết nạp những người bản xứ vào Tam Điểm là hiển nhiên. Khi đã coi ai là thấp hèn hơn mình thì sự bình đẳng và dân chủ rất khó thực thi. Cũng như ở các thuộc địa khác của Pháp, Congo Brazzaville và Bắc Phi, việc kết nạp người bản xứ là cả một vấn đề. Ở Việt Nam, vấn đề này càng trở nên nóng hổi, vì các phong trào nổi dậy đòi độc lập ngay từ ngày đầu của chế độ thực dân, nên huynh đệ Tam Điểm rất ái ngại. Các nước châu Phi, vốn nhu mì và "dễ bảo" hơn. Đám "An Nam cứng đầu" không muốn làm nô lệ vì bản thân đất Việt có một nền văn hóa lâu đời, và một truyền thống đấu tranh giành độc lập. Ngay những phụ nữ như Trưng Trắc và Trưng Nhị

trả thù cho chồng đã dấy quân khởi nghĩa, bà Triệu cũng đứng lên đuổi giặc ngoại xâm. Việc đồng hóa người Việt Nam không thể dễ dàng như các nước châu Phi. Sự lo nghĩ này được đặt ra hàng đầu trong các cuộc họp. Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 đã chứng minh sự lo ngại đó là hoàn toàn đúng. Chính Việt Nam là lá cờ đầu để các nước thuộc địa châu Phi bắt chước đi theo đòi độc lập như Algérie, Congo, Tunisie, Maroc…

---

[1] Jules Férry gạch dưới để nhấn mạnh chữ "thấp kém".

Thủ tướng Pháp Jules Férry, thành viên Tam Điểm, cùng đại đa số các huynh đệ Tam Điểm muốn áp dụng chính sách đồng hóa người bản xứ vì lý tưởng nhân đạo. Thực chất họ muốn tạo đội ngũ tự quản thuộc địa tại chỗ.

Họ mở trường Y, Sư phạm, Luật, trường Canh nông. Bộ Thuộc địa ra đời, với các lãnh đạo chủ chốt là người Tam Điểm. Đông Dương trở thành một thuộc địa đem lại nhiều lợi nhuận cho Pháp. Jules Ferry muốn mở rộng thuộc địa ở Bắc kỳ lên tận Lạng Sơn. Sự thất bại ở Lạng Sơn năm 1885 đã làm cho Jules Férry mất chức Thủ tướng Pháp. Tuy nhiên, Chính phủ Pháp tăng cường mọi phương tiện để mở rộng đế chế thuộc địa Pháp. Pháp đã cho lập quân đội thực dân chuyên nghiệp để bảo vệ lãnh thổ chiếm được. Chủ trương "Pháp - Việt đề huề" của các nhà cầm quyền Tam Điểm liệu có thể thực thi khi sự phân biệt đối xử khác nhau giữa người bản địa và người Tây? Những thành viên Tam Điểm Pháp sẽ làm gì để thực hiện được khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" tại Đông Dương? Hội Tam Điểm ban đầu mở ra nhằm mục đích huynh đệ, bác ái và bình đẳng giữa những người Âu châu đi công tác ở thuộc địa và không có ý định kết nạp người bản xứ. Họ chỉ lo tạo công ăn việc làm và đoàn kết giữa người Pháp đi khai thác thuộc địa. Hội viên Tam Điểm thuộc Đại Đông Pháp đến Việt Nam khi mở chi nhánh ở Bắc kỳ thì khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" đã biến đổi thành khẩu hiệu "Lao động - Đoàn kết - Tiến bộ" in ngay trang đầu cuốn sách giới thiệu hội "Nhân quyền" xuất bản tại Việt Nam. Điều này ngầm hiểu mục đích của hội ban đầu không muốn người bản xứ đứng ngang hàng bình đẳng với người đi khai thác thuộc địa, hay nói một cách khác người da vàng không được quyền ngang tầm người da trắng, mặc dù Hiến chương của hội không cấm người da màu, không cấm người quốc tịch khác vì huynh đệ trên thế giới liên minh nhau để xây dựng một trật tự mới.

Năm 1935, một nhóm Tam Điểm và Cao Đài hoặc thân Cao Đài

mở hội "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" (*Carrefour International de Fraternité*) ở Tây Ninh. Hội này thống nhất mở *"Huynh đệ Tự do 3"* (FB3-Free Brothers 3) ở các nước châu Á và các nước thuộc địa. FB3 trực thuộc "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế". FB3-Indo "Huynh đệ Tự do 3-Đông Dương" ra đời do Louis Vidal phụ trách. FB3-Indo thu hút nhiều thành viên Cao Đài - Tam Điểm với mục đích đuổi Nhật và bài trừ thực dân. Khoảng năm 1945, hầu như các hội Tam Điểm không công khai hoạt động do tình hình Đông Dương có nhiều biến đổi, Pháp có nguy cơ mất thuộc địa Đông Dương.

Năm 1940, dưới thời Thống chế Pétain, chính phủ Vichy ra Luật 13 tháng 8/1940, các hội kín bị cấm, các nhà thờ Tam Điểm bị đóng cửa hoặc bị tịch thu, toàn bộ tài liệu, thư khố bị niêm phong và danh sách thành viên Tam Điểm bị kết án không cần xét xử bị đăng trên báo. Một số bị xử tử. Các thành viên Tam Điểm đang giữ trọng trách trong bộ máy chính trị rất lo ngại. Ngày 11/8/1941, Vichy cấm giới cao cấp Tam Điểm giữ các chức vụ nhà nước. Hoạt động Tam Điểm ở Việt Nam cũng rơi vào cảnh như Tam Điểm tại mẫu quốc. Tất cả thành viên Tam Điểm ngầm hoạt động trong quan hệ cá nhân quen thân và tin tưởng lẫn nhau.

Hết Chiến tranh thế giới thứ hai, Tam Điểm muốn khôi phục lại. Ủy viên Cộng hòa Cécile đề nghị ông Weil mở lại các chi nhánh ở Sài Gòn. Hội "Khổng Tử", Phân hội 614 ở Sài Gòn ra đời. Chính nhờ sáng kiến của các huynh đệ gốc Việt, một hội Tam Điểm được mở cho người Tàu ở Việt Nam. Hội Ming Luen Thang ra đời năm 1939. Giai đoạn này số người Việt tham gia rất ít, vì một số lớn các thành viên Tam Điểm yêu nước đã thức tỉnh và theo Việt Minh, một số rụt rè không dám công khai vì lúc đó tình hình Việt Nam hoàn toàn thay đổi. Chủ nghĩa thực dân đã và đang bị lung lay ở Đông Dương. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam ái quốc đã nhìn thấy những mâu thuẫn trong Tam Điểm, nhiều người bỏ hội theo kháng chiến. Năm 1945 coi như chấm dứt hoạt động của người bản xứ trong hội Tam Điểm. Trước năm 1940, hội Tam Điểm nở rộ ở Đông Dương. Không phải ngẫu nhiên, nhân ngày khánh thành triển lãm nhà Đấu xảo năm 1902, một phiên bản tượng Nữ thần Tự do được kỳ công mang từ Pháp sang Đông Dương và sau triển lãm được đem tặng lại thành phố Hà Nội. Bức tượng này được hội Tam Điểm "Huynh đệ Bắc kỳ" mua để triển lãm. Ý tưởng làm bức tượng vĩ đại biểu tượng cho tự do được một thành viên Tam Điểm, giáo sư Trường Trung học Pháp Edouard de Laboulaye đề xuất vào năm 1865. Nước Pháp quyết định lấy tượng đó làm món quà tặng nước Mỹ nhân kỷ niệm 100 năm độc lập của Hoa Kỳ, ngày 4/7/1884.

Món quà được chính phủ và nhiều thành viên Tam Điểm trong nội các nhất trí và giao cho nhà điêu khắc tài ba thành viên Tam Điểm, chi hội Alsace Lorraine, Fréderic Bartholdi thực thi năm 1875. Bức tượng được khánh thành ngày 28/10/1886. Nước Mỹ thành lập được là nhờ hội Tam Điểm. Tổng thống Pháp lúc đó là Jules Grévy, một thành viên Tam Điểm, hội "Ái hữu khoan hồng" (*La Clémente Amitié*). Quà tặng này cũng được hiểu ngầm là quà kỷ niệm mối liên kết giữa các huynh đệ Pháp - Mỹ. Phiên bản này được thành viên Tam Điểm lúc đó nắm quyền lực trong chính phủ mang sang Đông Dương nhân khánh thành triển lãm ở nhà Đấu xảo năm 1902, cao 2,85 mét. Sau triển lãm, bức tượng được tặng cho Hà Nội và đặt ở khu vực quảng trường Bốn tòa[1]. Sau này chính quyền Pháp lại muốn thay thế vị trí đó bằng tượng Paul Bert nên đưa bức tượng gắn lên Tháp Rùa - vị trí trung tâm của Hà Nội. Sau nữa bức tượng lại được chuyển đến vườn hoa Cửa Nam. Nhà Đấu xảo, nơi dùng làm triển lãm bốn tháng trước, đổi thành Bảo tàng Nông nghiệp và Thương Mại, đến năm 1923 lại đổi tên thành Bảo tàng Maurice Long - một thành viên Tam Điểm và là Toàn quyền Đông Dương nổi tiếng vừa qua đời. Sau Cách mạng tháng Tám, bức tượng lại bị dỡ xuống. Bức tượng được coi như là biểu tượng của hội Tam Điểm. Một sự trùng lặp ngẫu nhiên, tượng Nữ thần Tự do bị hạ xuống như đánh dấu sự tan biến của hội Tam Điểm ở Bắc kỳ. Hiện nay, trên thế giới có hàng trăm phiên bản tượng Nữ thần Tự do vẫn tồn tại, chỉ có phiên bản duy nhất ở Đông Dương bị hạ xuống và tan biến luôn như hội Tam Điểm Pháp ở Đông Dương. Chính thành viên Tam Điểm Trần Văn Lai cho hạ tượng Nữ thần Tự do, một món quà quý đầy ý nghĩa của hội Tam Điểm, đồng thời cũng là biểu tượng của sự chấm dứt mối dây Tam Điểm với người Việt nói chung và đối với Thị trưởng Trần Văn Lai nói riêng. Ông được bầu làm Thị trưởng Hà Nội cũng do sự trợ lực của các huynh đệ Tam Điểm. Sự chấm dứt mối quan hệ huynh đệ Tam Điểm của Trần Văn Lai cũng là trường hợp tiêu biểu cho nhiều huynh đệ Tam Điểm bản địa lúc bấy giờ.

---

[1] *Sau đổi tên thành vườn hoa Paul Bert, nay là vườn hoa Lý Thái Tổ - BT.*

Sau năm 1945, tình hình Việt Nam thay đổi, khi Việt Nam tuyên bố độc lập, Pháp gây cớ để trở lại Việt Nam. Hội "Khổng Tử" hồi phục, nhưng chỉ có mười thành viên và bác sĩ Tân Hàm Nghiệp là người bản địa duy nhất tham gia.

Nhiều thành viên Tam Điểm ái quốc ngầm ủng hộ kháng chiến và một số lên chiến khu như Cao Triều Phát, Hoàng Minh Giám.

Năm 1946, tướng Leclerc được cử ra Hà Nội để lo giữ Bắc kỳ, ông đề nghị khôi phục lại Tam Điểm tại Hà Nội, chi nhánh "Huynh đệ Bắc kỳ" được Eugène Berthet khôi phục lại. Các hội khác ngừng hoạt động hoàn toàn, một số hoạt động yếu ớt do tình hình căng thẳng, không an toàn để hội họp ở Hà Nội. Năm 1952, Thẩm Hoàng Tín, một thành viên Tam Điểm lúc đó được bầu làm Thị trưởng đã đề nghị các huynh đệ Tam Điểm trao trả độc lập hoàn toàn trong vòng mười tám tháng cho Việt Nam. Chức sắc Tam Điểm Grébert phản đối kịch liệt, ông đã báo cáo về Đại đường việc những huynh đệ đang hăm hở chống Pháp. Ta có thể coi như Tam Điểm ở miền Bắc hoàn toàn không còn tồn tại nữa vì những thành viên Tam Điểm Việt Nam đã hiểu được thực chất của các chữ tự do, bình đẳng mà các huynh đệ Pháp tuyên truyền. Họ ý thức được là phải đấu tranh giành độc lập cho dân tộc mới có được sự tự do bình đẳng thực sự.

4. DANH SÁCH HỘI TAM ĐIỂM Ở ĐÔNG DƯƠNG

Hội Tam Điểm thuộc Đại Đông Pháp đầu tiên được thành lập tại Sài Gòn - Nam kỳ, vùng đất đầu tiên trở thành thuộc địa của Pháp, sau mới lan tỏa ra Bắc kỳ và Trung kỳ.

Ngày 10/11/1886, "Đông phương Thức tỉnh" (*Le Réveil de l'Orient)* thuộc Đại Đông Pháp (GODF) được thành lập. Tuy chính thức được phép thành lập ngày 10/11/1886 dựa theo tài liệu lưu trữ của Đại Đông Pháp, nhưng đến năm 1890 hội mới hoạt động, còn trên logo lại khắc thành lập năm 1895 ở Sài Gòn (có thể vào lúc này chi hội mới đi vào hoạt động chính thức).

Thượng sư Michel Ember, Phó Ủy viên hải quân được bầu làm hội trưởng lúc mới thành lập. Ngay từ ngày 17 tháng 6 năm 1871, các thành viên Tam Điểm đã gửi thư về Đại Đông Pháp xin phép lập hội Tam Điểm ở Sài Gòn vì việc bình định tại nơi đây coi như tạm ổn. Hội viên lúc đầu khoảng ba mươi người, sau đó đến cuối thế kỷ lên tới chín mươi thành viên. Thời gian sau, nhiều thành viên Tam Điểm được thay thế phụ trách hội như Charvein, Foulhoux.

Ngày 9/9/1887, "Huynh đệ Bắc kỳ" (*Fraternité Tonkinoise*) được thành lập. Trong số những người đứng ra lập chi hội Tam Điểm đầu tiên này có anh em nhà Schneider - chủ nhà in đầu tiên ở Đông Dương, dưới sự bảo trợ của bác sĩ Lanessan. Sự mở rộng chi nhánh Tam Điểm ra Bắc kỳ nhằm để chứng minh Đông Dương đã thuộc Pháp. Số thành viên lúc đầu khoảng ba mươi người. Do hoàn cảnh, các thành viên không sinh hoạt thường xuyên, nên

hội khẩn cấp xin Đại sư cho phép rút ngắn thời gian Tập sự để có người có khả năng thay thế dần trong các hoạt động của hội. Cuối thế kỷ XIX, số hội viên ở đây cũng chỉ tăng lên gần gấp đôi.

Ngày 21/7/1892, "Ngôi sao Bắc kỳ" (*L'Etoile du Tonkin*) được thành lập ở Hải Phòng. Do một số thành viên của "Huynh đệ Bắc kỳ" làm việc ở tận Hải Phòng, chủ yếu là các sĩ quan nên việc đi lại sinh hoạt gặp khó khăn, hội Tam Điểm quyết định mở chi nhánh đến Hải Phòng. Hội "Ngôi sao Bắc kỳ" ban đầu chỉ gồm có hai mươi thành viên mà đại đa số là kỳ cựu, kết nạp từ Pháp và các nước khác như ông Lý Long thuộc hội Tình thân (*La Corrdialité*), William Jack thuộc hội Tam Điểm *John* ở Hồng Kông, ông Georges thuộc hội Tứ xứ (*Cosmopolitain*) ở Thượng Hải... Năm 1906, thông qua Công ty Dân sự Bất động sản (*Société Civile Immobilière*) hội tậu được một tòa nhà ở Hải Phòng.

Ngày 20/3/1906, "Tương lai Cao Miên" (*L'avenir Khmer*) được thành lập tại Nam Vang, do ông Ludovic Boutier phụ trách. Ba năm sau hội mới có trụ sở để sinh hoạt chính thức.

Năm 1907, do nhu cầu sinh hoạt đi lại của các thành viên Tam Điểm làm việc ở Trung kỳ, hội Tam Điểm cho phép thành lập chi nhánh "Tư tưởng Tự do An Nam" (*La Libre Pensée d'Annam*) ở Đà Nẵng. Sau đó, do có vấn đề nội bộ, trụ sở sinh hoạt chuyển về Huế. Hội này do ông Gustave Serres, một công chức làm việc ở Đà Nẵng phụ trách.

Ngày 19/6/1908, Đại tá Ronget thành lập "Tổ ong phương Đông" (*La Ruche d'Orient*) thuộc Đại đường Pháp, có trụ sở đóng tại 153 rue Mac- Mahon[1], Sài Gòn. Hội này có khoảng hai mươi người. Sau năm 1975 hội chuyển về Pháp và tiếp tục hoạt động cho đến nay. Cũng có nhánh tách từ hội này gọi là "Đàn ong Đông phương" (*Les Abeilles d'Orient*).

Năm 1911, "Vị tha và Tình Huynh đệ" (*Tolérance et Fraternité*) được thành lập do mâu thuẫn giữa các thành viên trong hội "Huynh đệ Bắc kỳ". Hội tồn tại được đúng ba năm do Charles Lemari phụ trách và có khoảng ba mươi lăm thành viên. Năm 1914, hội "Vị tha và Tình Huynh đệ" sát nhập với "Huynh đệ Bắc kỳ" nhưng vẫn giữ tên "Huynh đệ Bắc kỳ", chấm dứt mâu thuẫn giữa các thành viên Tam Điểm tại Hà Nội.

Ngày 3/8/1912, "Những người Ê-cốt ở Bắc kỳ" (*Les Écossais au Tonkin*) được thành lập ở Hà Nội, thuộc Đại đường Pháp. Trụ sở hội đổi vài lần, sau chính thức ở số 4 Rue de la Citadelle[2], Hà Nội.

Lý do lập hội là do sự đụng độ giữa các thành viên trong hội "Huynh đệ Bắc kỳ".

---

[1] *Nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - BT.*

[2] *Phố Thành - BT.*

Ngày 16/4/1913, "Những người Nhiệt huyết với Tiến bộ" (L*es Fervents du Progres*) được Đại Đông Pháp thành lập ở Sài Gòn, do có sự bất đồng tư tưởng trong hội "Đông phương Thức tỉnh", một số thành viên đã tách ra thành lập chi hội này. Hội "Đông phương Thức tỉnh" thành lập từ ngày 10/11/1886 tại Sài Gòn, nhưng phải đến năm 1890 mới chính thức đi vào hoạt động với mục đích khai sáng văn minh thuộc địa, đến năm 1913 hợp nhất cùng với hội "Những người Nhiệt huyết với Tiến bộ".

Hội quyết định ghép cả hai tên *Đông phương Thức tỉnh - Những người Nhiệt huyết với Tiến bộ Hợp nhất* (Le Reveil de l'Orient-Les Fervents du Progres Reunis). Hợp nhất để tạo điều kiện giải quyết sự bất hòa giữa các huynh đệ ngay tại Sài Gòn. Việc đặt tên mới cũng chứng tỏ sự bất hòa và không nhượng bộ của các thành viên Tam Điểm ở hai hội. Việc sát nhập chỉ là sự tạm thời giải quyết mâu thuẫn giữa các thành viên Tam Điểm Sài Gòn.

Ngoài các hội chính thức trên, vào năm 1895 ở Sài Gòn, thẩm phán Gabriel Michel cũng lập ra một hội quán (*chapitre*), một nơi để các thành viên có thể lui tới thường xuyên, bàn luận và gặp gỡ. Tại Hà Nội, năm 1903, một hội quán cũng được mở ra theo sự chỉ đạo của Gabriel Michel. Năm 1907, một hội đồng triết học thành lập lấy tên "Huynh đệ Bắc kỳ". Năm 1910 ở Nam kỳ xuất hiện một hội đồng triết học khác, cũng mang tên "Đông phương Thức tỉnh". Năm 1911, ở Sài Gòn, có hội quán "Khổng Phu Tseu".

Năm 1925, Albert Janvier thành lập hội "Khổng Tử" (Confucius)[1] ở Hà Nội. Vũ Đình Mẫn đã viết một bài khảo luận dài được đọc trước cuộc họp Tam Điểm và gửi về mẫu quốc khẳng định rằng tư tưởng triết học Khổng Tử không có gì ngược với tư tưởng Tam Điểm. Để tranh thủ ảnh hưởng và sự ủng hộ của chính quyền, hội "Khổng Tử" chủ trương ủng hộ chính sách của Toàn quyền Varenne, một nhà báo, nhà chính trị, thành viên đảng Xã hội độc lập và thành viên Tam Điểm thuộc hội Sinh viên Paris. Hội "Khổng Tử" có ba nhà báo nổi tiếng là Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Huy Lục và Phạm Quỳnh tham gia. Đến năm 1934, Phạm Huy Lục

được bầu làm Chi hội trưởng và phong chức sắc trong Tam Điểm, gây ra sự phẫn nộ của các huynh đệ người Pháp thấy mình chịu sự chỉ đạo của người bản xứ.

---

[1] Thực ra tiếng Việt có thể gọi như nhau, nhưng chúng tôi dịch như thế để phân biệt hai hội khác nhau. Hội "Khổng Tử" (Confucius) ở Hà Nội, còn ở Sài Gòn là hội "Khổng Phu Tử" (Khong Phu Tseu).

Theo Vũ Đình Mẫn, Khổng Tử muốn xây dựng thế giới trật tự, đề cao tôn sư trọng đạo… Tam Điểm cũng đề cao sự tôn kính thầy và trọng đạo lý con người. Đạo lý đó tôn trọng bậc sinh thành, tôn trọng gia đình, tôn trọng người truyền kiến thức cho mình, giống như trong triết lý Tam Điểm…

Sự bất bình của người nhân danh đi khai phá và truyền bá văn minh cũng châm ngòi thức tỉnh trí thức Việt Nam là không thể có chuyện "Pháp - Việt đề huề" nếu không đòi độc lập. Hội "Khổng Tử" giải tán năm 1941 dưới thời Vichy.

Ngày 19/12/1929, Luật sư Weil cùng một số luật sư thành lập chi nhánh mới theo nghi thức Écossais, nói tiếng Pháp. Hội "Khổng Tử" (*Khong Phu Tseu*) Sài Gòn chính thức ra đời ngày 4/1/1930 ở Sài Gòn. Cách đặt tên Khổng Tử do Bùi Quang Chiêu đề xuất vì cho rằng hai tư tưởng lớn gặp nhau không hề trái ngược nhau. Buổi họp có mặt của nhiều thành viên Tam Điểm khác như Dương Văn Giáo, Cao Triều Phát, Cao Sĩ Tấn, Nguyễn Xuân Bái, Đỗ Hữu Bưu, Trần Văn Tý. Trụ sở đóng tại số 17 Rue Colombier[1] Sài Gòn. Hội này có nhiều người Việt Nam tham gia như Phạm Ngọc Thạch, Vương Quang Nhường, Tân Hàm Nghiệp, Huỳnh Hữu Kim, Trịnh Đình Thảo...

---

[1] Nay là đường Hồ Xuân Hương - BT.

"Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" (*Carefour International de Fraternité -FB3 Free brothers*) do Louis Vidal cùng một số thành viên Tam Điểm và chức sắc Cao Đài - Tam Điểm lập cuối tháng 12/1935 ở Tây Ninh. Thành phần tham gia chủ yếu là tín đồ Cao Đài. Vidal bí danh là Gabaon đã lợi dụng quyền tự do của mình ở Tòa thánh Tây Ninh và thôi quân ngũ, thành lập hội FB3-Indo, việc đầu tiên là thu nhập các thành viên xuất sắc trong các đảng ái quốc Việt Nam, rồi đến Lào và Cao Miên. Hội được sự hỗ trợ của các thành viên Tam Điểm, nhằm mục đích chống Nhật ở Đông Dương.

Ngày 28/2/1940, theo đề nghị của Dương Văn Giáo, với sự giúp đỡ của hai chi hội "Khổng Phu Tử" và "Tổ ong phương Đông", hội Tam Điểm "Minh Luen Thang" dành riêng cho người Việt gốc Hoa ra đời. Chi hội do Tan Jou Ky làm Chủ tịch. Ông đã lên bậc Thầy trong Tam Điểm.

Nhìn chung, các hội Tam Điểm thành lập ở Đông Dương đều lấy biểu tượng chính là hình tam giác hay ngôi sao David để làm logo cho hội. Thành phần người Việt Nam tham gia chủ yếu là trí thức và một số điền chủ, tri huyện, thuộc thành phần khá giả và xuất sắc trong xã hội thời đó. Các trụ sở Tam Điểm thường có chạm trổ hình tam giác ở mặt tiền. Trước những năm 1920, các hội Tam Điểm ở Đông Dương chỉ có người Pháp sinh hoạt. Hơn nữa, thời kỳ này, còn nhiều nhà nho trung thành với triều đình nhà Nguyễn. Trường hợp duy nhất, nhà nho Vương Tử Đại là quan trong triều đình nhà Nguyễn cũ tham gia hội Tam Điểm "Huynh đệ Bắc kỳ", nhưng chỉ vài tháng, ông đã bị loại vì không đóng lệ phí. Một quan chức trong triều không có tiền đóng lệ phí là điều khó hiểu. Chính là ông cảm thấy những nghi lễ và cách xưng hô trong hội không hợp với bản thân vốn là quan lại. Đó cũng có thể là lý do giải thích tại sao chi hội Huế không có người bản xứ.

Tượng Nữ thần Tự do ở Hồ Gươm, ảnh chụp năm 1890.

OFFICIERS.

MM. Bassier, commis rédacteur au Ministère de l'instruction publique.

Bartholdi (Frédéric-Auguste), sculpteur, auteur de la statue de la *Liberté éclairant le Monde*, exposée à Hanoi.

Bénardeau, chef du bureau du secrétariat du personnel et du matériel au Ministère de l'agriculture.

Capitaine (Louis), secrétaire particulier du Sous-Secrétaire d'État des colonies.

Clos (Jean), auditeur au conseil d'État.

Cousin (Paul), sous-chef de bureau au cabinet du Sous-Secrétaire d'État des colonies.

Thông tri ban thưởng cho Bartholdi.[1]

---

[1] *Tư liệu do Thế Trần và Phạm Long cung cấp.*

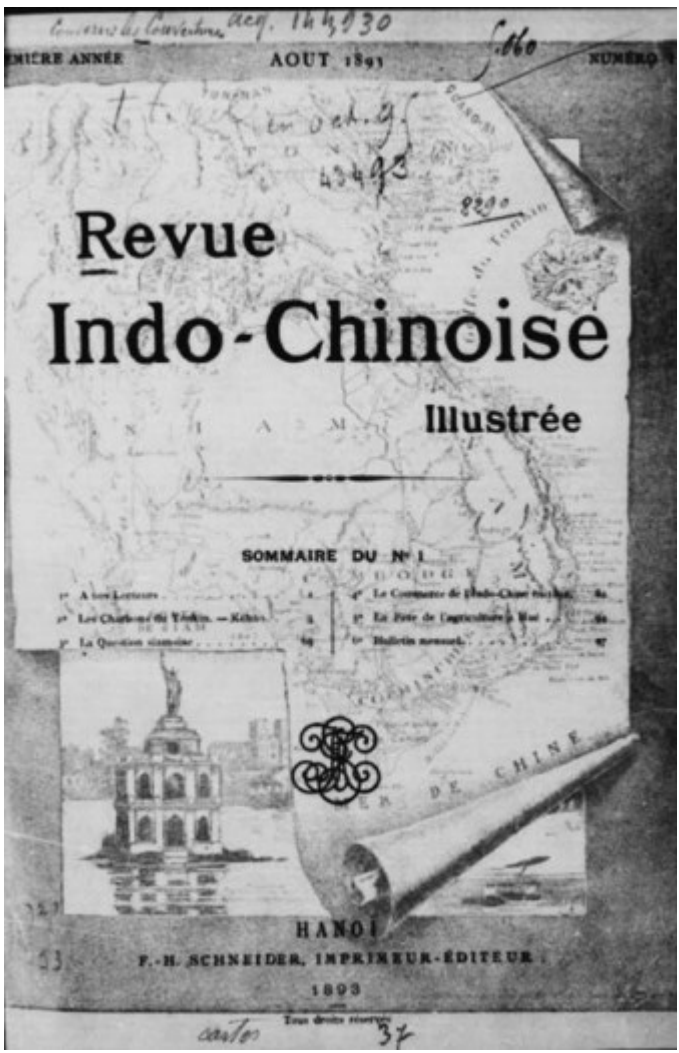

Tạp chí Đông Dương, tháng 8 năm 1893 in tại Hà Nội, ngay bìa 1 là hình ảnh tháp Rùa có tượng Nữ thần Tự do. Và năm 1889, vua Thành Thái đã ban tặng Bartholdi, tác giả bức tượng này huân chương Đại Nam Long tinh. Trong thông tri ban thưởng ghi rõ "tác giả pho tượng 'Thần Tự do soi sáng Thế giới', dựng ở Hà Nội". Phải chăng chính vua Thành Thái cũng khát vọng tự do này thực sự đến với Annam-một nước đang mất tự do độc lập, vì thế vua đã thêm chữ "soi sáng thế giới".

Huân chương Đại Nam Long tinh chỉ xuất hiện khi Pháp coi như hoàn toàn bình định Đông Dương. Triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là bù nhìn, bất lực trước sức mạnh của thực dân. Một cơ chế phong thưởng chắp ghép huân chương Pháp với điển lệ hoàng triều nhà Nguyễn do Pháp bảo hộ. Một thứ huân chương nửa tây nửa ta, để xoa dịu khát vọng của lớp người đang khát vọng tự do độc lập. Một trò mị dân để tạo cảm giác nước Nam vẫn còn, để tăng thêm tinh thần phục vụ mẫu quốc, quên đi độc lập, "Pháp - Việt đề huề" chung sống. Lệnh cấp ban huân chương ghi bằng tiếng Pháp, chức Officier cũng là danh tước khen dành cho công chức cần mẫn nhiều năm với chính quyền. Bartholdi chưa hề ở Đông Dương, việc ông được ban thưởng tại Đông Dương đủ thấy thực chất của tấm huân chương này, nói lên tinh thần khát vọng tự do của nhiều nhân sĩ yêu nước triều đình nhà Nguyễn và vua Thành Thái. Vua Thành Thái chính là một vị vua giao thời văn hóa Hán-Pháp. Vua thành thạo hai thứ tiếng. Ông đã thêm mấy chữ "*soi sáng thế giới*". Vì mấy chữ này và tinh thần không cộng tác với Pháp của ông, nên chính quyền bảo hộ đã bắt vua đi quản thúc ở Vũng Tàu năm 1907, rồi đày đi ở đảo Reunion năm 1916 cùng con trai là vua Duy Tân, để ngăn chặn tinh thần yêu nước đòi tự do của người Việt.

Tượng Nữ thần Tự do ở Cửa Nam.

Tượng Nữ thần Tự do chuyển đến quảng trường Neyret.

Tượng Nữ thần Tự do sau không biết ai đã đổi thành tên tượng Thần Công lý khi chuyển về Cửa Nam. Phải chẳng tự do chưa đòi được, những sĩ phu Bắc Hà muốn đòi công lý?

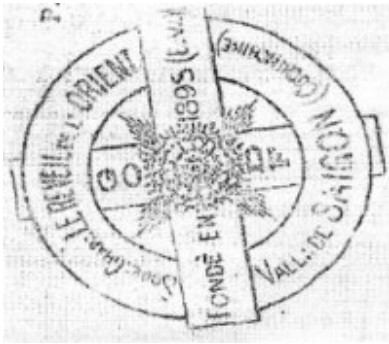

Logo của hội “Đông phương Thức tỉnh”.

Con dấu của hội “Huynh đệ Bắc kỳ”.

Logo của hội “Ngôi sao Bắc kỳ”.

Logo của hội "Tư tưởng Tự do An Nam".

Logo hội "Khổng Phu Tseu", Sài Gòn thuộc Đại đường Pháp.

Dấu của Robert Moray (1608-1673).[1]

Logo của hội "Huynh đệ Bắc kỳ".

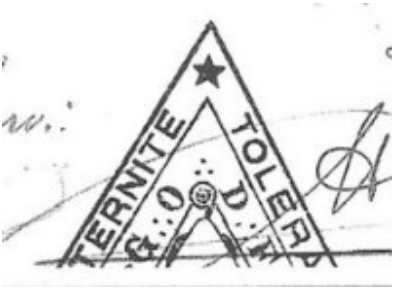

Logo hội "Vị tha và Tình Huynh đệ".

---

[1] *Robert L.D. Cooper, Cracking the Freemason Code, The Truth about Solomon's Key and the Brotherhood, Atria Books, New York, 2007, tr. 153.*

Logo hội "Những người Nhiệt huyết với Tiến bộ".

Hội “Sài Gòn” thuộc Đại thánh đường Phi Luật Tân.

“Tổ ong phương Đông” trở về Pháp.

Logo hội “Hoa Sen Lumière d’Asie”, G.L.N.F, Saigon.

Những trình bày khác nhau cho êke, compa và chữ A.

August Pavies “Vĩ nhân Đông Dương”.

Chương IV

Những thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên

Khoảng đầu thế kỷ XX, hội Tam Điểm bắt đầu kết nạp những công chức bản xứ. Đến thời Toàn quyền P. Pasquier, hội Tam Điểm được bật đèn xanh chính thức mở rộng hơn đối với người bản địa. Tuy nhiên hội Tam Điểm không phải dễ dàng được người trí thức Việt Nam chấp nhận. Theo Pierre Chevallier, trong cuốn *Histoire de la franc- maçonnerie française (Lịch sử hội Tam Điểm)*, việc hội Tam Điểm thâm nhập vào Đông Dương không phải là việc đơn giản, vì nơi đây đã có một nền tôn giáo lâu đời với những tư tưởng triết lý cao siêu không thua kém gì học thuyết của châu Âu. Nghị sĩ cấp tiến, Toàn quyền Lanessan - người đã có công bình định Bắc kỳ cũng là một thành viên của Tam Điểm từng đóng vai trò thực hiện chính sách hợp tác Pháp - An Nam. Pierre Chevallier có lý khi nhận định rằng có một điều rất lạ không thể phủ nhận được là vai trò của Tam Điểm Pháp trong việc bành trướng thực dân. Nhiều thành viên Tam Điểm tiên phong là nhà chính trị, quân sự và khoa học. Cũng theo tác giả, đại đa số công chức thuộc địa dưới thời Cộng hòa thứ ba, đều tham gia các hội Tam Điểm khác nhau. Thalomas, giám đốc phụ trách giáo dục công ở Đông Dương (1930) cũng là thành viên Tam Điểm. Ông đã thi hành chính sách giới thiệu Tam Điểm vào chương trình học. Giáo dục thuộc địa nằm dưới sự chỉ đạo của thành viên Tam Điểm.

Theo cựu giáo sư Nguyễn Huy Bảo, cựu Khoa trưởng Đại học Văn khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, trong các giảng đường Luật khoa thời đó đều khắc các hình ảnh những dụng cụ tượng trưng cho Tam Điểm nhưng ít người để ý đến. Quá trình kết nạp hội viên bắt đầu với việc kết nạp các công chức Pháp và những người bản địa xuất sắc.

1. LÝ DO THAM GIA TAM ĐIỂM CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Những người Việt đầu tiên tham gia Tam Điểm là những người trí thức bản địa, sinh ra trong lúc giao thời giữa hai nền văn hóa lớn đang cọ xát ở Đông Dương. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây đang tranh giành ảnh hưởng. Những nhà trí thức Tây học đầu tiên này vẫn còn chịu ảnh hưởng ít nhiều của văn hóa cổ truyền dân tộc. Đại đa số lớp trí thức mới này sinh ra trong những gia đình nhà nho, quan lại. Họ bị chao đảo giữa hai luồng văn hóa. Họ không tán thành những phong tục văn hóa dân tộc mang nhiều tính chất giáo lý phong kiến nặng nề. Họ thèm khát sự tự do, sự dân chủ của Montesquieu, J.J. Rousseau. Họ thấy kỳ cục khi nhìn cảnh những ông nghè và ông cống phải đập đầu xuống đất, quỳ gối, cúi gập lưng để chào một ông vua nhí nhố chỉ mới bảy tuổi.

Những bài học dân chủ của Thế kỷ Ánh sáng đã làm thức tỉnh họ. Họ không muốn quay về với cách sống cổ hủ và lạc hậu. Tuy nhiên họ cũng nhìn thấy những nét đẹp riêng đáng trân trọng của văn hóa truyền thống dân tộc.

Thờ cúng tổ tiên cũng là một triết lý sống đẹp, chỉ dạy con người biết tôn kính những bậc sinh thành. Đạo Phật đề cao triết lý sống dĩ hòa vi quý và dạy con người biết cách xử lý cao thượng trong cuộc sống. Sống theo lối Tây là cách sống phóng khoáng tự do, đề cao cái tôi cá nhân. Tự do, bình đẳng là khát vọng của con người. Sống theo kiểu phương Đông là cách sống làng xã, phụ thuộc, mất tự do, thiếu bình đẳng trong gia đình và trong xã hội, nhưng mặt khác lại thể hiện sự đùm bọc và quan tâm giữa cộng đồng. Những nhà trí thức Tây học đương thời tìm cách để làm sao dân mình cũng dân trí cao như người Pháp mà không xóa đi một số truyền thống đẹp của dân tộc. Họ muốn dung hòa hai nền văn minh. Họ giống như những đứa con lai của hai dòng văn hóa sinh thành. Bằng cách nào không mang tiếng bất hiếu với tổ tiên và giữ được những nét đẹp của truyền thống? Đó là con đường những người trí thức Tây học đang loay hoay tìm trong lúc tranh tối tranh sáng vẫn chưa ra.

Những trí thức tiến bộ bất bình trước sự đối xử bất công và sự bóc lột thậm tệ của thực dân, nhưng họ chưa tìm được con đường để giúp dân. Thế lực của thực dân Pháp đang rất mạnh ở thời kỳ này. Người trí thức bản địa yêu nước biết chưa thể làm gì được. Các cuộc khởi nghĩa đều bị dìm trong bể máu như khởi nghĩa Trương

Định, kéo dài hơn hai năm, bị dẹp tan. Trương Định bị Pháp vây bắt. Ông đã tuẫn tiết vào ngày 19/8/1864. Nguyễn Trung Trực đã tổ chức tấn công nhiều tàu Pháp. Ông cùng nghĩa quân đánh thành công hạm tàu Esperance của Pháp đang đậu ở Vàm Cỏ Đông. Quân Pháp tức giận trả thù bằng cách đốt cháy nhiều nhà cửa làng mạc quanh khu vực tàu đỗ. Năm 1868 ông và các nghĩa quân bị Pháp bắt giam. Phong trào Cần Vương (1885-1895) do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động chỉ tồn tại một thời gian rồi cũng bị tiêu diệt. Các cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ như Phạm Bành và Đinh Công Tráng, khởi nghĩa Ba Đình (1881-1887), khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892), phong trào của Phan Bội Châu, vua Duy Tân và của Phan Châu Trinh, khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám đều bị dẹp. Những cuộc khởi nghĩa thất bại trở thành bài học cho những nhân sĩ yêu nước. Họ hiểu rằng thời cơ đuổi Pháp chưa đến và nếu tiếp tục nổi dậy thì chỉ đem đến thất bại và đổ máu vô ích. Thỏa hiệp với kẻ thù, hay tiếp tục chiến đấu là một vấn đề được đặt ra. Chiến đấu để giành độc lập thì thời cơ mù mịt, vì lực lượng không cân sức. Gậy tầm vông, gươm giáo và vũ khí thô sơ không chống lại được thực dân Pháp với quân đội trang bị đầy vũ khí, súng, đại bác và tàu chiến hiện đại nhất nhì thế giới. Đầu thế kỷ XIX, một số trí thức Tây học đã nhận thấy một cuộc chiến đấu không cân sức chưa thể thực thi trong giai đoạn này.

Chống Pháp quyết liệt sẽ có nguy cơ bị Pháp trả thù và cả dân tộc sẽ bị tiêu diệt như thổ dân da đỏ bên Mỹ, bên Úc đã bị xua lên rừng hoặc nhốt ở nơi biệt lập và xóa sổ. Đất nước Việt Nam và người Việt có nguy cơ vĩnh viễn về tay những kẻ mạnh hơn từ phương Tây đến và có thể bị xóa sổ trên bản đồ. Ai đi theo Tây thì sống, chống thì chết.

"Chuyện đâu có chuyện lạ đời

Quan đi theo giặc bắt người lành ngay

Nghìn năm nhớ mãi nhục này

Theo Tây được thả, đánh Tây bị tù."[1]

Tây có quyền bắt và đánh đập những người dân vô tội bất kỳ lúc nào.

"Con cò mày đậu cành tre

Thằng Tây bắn súng cò què một chân

Đến mai ra chợ Đồng Xuân

Chú khách mới hỏi sao chân cò què

Cò rằng cò đậu cành tre

Thằng Tây bắn phải cò què một chân."[2]

[1, 2] Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1996, tr. 124-126.

Cò là hiện thân của những người dân chất phác, hiền lành, đậu trên cành tre. Tre là quê hương, là nhà của nó, cắc cớ gì mà Tây bắn nó què? Sự bắt bớ, giết người không cần lệnh, chỉ có Tây mới dám làm. Đấu tranh để đòi lại cành tre cho cò đỗ tự do là khát vọng chung của toàn dân Việt Nam thời đó. Nhưng thời cơ chưa đến. Một số trí thức thức thời lúc đó nhận thấy tổ chức duy nhất có hy vọng tìm được sự bình đẳng và lợi dụng tư tưởng tiến bộ của các thành viên Pháp để đòi lại độc lập là hội Tam Điểm. Một vài trí thức bản địa chọn con đường tạm thời thỏa hiệp để cùng tồn tại và chờ thời cơ vì họ thừa biết không có sự bình đẳng giữa kẻ đi xâm chiếm và kẻ bị xâm chiếm. Đại đa số trí thức đương thời chỉ là những thông ngôn, thầy ký, sáng xách ô đi, tối xách ô về, cuộc sống buồn tẻ, họ hiểu họ chỉ là những công chức quèn hạng bét trong sở. Bằng cấp cao cũng không được bình đẳng với mấy tay Pháp chính thống học thấp và kém khả năng hơn. Sự bình đẳng trong xã hội người bóc lột người là ảo tưởng. Nhiều trí thức qua Pháp loay hoay đi tìm con đường đòi độc lập cho Tổ quốc cũng đã tìm đến hội Tam Điểm để tham gia như Nguyễn Thế Truyền, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Ái Quốc, Trịnh Đình Thảo, Dương Văn Giáo…

2. MỘT SỐ NHÂN VẬT TAM ĐIỂM VIỆT NAM NỔI TIẾNG

Người Việt Nam tham gia hội Tam Điểm không nhiều do việc chọn lọc những thành phần xuất sắc và quý tộc trong xã hội. Không phải tất cả thành viên Tam Điểm đều là người nổi tiếng. Một số dường như không mấy ai biết tên tuổi. Tiêu chí để xếp vào những người nổi tiếng cũng rất khó. Những người được sử sách nhắc đến cũng được coi là những người nổi tiếng.[1]

---

[1] Vì tài liệu lưu trữ của Pháp xếp tên theo họ gia đình và nhiều khi không phân biệt dấu tiếng Việt nên thường đề chữ in không ghi dấu. Vì vậy trong danh

sách này, tác giả xếp theo thứ tự họ và viết chữ in để người nghiên cứu tiện tra cứu theo tài liệu trong hồ sơ lưu trữ của Pháp.

BÙI QUANG CHIÊU (1872-1945) du học ngành canh nông tại Algérie rồi sang Paris học ở trường Thuộc địa (*École Coloniale*). Ông là người Việt đầu tiên tốt nghiệp bằng kỹ sư canh nông của Pháp. Ông sáng lập đảng Lập hiến năm 1919, vào hội Tam Điểm "Nước Pháp -Thuộc địa" (*France- Colonies*) năm 1925, ông muốn lợi dụng tinh thần cấp tiến để cải tiến tình trạng thuộc địa. Nhờ thắng lợi trong cuộc bầu cử hội đồng thuộc địa, mười thành viên đảng Lập hiến của ông trúng cử và ông được bầu làm Phó Chủ tịch hội đồng, riêng ông bị cánh thực dân bảo thủ công kích nên không thể tiến xa trong hệ thống của Tam Điểm. Ông cùng đảng Lập hiến vận động đòi tự quyết dân tộc để dần dần tiến tới độc lập cho Việt Nam. Ông cũng là đảng viên đảng Cấp tiến và Xã hội Chủ nghĩa Cấp tiến (*Partis Radical et Radical - Socialiste*). Ông mở trường tư thục An Nam Học đường ở Sài Gòn. Ông cùng thành viên đảng Lập hiến viết báo trên *Đuốc Nhà Nam, l'Écho Annamite* (Tiếng Vọng An Nam), *La Tribune Indochinoise* (Diễn Đàn Đông Dương) là các diễn đàn về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và đề nghị bãi bỏ độc quyền kinh tế... Ông tham gia hội Tam Điểm với mong muốn cải tiến tình trạng thuộc địa để khai trí cho dân. Do là thành viên hội Tam Điểm nên ông được các huynh đệ Pháp giúp đỡ. Thời đó những người học luật ra trường không có đất dụng võ, với sự tán trợ của Toàn quyền Maurice Long và Thống đốc Nam kỳ Cognacq, Goupillon đã thành lập một văn phòng bảo trợ dành cho Tập sự Tam Điểm (*Apprentis*).

DƯƠNG VĂN GIÁO (1892-1945), du học ở Pháp, tốt nghiệp ngành luật, trở thành thành viên Tam Điểm "Jean Jaurès" năm 1924. Ông được bầu làm Chủ tịch hội sinh viên Việt Nam tại Pháp. Ông cùng Trịnh Đình Thảo tham gia diễn thuyết tại hội nghị Aix, sáng lập hội "Khổng Phu Tseu", thay ông Weil năm 1934, đắc cử vào hội đồng Thuộc địa năm 1935, sau bị khai trừ khỏi luật sư đoàn, ông sang Thái Lan làm cố vấn cho lãnh tụ cấp tiến Thái Lan Pridi Banomyong, bạn học cũ tại trường Luật ở Pháp. Ông là một trong những người đề nghị thành lập một chi hội Tam Điểm dành cho người Hoa ở Sài Gòn để tranh thủ một số khá đông người Hoa ở chợ Lớn.

ĐỖ HỮU TRÍ, xuất thân từ một gia đình khá giả, qua Pháp học luật. Ông hành nghề luật sư tại Paris, thành viên hội "Tự do Tư tưởng" (*Libre Examen*). Từ năm 1903-1904 ông sinh hoạt ở hội "Paris Hành động" (*Action de Paris*), là người Việt đầu tiên được

ghi tên vào danh sách những sáng lập viên hội "Tổ ong Đông phương" (*La Ruche d'Orient*). Ông được Đại đường Pháp giao cho trách nhiệm nghiên cứu các vấn đề triết học và xã hội để phổ biến đến người bản xứ và lo nghiên cứu triết học, tôn giáo phương Đông.

HOÀNG MINH GIÁM (1904-1995) tốt nghiệp trường Cao đẳng Đông Dương năm 1926, được bổ nhiệm đi dạy ở Cao Miên, do viết báo chống thực dân nên ông bị đuổi và cũng là thời ông gia nhập hội Tam Điểm để tìm con đường chống thực dân. Ông từng hoạt động trong đảng Xã hội Việt Nam, từng giữ chức Phó Tổng thư ký Trung ương đảng từ năm 1956 đến khi đảng giải thể năm 1988. Ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính phủ như Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Văn hóa. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nơi các thành phần đông đảo trong nước tham gia. Về Sài Gòn, ông được giới thiệu và đến dạy học ở một số trường tư, bên cạnh đó ông tham gia viết bài cho một số tờ báo tiến bộ, đặc biệt là cộng tác với ông chủ tờ báo *Chuông Rè* Nguyễn An Ninh. Sau đó một thời gian ông buộc phải ra Hà Nội do có người nhận ra ông và tố cáo ông là kẻ bị thực dân Pháp đuổi việc.

Ông là bạn thân cùng hội Tam Điểm với Phạm Huy Lục. Phạm Huy Điển con trai Phạm Huy Lục kể lại rằng cụ thân sinh ông biết ơn Hoàng Minh Giám. Chính ông Hoàng Minh Giám đã nhờ một người bạn đến nhà báo cho Phạm Huy Lục bỏ trốn đi để tránh sự hiểu nhầm của những người bài xích Pháp quá khích lúc Cách mạng mới thành công năm 1945. Tình huynh đệ Tam Điểm đã cứu Phạm Huy Lục thoát khỏi sự bài trừ những người mà họ cho rằng theo gót thực dân.

NGUYỄN ÁI QUỐC (1890-1969). Khát vọng tự do, bình đẳng, bác ái, nhân đạo, và giải phóng thuộc địa đã đưa Nguyễn Ái Quốc, vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập đến với Tam Điểm khi còn ở Pháp.[1] Thẻ ghi rõ nghề nghiệp là Thợ sửa ảnh, cư trú tại ngõ Compoint, Paris, Quận 17. Hội Tam Điểm chỉ kết nạp những người giỏi, nổi tiếng, tại sao ở đây hội Tam Điểm lại kết nạp Nguyễn Ái Quốc - thợ sửa ảnh, phải chăng cái nghề đó chỉ là cái cớ che mắt mật thám Pháp để tạm thời kiếm sống và hoạt động? Hay hội Tam Điểm ở Pháp có lẽ đã tiên đoán được tương lai của người thợ sửa ảnh đang nung nấu bên trong ý chí và tư tưởng của người khao khát đòi giải phóng thuộc địa? Theo tư liệu khác của hội Tam Điểm, nhờ sự giới thiệu của ông Boulanger, Nguyễn Ái Quốc được kết nạp vào hội "Liên bang Thế giới" (La Fédération Universelle) thuộc Đại Đông Pháp vào năm 1922. Nguyễn Ái Quốc

khi mới qua Pháp cũng từng nộp đơn xin học trường Thuộc địa (École Coloniale) chuyên đào tạo quan chức cho thuộc địa, nhưng bị từ chối. Phải chăng ông cũng hy vọng làm quan để có dịp tiếp xúc với tầng lớp có thế lực nhằm tìm sự giúp đỡ của những người cầm quyền và thuyết phục họ ủng hộ ý chí giải phóng áp bức bóc lột ở các thuộc địa? Chỉ một năm sau, Nguyễn Ái Quốc đã chọn con đường theo đảng Cộng sản Pháp. Điều này rất dễ hiểu, vì đảng Cộng sản thời bấy giờ thu hút các tầng lớp xã hội bị bóc lột, nên giải phóng thuộc địa là giải phóng mọi tầng lớp bị áp bức; trong khi hội Tam Điểm chỉ kết nạp những thành phần ưu tú có tài, có học thức và giàu sang trong xã hội. Chính vì vậy ông đã chọn đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân và người nghèo. Khát vọng độc lập và giải phóng áp bức thuộc địa là khát vọng chung của nhân dân.

---

[1] Xem thẻ của hội Tam Điểm Đại Đông Pháp trong phụ lục ảnh ở cuối chương.

Nhiều công chức thuộc địa bấy giờ cũng mang ý hướng đó cho nên không phải ngẫu nhiên, nhiều trí thức từ bỏ công chức để lên rừng theo Nguyễn Ái Quốc tham gia kháng chiến chống Pháp.Tuy thế cũng có nhiều người đi theo con đường khác nhưng cũng cùng mục đích tìm tự do dân tộc.

NGUYỄN VĂN VĨNH (1882-1936), sinh tại Hà Nội trong một gia đình nghèo, nhưng ham học, từ người kéo quạt cho lớp học, ông học ghé và thành thạo tiếng Pháp. Cảm phục sự thông minh và hiếu học chăm chỉ, ông đã được thầy hiệu trưởng nâng đỡ cho phép dự thi, và ông đã qua được kỳ sát hạch lấy học bổng theo học trường Thông ngôn (Collège des interprètes), đậu thủ khoa 1895. Mới 14 tuổi ông đã làm thông ngôn cho Tòa sứ Lào Cai. Sau đó ông bắt đầu làm cộng tác viên cho một số tờ báo như *Le Courrier d'Hai Phong* (Thư tín Hải Phòng), *Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương). Ông cùng bạn bè xin lập hội Trí tri (Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin), hội dịch sách, hội giúp đỡ người Việt đi sang Pháp du học, Đông Kinh Nghĩa Thục (nơi ông tham gia thảo Điều lệ và dạy tiếng Pháp). Nhờ chuyến đi Pháp làm triển lãm, ông đã được kết nạp vào hội "Nhân quyền" tại Pháp. Ông trở về với quyết tâm truyền bá văn minh cho dân qua đường dạy Quốc ngữ, bài trừ hủ tục phong kiến làm cản trở sự tiến triển của con người. Ông xin từ chức ở Phủ Thống sứ để trở thành nhà báo, mở nhà in tự do thông qua người bạn Pháp Schneider. Ông được ông Schneider mời tham gia biên soạn và in tờ *Đại Nam Đồng văn nhật báo*. Ông là người bản xứ đầu tiên được kết nạp vào hội

"Nhân quyền" tại Pháp. Ông đã tham gia ký tên cùng người Pháp đòi trả tự do cho cụ Phan Châu Trinh, và cho đăng bài bằng hai thứ tiếng "Đầu Pháp chính phủ thư" của Phan Châu Trinh vì thế ông cũng gặp vấn đề với chính quyền Pháp. Sau vụ kháng thuế Trung kỳ, Hà thành đầu độc (1908), tờ *Đăng cổ tùng báo* của ông bị đóng cửa...

NGUYỄN THẾ TRUYỀN (1898-1969) du học tại Pháp, gia nhập đảng Xã hội Pháp, từng tham gia đấu tranh đòi đáp ứng nguyện vọng tự do của dân tộc Việt Nam và chống chủ nghĩa thực dân. Ông lập ra đảng Việt Nam Độc lập ở Pháp. Ông từng làm chủ bút tờ *Paria* (Người cùng khổ) của đảng Cộng sản Pháp, sau đó ông cho ra tờ báo *l'Âme Annamite* (Việt Nam Hồn) ra được 4 số, *La Nation Annamite* (Nhà nước An Nam) và tờ *Phục quốc*. Năm 1928, ông trở về nước, tiếp tục tham gia viết báo và là một nhà hoạt động chính trị tích cực. Năm 1940, ông bị chính quyền Pháp bắt và đưa đi đày đến năm 1946. Sau này, ông di cư vào Nam và vẫn tiếp tục nghề báo. Năm 1961, ông ra tranh cử Tổng thống ở miền Nam nhưng thất bại. Ông là bạn thân, từng hoạt động cùng với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc ở Paris. Chính ông đã giúp Nguyễn Ái Quốc gặp những người bạn Pháp có tư tưởng tiến bộ lúc ở Pháp.

NGUYỄN VĂN THINH (1888-1946) bác sĩ, đảng viên đảng Dân chủ. Ông vào quốc tịch Pháp, lúc đầu theo đảng Lập hiến (năm 1926). Ông là sáng lập viên đảng Dân chủ năm 1937, ông được bầu làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời Cộng hòa tự trị Nam kỳ vào năm 1946.

PHẠM HUY LỤC (1888-1965) là một trong những thành viên đầu tiên của hội "Nhân quyền" ở Việt Nam. Ông là bạn thân của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh và Phạm Văn Luận. Ông là người bản xứ đầu tiên được phong chức sắc trong Tam Điểm tại bản xứ và được giao phụ trách hội "Khổng Tử" ở Hà Nội. Việc phong sắc cho ông đã làm cho một số huynh đệ Pháp ghen tị và phản đối. Sự phản đối này đã châm lửa thêm tinh thần yêu nước vì dân tộc của những người cầm bút. Họ đã nhận thấy sự giả hiệu trong hai chữ dân chủ và bình đẳng.

Ông tham gia viết báo đề cao và cổ súy việc học chữ Quốc ngữ. Ông Phạm Huy Lục cuối đời vẫn không xin vào quốc tịch Pháp mặc dù ông giúp nhiều người đệ đơn vào làng Tây. Ông sang Pháp từ năm 1948, nhưng chỉ được cấp giấy cư trú của người nước ngoài. Ông cũng là đảng viên đảng Xã hội (SFIO) cùng Hoàng Minh Giám. Ông từng được bầu làm Chủ tịch Viện Dân biểu Bắc kỳ.

PHAN VĂN TRƯỜNG (1876-1933), luật sư hành nghề tại Pháp. Ông cùng Phan Châu Trinh lập hội Đồng bào Thân ái (tổ chức Việt kiều đầu tiên tại Pháp). Ông bị tổng động viên làm phiên dịch phục vụ quân đội Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, ông mở văn phòng luật sư tại Paris, và hoạt động yêu nước cùng Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh. Ông cùng Nguyễn An Ninh lập báo *Chuông Rè* và báo *An Nam* bằng tiếng Pháp tại Sài Gòn, nhằm đấu tranh chống chính sách phản động của thực dân Pháp, đòi dân chủ và phản đối chủ trương "Pháp - Việt đề huề" của đảng Lập hiến.

PHẠM NGỌC THẠCH (1909-1968), bác sĩ, vào hội năm 1937, sinh hoạt ở hội "Khổng Phu Tseu" Sài Gòn, sau gia nhập FB3-Indo. Nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vợ ông là người Pháp nên những hoạt động trong Tam Điểm của ông cũng rất dễ dàng. Khi con trai ông mất, nhưng không ai biết, ông đã nhận con trai của Vidal làm con mình để che mắt mật thám cho tay con lai của Phạm Thị Tốt, cháu ngoại Hộ pháp Phạm Công Tắc đi hoạt động cho FB3-Indo dễ dàng.

PHẠM QUỲNH (1892-1945), mồ côi cha mẹ sớm, sống với bà nội. Ông tốt nghiệp trường Thông ngôn năm 1908, làm việc ở trường Viễn Đông Bác Cổ khi mới 16 tuổi. Ông vừa là nhà báo, nhà văn, vừa là quan đại thần triều Nguyễn. Ông viết nhiều và mang nhiều bút hiệu khác nhau như Thượng Chi, Hoa Đường, Hồng Nhân. Ông từng làm chủ bút *Nam Phong Tạp chí* và làm giảng viên trường Cao đẳng Hà Nội. Ông cũng là một trong những người sáng lập ra hội Khai Trí Tiến Đức.

Ông là hội trưởng hội Trí tri Bắc kỳ. Năm 1922, ông cùng Nguyễn Văn Vĩnh sang Pháp dự hội chợ triển lãm Marseille, hai ông ở lại Paris chơi. Tại đây, ông và ông Vĩnh đã làm quen với thành viên hội "Nhân quyền". Ông từng làm ở hội đồng Tư vấn Bắc kỳ, rồi được cử vào hội đồng Kinh tế và Tài chính Đông Dương. Năm 1932, ông được triều đình nhà Nguyễn triệu vào Huế bổ làm Ngự tiền Văn phòng, sau làm Thượng thư Bộ Lại thời Bảo Đại đến khi Nhật đảo chính. Thời Chính phủ Trần Trọng Kim, ông bỏ về sống ẩn dật ở Huế. Cái chết của ông còn nhiều bí ẩn. Trong suốt một thời gian dài, ông tham gia viết báo, tuyên truyền tư tưởng "Pháp - Việt đề huề". Ông đòi hỏi người Pháp phải thành lập Hiến pháp quy định cụ thể quyền hạn căn bản của người Việt Nam, của triều đình và chính quyền bảo hộ.

THẨM HOÀNG TÍN (1909-1991), Thị trưởng người Việt Nam đầu tiên dưới thời Bảo Đại, ông là dược sĩ học ở Pháp về, là thành viên

hội Tam Điểm nên ông được làm Thị trưởng thành phố Hà Nội. Chính ông đã viết thư đề nghị hội Tam Điểm kiến nghị trao độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, kiến nghị của ông bị các huynh đệ bác bỏ.

TRẦN TRỌNG KIM (1883-1953), tốt nghiệp trường Thông ngôn năm 1904, ông làm thông dịch một thời gian rồi qua Pháp học ở trường Thuộc địa. Về nước, ông được bổ nhiệm dạy ở trường Bảo hộ và trường Sư phạm. Năm 1945, ông được chọn giữ chức Thủ tướng Đế quốc Việt Nam. Ông là vị thủ tướng đầu tiên của Chính phủ Việt Nam độc lập sau khi Nhật bại trận và chỉ tồn tại vài tháng đến khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bùng nổ. Tuy nhiên, Chính phủ này đã kịp thời đưa Nam kỳ trở về với đại gia đình các dân tộc Việt Nam do trước kia triều đình nhà Nguyễn phải nhượng bộ cho Pháp và Chính phủ của Trần Trọng Kim, dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại đã thay chương trình học bằng tiếng Pháp sang giảng dạy bằng chữ Quốc ngữ.

Ông vừa là nhà sử học vừa là nhà văn và để lại một số khảo cứu về lịch sử - xã hội - chính trị Việt Nam có giá trị. Sau năm 1945, ông sống lưu vong ở nước ngoài. Khoảng năm 1947, ông trở lại Sài Gòn. Trần Trọng Kim là thành viên Tam Điểm và là một trong những người đầu tiên tham gia thành lập tổ chức Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế, về sau ông cùng Tạ Thu Thâu bỏ không sinh hoạt ở phong trào này. Ông từng được bầu làm Phó Trưởng ban Văn học hội Khai Trí Tiến Đức và nghị viên dân biểu Bắc kỳ. Ông sinh hoạt trong hội Tam Điểm "Những người Ê-cốt ở Bắc kỳ" (Les Ecossais du Tonkin).

TRẦN VĂN LAI (1894-1975), bác sĩ tại bệnh viện Phủ Doãn. Năm 1945, ông được mời giữ chức Đốc lý Hà Nội (tương đương chức Thị trưởng Hà Nội) dưới thời Chính phủ Trần Trọng Kim. Nhưng ông mới chỉ nhận chức được hai tháng thì Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Sau đó, ông từ chối tham gia chính quyền Pháp và cũng không lên chiến khu như nhiều trí thức đương thời, nên ông bị Pháp đặt cho cái tên "trí thức trùm chăn". Ông đã có công đổi toàn bộ tên đường phố Hà Nội trước đó do chính quyền thực dân đặt, toàn tên Pháp và tên người Việt có công với Pháp, bằng tên những vị anh hùng dân tộc Việt Nam như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Toản… Trần Văn Lai là nhân sĩ trí thức đầu tiên ủng hộ Thành ủy Hà Nội ký vào bản kiến nghị đòi hòa bình để gây làn sóng ảnh hưởng trên mặt trận ngoại giao. Bản kiến nghị này đã được luật sư Nguyễn Mạnh Hà ở Paris gửi cho tờ báo *Le Monde* (Thế giới) là tờ báo lớn của Pháp và tờ báo *L'Humanité* với tựa đề "Những nhân sĩ lớn" (Les Notabilités). Ông

từng được cử giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Hà Nội và Thứ trưởng Bộ Thương binh - Xã hội.

TẠ THU THÂU (1906-1945), học ở trường Chasseloup Laubat, dạy học, sau du học ở Pháp vào năm 1927, ông gia nhập đảng An Nam Độc lập của Nguyễn Thế Truyền, thay ông Truyền điều hành khi ông Truyền về nước. Ông cùng với Huỳnh Văn Phương xuất bản tờ *La Résurrection* (Sống lại) chống chính phủ thuộc địa. Tờ báo bị đình chỉ và đảng cũng bị giải tán.

Sau đó ông tham gia hội nghị Liên đoàn Phản đế (Liên hiệp chống Chủ nghĩa đế quốc ở Đức.) Bắt đầu tiếp xúc với những thành viên cánh tả ở Paris, ông đã quen Felicien Challey, thành viên Tam Điểm, nên ông tham gia hội Tam Điểm. Ông là lãnh tụ của phái Trotskyist Việt Nam đầu tiên. Ông đã cùng kiều bào biểu tình trước điện Elysées phản đối chính quyền thuộc địa xử tử Nguyễn Thái Học và các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng. Vì lý do này, ông bị bắt và trục xuất về nước. Ông tham gia xuất bản tờ báo *Vô sản* (1932), làm báo *La Lutte* (Tranh đấu) bằng tiếng Pháp cùng Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm và Dương Bạch Mai. Ông bị kết án hai năm tù treo vì các hoạt động ái quốc. Sau đó, ông vẫn liên tục hoạt động và bị thực dân Pháp bắt 6 lần, kết án 5 lần. Năm 1944, ông được phóng thích, dự định thành lập đảng Xã hội Thợ thuyền, và ra Bắc bắt liên lạc. Trên đường về ông bị thủ tiêu, do bất đồng quan điểm giữa các hội đoàn, cái chết của ông cần phải đặt lại vấn đề.[1]

---

[1] *Tuy nhiên, vấn đề đó không thuộc phạm vi nghiên cứu của cuốn sách này.*

TRỊNH ĐÌNH THẢO (1901-1986), con một viên chức trong chính quyền Pháp. Ông qua Pháp du học dưới sự bảo trợ của Thống đốc Nam kỳ Cognacq, nhập hội "Tổ Ong" (*Ruche*) năm 1931, sau về nước sinh hoạt ở hội "Khổng Tử". Trịnh Đình Thảo là người bản xứ duy nhất lên được chức sắc cao bậc 31 trên 33 bậc của Tam Điểm thuộc Đại đường Pháp. Thời sinh viên ông đã chỉ trích chính sách thuộc địa. Ông ứng cử hội đồng Thuộc địa Nam kỳ năm 1935, nhưng lại bị Thống đốc Pages từ chối, mặc dù ông là thành viên hội Tam Điểm.

Ông bị Thống đốc Pages từ chối vì đã nhìn thấy ở ông một con người yêu nước, từng tham gia phong trào sinh viên Pháp đấu tranh nên không muốn nuôi ong tay áo. Ông từng bào chữa cho một số Việt kiều trước tòa án ở Pháp, tham gia phong trào sinh viên Việt Nam tại Pháp. Năm 1929, ông là luật sư tại Tòa Thượng

thẩm Sài Gòn. Năm 1936, ông tham gia Phong trào Đông Dương Đại hội, đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh. Ông chính là cố vấn luật của đạo Cao Đài và chính sách hòa bình chung sống của Hộ pháp Phạm Công Tắc những năm 1956.

Đầu năm 1968, ông bí mật ra vùng kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, tham gia thành lập và làm Chủ tịch Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam; năm 1969, ông làm Phó Chủ tịch hội đồng Cố vấn cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và sau ngày hòa bình lập lại ông đã được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 6, Ủy viên Ủy ban dự thảo Hiến pháp, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

VUA DUY TÂN tức Hoàng tử Vĩnh San (1900-1945), vua bị đi đày lúc 16 tuổi, năm 1916, vì liên lạc với các lãnh tụ đảng Việt Nam Quang phục hội để dự định khởi nghĩa chống chính quyền bảo hộ Pháp. Sau đó vua bị lưu đày ở đảo La Réunion. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), vua Duy Tân tham gia quân đội Pháp chống Phát xít Đức và máy bay chở ngài bị rơi ở Trung Phi cuối năm 1945, trên đường từ Paris trở lại đảo La Réunion sau cuộc hội đàm nhiều triển vọng với tướng de Gaulle nhằm lập lại chủ quyền của Việt Nam. Vua Duy Tân là biểu trưng cho vị vua trẻ có tinh thần ái quốc và canh tân của triều Nguyễn. Năm 1987, thi hài ông được đưa về Huế an táng cạnh mộ vua cha Thành Thái. Những thành viên bỏ lên rừng theo kháng chiến đều bị xóa sổ trong Tam Điểm.

Theo quy định của hội, các thành viên phải sinh hoạt đều đặn theo định kỳ và phải đóng nguyệt liễm đầy đủ.

Những thành viên Tam Điểm lên chiến khu và từ bỏ hẳn hội khi Việt Nam giành được độc lập hoàn toàn như Hoàng Minh Giám, Cao Triều Phát, không thể có mặt để sinh hoạt, cũng như không đóng lệ phí nữa. Nhưng không hề thấy trên thẻ Tam Điểm đề bị khai trừ hoặc bị các huynh đệ viết thư tố cáo đề nghị Đại sư khai trừ khỏi hội.

Những trường hợp bị kết án tù, vì bất kỳ lý do gì sẽ bị loại ngay.

Những trí thức Tam Điểm yêu nước đi kháng chiến không thể tránh khỏi bị truy lùng và tù tội, như trường hợp Nguyễn Ái Quốc và Tạ Thu Thâu, nhưng tên họ trên thẻ hội viên không bị ghi là đã loại ra khỏi hội Tam Điểm. Nguyễn Ái Quốc bỏ hẳn Tam Điểm đi theo cộng sản và từng bị chính quyền Pháp kết án cũng không bị

khai trừ. Theo nguyên tắc nếu thành viên Tam Điểm bị kết án sẽ bị loại khỏi hội Tam Điểm. Như trường hợp Trần Văn Trinh, khi vào hội với lý lịch trong sáng, nhưng chỉ một năm sau thư của chi hội Huynh đệ Bắc kỳ báo về Đại sư chuẩn phê quyết định trục xuất khỏi hội nhân vật Tam Điểm Trần Văn Trinh vì bị kết án tù năm năm. Trong hồ sơ không nói lý do kết án. Chắc chắn đây chỉ là tội chống lại nhà cầm quyền, vì khi đã vào hội, thành viên đã được theo dõi kỹ trong sáu tháng có khi một năm, phải có đầy đủ tư cách đạo đức mới được kết nạp. Vậy mà năm 1931, ông đã bị loại ngay. Trường hợp Vương Tử Đại bị loại vì không đóng lệ phí đầy đủ. Như vậy, những người theo Việt Minh lên chiến khu kháng chiến lý ra phải loại bỏ. Nhưng một điều hết sức kỳ lạ, trong thẻ ghi lại ở các kho lưu trữ, những người nổi tiếng như Nguyễn Ái Quốc, Cao Triều Phát, Trịnh Đình Thảo, không hề thấy bị xóa tên khỏi hội. Điều này chứng tỏ hội Tam Điểm biết đó là những người xuất sắc của Việt Nam, hội Tam Điểm muốn để nguyên để chứng minh hội kết nạp toàn những thành phần ưu tú. Hội Tam Điểm sẽ tự hào vì hội từng thu hút được các thành phần nổi tiếng trên thế giới.

3. HỘI TAM ĐIỂM VÀ TÔN GIÁO MỚI Ở VIỆT NAM

Tam Điểm không phải là một tôn giáo. Nhưng nhiều người vẫn coi đó là một tôn giáo với những nghi lễ huyền bí. Thành viên Tam Điểm không chấp nhận quan điểm cho rằng họ là một tổ chức tôn giáo. Điều này được khẳng định qua việc hội Tam Điểm chủ trương không được phép truyền giáo trong trường học. Hội Tam Điểm không bao giờ đi truyền giáo. Tam Điểm chỉ mở cổng cho những ai tự tìm đến hay tự nhận thức đến với ánh sáng Tam Điểm.

Thành viên Tam Điểm cũng có thể là tín đồ Công giáo, tín đồ Tin Lành, tín đồ theo đạo Khổng Tử, Lão Tử, đạo Phật. Hội cho phép các thành viên được tự do tín ngưỡng. Chính vì thế thành viên Tam Điểm có mặt ở khắp nơi trên mọi lĩnh vực. Khi đến Đông Dương, hội Tam Điểm cũng quan tâm đến những tư tưởng tôn giáo truyền thống ở thuộc địa mà họ cho rằng những triết lý tâm linh không thua kém triết lý của họ nên đã giao cho Đỗ Hữu Trí nhiệm vụ nghiên cứu này. Vì lẽ Nam kỳ do Pháp trực tiếp cai trị, nỗi đau thương mất nước và cảnh nhân dân bị thực dân bóc lột đã sinh ra một số đạo mới ở Việt Nam. Những đạo nổi tiếng được nhiều người theo như Bửu Sơn Kỳ Hương do thầy tu được gọi là Phật Thầy Tây An (1807-1856) lập ra, Tứ Ân Hiếu Nghĩa lập năm

1867, đạo Cao Đài năm 1926, đạo Hòa Hảo năm 1939 và đạo Dừa năm 1963. Hội Tam Điểm chính thức vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX và phát triển từ đầu thế kỷ XX. Xét từ năm khai đạo, ta có thể khẳng định hội Tam Điểm không hề có quan hệ đến Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, vì vậy, phần này chỉ nhằm nghiên cứu những đạo khai sinh đầu thế kỷ XX.

Quyền Giáo tông đạo Cao Đài Lê Văn Trung (1876-1934).

Nguồn: Flickr Mạnh Hải.

A. ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài ra đời năm 1926 tại Nam kỳ, do một số công chức, điền chủ và tư sản thời Pháp thuộc sáng lập. Đạo tôn thờ Đấng Thượng đế. Cao Đài tin rằng Thượng đế đích thực đã xuất hiện để cứu độ chúng sinh lần thứ ba và là lần cuối cùng nên còn có tên gọi là đạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Theo sử đạo Cao Đài, Thượng đế chính là sự hóa thân trước đây của Phật, Jesus, Moses… Nay Thượng đế trực tiếp chỉ đạo hướng thiện cho con người. Đạo xây

dựng trên những thông linh điệp lấy từ các buổi cầu cơ. Phương châm của đạo là hòa đồng mọi tôn giáo trên thế giới, tiến tới thế giới đại đồng, hòa bình và hạnh phúc. Đạo Cao Đài thờ Phật, Jesus, Khổng Tử, Lão Tử… Đạo cũng phong thánh và thờ nhiều nhân sĩ, văn sĩ nổi tiếng trên thế giới, đặc biệt là Pháp và Trung Quốc như Victor Hugo, Lý Thái Bạch, Jeanne d'Arc, Tôn Dật Tiên, Nguyễn Bỉnh Khiêm… Tòa Thánh Tây Ninh là thủ phủ của đạo Cao Đài do Quyền Giáo tông Lê Văn Trung chỉ đạo.

Khi Quyền Giáo tông Lê Văn Trung quy tiên, Hộ pháp Phạm Công Tắc nắm chủ quyền cả hai cơ quan chính Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, coi như Giáo chủ chưởng quản toàn bộ đạo Cao Đài. Ngô Văn Chiêu là người đầu tiên có duyên cơ gặp được Thượng đế Cao Đài thăng xuống xưng danh A Ă Â; ông là một trong những sáng lập viên của đạo, được bầu làm Giáo tông lúc ban đầu, nhưng sau đó nhường chức Giáo tông cho Lê Văn Trung.

Theo cuốn *Đạo Cao Đài và Victor Hugo* của Trần Thu Dung, khi khảo cứu về nguyên nhân phong thánh đại văn hào Victor Hugo, tác giả đã tìm thấy sự điều khiển ngầm của Tam Điểm bên trong việc thành lập đạo Cao Đài ở Việt Nam. Đạo ra đời trong thời gian ngắn, mọi quy tắc, triết lý và luật hành đạo rất quy củ. Louis Vidal, sĩ quan Pháp, thành viên Tam Điểm tại Đông Dương và Cha Pedro Martino, một giáo sĩ truyền đạo ở đảo Phú Quốc, chính là cố vấn quan trọng cho đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài xuất phát từ việc cầu cơ và mọi chỉ thị đưa ra đều từ cầu cơ mang tính chất huyền bí như Tam Điểm. Đạo Cao Đài chủ trương thế giới đại đồng không phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo, đây chính là mục đích của hội Tam Điểm. Ngay lối vào nhà thờ của đạo Cao Đài trang trọng ghi "*Dieu et Humanite - Amour et Jusstice*" (Thượng đế và Nhân loại - Bác ái và Công bình), đó cũng chính là khẩu hiệu đề cao trong Tam Điểm, trong bức tranh tam thánh hoành tráng với chân dung ba vị Victor Hugo, Nguyễn Bỉnh Khiêm và Tôn Dật Tiên vẽ trên tường ngay cổng vào nhà thờ. Louis Vidal - thành viên Tam Điểm có quyền quyết định việc trang trí nhà thờ đạo Cao Đài. Theo Gibert David, Louis Vidal đã bắt các chức sắc Cao Đài phải bỏ thờ chữ Vạn của phương Đông thay vào thờ Victor Hugo khi khánh thành nhà thờ Cao Đài đầu tiên tại Campuchia, mặc sự phản đối dữ dội của huynh Đặng Trung Chữ phụ trách Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại. "*Ở Ấn Độ, chữ Vạn - chữ thập ngoặc bốn đầu có bốn góc vuông xoay theo chiều kim đồng hồ có từ lâu đời trong lịch sử đạo Phật*[1] *trang trí các chùa Ấn Độ từ nhiều thế kỷ. Các huynh đệ chúng ta học trường Pháp ra ai cũng biết rõ! Tay Hitler bịp bợm chính nó đã vứt đi cái biểu tượng này trong các nhà chùa của chúng ta*".

Nhưng cuối cùng người huynh đệ bản xứ vẫn phải chịu thua sự điều khiển của "Sư thầy"[2] Vidal, khiến ông bố vợ, Hộ pháp Phạm Công Tắc, phải chữa ngượng bằng cách nói chống chế rằng chúng ta đành phải chấp nhận thay hình Victor Hugo và Đức Phật Thích Ca vào chỗ đó, và rước chân dung Victor Hugo trong buổi lễ khánh thành, nhưng chúng ta vẫn thắng lợi vì nhờ sự khéo léo của Vidal nên đường Pierre Pasquier thay thế bằng đường Đỗ Hữu Vị - người hùng phi công đầu tiên của Việt Nam tham gia trong Chiến tranh thế giới thứ nhất cho nước Pháp.

---

[1] Chữ Vạn theo tiếng Phạn Svastikas mang ý nghĩa phúc lộc, an khang, thành công, thịnh vượng được trang trí hầu hết các chùa từ lâu đời.

[2] Gibert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), L'Harmattan, Paris, 2000 , tr. 61.

Đạo Cao Đài có thể coi là một biến thể bất ngờ của hội Tam Điểm tại thuộc địa, một sự thành công vượt quá sức tưởng tượng của những người khai sinh ra nó. Đạo Cao Đài đã biến từ một hội kín trở thành giáo phái, sau thành tôn giáo phát triển mạnh ở miền Nam chỉ trong vòng mười năm. Đạo đã thu hút được nhiều trí thức tiến bộ và dân chúng Nam kỳ. Trong khoảng thời gian đó, đạo có hơn hai triệu tín đồ. Ban đầu một nhóm công chức bản địa tụ họp để xướng họa làm thơ. Người sáng lập đạo Cao Đài là ông phủ Ngô Văn Chiêu (sau đổi thành đạo hiệu Ngô Minh Chiêu). Người đầu tiên nhìn thấy con mắt trong một số lần thông linh. Tìm hiểu tiểu sử một số vị chức sắc lớn và những người sáng lập đạo Cao Đài cùng các biểu tượng trang trí trong nhà thờ Cao Đài, ta thấy rõ mối quan hệ và ảnh hưởng lớn của hội Tam Điểm đối với việc mở, hình thành và phát triển đạo.

Đạo Cao Đài chính là khởi điểm của Tam Điểm bản địa. Hội Tam Điểm bắt buộc thành viên phải có lòng tin vào thế giới siêu hình, tức là thế giới tâm linh huyền bí. Chính vì thế đạo Cao Đài đã khởi xướng bằng những buổi cầu cơ để nhận những thông linh điệp đầu tiên và sau này luật của đạo cũng chỉ chấp nhận mọi chỉ thị từ các thông linh điệp qua các buổi cầu cơ. Sư thầy[1] Vidal trở thành cố vấn tâm linh cho đạo Cao Đài.

---

[1] Sư thầy ở đây là cấp bậc trong hội Tam Điểm.

Khảo sát tiểu sử các nhà sáng lập và một số chức sắc đứng đầu đạo

Cao Đài, ta thấy rõ nhiều chức sắc quan trọng đều là thành viên của hội Tam Điểm. Quyền Giáo tông đứng đầu là Lê Văn Trung (1875-1934), phụ trách Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại là Trần Quang Vinh (1897-1975), sáng lập viên và Tổng chỉ huy quân đội Cao Đài là Cao Triều Phát, Nguyễn Văn Ca, Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Phan Long, Trương Kế An, Đặng Trung Chữ... Đặc biệt Phạm môn, nơi linh thiêng của đức Hộ pháp Phạm Công Tắc, người điều khiển đạo về phần tâm linh, trở thành nơi tụ họp sinh hoạt bí mật của chi nhánh Tam Điểm Đông Dương FB3 điều khiển bởi Louis Vidal con rể của Phạm Công Tắc kết hôn với Đầu sư Phạm Thị Tốt - chức sắc lớn nhất trong phái nữ Cao Đài. Sau này, đứa cháu ngoại lai Pháp của Phạm Công Tắc cũng tham gia trong tổ chức này ở Đông Dương. Việc nhập hội Tam Điểm phải có bản trích lý lịch tốt và chưa phạm pháp. Phạm Công Tắc từng bị thực dân Pháp truy bắt do tham gia trong phong trào Đông Du đưa sinh viên đi du học ở Nhật vào năm 1908, cho nên ông không thể gia nhập Tam Điểm với lý lịch như vậy, nhưng ông biết những người sáng lập đạo cùng ông và nhiều chức sắc Cao Đài, cũng như người con rể dân Pháp và con gái đều tham gia sinh hoạt trong hội Tam Điểm. Ông để cho hội sinh hoạt tự do trong Phạm môn, chứng tỏ ông cũng đồng tình với lý tưởng của hội Tam Điểm và mối quan hệ khăng khít giữa đạo Cao Đài và hội Tam Điểm. Ông là chức sắc cao nhất của đạo Cao Đài lại phải chịu thua ông con rể Tam Điểm Vidal. Điều này chứng tỏ hội Tam Điểm đứng đằng sau việc thành lập đạo Cao Đài. Hai vị Giáo tông đầu tiên và nhiều chức sắc chủ chốt của Cao Đài đều là thành viên Tam Điểm và nếu không phải là thành viên Tam Điểm hay tán thành lý tưởng Tam Điểm thì chắc chắn không thể giữ chức vụ lớn trong đạo Cao Đài.

Sự liên quan của hội Tam Điểm với Cao Đài còn thấy rõ khi Hộ pháp Phạm Công Tắc, lúc còn là công chức, toan bỏ trốn đi Nhật, tổ chức sinh viên du học Nhật, bị bại lộ phải trốn về Tây Ninh. Tuy ẩn trốn, lại được nhận vào làm thư ký nhà đoan, rồi công khai ra mở đạo được là điều bí ẩn khó giải thích nếu không có bàn tay thế lực nào hỗ trợ đỡ đầu. Nhà cầm quyền Pháp đồng ý dễ dàng cho mở đạo không hề ngăn cản và không hề lo ngại trước sự đông đảo tín đồ đi theo. Từ năm 1926 đến năm 1940, chỉ trong vòng mười bốn năm, đạo Cao Đài xây được Tòa Thánh hoành tráng ở Tây Ninh, Phnom Penh và một số tỉnh khác. Ai là người đã trợ giúp ngân sách xây dựng? Việc công quả đóng góp của các tín đồ không thể nhiều được như vậy vì người dân vốn nghèo, việc công quả, quyên góp để xây dựng chùa chiền rất khó khăn, mặc dù đại đa số người Việt Nam theo đạo Phật. Xét tiểu sử của Ngô Minh Chiêu, ta có thể thấy rõ mối quan hệ giữa Tam Điểm và Cao Đài.

NGÔ MINH CHIÊU[1] (1878-1932) còn gọi là Ngô Văn Chiêu, được coi là môn đệ đầu tiên của đạo Cao Đài. Ông được phái Chiếu Minh tôn phong là Ngôi Hai Giáo chủ đứng sau Cao Đài Thượng đế. Ông tốt nghiệp trường Chasseloup Laubat, đậu Thành chung. Ông làm thư ký trong chính quyền Pháp, được bổ nhiệm làm Tri huyện, rồi sang Đốc phủ đảo Phú Quốc. Chính tại đảo này, theo lịch sử đạo Cao Đài ông đã chợt thấy con mắt của Cao Đài Thượng đế. Ông thường lên núi lập đàn cầu cơ. Theo *Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946* (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), của Gibert David, những cố vấn tâm linh của Ngô Văn Chiêu chính là Louis Vidal và cha Martino. Louis Vidal cũng chính là cố vấn tâm linh của đạo Cao Đài sau này, mặc dù Ngô Văn Chiêu rút lui do mâu thuẫn nội bộ khiến ông đã từ bỏ chức Giáo tông trong đạo về lập phái Chiếu Minh ở Cần Thơ, ngay khi vừa lập đạo Cao Đài.

---

[1] *Phần này chúng tôi giới thiệu một số thành viên Cao Đài Tam Điểm nổi tiếng theo thứ tự chức sắc và vai trò quan trọng của các nhân vật này trong đạo.*

Theo ông Ngô Văn Chiêu, ông đã thông thiên được với Đấng Thượng đế Cao Đài qua cầu cơ. Thượng đế thăng xuống xưng danh A Ă Â. Chữ A là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái Latinh và chữ Quốc ngữ. Theo những người sáng lập, ba chữ A tượng trưng đầu mối của vạn vật tức thái cực, Ă Â là biến thể của A, biểu tượng cho Âm dương tức là lưỡng nghi được sinh ra từ Thái cực. Ba chữ A Ă Â chính là thái cực sinh ra càn khôn vũ trụ, biểu thị Thượng đế. Nhưng thực chất Ngô Minh Chiêu đã khai tâm nhập hội Tam Điểm từ năm 1919 do Louis Vidal giới thiệu. Chữ A trong Tam Điểm chính là hình ghép của hình thước Thợ và compa chồng lên nhau, vừa là ẩn hình tam giác bên trong. Con mắt, hình tam giác, compa, thước thợ chính là biểu tượng chính trong Tam Điểm. Họa tiết compa, thước thợ đã được vẽ như hình chữ A có thể gặp hầu hết trong các nhà thờ Tam Điểm. Ba chữ A Ă Â thực sự đã có trong hình tượng Tam Điểm từ năm 1641 trên dấu ấn của ông Robert Moray. Ba chữ cái đầu A Ă Â cũng chính là hình thước thợ và compa tạo nên hình tam giác được Robert Moray sử dụng làm ấn riêng. Robert Moray, người được coi là một thành viên "lý thuyết" đầu tiên, được kết nạp vào hội Tam Điểm Edinbourg năm 1641 tại Anh quốc. Ông là nhà khoa học người Ê-cốt, ông từng tham gia quân đội của vua Louis XIII lên đến hàm đại tá, là bạn thân của Đức Hồng y Richelieu vì lúc này Tam Điểm và Công giáo chưa hề có sự mẫu thuẫn. Sau khi được kết nạp ông luôn dùng ngôi sao và chữ A để làm dấu hiệu riêng. Ông là sáng lập viên hội Hoàng gia,

khi ông mất, theo yêu của nhà vua ông được chôn ở Tu viện Westminster. Ngô Minh Chiêu cũng là người đầu tiên mở đạo Cao Đài tại Đông Dương. A Ă Â chính là sự thông minh tạo ra một huyền thoại mới của Ngô Văn Chiêu và của các sáng lập viên Cao Đài dựa trên những biểu tượng cơ bản của Tam Điểm, cũng như huyền thoại hóa câu chuyện người thợ cả tài ba Hiram của hội Tam Điểm dựa trên truyền thuyết xây đền Solomon.

Thượng đế Cao Đài sử dụng những công cụ cần thiết và cơ bản để xây nên công trình vĩ đại của nhân loại. Vô hình trung, Thượng đế Cao Đài cũng chính là Hiram - nhà Đại kiến trúc sư hiện thân trực tiếp trở lại lập đạo để xây dựng một thế giới mới hòa đồng tôn giáo bắt đầu từ Việt Nam.

LÊ VĂN TRUNG (1875-1934), thành viên hội Tam Điểm, từng là thư ký Dinh Thống đốc Nam kỳ. Ông là một trong sáu người bản xứ đầu tiên được bầu làm thành viên hội đồng Quản hạt Nam kỳ. Ông được ban Bắc Đẩu bội tinh năm 1912. Ông cùng nhóm bạn thân công chức Việt vốn yêu thơ đã cùng nhau tổ chức cầu cơ gọi nàng thơ lên xướng họa. Theo *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn (1920-1926)* của tác giả Lê Anh Dũng, các ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Cư và Ngô Minh Chiêu đã gặp được Đấng Cao Đài trong nhiều lần cầu cơ. Các ông được Đấng Cao Đài mở đạo. Ông là một trong những sáng lập viên đạo Cao Đài, có công lớn trong việc hình thành và phát triển đạo. Ngay khi đạo được thành lập, ông được giao trọng trách Quyền Giáo tông đạo Cao Đài phụ trách Cửu Trùng Đài. Khi bị Pháp bắt ông bận quần áo Tây và nói mật khẩu của Tam Điểm "Con trai Hiram" và lôi ra trong rương nhỏ bộ trang phục Tam Điểm, nhưng tay hiến binh người đảo Corse phụ trách nhà tù cũng là thành viên Tam Điểm lờ đi. Ngay ngày hôm sau một lá thư của Toàn quyền Pasquier viết thư xin lỗi về sự nhầm lẫn và thả ông ra. Thực ra Ngô Minh Chiêu và ông đều cùng là thành viên Tam Điểm, việc huynh đệ nhường nhau chức Giáo tông đều do Sư thầy hay Đại sư Tam Điểm phân công. Tuy vậy, nếu Ngô Minh Chiêu nhường chức cho Lê Văn Trung, tại sao khi vừa mới thành lập đạo, Ngô Minh Chiêu đã bỏ đi nơi khác để lập thành công ngay một phái đạo khác ở miền Tây? Đạo vừa thành lập cũng cần sự hỗ trợ của nhiều người. Ngô Minh Chiêu là người tìm ra con đường cứu rỗi này, lại bỏ đi ngay. Phải chăng lệnh của Đại sư cử Ngô Minh Chiêu đi nhận nhiệm vụ tiếp tục truyền đạo? Vì lúc đó Tây Ninh chưa có cơ sở hoành tráng nên vẫn phải mượn chùa Gò Kén để cử hành đại lễ Khai đạo và sinh hoạt. Hoạt động ban đầu chỉ có hai mươi sáu người đầu tiên ký vào đơn xin mở đạo. Ngô Minh Chiêu vừa ra đi đã mở thành công được một phái Cao Đài khác.

Một mình ông không thể mở được một phái để hoạt động tồn tại song song với Tây Ninh, mà phải có sự hỗ trợ của thế lực ngầm trong chính quyền sở tại lúc đó. Lê Văn Trung không phải nghiễm nhiên được giao chức cao nhất trong đạo nếu không phải là thành viên Tam Điểm. Phạm Công Tắc không được kết nạp vào hội vì dính đến pháp luật. Nhưng Phạm Công Tắc đã có sự bảo đảm của ông con rể Tam Điểm Louis Vidal. Chính vì thế Phạm Công Tắc phụ trách cơ quan trọng yếu nhất của đạo Cao Đài là Hiệp Thiên Đài nơi truyền ra mọi thông linh điệp của Đấng Thượng đế Cao Đài Tối cao, nhưng lại không được giao trọng trách phụ trách toàn đạo. Theo lịch sử do những người đạo Cao Đài viết lại, Ngô Văn Chiêu nhường chức Giáo tông cho Lê Văn Trung, nhưng theo một tài liệu in ronéo do ông Savani "Ghi chép về Đạo Cao Đài", ông Ngô Văn Chiêu bị phản bội, nên bỏ đi lập đạo nơi khác. Thực chất, sự chia rẽ này chính là mục đích của chính quyền Tam Điểm Pháp thực dân muốn lập ở nhiều nơi và cũng nhằm chia để trị.

CAO TRIỀU PHÁT (1889-1956) vào hội Tam Điểm tại Pháp từ năm 1922 khi ông du học tại đây. Ông nhập hội Tam Điểm Thánh André Ê-cốt và Liên minh Hòa hợp Bordeaux (*Saint André d'Ecosse et la Solidarité Réunis Bordeaux*), trong thẻ hội viên ở kho lưu trữ đề nghề nghiệp "trồng lúa", thực chất đây là sự trá hình đa dạng. Thời đó, một người nông dân trồng lúa không thể qua Pháp du học. Họ phải khai lý lịch khác nhau để dễ bề hoạt động ái quốc, như Nguyễn Ái Quốc cũng đổi tên khi qua Pháp và làm nghề thợ sửa ảnh để kiếm sống. Khi về nước ông Cao Triều Phát tham gia sinh hoạt trong chi nhánh Đông phương Thức tỉnh (*Le Réveil de l'Orient*), ở Sài Gòn. Chính sự phân biệt tiềm ẩn bên trong lòng những người huynh đệ được cho là thành viên một hội tiên tiến nhất và dân chủ nhất, đã thực sự thức tỉnh những trí thức Việt Nam, việc đòi độc lập và dân chủ bình đẳng là nhu cầu cấp thiết, họ nung nấu khát vọng độc lập trong mình. Những người trí thức Việt buộc phải thành lập hội Tam Điểm mà trong đó hầu như người bản xứ chiếm đa số, vì một số huynh đệ Pháp không muốn bắt tay hay ở dưới quyền người bản xứ. Bình đẳng và dân chủ đã ảnh hưởng sâu đậm.

Cao Triều Phát là con của Đốc phủ sứ Cao Minh Thạnh, từng tốt nghiệp trường Chaseloup Laubat và làm công chức ở Sài Gòn. Ông tham gia quân đội Pháp đánh Phát xít Đức ở châu Âu, thực chất ông làm thông ngôn trong quân đội, vậy mà trong thẻ hội viên đề ông là nhà nông, để thấy rõ hội Tam Điểm chỉ kết nạp người xuất sắc, có khả năng nhất định trong lĩnh vực nào đó, việc ghi nghề nghiệp chỉ là hình thức ngụy trang chữ "bình đẳng" trong mọi thành phần xã hội. Những người bản địa được tham gia hội

thường phải xuất sắc hơn và phải phấn đấu hơn rất nhiều so với người Pháp tại thuộc địa. Chính vì thế những thành viên Tam Điểm bản xứ vì sự đấu tranh không ngừng cho hai chữ tự do và bình đẳng nên cũng chịu nhiều cay đắng. Cao Triều Phát bị thực dân Pháp bắt giam năm 1941 cùng với một loạt chức sắc Cao Đài và bị đưa đi đày. Hội Tam Điểm Pháp thời Vichy cũng đang bị điêu đứng. Nhân quyền không thể có khi đất nước còn nô lệ, còn chưa độc lập. Đạo Cao Đài cũng là hình thức hòa hợp hai nước, những nhà chức sắc Cao Đài muốn tìm con đường giải phóng thuộc địa bằng sự hòa hợp, một giải pháp hòa bình. Chính vì vậy năm 1930, ông nhập môn đạo Cao Đài và hành đạo ở các tỉnh miền Nam, thuộc địa Pháp đầu tiên ở Đông Dương. Nhưng Pháp không đời nào chịu trao độc lập, nếu không đấu tranh. Ông cùng nhiều tín đồ Cao Đài ủng hộ Việt Minh kháng chiến đòi độc lập. Công lao của ông rất lớn, với đạo cũng như với đời. Năm 1945, ông được cử làm Chủ tịch Cao Đài mười một phái hiệp nhất, được cử thay thế Hộ pháp Phạm Công Tắc nhưng do vấn đề cầu cơ, và luật thiên phong, nên không được coi là chính thống. Ông được bầu là đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ông từng là Cố vấn Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, Ủy viên Thường trực Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông được Nhà nước tặng thưởng các Huân chương Độc lập hạng Nhì (1949), Kháng chiến hạng Nhất (1957). Sau khi mất, Ông được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (1961).

NGUYỄN PHAN LONG (1889-1960), tốt nghiệp trường Trung học Albert Sarraut, du học Pháp. Ông cùng Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo - những thành viên Tam Điểm kết nạp ở Pháp, tham gia hoạt động ngay từ thời sinh viên đòi Chính phủ Pháp ra Luật Bình đẳng đối với người bản xứ. Về nước ông tích cực tham gia chính trị, được cử làm chủ bút của tờ báo *La Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương). Sau đó ông kiêm chủ bút tờ *Đuốc Nhà Nam*, phiên bản tiếng Việt của tờ *Diễn đàn Đông Dương*. Ông được Bảo Đại chỉ định làm Thủ tướng đầu tiên trong Chính phủ Quốc gia Việt Nam, kiêm nhiệm Tổng trưởng Nội vụ trong bốn tháng. Nguyễn Phan Long vừa là nhà báo, nhà chính trị, nhà văn, thành viên Tam Điểm và là tín đồ Cao Đài. Ông đã ca ngợi tinh thần hòa đồng tôn giáo của đạo Cao Đài, cũng như chủ trương "Pháp - Việt đề huề" mà ông ủng hộ. Ông là người có công thành lập Liên Hòa Tổng hội nhằm đoàn kết đạo Cao Đài khi có nguy cơ tan rã vì một số chức sắc lớn như Hộ pháp Phạm Công Tắc bị Pháp bắt đi đày. Ông được bầu làm Tổng trưởng Liên Hòa Tổng hội. Từ đấy các chi phái khác nhau của đạo Cao Đài hòa hợp vì sự sống còn của đạo. Ông cùng Cao Triều Phát, Trương Kế An và nhiều bạn bè tham gia

tổ chức FB3-Indo nhằm chống sự hiện diện của Nhật ở Đông Dương. Ông cũng đỡ đầu con trai của Louis Vidal và Phạm Thị Tốt. Đứa trẻ này sau trở thành thành viên trẻ nhất của FB3-Indo.

TRẦN QUANG VINH (1897-1975) tốt nghiệp trường Chasseloup Laubat, từng làm thư ký ở Phnom Penh và một số chức vụ trong chính quyền Pháp, làm việc dưới chính quyền bảo hộ ở Campuchia, là tổng chỉ huy quân đội Cao Đài, đại diện cấp cao quân đội Cao Đài giai đoạn 1947-1951, Phối sư Cao Đài thuộc bộ phận Cửu Trùng Đài. Sau này ông là Thư ký Bộ quốc phòng những năm 1948-1949 dưới quyền tướng Nguyễn Văn Xuân và giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giai đoạn 1950-1951 thời Thủ tướng Trần Văn Hữu. Ông là thành viên hội Tam Điểm và hội FB3. Trong đạo Cao Đài ông được coi như là con trai của đại văn hào Victor Hugo đầu thai xuống trần gian và tham gia phụ trách Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại. Ông đã thành công khi khai tâm cho năm người Pháp nhập đạo Cao Đài. Thực chất đó là ba thành viên của hội Tam Điểm và hai phu nhân của họ.

Một thành viên nổi tiếng trong số đó là ông Gabriel Gobron được tấn phong ngay chức Tiếp dẫn Đạo nhơn - một chức lớn chỉ sau Phạm Công Tắc, tức là còn lớn hơn chức Phối sư Trần Quang Vinh, người đưa ông Gabriel vào nhập đạo. Tiểu sử tham gia đạo của Trần Quang Vinh, việc thành lập Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại thấy rõ sự điều khiển bên trong của các nhân vật Tam Điểm Pháp. Tiếp dẫn Đạo nhơn tức là một trong mười hai vị[1] cùng ba ông Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Cư được phép thông linh nơi Hiệp Thiên Đài. Gobron - nhà biên sử đạo Cao Đài chính là thành viên Tam Điểm. Đây cũng là lý do giải thích tại sao nhiều thánh ngôn nhận được từ buổi cầu cơ viết bằng tiếng Pháp. Ông Gobron cũng là người thông thạo tiếng Việt. Khi về Pháp ông tham gia dạy tiếng Việt ở trường Ngôn ngữ Đông phương.

---

[1] *Thập nhị Thời quân.*

TRƯƠNG KẾ AN, thành viên FB3-Indo, thành lập chi nhánh Chí Minh Thiện ở Rạch Giá.

NGUYỄN VĂN CA (1876-1956), thành viên Tam Điểm cũng là thành viên FB3-Indo. Phối sư Nguyễn Văn Ca đã quy tụ bổn đạo thành lập Thánh thất Mỹ Tho, được phong Chưởng quản Cửu Trùng Đài, thánh danh Bửu An Thiên, thành lập Hội Thánh Minh Chơn lý (hiện nay gọi là Hội Thánh Chơn lý).

ĐẶNG TRUNG CHỮ, thành viên Tam Điểm, chức sắc Cao Đài phụ trách Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại và thành viên trong FB3-Indo, phụ trách FB3 ở Cao Miên.

Khảo sát chức sắc Cao Đài cho thấy rõ trong số những người đứng đầu Hội Thánh Cao Đài lúc mới thành lập, hơn một nửa là thành viên Tam Điểm. Con số này qua thống kê những người đã biết đích xác là thành viên Tam Điểm, còn những chức sắc không biết rõ nhưng có mặt hoặc ủng hộ FB 3-Indo, con số thống kê này có thể cao hơn nhiều, như trường hợp Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương. Ông được bầu làm Giáo tông thay Lê Văn Trung nhưng không được Phạm Công Tắc thừa nhận. Ông bỏ về Bến Tre lập được ngay một nhánh chính đạo và trở thành một nhánh mạnh tương đương với Tây Ninh. Ông trở thành Giáo tông ở đây.

Phải có tổ chức ngầm đứng đằng sau việc mở đạo ở Bến Tre. Nguyễn Ngọc Tương có mặt trong một số cuộc họp của FB3-Indo. Cuộc họp ngày 22, 23 tháng 3 năm 1945 gồm nhiều thành phần liên minh tham gia. FB3-Indo đề nghị các tổ chức đóng góp người cho đội quân phía nam, Nguyễn Ngọc Tương đồng ý cung cấp ba trăm người tình nguyện cho FB3-Indo khi Louis Vidal yêu cầu. Như vậy ông phải là thành viên tích cực của tổ chức này. Khi đồng ý cung cấp ba trăm người, ông cũng tuyên bố ngay nếu những người lính tình nguyện này chết, thì FB3-Indo phải chịu trách nhiệm nuôi vợ con họ. Nguyễn Ngọc Châu, cháu nội của ông khi qua du Pháp học đã trở thành thành viên Tam Điểm, được giữ chức Giám đốc Ngân hàng Đông Dương - một nhà băng thuộc hội Tam Điểm và tổ chức đứng đằng sau của FB3-Indo. Các chức sắc Cao Đài Tam Điểm hầu hết đứng đầu các chi nhánh đạo. Trong ba Giáo tông phụ trách Cao Đài, hai Giáo tông Ngô Minh Chiêu, Lê Văn Trung là thành viên Tam Điểm, Nguyễn Ngọc Tương tuy không rõ nhưng tham gia ủng hộ tổ chức FB3-Indo. Hội Cao Đài Chiếu Minh, Cần Thơ do Ngô Minh Chiêu lập. Hội Thánh Tây Ninh, thủ phủ, do Lê Văn Trung điều hành. Hội Thánh Cao Đài Chơn Lý ở Mỹ Tho do Phối sư Nguyễn Văn Ca, thành viên Tam Điểm, đứng ra thành lập. Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại do Trần Quang Vinh đảm nhiệm thay Thượng Bảy Thanh. Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo ở Bạc Liêu do Cao Triều Phát thành lập và đứng đầu. Sau này, để hòa hợp các Hội Thánh các nơi có Liên Hòa Tổng hội do Nguyễn Phan Long phụ trách. Theo một số chức sắc Cao Đài, Nguyễn Phan Long không phải là tín đồ Cao Đài. Điều này rất vô lý khi một người ngoại đạo lại đứng ra tổ chức liên hiệp các chi nhánh đạo Cao Đài và được bầu làm Tổng hội trưởng. Ông Nguyễn Phan Long không phải là một chức sắc nào trong Cao Đài. Nhưng trong bài thuyết đạo tại lễ khánh thành Thánh thất Đà

Nẵng năm 1938, ông đã dùng từ "Huynh đệ Thế giới"(*Fraternité Universelle*) cũng là tên tạp chí của đạo Cao Đài. Sau bài diễn thuyết này đăng trên *Tạp Chí Đại Đồng* năm 1938, quyển 1, từ trang 9 đến trang 25 bằng tiếng Pháp. "Huynh đệ Thế giới" là tên thường gọi của hội Tam Điểm. Đại đa số chức sắc đứng đầu chi nhánh đạo mới tách ra từ đạo Cao Đài đều là thành viên Tam Điểm.

Phải chăng chủ trương "Pháp - Việt đề huề" được đem ra ứng dụng ngay trong việc thành lập các chi nhánh đạo Cao Đài? Vì thế sự ra đời và phát triển đạo nhanh chóng được chính quyền Pháp ủng hộ. Trong tấm bia khắc trân trọng cảm ơn những người Pháp giúp đỡ sự ra đời và tồn tại của đạo, đại đa số là thành viên Tam Điểm (Marc Rucart, Albertin Fabien, Robin, Lortat Jacob, Gabriel Gobron, Charles Bellan, Félicien Challaye, Karn Emile...). Luật sư Gabriel Abadies, luật sư Roger Lascaux, thành viên Tam Điểm thuộc Đại đường Pháp, sang Việt Nam chính là những luật sư bảo vệ quyền lợi cho đạo Cao Đài. Luật sư người Việt Trịnh Đình Thảo - thành viên Tam Điểm, cũng là thành phần luật sư bảo vệ đạo Cao Đài. Chủ trương "Pháp - Việt đề huề" lộ rất rõ trong sự hình thành đạo Cao Đài. Ảnh hưởng của Tam Điểm thể hiện ngay họa tiết trang trí trong nhà thờ, từ con mắt trong hình tam giác, quả địa cầu, sàn nhà lát trắng đen ở giữa, đến cách xưng hô huynh đệ, tỉ muội. Đạo Cao Đài cũng mang tính chất huyền bí và tin vào thần linh. Đạo Cao Đài thực chất là sự biến tướng và hòa tan bất ngờ của Tam Điểm xuất phát từ tổ chức bí mật của một số công chức bản xứ ban đầu. Dù nằm dưới sự chỉ đạo của Tam Điểm, nhưng những người sáng lập đạo Cao Đài bản chất vốn là người ái quốc, nên họ đã tự tìm con đường mở rộng hội qua hình thức tôn giáo với tư tưởng lớn hòa hợp các tín ngưỡng Đông Tây. Họ thông minh mở rộng tổ chức ra đến quần chúng rộng lớn, và thu nhập nhanh chóng được nhiều tín đồ nên đạo trở thành nơi sinh hoạt quần chúng, chứ không còn của riêng một đám trí thức bản địa như ban đầu. Các chức sắc Cao Đài đã lợi dụng triệt để sức mạnh của Tam Điểm ở Đông Dương để phát triển đạo. Vì thế chỉ trong mười năm họ có một số lượng tín đồ đông đảo, và xây được những nhà thờ rất lớn. Họ biết lợi dụng khẩu hiệu "Tự do, Bác ái, Bình đẳng" và kèm theo Thượng đế nhằm tranh thủ sự ủng hộ của người Công giáo và thu hút tín đồ ái quốc không muốn theo đạo Ki-tô. Các nhà sáng lập Cao Đài vốn là học trò trường thuộc địa Pháp và trở thành công chức thế hệ đầu tiên trong chính quyền thuộc địa. Họ trở thành đích nhắm của hội Tam Điểm Pháp.

Nhiều người trở thành thành viên của hội Tam Điểm là điều không thể phủ nhận. Mặc dù trải qua bao thăng trầm của lịch sử,

nhiều tư liệu bị đốt thời Pháp bị Đức chiếm đóng, nhưng chúng ta cũng có thể tìm thấy một số thẻ ghi tên những thành viên tham gia hội Tam Điểm. Cao Triều Phát được phong chức Chưởng pháp - một chức sắc lớn, đồng thời là chi trưởng một Thánh thất Cao Đài, đây là một ví dụ điển hình. Hội Tam Điểm có mục đích cắm rễ ở Đông Dương qua việc khai hóa những công chức bản địa. Hội thực chất là hội có tư tưởng tiến bộ. Hội đề cao vấn đề khai sáng dân trí ở các nước thuộc địa, đề cao sự công bằng, bình đẳng, bác ái ở tất cả mọi nơi trên thế giới. Việt Nam vốn là một thuộc địa của Pháp nên khát vọng của lớp trí thức bản địa vì tự do, công bằng, bình đẳng, bác ái lớn dần lên với ảnh hưởng tư tưởng tiến bộ của những nhà khai sáng như J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu và V. Hugo, nên việc đến với Tam Điểm hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng chân chính tha thiết của họ. Trong buổi lễ khánh thành Hội Thánh Cao Đài ở Nam Vang, Thượng Bảy Thanh[1] cũng đọc lời cảm ơn người Pháp, ân nhân thường xuyên vận động nước Pháp hay Đông Dương để bênh vực đạo Cao Đài: Luật sư Roger Laseaux, luật sư Lortat Jacob, Toàn quyền Albert Sarraut, Thống sứ Richome, Silvestre, Thibaudeau, các dân biểu H. Guermut, Marius Moutet, E. Outrey, Paul Ramadier, Marc Rucart, Jean Piot, J.M. Renaitour, M. Voisin, A. Philip, cô Marthe Williams, Trung tá Alexis Métois, Félicien Challaye, E. Tozza, Gabriel Abadie de Lestrac, Jean Laffray chủ nhiệm báo *La Griffe (Móng vuốt),* Charles Bellan, cựu Thống sứ Pháp tại Cao Miên… Những tờ báo *Fraternité*, báo *La Vérité*, *La Dépêche*… tường thuật và đưa ảnh buổi lễ khánh thành đều là báo của hội Tam Điểm. Hội "Nhân quyền" đã hỗ trợ rất nhiều đối với việc thành lập và sự tồn tại của đạo.

---

[1] Lê Văn Bảy, chức sắc Cao Đài đứng đầu Cơ quan truyền giáo Hải ngoại, hay còn gọi là Hội Thánh Ngoại giáo tại Nam Vang thành lập năm 1927 - BT.

Những tờ báo của hội lên tiếng bênh vực đạo Cao Đài như *Cahier de la ligue des Droits de l'homme, La Fraternité, L'Acacia*… Mặc dù đạo Cao Đài đã biến thành một tôn giáo, chính quyền Pháp thừa biết đấy là sự cải biến từ hình thức Tam Điểm bản địa lan ra quần chúng để thực hiện chủ trương "Pháp - Việt đề huề", nên khi hội Tam Điểm bị điêu đứng tại Pháp, ngày 16/6/1940 chính quyền thuộc địa cũng ra lệnh đóng cửa Tòa Thánh Tây Ninh. Cao Đài vốn là con đẻ của Tam Điểm, nên khi phe Tam Điểm thất trận, người đỡ đầu đang hoạn nạn thì con đẻ của nó bắt buộc cũng không tránh khỏi hoạn nạn. Ngày 13/8/1940, Thống chế Pétain ký lệnh đóng cửa các hội kín và tịch biên tài sản. Ngày 19/8/1940, Đại

đường Pháp bị giải tán; ngày 27/2/1941, hội Tam Điểm Loge Indépendence Nationale (Hội Quốc gia Độc lập) và l'Obédience du droit humain (Hội "Nhân quyền") bị giải tán. Như vậy, sau khi hội Tam Điểm giải tán toàn bộ ở Pháp thì vài tháng sau, ngày 4/6/1941, năm vị chức sắc đứng đầu Cao Đài bị bắt và bị đi đày. Luật 11 tháng 7 tháng 1941 đăng trên *Công Báo Cộng Hòa* (Journal officiel) tên những người lãnh đạo hội Tam Điểm và áp dụng với họ những biện pháp như đối với người Do Thái, cấm họ làm việc trong các công sở nhà nước. Ngày 11/8/1941, José Roi thuộc Đại đường (*La Grande Loge*) bị bắt làm con tin và bị Đức Quốc xã xử tử, sau đến Pierre Brossolette và những người khác. Các chức sắc huynh đệ Cao Đài ở Đông Dương cũng chịu số phận tương tự như các huynh trưởng đỡ đầu người Pháp.

Sau này, nhiều chức sắc Cao Đài Tam Điểm là thành phần chủ yếu đầu tiên trong tổ chức Tam Điểm Huynh đệ Tự do 3 - Đông Dương (*FB3-Indo Free Brothers*) gồm Trần Quang Vinh, Đặng Trung Chữ (được xem là hiện thân con trai của Victor Hugo), Nguyễn Văn Ca, Cao Triều Phát, Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Phan Long, Trương Kế An, Tạ Thu Thâu, Trần Trọng Kim...

Đạo Cao Đài chỉ là hình thức khác của hội Tam Điểm bản địa lập ra dưới hình thức tôn giáo để dễ bề thu hút tín đồ. Một số lý do khác cho thấy tại sao nhiều trí thức bản địa thời bấy giờ theo Tam Điểm.

Hội Tam Điểm tuy hoàn toàn khác với đảng Cộng sản Pháp, nhưng cùng một lý tưởng thế giới đại đồng và chống chế độ thực dân. Tháng 1/1933, Pierre Brocheux cho biết 350 người tham dự Đại hội đại biểu của hội Tam Điểm tại Pháp đã nhân dịp này cùng nhau ký một bản kháng nghị "Vì những người Đông Dương bị giam cầm". Họ cùng đề nghị khai hóa văn minh thuộc địa bằng cách cho phép con em bản xứ đến trường. Hội có mục đích xây dựng một "trật tự thế giới mới" trên cơ sở huynh đệ, công bằng, bác ái. Cùng hướng với phong trào chống chủ nghĩa thực dân nên hội Tam Điểm có tư tưởng tiến bộ, hợp với nguyện vọng nên được trí thức bản xứ tham gia.

Nhìn lại lịch sử ở châu Âu, chúng ta sẽ thấy Tam Điểm cũng có xu hướng che mắt và hợp thức hóa sự hiện diện của hội qua con đường tôn giáo, hoặc gián tiếp thông qua những nhân vật tôn giáo. Vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, ở châu Âu, sinh hoạt của hội Tam Điểm thường kín, nên có nhiều hạn chế và dễ bị chính quyền nghi ngờ các thành viên tụ họp để âm mưu đảo chính vì hội thường do những người nổi tiếng xuất sắc lãnh đạo,

nên dễ thu hút được sự đồng tình của những trí thức khác và của nhiều người vì nhân danh tự do, bác ái và công bằng. Nhiều nhà tu dòng từng là thành viên Tam Điểm thấy cần thiết phải cho Tam Điểm núp dưới một hình thức nào đó như tôn giáo hòa nhập để thu hút đông đảo quần chúng, sinh hoạt công khai và được sự ủng hộ của quần chúng trong các đợt bầu cử dân chủ. Hơn nữa đã có quan điểm bình đẳng, tự do, thì phải để cho những ai tự nhận thức được đến với hội chứ không phải qua quá trình lựa chọn khó khăn. Tam Điểm cũng cần lực lượng hỗ trợ trong các cuộc tranh cử. Tôn giáo và chính trị luôn gắn chặt với nhau. Một số chức sắc lớn đứng đầu một số nhà thờ Tam Điểm có mối liên quan mật thiết với tôn giáo. Karl Kellner (1851-1905) là sinh viên nghiên cứu thần học, người tự cho là đã nắm được chìa khóa của Tam Điểm trong sự huyền bí của tạo hóa, ông đã lập ra hội Hàn lâm Tam Điểm (*Academia Masonica*) tập hợp các hệ thống khác nhau của Tam Điểm, và với sự trợ giúp của Theodor Reuss (1855-1923) quyết định lập ra một tổ chức mới lấy tên Nhà thờ Đông phương (*Ordo Templi Orientis,* viết tắt là O.T.O), một tổ chức nhân danh huynh đệ và tôn giáo theo luật Thelema "Cứ làm gì mình muốn, rồi luật sẽ là thế" (*Fais ce que tu voudra sera le tout de la loi*.) Reuss và Frank Harman mua đặc quyền điều hành một hệ thống Tam Điểm cao cấp dưới các tên Nghi lễ Memphis, Ê-cốt và Misraim những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX từ John Yarker. Khi Kellner mất, quyền lãnh đạo tuyệt đối thuộc về Reuss. Hầu như những quan niệm của hội cũng như cách gọi và hệ thống tổ chức phân chia cấp bậc rất nhiều điểm tương đồng với quan điểm của Tam Điểm. O.T.O bao gồm cả chi nhánh Nhà thờ Tu Cơ đốc (*Ecclesia Gnostica Catholica)*, (*Église Gnostique Catholique*) đại diện cho phần tôn giáo của hội. Nhìn chung O.T.O sử dụng hầu hết cơ cấu tổ chức của Tam Điểm. Nên có thể nói đó là một nhánh của Tam Điểm tách ra, phát triển như trong bất kỳ đạo nào hoặc trong một tổ chức chính trị, khi bất đồng về một số quan điểm hoặc vì quyền lợi cá nhân ra mở chi nhánh riêng như Ki-tô giáo chia thành Tin Lành, Công giáo…, Phật giáo cũng chia ra nhiều nhánh Đại thừa, Tiểu thừa,…). Sau khi Aleister Crowley lên nắm quyền, năm 1925 ông tự coi mình là Đại sư của O.T.O (Maître suprême). Crowley và Yarker là những nhà huyền bí học. Dưới các hệ thống Tam Điểm của Reuss và Crowley ta cũng thấy khía cạnh thương mãi của các từ đặc quyền (charte) và sắc phong (brevet). Trong chiến tranh thế giới thứ hai, đại đa số nhánh O.T.O bị tan rã, chỉ còn lại nhánh hội Kinh Thánh (*Agapé Lodge)* ở California. Đến năm 1942, Karl Germern, do Crowley chỉ định, ra lãnh đạo O.T.O.

Đầu thế kỷ XX, tình hình châu Âu, nhất là ở Đức gặp khó khăn do

chiến tranh thế giới thứ nhất và sau này là do Hitler. Thành viên Tam Điểm bản địa đã thông minh biến tấu hội Tam Điểm thành một tổ chức tôn giáo để dễ bề hoạt động. Nhiều âm mưu đảo chính cách mạng dân chủ ở châu Âu thành công đều có sự điều khiển ngầm của hội Tam Điểm. Hội đã kết hợp với tổ chức tôn giáo để thu hút sự ủng hộ của tín đồ. Dòng Hiệp sĩ Thánh chiến (*Ordo Supremus Militaris Templi Hierosolymitani,* O.S.M.T.H) lập ra trong đó có tổ chức phi chính phủ, với mục đích viện trợ nhân đạo trong mọi lĩnh vực xã hội, văn hóa, chính trị, tôn giáo, chủng tộc.

Hiệp hội O.T.O khởi nguồn từ hội Tam Điểm kết hợp với Hội Thánh chiến lập thành. Hội hiện có ba nghìn thành viên trên năm mươi tám nước, riêng Mỹ chiếm một nửa số thành viên. Nhìn chung, các dòng này có cùng lý tưởng với hội Tam Điểm là đề cao tự do, bình đẳng và bác ái.

Khi hội đi từ một tổ chức chính trị của một nhóm cá nhân biến thành tôn giáo, nó sẽ thu hút đông đảo lực lượng và dễ bề qua mắt chính quyền. Tự do tôn giáo luôn luôn được đề cao. Chính quyền thường rất ngại đụng chạm vào tôn giáo, vì tôn giáo là tín ngưỡng của nhiều người. Tôn giáo thường gõ cửa đầu tiên vào lòng dân bằng các hoạt động từ thiện và nhân đạo. Nhân đạo bao giờ cũng là thước đo của nhân loại từ muôn đời. Phật giáo và Công giáo trải qua nhiều sóng gió, trường tồn được ở châu Á và châu Âu chính là nhờ lý tưởng nhân đạo bao dung. Khi các biến cố thiên nhiên như động đất, lụt lội, chiến tranh xảy ra, hàng nghìn người bị rơi vào cảnh bi thương, không nhà, không miếng ăn, không Tổ quốc, nhiều tổ chức nhân đạo trên thế giới, thuộc đủ các thành phần tôn giáo, chính trị khác nhau… tham gia quyên góp nhằm ủng hộ và giúp đỡ các nạn nhân thiên tai, có những bà xơ như Thérèsa cả đời làm từ thiện giúp bao nhiêu người bệnh phong nặng và trẻ em mồ côi. Không nên đánh đồng toàn bộ những người có tín ngưỡng khác với mình, không cùng quan điểm với mình là người không tốt. Đạo Cao Đài là một tôn giáo sinh ra trong hoàn cảnh của một nước thuộc địa, đặc biệt ở Nam kỳ - một mảnh đất triều đình nhà Nguyễn bị ép buộc phải nhượng cho Pháp. Triết lý của đạo dựa trên nền minh triết phương Đông và đạo Ki-tô. Bất kỳ đạo nào cũng hướng con người tìm về hạnh phúc. Hạnh phúc được định nghĩa theo những triết lý riêng của mỗi đạo. Đạo Cao Đài mang khát vọng hòa bình bằng con đường hòa hợp tôn giáo.

Đạo nào ban đầu cũng chỉ do một vài cá nhân lập ra và phát triển; tuy nhiên, thực tế cũng có nhiều người lợi dụng danh nghĩa của đạo nhằm mục đích chính trị riêng tư. Khi mục đích của đạo phù hợp với lòng người thì đạo sẽ thu hút được nhiều tín đồ.

Đạo Phật xưa cũng phát xuất từ việc một hoàng tử bỏ nhà đi tìm chân lý cuộc sống, ngày nay hơn một nửa dân số Đông Nam Á theo đạo Phật. Đạo Cao Đài thành lập cơ quan từ thiện để giúp đỡ các tín đồ trong hoạn nạn. Bất kỳ một quan điểm nào muốn thu hút quần chúng đều phải tuyên truyền và mang một lý tưởng nào đó. Nhìn chung, tôn giáo cũng đồng nghĩa với chính trị. Công giáo chính thức phát triển ở Việt Nam một phần bằng con đường chiến tranh, kể từ sự kiện liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở màn cho cuộc xâm lược Việt Nam.

Đạo Cao Đài có liên quan mật thiết với nhà thờ Gnose tại Đức, trong các buổi cầu cơ, Phạm Công Tắc thường nhắc tới và đề nghị tiếp tục quan hệ với tổ chức nhà thờ này. Nhà thờ ở Đức cũng cử phái đoàn sang Việt Nam để gặp gỡ và trao đổi. Những người sáng lập đạo Cao Đài cũng giống như những huynh đệ Đức, họ muốn tạo một cái riêng đặc thù của dân tộc và bắt chước để mở tổ chức nhân danh "huynh đệ và tôn giáo". Tôn giáo và chính trị luôn gắn chặt với nhau trong xã hội. Muốn tranh thủ sự ủng hộ của nhiều thành phần dân chúng, thành viên Tam Điểm liên kết với các tổ chức giáo hội ở khắp nơi bằng các hình thức giúp đỡ và ủng hộ tài chính… Các chức sắc tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến các tín đồ. Các tín đồ thường nghe theo lời khuyên của các giáo chủ. Tín đồ luôn tin giáo chủ là con Trời gửi xuống. Khi hội Tam Điểm có thế mạnh trong cơ cấu chính trị kinh tế, tổ chức tôn giáo cũng muốn liên kết với các thành viên Tam Điểm để thỏa hiệp cùng tồn tại. Sự liên kết chặt chẽ sẽ củng cố thêm chỗ đứng vững mạnh cho cả hai thế lực trong xã hội. Tìm hiểu về việc xây dựng Thánh đường Saint Joseph hoành tráng trên quả đồi nhìn bao quát thành phố Montréal sẽ thấy rõ sự liên kết giữa tôn giáo và chính trị. Mỗi năm, hơn hai triệu du khách và người hành hương khắp nơi đổ về nơi đây; nhiều tín đồ thành tâm vừa quỳ gối vừa leo lên chín mươi chín thang cấp để vào tận bên tượng Chúa mong tìm được sự cứu rỗi. Nhà thờ vĩ đại được xây cất hoành tráng và hiện đại cho nên cần một số tiền đầu tư rất lớn. Sự đóng góp của những tổ chức lớn hoặc các nhà tài phiệt thấy rất rõ qua bảng ghi danh những người đã ủng hộ nhà thờ.

Ngay cửa sổ kính màu đầu tiên trong Thánh đường ghi tên người giúp đỡ thuộc về tổ chức Molay, hội Tam Điểm. Hội Tam Điểm có quan hệ mật thiết với Thánh đường (*Shrine*). Khi Mỹ hiện diện ở miền Nam Việt Nam, hội Tam Điểm muốn trở lại Việt Nam đã phải dựa vào Thánh đường ở Sài Gòn lúc ban đầu để làm trụ sở sinh hoạt và kết nạp hội viên. Đức cha Joseph phụ trách nhà thờ này đã từng đến làm lễ rửa tội cho một số thành viên Tam Điểm trước khi mất, điều này chứng minh mối quan hệ giữa Công giáo

và Tam Điểm. Hai năm trước khi rời cõi trần, vị Thánh André[1] (sau ông được phong Thánh vì có công lớn đóng góp cho đời và đạo) đã viết một lá thư cho tỷ phú độc quyền về dầu lửa Mỹ Rockefeller để xin tiền xây nốt nhà thờ đang dở dang. Nhân vật tỷ phú dầu lửa này là một thành viên Tam Điểm ở Mỹ. Khi cha André phụ trách nhà thờ mất, người ta thấy tay tỷ phú New York tám ngày liền sáng đi tối về bằng máy bay qua Canada cùng với bốn, năm người hộ tống lo việc xây cất mộ cho vị linh mục nổi tiếng này. Bên cạnh đó, nếu ta khảo cứu các thành viên sáng lập, chắc chắn sẽ có thành viên Tam Điểm tham gia xây dựng một số nhà thờ ở Pháp, điều này chứng minh có mối quan hệ mật thiết giữa nhà thờ Công giáo và Tam Điểm qua kiến trúc và điêu khắc.

---

[1] André Bessette (tên khai sinh là Alfred Bessette) là người khởi công xây nhà thờ này. Sau này ông được phong thánh với tên Thánh André cho dù nhà thờ tên là Thánh Joseph. Ông đặt tên nhà thờ là Thánh Joseph vì, theo lời ông, những phép lạ là do Thánh Joseph chứ không phải ông làm.

Tình hình ở Việt Nam thời Pháp thuộc không đơn thuần như ở các thuộc địa châu Phi. Lo ngại những cuộc bạo động chống thực dân sẽ nổ ra ở Đông Dương, đặc biệt ở Việt Nam, chính quyền Pháp liền cấm những tổ chức tụ họp công khai. Để hợp pháp, những thành viên Tam Điểm Việt Nam đã sáng tạo ra đạo Cao Đài. Họ đã biến hội Tam Điểm bản địa thành tôn giáo thu hút được nhiều trí thức bản xứ. Được sự chỉ đạo và sự giúp đỡ của Tam Điểm ban đầu, các nhà sáng lập Cao Đài đã nhanh chóng mở đạo. Như vậy mô hình bên Đức được đem ra áp dụng ở Việt Nam rất phù hợp với tình hình tại đây vì đại đa số người dân mất nước đang phân vân không biết lựa chọn con đường nào.

Ở Việt Nam, thời Pháp thuộc và thời Mỹ có mặt ở miền Nam, do hoàn cảnh lịch sử nửa Tây nửa ta, nên nhiều người phân vân như ở giữa ngã ba đường. Nam kỳ trực thuộc sự cai trị của nước ngoài. Đau đớn vì mất nước và chiến tranh, trí thức Việt Nam đã tìm ra một giải pháp mới với mục đích "thỏa hiệp để tồn tại". Mảnh đất Nam kỳ đã nảy sinh nhiều giáo phái Phật giáo cải biến như Cao Đài, Hòa Hảo, đạo Dừa,... để phù hợp với nhịp sống biến động ở miền Nam. Rất tiếc, do mang tính chất huyền bí như Tam Điểm và điều lệ rất phi lý đặt ra, đạo Cao Đài ngày nay đã không còn người đứng đầu sau khi những người sáng lập dần dần qua đời. Tất cả mọi phê chuẩn, thăng chức sắc đều phải do thông linh điệp ở Hiệp Thiên Đài và do ba chức sắc đứng đầu cùng Thập nhị Thời quân tổ chức cầu cơ. Hiện nay, tất cả những nhân vật này đã quy tiên. Giờ đây, chỉ còn vài Lễ sanh, Giáo hữu chức sắc thấp nhất được thiên

phong cũng đã già. Đạo Cao Đài có nguy cơ sẽ không còn chức sắc. Đó chính là điều các tín đồ Cao Đài cần phải xem lại quy chế để phát triển đạo và lý tưởng "Đông Tây hòa hợp" đẹp đẽ của đại đa số các nhà sáng lập.

Nói đến sự có mặt của Tam Điểm trong sự hình thành tôn giáo mới ở Việt Nam cũng cần nhắc đến nhân vật thành viên Tam Điểm Pháp là Gabriel Gobron. Ông chính là thành viên tích cực của đạo Cao Đài. Ông là người Pháp - Tam Điểm đầu tiên công khai gia nhập đạo mới thành lập ở Đông Dương. Ông trực tiếp giúp đỡ bổ sung cho những quy luật mới của đạo Cao Đài. Ông làm giáo sư, sang Đông Dương dạy học. Theo *Lịch sử đạo Cao Đài*, Trần Quang Vinh được giao nhiệm vụ truyền đạo sang Pháp và đã thành công khi kết nạp được năm người Pháp. Trong số đó, Gabriel Gobron, Charles Bellan, Gabriel Abadie de Lestrac là thành viên Tam Điểm Pháp và hai nữ tín đồ Gobron Marguerite và bà Félicien Challaye là phu nhân của hai vị nổi tiếng đã lên bậc Sư thầy trong Tam Điểm. Thành viên Tam Điểm đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng đạo Cao Đài. Theo quy tắc, tín đồ mới phải đi từ bậc chức sắc từ thấp lên cao dần. Cũng như trong Tam Điểm có ba bậc chính phải qua là bậc Tập sự - Thợ - Thầy, sau đó dựa vào tài năng và sự cống hiến sẽ được lên thang cấp rất nhanh.

Ảnh chụp Hộ pháp đạo Cao Đài Phạm Công Tắc và tướng Navarre - Tổng chỉ huy Quân đội Viễn chinh Pháp vùng Viễn Đông năm 1954 tại Hà Nội. Nguồn: Flickr Mạnh Hải.

Gobron từ đầu đã được thiên phong ngay chức cao Tiếp dẫn Đạo nhơn, một chức sắc đứng ngay sau vị đứng đầu đạo Cao Đài là Phạm Công Tắc bên Hiệp Thiên Đài. Không bao giờ tín đồ vừa kết nạp lại được thụ phong ngay lập tức chức sắc cao hơn người giới thiệu vào đạo, mà ở đây là Phối sư Trần Quang Vinh. Với chức sắc đó, Gobron được phép dự các buổi cầu cơ và tham gia cầu cơ. Vô hình trung, ông chính là quân sư chính trong việc tổ chức đạo Cao Đài dựa trên nguyên tắc Tam Điểm.

Điều đó giải thích một phần lý do rất nhiều thông linh điệp cầu cơ nhận được từ Đấng linh thiêng bằng tiếng Pháp trực tiếp. Gobron là người biết tiếng Việt khá thành thạo, ông có thể hiểu được những thông linh điệp bằng tiếng Việt. Louis Vidal là cố vấn ngầm, còn Gobron là cố vấn lịch sử và triết lý trực tiếp công khai theo sát hoạt động của đạo. Gobron là tác giả của cuốn sách *Đạo Cao Đài và một số nghiên cứu về đạo Cao Đài*.[1] Về sau ông quay về Pháp làm nghề giảng viên tiếng Việt. Sau năm 1975, ông cùng một số tín đồ Cao Đài tính lập ban đạo sử Cao Đài ở Paris, nhưng không thành công vì vấn đề tài chính và nhân sự.

---

[1] *Gabriel Gobron, Histoire et philosophie du caodaïsme, Dervy, Paris, 1949.*

B. ĐẠO HÒA HẢO

Đạo Hòa Hảo là một phái Phật giáo cải biến do Huỳnh Phú Sổ sáng lập khoảng năm 1939. Huỳnh Phú Sổ sinh năm 1920, như vậy đạo Cao Đài ra đời khi Huỳnh Phú Sổ mới có sáu tuổi. Theo cuốn *Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946* (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946)[2] của tác giả Gibert David, hồi trẻ Huỳnh Phú Sổ theo đạo Cao Đài. Tiểu sử của ông do đạo Hòa Hảo viết rất huyền bí và thánh hóa. Huỳnh Phú Sổ chưa học xong tiểu học thì bị bệnh nặng, sau đó ông đi tu. Nhưng theo Gibert David, năm 1936 Huỳnh Phú Sổ theo học lớp giáo huấn về đạo Cao Đài ở Tây Ninh, ông bị đuổi ra với lý do không theo kịp. Thời đó mười sáu tuổi coi như là thành niên. Nguyễn Văn Vĩnh mười bốn tuổi đã là thông dịch viên. Việc được lựa chọn đến học lớp thuyết đạo tại Tòa thánh Tây Ninh là nhằm đào tạo các chức sắc Cao Đài kế cận. Điều này chứng tỏ Huỳnh Phú Sổ từng là thành viên xuất sắc có nhiều triển vọng của đạo Cao Đài, nên được đi học lớp giáo huấn đặc biệt này.

---

[2] *Gilbert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí*

mật Đông Dương: 1928-1946), sđd, tr. 169.

Theo Gilbert David, Huỳnh Phú Sổ chạy vào núi ẩn nhờ một ngôi chùa, ở đó ông được một vị sư truyền cho thuật huyền bí và cách chữa một số bệnh. Năm 1939, ông trở về thành lập đạo Hòa Hảo tại làng Hòa Hảo quê hương ông. Đầu tiên ông nói, ông đã biến con cá sấu thành cô gái xinh đẹp và bằng chứng là vợ ông. Ông tự xưng đạo Khùng Hòa Hảo. Một mình ông có thể thành lập được một giáo phái Hòa Hảo không cần ai tiếp sức trong khi đạo Cao Đài cần có một nhóm người trí thức cùng nhau thành lập. Với Huỳnh Phú Sổ thì không thấy đội ngũ nào được nhắc đến trong lịch sử đạo Hòa Hảo. Thực chất năm 1936 có một cuộc náo loạn tại Tòa Thánh Tây Ninh (lúc đó còn rất đơn sơ với vài nhà ngói) có một nhóm tự xưng là Phật nhập đã nhảy trèo lên các ghế dành riêng cho chức sắc cao nhất trong đạo. Sau vụ xô xát lớn đó, nhóm người này phải bỏ chạy trốn vì sợ sự trả thù của các tín đồ Cao Đài thành tâm. Phải chăng trong nhóm đó có Huỳnh Phú Sổ, vì nếu không theo học được thì trở về như những tín đồ bình thường, tại sao Huỳnh Phú Sổ bị đuổi đi và bỏ trốn vào núi Sam? Việc bỏ đi và chạy trốn là hoàn toàn khác nhau. Huỳnh Phú Sổ phải bỏ trốn vì ông đã tham gia vụ nổi loạn kia nên ông sợ bị tín đồ Cao Đài trả thù. Năm 1940, khi chính quyền Vichy ra lệnh đóng cửa các hội kín ở Pháp và sau đến ở các thuộc địa, một số các vị chức sắc Cao Đài đã bị bắt đi đày. Huỳnh Phú Sổ cũng bị bắt, nhưng chỉ bị giam một thời gian ở miền Bắc thì được thả ra. Đạo Hòa Hảo rất đơn giản, vì thành phần chủ yếu là nông dân, nên không chủ trương xây nhà chùa hoành tráng, mà sử dụng những ngôi chùa cũ.

Năm 1939, khi Huỳnh Phú Sổ lập đạo cũng là thời kỳ chia rẽ nội bộ của đạo Cao Đài sau khi Quyền Giáo tông Lê Văn Trung qua đời (1934). Nhiều chức sắc Cao Đài bỏ Tây Ninh về lập phái riêng. Nguyễn Ngọc Tương bỏ về Bến Tre mở Ban Chỉnh đạo tại Bến Tre quê ông và ở Gia Định khi việc phong Giáo tông của ông không được Tây Ninh thừa nhận. Sự chia rẽ này có sự chỉ đạo của Pháp muốn chia nhỏ để dễ bề cai trị khi thấy đạo Cao Đài phát triển nhanh bất ngờ và thu hút được đông đảo trí thức tiến bộ tham gia. Mặt khác, hội Tam Điểm muốn phát triển nhanh lực lượng hòa bình này để yên tâm quản lý Nam Kỳ. Nhưng phía Pháp đã sai lầm vì sự phân chia càng làm tăng sức mạnh của đạo Cao Đài.

Huỳnh Phú Sổ sau ba năm bỏ trốn, tự nhiên xuất hiện lập đạo công khai không bị một sự đe dọa trả thù nào của các tín đồ Cao Đài. Sự bỏ trốn của Huỳnh Phú Sổ phải chăng là sự khởi đầu chia rẽ đạo Cao Đài. Phải chăng ông nhận thấy những điều không thích

hợp và xa lạ với đạo cổ truyền ở quê hương ông? Ông không phải là người Tây học như những chức sắc Cao Đài, ông tự hướng theo một con đường riêng là "Phật giáo cách tân". Việc thu hút nhanh chóng tín đồ của ông không bị sự cản phá nào của chính quyền Pháp, chứng tỏ nhà cầm quyền Tam Điểm chấp nhận đồng ý để chia sẻ bớt ảnh hưởng lớn của đạo Cao Đài. Huỳnh Phú Sổ xuất phát từ đạo Cao Đài nên chắc chắn ông có quan hệ với một số chức sắc Tam Điểm Cao Đài cũng đi ra mở đạo ở vùng miền Tây Nam bộ. Điều vô lý là Huỳnh Phú Sổ thành lập đạo Hòa Hảo năm 1939, và chưa đầy một năm sau, chính quyền Vichy ra lệnh đóng cửa các hội kín, ông cũng bị bắt. Hòa Hảo mới chưa đầy một năm đã có hàng nghìn tín đồ. Chắc chắn nếu Huỳnh Phú Sổ không có sự giúp đỡ ngầm của tổ chức Pháp thì không thể phát triển nhanh như vậy. Tổ chức duy nhất là Tam Điểm đang nắm chính quyền thời đó. Từ năm 1934 đến năm 1939, các Toàn quyền Đông Dương đều là thành viên Tam Điểm (Eugène Jean Louis René Robin, 1934-1936; Jules Brévié, 1936-1939; Georges Catroux (tạm thời), 1939-1940; sau cùng là Jean Decoux, 1940-1945. Sự phát triển nhanh chóng của đạo Hòa Hảo chứng tỏ các nhà Tam Điểm cầm quyền đã bật đèn xanh cho Huỳnh Phú Sổ nhằm giảm bớt sức mạnh của Cao Đài mà chính hội Tam Điểm đã góp phần ra.

Qua tiểu sử của Huỳnh Phú Sổ, ta có thể khẳng định Huỳnh Phú Sổ không phải là thành viên Tam Điểm. Vì ông mở đạo năm mười chín tuổi. Theo luật Anderson, Tam Điểm không kết nạp hội viên dưới hai mươi mốt tuổi vì coi như chưa chín chắn. Huỳnh Phú Sổ sống ở Việt Nam nên không phải là con cháu của thành viên Tam Điểm hay sinh hoạt hội DeMolay. Nhưng có điều là Huỳnh Phú Sổ có đến tham gia lớp tập huấn của đạo Cao Đài. Huỳnh Phú Sổ có tư tưởng bác bỏ Thượng đế và linh hồn bất tử, nên không thể được hội Tam Điểm chấp nhận. Sự lựa chọn ông đi tập huấn cũng nhằm đào tạo đội ngũ tiếp nối nhưng không thành.

Sau này Huỳnh Phú Sổ cũng được tham dự hội nghị mở rộng của FB3-Indo để bàn việc chính trị cùng với nhiều đại diện của các tổ chức khác tại Đông Dương cử đến. FB3-Indo là tổ chức rất đông thành viên Tam Điểm - Cao Đài tham dự. Cuộc họp đi đến một số cam kết và thỏa thuận nhất định, trong đó có việc chấm dứt mâu thuẫn và hiểu lầm giữa các tín đồ Cao Đài và Hòa Hảo. Như vậy, cuộc họp hòa giải giữa hai đạo lại do FB3-Indo chủ trì, một tổ chức do những thành viên Tam Điểm lãnh đạo, đứng đầu là Louis Vidal. Qua đó, chứng minh ảnh hưởng, uy tín và sức mạnh của hội Tam Điểm ở Đông Dương đối với hai tôn giáo mới phát triển nhanh nhất ở Nam kỳ.

C. ĐẠO DỪA

Năm 1963, đạo Dừa xuất phát ở miền Nam, ra đời vào thời điểm Mỹ có mặt tại đây, do kỹ sư Nguyễn Thành Nam (1909-1990) tốt nghiệp kỹ sư hóa ở Pháp (năm 1935) về thành lập với tham vọng như đạo Cao Đài đó là "tôn giáo thế giới đồng nguyên". Nhưng cơ hội cho Nguyễn Thành Nam tham gia Tam Điểm rất hạn chế. Năm 1935, ông mới trở về nước và lập gia đình. Ông bỏ mất mấy năm thất bại trong sự nghiệp của mình, sau mới dứt bỏ sự đời để đi tu. Năm 1940, các hội kín đều bị đóng cửa và các chức sắc đứng đầu đều bị Pháp bắt. Nguyễn Thành Nam lúc đó còn đang lo kiếm sống. Sau thất bại trong sự nghiệp, Nguyễn Thành Nam đi nhiều nơi trước khi trở về quê lập đạo. Ảnh hưởng Tam Điểm không rõ trong đạo này. Nhưng nhiều họa tiết trang trí của ông đạo Dừa vốn là sinh viên du học Pháp về, rất giống với họa tiết trong các nhà thờ Cao Đài miền lục tỉnh và cũng có một số trang trí giống hội Tam Điểm. Đặc biệt ba hình tam giác trên cao nhất của khu thờ đạo làm người ta liên tưởng đến những hình tam giác trong Tam Điểm và đạo Cao Đài. Ông đạo Dừa cũng thờ con mắt như trong Cao Đài và Tam Điểm. Tư tưởng tôn giáo hòa đồng giống đạo Cao Đài, tất cả các tôn giáo đều được thờ phượng. Đức chúa Jesus đứng gần đức Phật. Trên cổng nhà thờ có cả chữ Vạn của đạo Phật, thánh giá đạo Thiên Chúa và hình tam giác. Ông đạo Dừa cho xây hai cột đặt tên là Sài Gòn và Hà Nội có quả địa cầu treo giống như trong Tam Điểm và Cao Đài.

Không rõ Nguyễn Thành Nam chịu ảnh hưởng đạo Cao Đài hay ảnh hưởng trực tiếp từ Tam Điểm. Đạo Dừa do một cá nhân lập ra, không có những người đồng hành, triết lý chắp vá lại thêm lối tu quá kham khổ. Ăn dừa cả đời mà tồn tại được là điều khó hiểu cho nên tín đồ phải khuyên ông ăn thêm ngô và các thực vật khác. Sự khắc khổ thể hiện trên thân hình còm cõi của ông đạo Dừa đủ nói lên sự bất khả thi của triết lý sống lập dị của ông, nên đạo không phát triển vì ông không thể đi truyền đạo với sức còm cõi như vậy. Sau khi ông qua đời, đạo Dừa cũng thoi thóp rồi dần suy tàn. Ngày nay, chỉ còn là điểm du lịch nhỏ của tỉnh Bến Tre với sự tò mò của du khách...

Nguyễn Thành Nam không có liên hệ trực tiếp với hội Tam Điểm Pháp, nhưng ảnh hưởng từ đạo Cao Đài là chắc chắn có. Đạo Dừa do ông thành lập sau năm 1954, ông chịu ảnh hưởng của tư tưởng đạo "tôn giáo hòa hợp" và các họa tiết trang trí đặc trưng của Cao Đài. Xung quanh Bến Tre, nơi Nguyễn Thành Nam hành đạo có rất nhiều nhà thờ của các phái Cao Đài khác nhau. Ngay quả địa cầu

treo và biểu tượng con mắt đặc trưng trang trí nhà thờ Tam Điểm cũng được sử dụng để trang trí nhà thờ Cao Đài và đạo Dừa. Ngay việc trang trí không gian không có mái che kín làm cho người ta liên tưởng đến vòm trần đầy sao ở trong nhà thờ Tam Điểm và Cao Đài, mang ý nghĩa triết lý về sự bao la của nhận thức. Nhiều sao tạo cảm giác không gian vô biên và nhận thức là vô cùng, và Nguyễn Thành Nam sử dụng bầu trời tự nhiên để diễn đạt triết lý vô tận này. Đạo Dừa của Nguyễn Thành Nam chịu ảnh hưởng rõ nét từ hoa văn trang trí của đạo Cao Đài.

Triết lý tâm linh và huyền bí của hội Tam Điểm Pháp đã ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa tâm linh ở miền Nam Việt Nam. Hòa hợp tôn giáo chính là mục tiêu của hội Tam Điểm toàn cầu và đáp ứng chủ trương "Pháp - Việt đề huề" của chính quyền Pháp. Trí thức bản địa thời đó với tinh thần ái quốc, khát vọng độc lập, đã chọn con đường mở đạo, hòa đồng tôn giáo và tín ngưỡng hướng con người tới hòa bình không đổ máu. Đó là nguyên nhân tại sao những tôn giáo mới này thu hút được quần chúng nhân dân và nhiều trí thức tiến bộ.

Tôn giáo là con đường yêu nước để hướng tới hòa bình, khi biết dân tộc mình sức chưa đủ để đánh đuổi thực dân. Trí thức Việt Nam đã thông minh sáng tạo và lợi dụng tiêu chí của Tam Điểm là "Công bằng, Tự do, Bác ái" để mở đạo và cách tân tôn giáo truyền thống. Các nhà sáng lập chấp nhận sự chỉ đạo của Tam Điểm vì họ không có sự lựa chọn khác, và để thu hút quần chúng, giảng dạy cho họ tư tưởng mới mà những người sáng lập hội đã học được từ ghế nhà trường Pháp: tư tưởng tự do, công bằng và bác ái dân chủ của J.J. Rousseau, Montesquieu, Voltaire… Cũng vì lý tưởng cao đẹp này, một số tín đồ đạo Cao Đài đã theo Việt Minh năm 1945 và ủng hộ kháng chiến, như Cao Triều Phát là một điển hình.

Trước sự phát triển nhanh bất ngờ của đạo Cao Đài, khi Quyền Giáo tông Lê Văn Trung quy tiên, mâu thuẫn nội bộ về việc thiên phong Giáo tông mới đã gây bất hòa trong đạo Cao Đài, chính quyền Pháp cũng muốn nhân dịp này để chia rẽ đạo Cao Đài để dễ bề cai trị. Nhưng, cũng như nhân vật do Frankenstein[1] sáng tạo đã trở nên lớn hơn và dữ hơn sự tưởng tượng của người sinh ra nó, đạo Cao Đài đã vượt qua sự kiểm soát của hội Tam Điểm. Mặc dù các huynh đệ Tam Điểm tìm cách ngăn chặn và chia rẽ nhưng đạo Cao Đài vẫn phát triển và trở thành một trong những tôn giáo lớn ở miền Nam Việt Nam. Và có thể nói, đạo Cao Đài chính là một sự thành công đầy sáng tạo và thông minh của trí thức yêu nước Tam Điểm người Việt đầu tiên.

[1] *Là nhân vật trong tiểu thuyết của Mary Shelley có tên "Frankenstein hay Prométhée hiện đại", Frankenstein đã sáng tạo ra một nhân vật bất ngờ khủng khiếp ngoài sức tưởng tưởng của chính người tạo ra nó. Nhân vật khủng khiếp này trở thành thành ngữ để chỉ một sản phẩm bất ngờ của kẻ sáng tạo trở lại nuốt sống người chế tạo ra nó.*

---

4. FB3-INDO

Vào tháng 12/1935, Phạm Công Tắc vừa nắm quyền toàn bộ tại Tòa Thánh Tây Ninh, Louis Vidal - con rể của Phạm Công Tắc cùng một nhóm Tam Điểm tổ chức cuộc họp bí mật ngay gần Tây Ninh nhiều thành phần không biệt quốc tịch, màu da, trình độ học vấn và công việc miễn là thuộc hội Tam Điểm - thuộc hội Tam Điểm nghĩa là đã được chọn lọc.

Các nhân vật gồm: Baillif, Cazernave, Barberot, Weil, Lainé (quốc tịch Pháp), Trần Trọng Kim, Tạ Thu Thâu, Kishi Yamamoto (quốc tịch Nhật), Chennault, Stilwel (quốc tịch Mỹ), Green et Guiness (quốc tịch Anh), Kou - Kouo - Sien (quốc tịch Trung Quốc) và Osmena (quốc tịch Philippines). Tất cả nhất trí thành lập "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" (*Carrefour international de la Fraternité*) nhằm chống lại quân phiệt Nhật. Một năm sau, nhóm này họp ở Phnom Penh, bí mật mời thêm một số thành viên Tam Điểm - Cao Đài: Cao Triều Phát, Trương Kế An, Bùi Quang Chiêu, Đặng Trung Chữ, Trần Quang Nghiêm và một số thành viên Tam Điểm quốc tịch Pháp, Mỹ, Anh: Bona, Barrué, Béchamp, Marcadet, Salan, Turenges, Donovan, Heppner, Marlow, Rawlinson. Tại cuộc họp đầu tiên này đã nảy ra sự tranh cãi về mục đích của hội: chống Nhật hay giải phóng thuộc địa? Cuối cùng, cả nhóm nhất trí mở gấp ngay mạng lưới các quốc gia độc lập để giữ quan hệ và hợp tác giữa các huynh đệ và vẫn tiến hành mục đích chống đế quốc Nhật đang lớn mạnh ở châu Á. Mạng lưới mỗi nước tùy theo tình hình hoàn cảnh cụ thể đặt ra mục tiêu riêng và nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế".

Tổ chức này làm trọng tài và phối hợp các mạng lưới khác nhau trên thế giới với tên gọi là *Free Brothers 3*, viết tắt là FB3.

Ngày 21 đến 22/7/1936, các huynh đệ Pháp đã phản đối mục đích giải phóng thuộc địa của tổ chức FB3 và chỉ ủng hộ mục đích bài trừ quân phiệt Nhật khỏi châu Á. Các huynh đệ Pháp chỉ muốn đấu tranh cho "Quyền con người, nhưng không được quyền độc lập", họ muốn duy trì thuộc địa Đông Dương vì quyền lợi của chính cá nhân họ là những ông chủ vơ vét các đồn điền và hầm mỏ ở Đông Dương. Nhiều huynh đệ Pháp không hưởng ứng FB3.

Louis Vidal quyết định mở rộng mạng lưới FB3-Indo (Huynh đệ Tự do 3-Đông Dương) đến những thành phần không phải Tam Điểm, thuộc các tổ chức khác ở Đông Dương.

FB3-Indo Mở rộng ra đời dưới sự chỉ đạo trực tiếp của nhóm Tam Điểm, đứng đầu là Vidal với mục đích chống đế quốc Nhật là quan trọng hàng đầu và sau đó chống chế độ thực dân ở Đông Dương.

Mặc dù FB3-Indo tuyên bố không phải là tổ chức chính trị và cũng không phải là một lực lượng vũ trang, FB3-Indo đã cung cấp vũ khí cho nhiều lực lượng khác nhau ở Đông Dương. FB3-Indo đã theo lệnh của Alun (bí danh của Phạm Thị Tốt) phân chia đạn dược cho quân đội Cao Đài, Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Minh[1]. Tổ chức FB3-Indo mở rộng muốn thu hút nhiều thành phần ưu tú của xã hội Việt Nam lúc đó không phải là thành viên Tam Điểm, nhưng một số người từ chối. Achitob, bí danh một quan chức triều đình Huế (FB3-Indo) đã thất bại khi mời Ngô Đình Khôi, anh trai Ngô Đình Diệm tham gia giữ trọng trách FB3-Trung kỳ và Athena (bí danh của Gordon) cũng không mời được Vũ Hồng Khanh đứng ra điều khiển FB3-Bắc kỳ.

---

[1] Theo Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), trang 592: "Khoảng từ 9 tháng 3 đến 22 tháng 8 năm 1945. Theo sổ thống kê của Arec, bí danh của Trần Quang Nghiêm trong FB3, người được phân công lo việc này ghi chép: 308 khẩu Thomson với 1.232 bộ nạp, và 144.000 đầu đạn, 84 khẩu Sten với 252 bộ nạp và 25.000 đầu đạn, 142 khẩu các bin US M.1 cùng 480 bộ nạp, 72.000 đầu đạn, 1.200 quả lựu đạn..."

Với mục đích giải phóng thuộc địa, FB3-Indo thu hút được khá nhiều thành phần xuất sắc trong xã hội Việt Nam. Nhiều thành viên Việt Minh cũng tham gia trong tổ chức này. Do FB3-Indo quyết định mở rộng ra cả thành phần không thuộc Tam Điểm, nên có một số nhân vật quan trọng không thuộc Tam Điểm nhưng hoạt động dưới sự chỉ huy của tổ chức Tam Điểm thế giới. Nhiều nhân vật tham gia FB3-Indo vì mục đích lợi dụng ảnh hưởng và thế lực Tam Điểm để hy vọng đạt mục đích giải phóng thuộc địa. Một số nhân vật sinh hoạt là thành viên Tam Điểm - Cao Đài như Cao Triều Phát, Trương Kế An, Trần Quang Vinh, Đặng Trung Chữ. Tạ Thu Thâu sau đó từ bỏ FB3 vì không tán thành một số quan điểm của FB3-Indo. Trần Trọng Kim cũng bỏ cuộc như Tạ Thu Thâu.

Như vậy, hai nhân vật Tam Điểm Việt Nam là những người chủ trương thành lập hội này lại là những người đầu tiên từ bỏ không

tham gia FB3-Indo.

Trước khi Nhật vào Đông Dương, khoảng năm 1940, FB3-Indo thu hút khoảng gần ba trăm người, ba phần tư là người châu Á, chủ yếu là người Việt Nam tham gia, chỉ có chín người Lào và ba người Campuchia. Thành phần nổi tiếng Việt Nam chủ yếu giữ vai trò lãnh đạo. Vô hình trung, những người FB3-Indo đều nằm dưới sự chỉ huy của tổ chức cao hơn là Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế, tức là hội Tam Điểm quốc tế. Các thành phần tham gia rất phong phú do mục đích đề ra là đuổi đế quốc Nhật và bài trừ thực dân. Nhiều nhân vật sau này giữ cương vị lãnh đạo của Chính phủ Cách mạng Việt Nam lâm thời và sau khi thống nhất đất nước đã giữ chức vụ cao trong chính quyền Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Do tình hình phức tạp ở Đông Dươmg, FB3 quyết định mở rộng mạng lưới đến các thành phần không Tam Điểm. Một số nhân vật có thể không phải là thành viên Tam Điểm, nhưng tham gia FB3-Đông Dương vì mục đích giải phóng thuộc địa. Vô hình trung họ trở thành thành viên của Tam Điểm.

CAO TRIỀU PHÁT xem phần đạo Cao Đài, vì ông là chức sắc Cao Đài nổi tiếng.

ĐẶNG TRUNG CHỮ, Đầu sư đạo Cao Đài lấy bí danh Alligator, tham gia phụ trách FB3-Campuchia. Ông là thành viên Tam Điểm - Cao Đài, ông từng giữ chức phụ trách Hội Thánh Cao Đài Hải ngoại. Ông còn có một biệt danh Charles và được coi là hóa thân của con trai thánh Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tức Victor Hugo đầu thai xuống để giúp đạo Cao Đài. Theo Gibert David, chính ông đã soạn thảo Hiến chương cho đạo Cao Đài, nên huynh đệ Tam Điểm gọi đùa Hiến chương này là "Hiến chương của huynh Charles" giống như cách gọi trong Tam Điểm "Hiến chương của Anderson" mà tất cả các nội quy của hầu hết các hội Tam Điểm trên thế giới đều căn cứ vào đó để triển khai hội khi thành lập. Như vậy, có thể khẳng định Hiến chương Cao Đài dựa nhiều trên Hiến chương của Tam Điểm.

HUỲNH TẤN PHÁT (1913-1989), kiến trúc sư, năm 1940 vào đảng Cộng sản Đông Dương, tham gia FB3-Indo bí danh Apsis, đại diện miền Nam.

NGUYỄN HỮU THỌ (1910-1996), luật sư, hoạt động trong FB3-Indo dưới bí danh Spéos, ông cũng là thành viên của Phong trào Hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn.

TẠ THU THÂU là một trong những sáng lập viên của "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" và FB3, nhưng sau đó rời bỏ vì bất đồng quan điểm.

TRẦN BỬU KIẾM (1921-), luật sư, thành viên Việt Minh, lấy bí danh Azerole, tham gia FB3-Indo, được giao trách nhiệm quan hệ với các phong trào giành độc lập ở Đông Dương.

TRẦN QUANG NGHIÊM, (xem phần đạo Cao Đài).

TRẦN TRỌNG KIM, (xem phần trước) là một trong những sáng lập viên của "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" và FB3, nhưng sau thôi không tham gia, tương tự như trường hợp Tạ Thu Thâu.

Tổ chức FB3 đã thu hút được gần bốn trăm thành viên có nhiệm vụ cụ thể và bí danh, chính thức hoạt động trên khắp địa bàn. Hội tuyên bố đó là một phong trào quốc tế tương hỗ đòi độc lập và công bằng cho các dân tộc và cá nhân. Do đó, nhiệm vụ trước mắt của hội là đuổi đế quốc Nhật và giành độc lập dân tộc. Độc lập dân tộc đồng nghĩa với bài trừ thực dân Pháp, nên FB3-Indo không thu hút được nhiều huynh đệ Tam Điểm người Pháp cũng như hội Tam Điểm sau một thời gian thành lập mất khá nhiều thành viên thuộc Ki-tô giáo khi đề xướng luật giáo dục không áp đặt tôn giáo vào chương trình giảng dạy, mất sự ủng hộ của thành viên thuộc dòng quý tộc vì nền Cộng hòa ra đời với khẩu hiệu bình đẳng, dân chủ, nên phái quý tộc Pháp mất nhiều quyền lợi. Hội FB3-Indo tuyên bố hội không phải là lực lượng quân sự nhưng tham gia cung cấp vũ khí cho các tổ chức ở Đông Dương.

FB3-Indo đã góp mặt trong công cuộc giành độc lập, vì vậy ngày 9/8/1945, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã gửi lời chào và cảm ơn những người bạn FB3-Indo đã tham gia giải phóng dân tộc[1].

---

[1] *Gibert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), sđd, trang 605.*

Thành phần chính của FB3-Indo chứng minh sự liên minh để giành độc lập dân tộc dưới sự chỉ đạo của Tam Điểm. Tổ chức FB3-Indo đã nhận được viện trợ giúp đỡ của một số thành viên Tam Điểm. Một trong những sự trợ giúp về tiền bạc lớn nhất là Ngân hàng Đông Dương. Thứ Bảy mỗi hai tuần một lần, viên Tổng thanh tra Ngân hàng Đông Dương đi xe sang do người Việt lái, từ

Sài Gòn đến Đà Lạt gặp Giám đốc trường Trung học Yersin. Tại đó cuộc đón tiếp long trọng bao gồm thành viên Tam Điểm thuộc ban lãnh đạo tổ chức FB3-Indo đều có mặt sẵn. Sau những lời cảm ơn của các huynh đệ, ông Tổng thanh tra Ngân hàng đáp: "Không cần cảm ơn tôi đâu. Nhà băng và tôi cam kết bảo đảm cho tương lai bất kỳ tình huống gì xảy ra"[1]. Ngay năm 1945, khi Nhật bị hất cẳng khỏi Đông Dương, các huynh đệ Tam Điểm Pháp buộc FB3-Indo phải tự giải tán vì nhiệm vụ đã hoàn thành. Thực chất hội Tam Điểm không muốn FB3-Indo tiếp tục tồn tại vì các huynh đệ muốn duy trì chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Mặc dù vậy, Vidal và các thành viên FB3-Indo vẫn tiếp tục tồn tại đến năm 1954.

---

[1] Gibert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), sđd, trang 347.

---

5. ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP VÀ HỘI TAM ĐIỂM

Theo một vài nguồn dư luận, Võ Nguyên Giáp cũng là thành viên hội Tam Điểm thời Đông Dương.

Tên tuổi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gắn liền với chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 5/1954, một trận chiến đấu quyết liệt do ông điều khiển, đã giành được độc lập cho Việt Nam. Ông trở thành vị đại tướng đầu tiên của Việt Nam thời hiện đại.

Tiểu sử của Võ Nguyên Giáp do người Pháp - phía thua trận viết, và do một số nhà văn, nhà báo Việt Nam ghi lại cùng với cuốn hồi ký của ông chứng minh rõ ràng vị đại tướng tài ba này không hề tham gia tổ chức Tam Điểm.

Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911 tại làng An Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Theo nguyên tắc, muốn vào hội Tam Điểm thành viên phải đạt những điều kiện sau: đầu tiên, người được giới thiệu phải mười tám tuổi trở lên; thứ nhì phải do hai hội viên giới thiệu; và sau cùng là chưa hề có tiền án. Lễ kết nạp chính thức chỉ được cử hành sau sáu tháng hoặc một năm thử thách về phương diện tư cách.

Việc khảo sát tiểu sử và những hoạt động của ông chứng minh ông không đủ điều kiện gia nhập hội Tam Điểm. Cha của ông là cụ Võ Quang Nghiêm (thường được gọi ông Cửu Nghiêm), một nhà nho thi cử không đỗ đạt về quê làm hương sư và thầy thuốc Đông

y. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, Võ Quang Nghiêm bị Pháp bắt ở Huế và mất trong tù. Một lý lịch có người cha bị giam và chết trong tù vì yêu nước khó có thể được hội Tam Điểm bản xứ chấp nhận. Võ Nguyên Giáp đi học hoàn toàn ở Đông Dương - lúc đó, đang còn là một thuộc địa của Pháp.

Năm 1925, Võ Nguyên Giáp rời trường Tiểu học Đồng Hới ở quê Quảng Bình để vào Huế thi vào trường Quốc học Huế (ông đỗ thứ hai sau Nguyễn Thúc Hào). Hai năm sau, tức là vào năm mười sáu tuổi, ông bị đuổi học cùng với Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn (biệt danh Hải Triều) và Phan Bôi sau khi tổ chức một cuộc bãi khóa. Điều này chứng tỏ ông đã từng bị đuổi học vì tham gia phong trào yêu nước. Vì vậy, ông không thể nhập hội Tam Điểm vì không hội đủ điều kiện.

Năm 1928, khi mười bảy tuổi, Võ Nguyên Giáp bắt đầu tham gia hoạt động yêu nước. Năm 1930, khi Võ Nguyên Giáp gần được mười chín tuổi, ông tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, bị bắt và bị giam ở nhà lao Thừa phủ (Huế). Tại đây ông gặp và kết hôn với nữ cách mạng Nguyễn Thị Quang Thái (sau cũng bị chết tại nhà tù).

Như vậy, lúc mười chín tuổi ông đã có tiền án. Điều lệ của hội Tam Điểm là không kết nạp ai từng có tiền án tiền sự, như trường hợp ông. Chinh, một trong những thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên vào hội đã bị khai trừ ngay lập tức vì bị tòa án thực dân Pháp kết án năm năm tù (xem phần trước). Đối chiếu theo điều kiện để kết nạp vào hội Tam Điểm, Võ Nguyên Giáp hoạt động từ năm mười bảy tuổi; tham gia biểu tình trong trường Quốc học Huế và bị đuổi học, năm mười chín tuổi vào tù, đó là những bằng chứng khẳng định ông không bao giờ là hội viên của hội Tam Điểm.

Cuối năm 1931, chính hội Cứu tế Đỏ của Pháp đã phải can thiệp để trả tự do cho ông, nhưng ông lại bị Khâm sứ Trung kỳ cấm không cho ở lại Huế. Điều đó chứng minh tên của ông đã vào sổ đen của chính quyền bảo hộ. Hơn nữa hội Tam Điểm chỉ kết nạp những người xuất sắc có thành tích trong học tập và làm việc cho Pháp. Về đường học vấn, ông là một sinh viên xuất sắc và thông minh, nhưng ông đã bỏ thi môn Kinh tế và Pháp luật thuộc địa nên không được cấp bằng luật sư. Theo lời giáo sư Vũ Quốc Thúc (nghe kể lại), ông đã bị giáo sư Pháp cho điểm không, điểm liệt thì không thể đỗ được, vì ông tuyên bố không học môn Kinh tế và Pháp luật thuộc địa do Pháp dạy, vì nó mang tính chất lý thuyết ngược lại quyền lợi của người dân bị đô hộ, của các nước thuộc địa... Dù không tham gia hội Tam Điểm, Võ Nguyên Giáp là bạn

thân của nhiều thành viên Tam Điểm. Hoàng Minh Giám là một trường hợp điển hình trong mối liên quan này. Năm 1939, để kiếm thêm tiền sinh hoạt, Võ Nguyên Giáp từng dạy môn Lịch sử ở trường Tư thục Thăng Long, do một thành viên hội Tam Điểm người Pháp làm giám đốc và Hoàng Minh Giám làm phó giám đốc. Nếu Hoàng Minh Giám không phải là một thành viên Tam Điểm, ông khó có thể đứng ra điều khiển một trường tư thời đó. Sau khi dẹp Đông Kinh Nghĩa Thục, chính quyền thuộc địa rất lo ngại về các trường tư thục bản xứ. Trường học là cái lò để nung nấu lòng yêu nước và thức tỉnh dân trí, đòi tự do của các nước thuộc địa. Do đó chính quyền thuộc địa chỉ giao công việc phụ trách cho người Pháp và những người bản xứ tin cẩn.

Việc gia nhập hội Tam Điểm là một ưu đãi để những người bản xứ được tham gia trong việc quản lý thuộc địa. Những người Việt Nam nổi tiếng thời đó có chức vụ trong chính quyền bảo hộ hầu như đều là thành viên hội Tam Điểm như Thẩm Hoàng Tín, Trần Văn Lai từng giữ chức Thị trưởng thành phố Hà Nội. Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... đều là thành viên Tam Điểm. Hoàng Minh Giám cũng là thành viên Tam Điểm nên đã được Pháp cho phép giữ chức phó giám đốc trường tư thục. Dù trường tư là do các thành viên Việt Nam khởi xướng lập, nhưng để được chính quyền Pháp chấp nhận, giám đốc điều hành quản lý vẫn phải là một người Pháp. Người bản xứ dù là sáng lập viên của trường và thành viên hội Tam Điểm cũng chỉ được giữ chức phó giám đốc. Thực chất trường này toàn người bản xứ học và giảng viên chủ yếu là người Việt, nên chính Hoàng Minh Giám mới là người chủ chốt điều khiển ở đây. Với một lý lịch từng bị bắt và bị cấm lưu trú ở Huế, bị ghi vào sổ đen của chính quyền Pháp, việc Võ Nguyên Giáp lại được nhận làm giáo sư dạy môn sử địa không thể đơn giản. Việc này không những chỉ chứng minh mối quan hệ thân thiết giữa ông và ông Hoàng Minh Giám, mà còn thể hiện tinh thần yêu nước ngầm chảy trong các thành viên Tam Điểm đầu tiên gốc bản xứ ở Đông Dương. Nếu Hoàng Minh Giám không yêu nước, ông đã không thu nhận Võ Nguyên Giáp, một người từng bị tù và bị cấm ở Huế làm người giảng dạy, mà lại dạy môn Lịch sử - một môn học mang tính chất chính trị. Võ Nguyên Giáp đang hoạt động cách mạng, chắc chắn ông sẽ nhân các buổi giảng dạy đó để khơi dậy lòng yêu nước trong giới học sinh. Một năm sau, Võ Nguyên Giáp, người từng học hỏi và thần tượng hóa Napoléon lên chiến khu. Hoàng Minh Giám sau này tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Những người cùng lý tưởng sẽ đi cùng với nhau. Như vậy tư tưởng tiến bộ tự do dân chủ của Pháp, lý tưởng tự do

bác ái của hội Tam Điểm không thể không ảnh hưởng đến Võ Nguyên Giáp.

Đại tướng Giáp rất thuần thấm tinh thần dân chủ của Pháp. Kẻ có tài thường có cá tính đặc biệt. Ông triệt để sử dụng sự bình đẳng dân chủ của Pháp ngay trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày. Mặc dù sinh ra ở thời đại mang nặng tư tưởng phong kiến, ông lại ít chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

Dù ông cũng rất tôn trọng nghi lễ thờ cúng tổ tiên, ông giữ tục thắp hương trước mộ cha mẹ mỗi lần về quê, song ông luôn muốn có sự bình đẳng trong gia đình và xã hội. Vì thế, bao năm ông làm con rể Đặng Thái Mai nhưng ông chưa bao giờ gọi ông nhạc là bố, vì hai ông từng là bạn đồng nghiệp (Đặng Thái Mai hơn ông tám tuổi, từng là bạn tham gia phong trào yêu nước, và dạy ở trường tư thục Thăng long và hoạt động trong hội truyền bá chữ Quốc ngữ). Ngôn ngữ xưng hô trong tiếng Việt còn đậm chất phong kiến, nên ông đã thông minh chỉ dùng tiếng Pháp bình đẳng để đối thoại cho dễ xưng hô với bố vợ. Mối quan hệ thân thiết này đã giúp cho ông, góa vợ, kết hôn với con gái đầu của Đặng Thái Mai, do đó ông Giáp toàn xưng hô "*tu, toi*" với bố vợ mỗi lần họp mặt gia đình. Điều này đôi khi làm chạnh lòng phu nhân của ông. Dù là người Tây học, ảnh hưởng tư tưởng dân chủ, nhưng Võ Nguyên Giáp không bao giờ bỏ tập tục đẹp của dân tộc là "thờ cúng tổ tiên".

Ông rất tôn trọng mối quan hệ gia đình, chính kiến tôn giáo, quan điểm riêng của cá nhân Sau thống nhất đất nước, ông đã đến thẳng nhà thờ cha mẹ nơi quê hương Quảng Bình thăm viếng và đốt hương. Chính ông cũng đứng ra bảo vệ người em họ và người cháu họ (gia đình Võ Đ.M) làm chức sắc Giáo hội Công giáo ở Đà Lạt.

Công giáo vẫn là vấn đề nhạy cảm trong xã hội Việt Nam dưới chính quyền xã hội chủ nghĩa vì một bộ phận quan trọng của Công giáo đã từng tiếp tay trong việc thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam, nhưng Đại tướng đã không ngần ngại đứng ra bệnh vực những người Công giáo thực sự chân thành vì tôn giáo, yêu nước và thương dân.

Trở lại mối quan hệ thân thiết giữa ông Hoàng Minh Giám và Võ Nguyên Giáp, năm 1946, đảng Xã hội được thành lập, ban lãnh đạo chủ chốt có Hoàng Minh Giám - thành viên Tam Điểm, và Võ Nguyên Giáp, người bảo trợ chính trị để đảng Xã hội ra đời. Theo nhà báo Hàm Châu ghi lại trong bài "GS Hoàng Minh Giám kể về

những ngày vận nước 'nghìn cân treo sợi tóc'"[1]:

---

[1] *Bài viết được nhà báo Hàm Châu (1935-2016) - Tổng biên tập báo Tổ quốc ghi lại theo lời kể của Hoàng Minh Giám.*

"Một ngày trong khoảng giữa tháng 9/1945, tôi đang làm việc tại 12 Ngô Quyền (trụ sở Bộ Nội vụ, đồng thời là nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh), một đồng chí cảnh vệ gác cổng vào báo cáo có hai người nước ngoài xin gặp một quan chức Việt Nam. Được cho vào, hai người kia nói: 'Chúng tôi là hai sĩ quan Pháp, giúp việc [cho] ông Sainteny, đại diện chính phủ Pháp, xin gặp đại diện của Chính phủ Việt Nam để trao đổi ý kiến về vấn đề quan hệ giữa hai nước'. Họ nói tiếp: 'Ông Sainteny hiện đang ở trong Phủ Toàn quyền, nhưng quân đội Nhật không cho phép liên lạc với bên ngoài. Hai chúng tôi phải đánh lừa bọn lính Nhật mới đến được đây. Từ nơi chúng tôi bị giam lỏng, chúng tôi đã theo dõi cuộc mít-tinh ngày 2/9 của các ông, có rất đông người tham dự, nhưng rất trật tự, để lại cho chúng tôi một ấn tượng sâu sắc.' Tôi ghi tên hai người Pháp, và bảo họ tôi sẽ trả lời sau. Tôi báo cáo với Bác Hồ và anh Giáp (còn gọi là Văn, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) và nói thêm rằng tôi đã nghe nói về Sainteny: Y là con rể của Albert Sarraut, nguyên Toàn quyền Đông Dương; tên thật của y là Jean Roger, và y cũng đã là chủ một hãng bảo hiểm ở Hải Phòng. Bác nói: 'Chú Giáp có thể cho anh ta gặp, xem anh ta nói gì'. Tôi báo cho Sainteny đến gặp anh Giáp, và sau đó, anh Giáp cho biết: 'Thái độ của Sainteny là mềm mỏng, nhưng lập trường của anh ta thì không khác lập trường của tuyên ngôn ngày 24/3 của de Gaulle'".

Như vậy Jean Roger Sainteny, con rể của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut, là một tình báo ngầm, một nhà chính trị, lấy mật danh là Sainteny, và theo tài liệu *Biên niên bí mật ở Đông Dương*, Sainteny là thành viên hội Tam Điểm được cử sang Đông Dương năm 1929 thành lập và phụ trách văn phòng cố vấn bảo hiểm. Ông từng bị bắt làm tù binh khi tham gia chống Phát xít Đức và năm 1946 ông đã quay lại làm Ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ... để thương thuyết với Hồ Chí Minh. Lần đó Sainteny đã trực tiếp gặp Võ Nguyên Giáp (lúc này đang là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) để làm việc. Sự giúp đỡ ngầm của hội Tam Điểm thể hiện rất rõ trong việc gặp gỡ này. Hoàng Minh Giám thành viên hội Tam Điểm, là cầu nối cho Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh gặp Sainteny đúng như lời kể của Hoàng Minh Giám với nhà báo Hàm Châu về sau.

Võ Nguyên Giáp đã tranh thủ sự ủng hộ của những người Pháp

tiến bộ (đặc biệt các thành viên của hội Tam Điểm thời đó hầu như giữ trọng trách trong chính quyền bảo hộ) để đòi độc lập và giải phóng thuộc địa. Hoàng Minh Giám chính là người trung gian để những người đứng đầu Việt Minh (Tướng Giáp và Chủ tịch Hồ Chí Minh) liên lạc với những người Pháp tiến bộ trong Tam Điểm. Vì những cuộc gặp gỡ này rất quan trọng và lợi ích cho hòa bình, nên ngày 30/8/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh cử Hoàng Minh Giám làm Đổng lý văn phòng Bộ Nội vụ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chính vì thế những thông tin mật mà Hoàng Minh Giám biết, ông đã từng bí mật cử người đến báo cho Phạm Huy Lục, phụ trách hội "Khổng Phu Tử" rời Hà Nội để tránh sự hiểu lầm không cần thiết với quần chúng. Sau này qua Pháp định cư, ông Phạm Huy Lục đã kể lại sự biết ơn của ông đối với huynh đệ Hoàng Minh Giám, vì luật của hội Tam Điểm quy định trong bất kỳ hiểm nguy đều phải cứu huynh đệ dù ở chi hội khác nhau. Sự nhân đạo và tình huynh đệ thể hiện rất rõ ở các thành viên của hội. Việc gặp gỡ của Hoàng Minh Giám với Sainteny và một số người đứng đầu chính quyền bảo hộ rất dễ dàng, vì cùng là thành viên của Tam Điểm. Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh đã biết sử dụng đúng chiêu bài tình huynh đệ và tự do bình đẳng của hội Tam Điểm để hành động có lợi cho công cuộc giải phóng thuộc địa. Chính nhờ có vai trò quan yếu của nhân vật Tam Điểm Hoàng Minh Giám nên chiều ngày 6/3/1946, tại số 38 đường Lý Thái Tổ, Hà Nội, Hồ Chí Minh với tư cách là Chủ tịch chính phủ Liên hiệp kháng chiến ký thỏa ước Sơ bộ với đại diện Pháp là Sainteny. Theo thỏa ước này, Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do (*état libre*), có chính phủ riêng, nghị viện riêng và tài chính riêng trong Liên bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp (Điều 1); Việt Nam sẵn sàng tiếp đón quân đội Pháp đến thay thế quân đội Trung Hoa để giải giáp quân đội Nhật (Điều 2). Sau ngày 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư ngắn cho đại diện Pháp là Sainteny yêu cầu ông thương thuyết với Thứ trưởng Ngoại giao Việt Minh là Hoàng Minh Giám.

Trong cuộc kháng chiến giải phóng thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng cử Nguyễn Văn Huyên đại diện lực lượng Việt Minh tham dự cuộc họp bí mật với FB3-Indo, tổ chức do đại đa số thành viên Tam Điểm tham gia để nắm tình hình và xin viện trợ vũ khí. Khi thắng lợi, tướng Giáp và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cảm ơn hội Tam Điểm FB3-Indo.

Qua nghiên cứu tiểu sử Võ Nguyên Giáp, Hoàng Minh Giám; mối quan hệ giữa tướng Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hoàng Minh Giám và Sainteny; sự đóng góp của một số thành viên hội Tam Điểm nói chung và của các thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu

tiên nói riêng trong công cuộc giải phóng thuộc địa, nâng cao dân trí, và phổ biến chữ Quốc ngữ với tinh thần yêu nước của họ là một đóng góp tích cực, không thể phủ nhận được.

6. TAM ĐIỂM VÀ CÁC VUA "MÈO", VUA "THÁI" VỚI NHỮNG CÔNG TRÌNH NƠI MIỀN NÚI BẮC KỲ

Do hoàn cảnh địa lý, Bắc kỳ với rừng núi hiểm trở lại giáp ranh với Trung Quốc là một nước mạnh, chính quyền thuộc địa Pháp đã chia miền núi tại đây thành nhiều vùng và tạo dựng những ông Vua cai quản tại đó. Ba vua "Mèo" và "Thái" được Pháp giúp đỡ dựng lên là Vương Chính Đức (người kế nghiệp là Vương Chí Sình), Đèo Văn Long, Hoàng Yến Chao (người kế nghiệp là Hoàng A Tưởng). Ba vua lừng danh thường được nhắc đến trong lịch sử. Mối quan hệ của các ông vua thiểu số này với Pháp được khẳng định qua tấm huân chương Pháp trao tặng cho Vương Đức Chính và Bắc Đẩu Bội tinh cho Đèo Văn Long. Những ông vua này đã được chính quyền bảo hộ giúp đỡ với hy vọng họ sẽ trung thành với chính quyền bảo hộ. Những công trình được họ xây dựng tại đây phần nào mang dấu vết của hội Tam Điểm.

A. Dinh Hoàng A Tưởng

Dinh Hoàng A Tưởng hoành tráng tọa lạc giữa núi rừng Bắc Việt, một kiến trúc Pháp mang dấu ấn Tam Điểm. Hai cột đá bí ẩn giữa sân được giải thích là xây thêm theo lời khuyên của thầy phong thủy để yểm thế "chống Tàu", nhưng đó chính là kiểu hai cột B và J tượng trưng trong Tam Điểm (xem phần trước). Hai cái cột huyền bí thường xây trước khi vào điện thờ, để nói lên việc con người từ thế giới này vào một thế giới ánh sáng hiểu biết mới. Vòm trên cùng của ngôi nhà chính có đắp nổi hai cành nguyệt quế, hai hình tam giác đối xứng cũng là một đặc trưng của Tam Điểm. Tuy nhiên ngày nay, do bỏ hoang một thời, và khuôn viên đã phá hủy nhiều, dấu vết hai cột không còn nữa. Theo ghi chép, kiến trúc dinh này là sự kết hợp giữa một kiến trúc sư người Trung Quốc và một kiến trúc sư Pháp, nhưng nhìn kiến trúc tổng thể, ta có thể thấy ngay nhiều chi tiết mang dấu ấn Tam Điểm. Nếu không có sự hỗ trợ và đồng ý của chính quyền bảo hộ thời đó thì cha con Hoàng A Tưởng không thể xây được. Công trình hoàn thành năm 1921, thời kỳ hoàng kim của hội Tam Điểm ở Pháp cũng như tại thuộc địa.

B. Nóc nhà Đông Dương

Chính quyền bảo hộ cũng cho xây một kim tự tháp và đặt tên là "Nóc nhà Đông Dương" trên Phanxipang, như một dấu ấn thành công vinh quang của hội Tam Điểm trên mọi mặt trận, ở Pháp cũng như ở thuộc địa và đánh dấu lãnh thổ thuộc địa. Tên "Nóc nhà Đông Dương" do người Pháp đặt ra nhằm khẳng định chủ quyền thuộc địa. Kim tự tháp xây trên đỉnh cao là biểu tượng thành công của hội Tam Điểm. Sau này khối đá đó đã khắc lại ngôi sao vàng, đánh dấu nền độc lập của Việt Nam, nhưng cái tên "Nóc nhà Đông Dương" vẫn còn được sử dụng đến ngày nay. "Nóc nhà Đông Dương" là nơi cao nhất trên đỉnh Phanxipang thuộc dãy Hoàng Liên Sơn (3.143 mét), nay trở thành điểm thu hút khách du lịch khắp nơi đến thăm miền Bắc Việt Nam. Trước năm 1954, trên kim tự tháp có khắc compa và êke biểu tượng của hội Tam Điểm, sau này chính quyền Việt Nam đã làm một lớp xi măng khác phủ lên vết tích cũ thời Pháp thuộc. Ông Christian Pasquel Kagheau[1] từng là đồn phó ở Trạm Tôn cho đến năm 1954. Sau này khi đã có dịp trở lại nơi từng sống và làm việc, ông đã kể về con đường ngắn nhất dẫn lên "Nóc nhà Đông Dương" do người Pháp cùng người dân tộc thiểu số làm nên.

---

[1] Kagheau có thể do ông Lâm không biết tiếng Pháp nên tên này có thể nhầm, chúng tôi chưa có điều kiện để kiểm tra.

Kim tự tháp trên "Nóc nhà Đông Dương"

Tác giả bên chóp núi Phanxipang hiện nay.

Qua thời gian cây cối che lấp, nhân dịp chuyến du lịch Việt Nam, ông đã quay lại đây với chiếc bản đồ cũ cùng với ông Lâm, một người dân tộc địa phương tìm lại con đường này.

"Nóc nhà Đông Dương" nay hoàn toàn thay đổi, có đường cáp điện dẫn lên tận nơi. Tuy nhiên, khối kim tự tháp cũ vẫn được bảo tồn.

C. Mộ Vương Chí Sình

Vương Chí Sình tên thật là Vàng Seo Lử, con trai của Vương Chính Đức. Về sau ông lên kế nghiệp cha, là người trung lập, rồi theo Việt Minh, ủng hộ kháng chiến, trở thành anh em kết nghĩa với Hồ Chí Minh. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đổi tên cho ông Sình thành Vương Chí Thành. Hồ Chí Minh đã tặng ông một cái kiếm khắc dòng chữ "Tận trung báo quốc/Bất thụ nô lệ". Trên mộ ông có khắc hai thanh kiếm nổi để chéo nhau, trên mỗi thanh kiếm mang mỗi dòng chữ Hán với nội dung Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng. Truyền thống tổ tiên của mộ dòng họ Vương lại không có kiếm, mộ cha ông là Vương Chính Đức không hề có hình ảnh thanh kiếm. Không biết Vương Chí Sình có liên quan đến hội Tam Điểm hay không, mà khi mất gia đình lại chạm trổ hai thanh kiếm như dấu ấn của hội Tam Điểm? Vương Chí Sình đã được mời tham gia làm đại biểu Quốc hội khóa I (1946-1960) và khóa II (1960-1964) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông mất năm 1962, được truy tặng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc vì những công lao của ông trong công cuộc giành độc lập dân tộc.

Các công trình nơi vùng núi phía bắc đã thể hiện mối liên quan

mật thiết giữa các ông vua Mèo tại khu vực này với chính quyền bảo hộ Pháp, mà có thể nói cụ thể hơn là mối quan hệ ngầm chảy với hội Tam Điểm. Hội Tam Điểm mang ý thức mở mang văn hóa, văn minh đến tận vùng núi xa xôi. Ngày nay, những công trình này đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng của miền núi phía bắc, đồng thời là những nhân chứng sống để khẳng định chủ quyền quốc gia và làm sống động vùng địa đầu của đất nước.

Dinh Hoàng A Tưởng trước khi trùng tu.

Kiếm của hội Tam Điểm đầu thế kỷ XX và điêu khắc trên bia mộ của một thành viên Tam Điểm ở Pháp.

Mộ Vương Chí Sình.

Mộ vua “Mèo” Vương Chính Đức.

Chương V

Những đóng góp của thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên

Mặc dù có nhiều quan điểm, tư tưởng khác với đảng Cộng sản Pháp, hội Tam Điểm cũng đề xướng phong trào khai hóa và truyền bá văn minh đến thuộc địa. Khoảng thời gian đầu thế kỷ XX là thời kỳ hoàng kim của thuộc địa và cũng là thời vàng son của hội Tam Điểm. Nhiều thành viên Tam Điểm nắm các chức vụ, trọng trách ở thuộc địa và ở Pháp. Đa số Bộ trưởng Bộ Thuộc địa là thành viên Tam Điểm. Toàn quyền Đông Dương như Paul Doumer (1897-1902), Alexandre Varenne (1925-1928) cùng đều là thành viên Tam Điểm. Thời kỳ này, một số thành viên Tam Điểm tiến bộ chính thức lên tiếng chống đối chế độ thực dân Pháp, bênh vực nhân quyền cho người bản xứ. Tác giả Pierre Brocheux cho biết: "Tháng 1/1933, 350 người tham dự đại hội đại biểu của hội Tam Điểm tại Pháp đã nhân dịp này cùng nhau ký tên vào một bản kháng nghị vì những người Đông Dương bị giam cầm". Hội đã đề nghị chính phủ chấm dứt mọi cuộc xâm chiếm thuộc địa, đề cao dân chủ, cho phép phát triển giáo dục, bãi bỏ chính sách phân biệt và kỳ thị đối xử với người bản xứ, tôn trọng nhân quyền tại các nước thuộc địa, thậm chí sau này hội còn đề nghị cho phép dạy học bằng tiếng Việt ở bậc tiểu học và chấp nhận trẻ em bản xứ được đến trường.

Song song với sự bành trướng hệ thống thuộc địa, việc mở rộng ảnh hưởng của Tam Điểm đạt đến đỉnh cao. Các huynh đệ Tam Điểm lao vào việc mở các chi nhánh tại các nước thuộc địa. Nhiều nhân vật quan trọng trong chính quyền bảo hộ, các vị tướng, những người phụ trách, không kể một số sĩ quan đều có chân trong Tam Điểm thời đó. Năm 1901, họ đã thành lập chi nhánh Grand Orient với tên "Nước Pháp và Thuộc địa".

Với chính sách khai phóng của chính quyền thuộc địa mà người đứng đầu là thành viên Tam Điểm, thông qua con đường giáo dục, nhằm đào tạo và thay thế các vị trí cấp thấp trong hệ thống hành chính thuộc địa bằng người Việt Nam trong khi người Pháp làm cố vấn trên mọi lĩnh vực quân sự và văn hóa, hội Tam Điểm đã mở cửa cho những người bản xứ xuất sắc. Thành viên Tam Điểm Pháp vẫn rất ngại những nhân vật Tam Điểm bản xứ. Mặc dù hội đề cao tự do báo chí, nhưng lại hạn chế hội họp. Toàn quyền Varenne, một thành viên Tam Điểm được cho là khá cởi mở trong việc sử dụng người bản xứ, nhưng khi Varenne về nước, ông ta cũng hạn chế lại một số quyền tự do báo chí ở Đông Dương. Ngay các huynh đệ người Pháp cũng chưa muốn có sự bình đẳng, tự do cho các huynh đệ bản xứ. Ở Ấn Độ, Malaisie, Birmanie, thuộc địa của Anh, các huynh đệ Tam Điểm Anh cũng chưa chấp nhận trả độc lập cho các huynh đệ Ấn Độ.

Khi khảo sát tiểu sử của một số thành viên Tam Điểm Việt Nam, điều dễ nhận thấy là những người xuất sắc đều tốt nghiệp trường Tây. Những người trí thức sinh ra giữa buổi giao thời của hai nền văn minh lớn thế giới gặp nhau ở Việt Nam - nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây. Cái cũ chưa đi, cái mới ập đến. Chính quyền Pháp tưởng đi khai hóa xứ người, nhưng họ đã gặp phải sự phản kháng của nền văn minh không thua kém mình về triết lý sống.

Họ cũng phải thừa nhận không dễ gì đồng hóa được dân tộc nhỏ bé nhưng kiên cường này. Một dân tộc đứng vững trước một nước láng giềng khổng lồ luôn đe dọa thôn tính. Việc Pháp xâm chiếm đã tạo nên một sự nhận thức mới về quyền bình đẳng, dân chủ và những tiến bộ kỹ thuật của phương Tây. Những người Việt đầu tiên qua Pháp như: Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh,... đã nhìn thấy thế giới văn minh và phát triển về mặt khoa học, nên họ rất ngạc nhiên. Họ muốn đem cái văn minh về để giúp dân tộc Việt Nam mở mang dân trí, không muốn một Việt Nam lệ thuộc và bị áp bức.

Phan Bội Châu, nhà cách mạng, nhà hoạt động chính trị lớn cũng nhận thấy điều mà ông cha từng tâm đắc "đi một ngày đàng học một sàng khôn", chính vì vậy Phan Bội Châu đã đề xướng Phong trào Đông Du, gửi học sinh qua Nhật du học để mở mang trí tuệ. Nhật lúc đó đã là một nước mạnh ở châu Á và gần với Việt Nam. Họ hy vọng vì cùng gốc châu Á da vàng, gần nhau về địa lý, Nhật sẽ giúp Việt Nam đánh đuổi Pháp... Nhưng sau vài chuyến gửi học sinh Đông Du thành công, Pháp đã cấu kết với Nhật, cho phép Nhật được quyền kinh doanh tại một số nơi ở Việt Nam, với điều

kiện ngưng nhận thêm học sinh Việt Nam du học và trục xuất những thành viên Đông Du về nước. Lợi nhuận vẫn là mục đích của kẻ cầm quyền nên Nhật chấp nhận đề nghị của Pháp. Phong trào Đông Du chấm dứt. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam cũng nhận thức được điều quan trọng đầu tiên để đòi tự do và bình đẳng là phải nâng cao dân trí qua giáo dục và tuyên truyền văn hóa bằng con đường báo chí. Công lao đầu tiên của các thành viên Tam Điểm Việt Nam phải kể đến chính là sự góp phần mở mang báo chí ở Việt Nam.

1. BÁO CHÍ

Sách báo là phương tiện truyền thông nhanh chóng và hiệu quả. Công lao đầu tiên của những thành viên Tam Điểm Việt Nam dễ thấy nhất là chủ trương dùng chữ Quốc ngữ viết báo để dễ đến được với đông đảo độc giả hơn, đồng thời cũng nhằm mục đích khuyến khích học chữ Quốc ngữ.

Trước khi nói đến công lao của các nhân vật Tam Điểm Việt Nam trong lĩnh vực báo chí, cần phải nhắc đến nhân vật Tam Điểm người Pháp có công trong việc tham gia mở mang in ấn báo chí ở Việt Nam là anh em nhà Schneider, chuyên gia về in ấn đầu tiên có mặt ở Đông Dương. Nhà in đầu tiên được thành lập ở Việt Nam năm 1885, ngay sau khi Pháp xác lập quyền bảo hộ Bắc kỳ. Nhà in Viễn Đông ra đời do François Henri Schneider và Ernest Hippolyte Schneider làm chủ, trụ sở đóng ở số 24 phố Paul Bert, tức là phố Tràng Tiền ngày nay.

Năm 1883, ông F.H. Schneider phụ trách Nhà in Bảo hộ (Imprimerie du Gouvernement) và là người thân cận của Toàn quyền Albert Sarraut. Ông học tiếng Việt và có quan hệ thân thiết với nhiều nhà chức trách bản xứ lúc bấy giờ. Ông có mặt ở Việt Nam từ năm 1882, ông đứng ra ký hợp đồng với Phủ Toàn quyền thực hiện hầu hết các công việc in ấn ở Đông Dương. Ông chủ yếu in bưu ảnh và sách, đồng thời kết hợp nhập và bán giấy từ Pháp. Gần mười năm, ông chỉ ra được một tờ báo là *Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương) bằng tiếng Pháp, còn bằng chữ Quốc ngữ thì có tờ *Đại Nam Đồng văn Nhật báo*, một số tờ báo khác in ở phía nam tuy gọi là báo mà thực ra chỉ là những thông báo của chính quyền. Ông là cánh tay đắc lực được Toàn quyền Sarraut tin tưởng. Năm 1886, hai anh em ông cùng với thuyền trưởng Robin, trung úy Hossinger, ông Charles Halais và một số thành viên Tam Điểm khác đã đứng ra xin phép Đại Đông Pháp để chính thức thành lập chi nhánh đầu tiên ở Bắc kỳ lấy tên "Huynh đệ Bắc kỳ"

(*Fraternité Tonkinoise*). Hội này do bác sĩ Jean - Marie de Lanessan đứng đầu.

F.H. Schneider đã được người bạn luật sư và là thành viên Tam Điểm giới thiệu Nguyễn Văn Vĩnh. Schneider và Nguyễn Văn Vĩnh trở thành bạn thân. Huynh đệ bác ái, ông Schneider tin tưởng giao cho Nguyễn Văn Vĩnh chủ nhiệm phần báo tiếng Việt. Năm 1918, Schneider về hưu và đã nhượng lại nhà in của mình cho Nguyễn Văn Vĩnh. Ông Vĩnh đã cùng những người bạn Tam Điểm mua lại, lập nhà in *Trung Bắc Tân Văn* và tờ *Học báo,* còn tờ *Đông Dương Tạp chí* bị Albert Sarraut đóng cửa.

Đông Dương Tạp chí là tờ tuần báo đầu tiên bằng tiếng Việt tại Hà Nội do Nguyễn Văn Vĩnh đảm nhiệm. Việc ông Vĩnh tham gia phụ trách tờ báo này đánh dấu việc người Việt được Pháp tin tưởng. Báo chí là cơ quan ngôn luận, là tiếng nói của chính quyền; khi giao cho Nguyễn Văn Vĩnh, người Pháp cũng tin tưởng "ông Tây con" trung thành này.

Những thành viên Tam Điểm này muốn củng cố lòng tin một cách vững chắc bằng việc đưa Nguyễn Văn Vĩnh vào hội Tam Điểm. Nhưng trớ trêu thay, hội Tam Điểm bản địa nâng cao khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" lại không chấp nhận kết nạp người bản xứ. Nên những người Pháp tiến bộ này dù là thành viên sáng lập hội Tam Điểm ở Việt Nam đầu tiên không dám qua mặt các huynh đệ đồng hương. Họ đã phải tìm cách đưa Nguyễn Văn Vĩnh ra nước ngoài để kết nạp.

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

志雜洋東

TIN SAU CÙNG

Đông Dương Tạp chí số 1 năm 1913.

Nguồn: tannamtu.com

Công lao của ông Vĩnh đối với sự nghiệp báo chí Đông Dương rất lớn. Cũng vì đam mê nghề, ông đã mạnh dạn vay tiền mua nhà in. Về sau, ông bị phá sản phải bỏ đi sang Lào tìm vàng rồi bị bệnh mà mất. Khi Nguyễn Văn Vĩnh qua đời, các huynh đệ Việt đã đề nghị hội Tam Điểm đứng ra lo tang lễ cho ông theo nghi thức Tam Điểm. Thông thường, Tam Điểm là hội bí mật, không bao giờ các thành viên Tam Điểm công khai nhận mình là thành viên Tam Điểm, nhưng những năm đó là thời kỳ hoàng kim của hội Tam Điểm, gắn chặt với việc bình định thuộc địa thành công, các thành viên Tam Điểm ở Đông Dương nắm hầu hết các chức vụ trọng yếu nên họ không ngần ngại công khai đăng trên báo những bức ảnh và tham gia đọc điếu văn trong tang lễ thành viên Tam Điểm gốc Việt đầu tiên của hội "Khổng Phu Tử". Đám tang của ông tổ chức long trọng cũng nhằm mục đích biểu dương sức mạnh của hội Tam Điểm ở Đông Dương.

Báo chí là cơ quan ngôn luận. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam lợi dụng báo chí để viết bài diễn thuyết tranh luận về tự do và dân chủ. Họ đều mang trong mình tinh thần ái quốc mạnh mẽ. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, những người ái quốc tụ với nhau, những thành viên Tam Điểm Việt Nam gặp nhau để bàn thế sự và tìm cách cứu nước. Ngay khi còn là du học sinh tại Pháp, nhiều sinh viên Việt Nam đã tham gia vào hội Tam Điểm và đảng Xã hội - những tổ chức tiến bộ thời đó. Tuy vậy, những thành viên Tam Điểm Việt Nam luôn bị mật thám theo dõi mọi hoạt động. Ở Pháp, theo tài liệu của Cục Lưu trữ Trung tâm Quốc gia tại Paris (font 7/13405), do mật báo của mật thám Pháp cung cấp, ngày 10/7/1922, Nguyễn Ái Quốc với Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền đến thăm Nguyễn Văn Vĩnh ở số nhà 15 đường Bertholet, Paris. Thông tin này được khẳng định qua nhật ký của Phạm Quỳnh. Thứ năm ngày 13/7/1922, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh cùng Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc đã cùng nhau dùng bữa. Trên tạp chí *Nam Phong* ông cũng tả lại bữa cơm đó diễn ra tại ngôi nhà Phan Văn Trường đang cư trú ở số 6 đường Gobelins, Paris 13:

> "Thứ năm 13 tháng 7 năm 1922: '(...) Chiều hôm nay, ăn cơm với mấy ông đồng bang ở bên này. Mấy ông này là những chí sĩ vào hạng bị hiềm nghi nên bọn mình đến chơi không khỏi có trinh thám theo dò. Lúc ăn cơm trong nhà, chắc lũ đó đứng ngoài như rươi! Nhưng, họ cứ việc họ, mình cứ việc mình, có hề chi! Đã lâu không được ăn cơm ta, ăn ngon quá. Ăn cơm ta, nói tiếng ta, bàn chuyện ta thật là vui vẻ thỏa

thích. Ăn no, uống say, cười cười nói nói… Mai là ngày hội kỷ niệm dân quốc[1]. Anh em đi dạo chơi một lượt các phố đông cho biết cái cảnh ngày hội của Paris thế nào.'"

---

[1] *Tức ngày 14-7, quốc khánh Pháp.*

Có lẽ họ gặp nhau không phải để ăn uống, thỏa nỗi nhớ nhà, mà còn để bàn chuyện đại sự, chuyện cứu nước. Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng Phan Văn Trường, đã viết *Revendications du peuple Annamite* (Yêu sách của nhân dân An Nam).

Những thành viên Tam Điểm Việt Nam đã nhận thấy không có sự bình đẳng dân chủ thực sự giữa người bản xứ và kẻ bóc lột. Sự bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc gây nên sự đau đớn âm ỉ trong lòng những người trí thức xứ thuộc địa. Tất cả những luồng tư tưởng mới học trong nhà trường đều chỉ là những lý thuyết suông, giả dối, không thực tế. Nhiều trí thức tốt nghiệp điểm cao, thậm chí vào dân Tây, nhưng không được tuyển dụng, nhiều khi chỉ vì lý do đơn thuần là gốc bản xứ.

Bắt đầu từ thời Pháp thuộc, báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam tham gia tích cực trong giới báo chí phải kể đến Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Trường,...

Nguyễn Văn Luận, Phạm Huy Lục, Phạm Quỳnh và bạn bè đồng nghiệp đã giúp Nguyễn Văn Vĩnh phát triển nhà in Trung Bắc Tân Văn; nhà in đầu tiên ở Bắc kỳ do người Việt quản lý và sở hữu. Theo thống kê báo chí trước năm 1945, nền báo chí Việt Nam phát triển được nhờ rất nhiều vào công lao của những huynh đệ Tam Điểm Việt Nam đầu tiên. Nằm trong hệ thống Tam Điểm - tổ chức tiến bộ nhất lúc bấy giờ, đồng thời có thế lực mạnh trong chính quyền, những thành viên Tam Điểm Việt Nam ái quốc đã khôn khéo lợi dụng thế mạnh này để xin lập báo. Họ trở thành chủ bút của nhiều tờ báo ở Đông Dương.

L'Action Indochinoise (Đông Dương Hành động), 1928, do Nam Đình phụ trách. Tờ báo của đạo Cao Đài.

L'Annam Nouveau (An Nam Mới), 1931-1942, Nguyễn Văn Vĩnh chủ bút, sau là Phạm Huy Lục - cả hai đều là thành viên hội «Khổng Tử».

L'Avenir du Tonkin (Tương lai Bắc kỳ) do Schneider phụ trách, sau giao lại cho Nguyễn Văn Vĩnh.

La Cloche Fêlée (Chuông Rè), 1923-1924, 1925-1926, do Nguyễn An Ninh và sau đó là Phan Văn Trường phụ trách. Phan Văn Trường là thành viên Tam Điểm kết nạp từ Pháp.

La Tribune Indochinoise (Đông Dương Tạp chí), 1913-1919, do Schneider phụ trách tòa soạn, có sự tham gia của Nguyễn Văn Vĩnh.

Đuốc Nhà Nam, 1928-1937, xuất bản tại Sài Gòn do Nguyễn Văn Ca phụ trách.

Trung Bắc Tân Văn, 1914-1941, do Nguyễn Văn Vĩnh chủ bút, sau khi ông mất, người thay thế là Phạm Huy Lục và Nguyễn Văn Luận, cả hai ông này đều là hội viên Tam Điểm.

Nam Phong Tạp chí, 1917-1934, do Phạm Quỳnh phụ trách và kiêm chủ bút. Tờ báo đã cổ động truyền bá Quốc ngữ.

Vô sản, Tạ Thu Thâu xuất bản (tháng 5/1932), ngoài ra ông còn tham gia làm báo tiếng Pháp với Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm ra tờ *La Lutte* (Tranh đấu) tháng 4/1933.

La Résurrection (Phục sinh) do Tạ Thu Thâu, đứng tên cùng Huỳnh Văn Chương xuất bản, một tờ báo chống chính phủ thuộc địa. Tờ báo ra đời ít lâu thì bị đình bản.

l'Echo Annamite (Tiếng vọng An Nam) do Nguyễn Phan Long làm chủ bút. Ông cũng kiêm chủ bút tờ *Đuốc Nhà Nam.*

Những tờ báo *L'Âme Annamite*, *Việt Nam Hồn*, *La Nation Annamite, Phục quốc* do ông Nguyễn Thế Truyền sáng lập.

Vừa là nhà báo, nhà văn, nhiều trí thức tuy xuất thân Tây học nhưng luôn cổ vũ khuyến khích học chữ Quốc ngữ. Báo chí là một phương tiện nhằm nói lên phần nào khát vọng của quần chúng nhân dân. Nhiều người đã sử dụng báo chí để thức tỉnh lòng yêu nước của dân tộc và chống chủ nghĩa thực dân, nên nhiều tờ báo vì vậy bị đình bản.

Những thành viên Tam Điểm - Cao Đài Việt Nam chọn con đường lập đạo với khát vọng tôn giáo hòa đồng, cũng là kỳ vọng về sự hòa đồng lý tưởng và một thế giới đại đồng. Đạo Cao Đài đã có nhiều tờ báo nói lên tiếng nói riêng của họ. Tuần báo *L'Action Indochinoise* (Đông Dương Hành động), là tuần báo đầu tiên của đạo Cao Đài. Báo *Revue Caodaiste* (Cao Đài) do Nguyễn Văn Ca, một chức sắc Cao Đài và là thành viên Tam Điểm sáng lập. Nguyễn Văn

Ca cũng là Giám đốc tờ *Đuốc Chơn lý* (1935). Tờ *Đại Đồng* (1938), *Đại Đạo quy nguyên* (1938) thuộc Liên Hòa Tổng hội do Nguyễn Phan Long làm Hội trưởng và là thành viên Tam Điểm sáng lập. Ngay trong Tòa Thánh Tây Ninh, có Phạm môn - địa điểm họp an toàn của nhóm Tam Điểm FB3-Indo, có tờ *Đại Đạo* (1945), có xưởng in *Duy Tâm* (1948) do Phan Trường Mạnh quản lý. *Đường Sáng* (1948), *Nội San* (1950) thuộc Ủy ban Trung ương Cao Đài Cứu quốc mười hai phái hiệp nhất do Cao Triều Phát - thành viên Tam Điểm làm Hội trưởng. Tờ *Tôn giáo xã hội* do Trương Kế An, thành viên Tam Điểm và FB3-Indo làm Giám đốc. Ngoài ra còn một số tạp chí, báo khác. Tổng cộng có khoảng gần hai mươi tờ báo, tạp chí ra đời từ khi mở đạo đến năm 1975. Những tờ xuất bản trước năm 1945, đại đa số do những thành viên Tam Điểm - Cao Đài có công sáng lập. Nhiều tờ viết bằng tiếng Pháp để trực tiếp truyền đến người Pháp một thông linh điệp về khát vọng hòa bình công lý và nhân đạo của những tín đồ Cao Đài. Qua báo chí Cao Đài, những thành viên Tam Điểm - Cao Đài, những người ái quốc, mang tinh thần dân tộc đã tìm con đường giải phóng thuộc địa bằng giải pháp hòa bình, bác ái trong những áng văn đầy nhân đạo của các văn thi sĩ như Lý Thái Bạch, Victor Hugo…

2. VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC

Nhờ chính sách của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut về vấn đề mở rộng giáo dục, sử dụng văn hóa Pháp và văn hóa Việt để tạo ra một đội ngũ người Việt tự quản công việc thay dần người Pháp ở các cơ sở bậc thấp, một đội ngũ trí thức Tây học ở Việt Nam ra đời. Pháp đã đào tạo cho Việt Nam một lớp trí thức trên nhiều lĩnh vực như khoa học, luật và văn học. Trường Y, trường Luật và trường Sư phạm đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Theo lối dạy xưa, hầu như các nhà nho chỉ học văn chương. Sư phạm và luật không có trường dạy. Các ông đồ xưa hầu như là các nhà nho thi trượt hoặc không đỗ đạt cao về mở lớp trong làng, nên chủ yếu truyền lại theo khả năng mỗi cá nhân, không có kiến thức sư phạm và phương pháp cụ thể. Các cụ đồ truyền lại kiến thức cho học trò, nhiều khi thầy trò cùng lều chõng đi thi, trò đỗ thầy trượt… Hệ thống bằng cấp và cách thi cử mới đã tạo ra một sự công bằng dân chủ hơn lối thi xưa. Những quy định vô lý và cổ hủ kiểu phong kiến Nho giáo bị loại bỏ. Một bài văn hay, mà có một chữ phạm húy coi như bị loại. Tên Việt Nam toàn mang ý nghĩa đời sống hàng ngày, nhiều khi thể hiện khát vọng của bậc sinh thành như trí dũng, mạnh giàu, phú quý,… làm sao tránh được để một bài văn không phạm húy? Đặc biệt trong văn học, văn hóa Pháp là luồng gió mới thổi vào văn học Việt Nam. Những nhà văn buổi

giao thời đã nhanh chóng hít thở làn gió mới thay đổi nền văn chương Việt Nam.

Kịch nói là một thể hiện rất rõ. Sân khấu xưa là những tiếng khóc nỉ non, giờ đây kịch nói rất gần với cuộc sống thực tế của con người. Thơ không bị câu nệ trong luật bằng trắc. Tiểu thuyết bắt đầu ra đời. Nhà thơ, nhà văn được diễn tả tình cảm thật và cái tôi trong tác phẩm của mình. Xưa kia tình cảm phải giấu kín, phụ nữ không dám biểu lộ tình yêu của mình đối với đàn ông. "Nam nữ thụ thụ bất thân".

Lợi dụng chính sách khai hóa của chính quyền "Tam Điểm", một số trí thức Việt Nam yêu nước đã hăng say tham gia ủng hộ phổ cập chữ Quốc ngữ và nâng cao dân trí. Nếu dân trí không cao, việc giành độc lập không thể dễ dàng thực hiện. Những thành viên Tam Điểm thực dân thừa nhận việc khai sáng văn minh ở Đông Dương là kiểu "nuôi ong tay áo", hay là "gậy ông lại đập lưng ông". Việt Nam chính là nước thuộc địa đầu tiên giành được độc lập.

Tuy nhiên việc khai sáng nhiều khi thô thiển và ép buộc nên nó cắt đứt cái quá khứ quá nhanh, làm đau đớn nhiều nhà nho đương thời. Việc loại bỏ, không sử dụng lớp trí thức cũ làm đau lòng các sĩ phu yêu nước. Chính sự bất bình đã châm ngòi cho con cháu họ, được Pháp đào tạo bài bản, ý thức sớm sự bất bình đẳng đối với người bản xứ. Việc chính quyền bảo hộ loại bỏ những người học theo nho học, ưu tiên những người tân học, theo Pháp, thân Pháp thể hiện rất rõ. Loại trừ lớp nhà nho cũ, Pháp tưởng loại được tinh thần ái quốc, phò vua đòi độc lập của dân Việt Nam, loại trừ được đội ngũ văn thân yêu nước đấu tranh chống thực dân Pháp.

Nhưng Pháp đã lầm, vì con cháu của văn thân đã thay họ lên tiếng. Hầu hết trí thức Tây học là con cháu của quan lại ngày xưa. Họ có điều kiện được đi học, hiểu được nỗi đau của cha ông và nỗi nhục mất nước qua những bữa cơm hàng ngày của gia đình.

Họ âm thầm lặng lẽ nuôi chí trả thù cho ông cha. Nhiều người cũng chỉ vì sự sống của gia đình mà làm việc cho Pháp nhưng thâm tâm họ không chấp nhận cảnh mất nước, khi nhìn dân chúng và cha ông họ bị áp bức. Nhiều thành viên Tam Điểm sinh ra trong gia đình có truyền thống yêu nước như vua Duy Tân, Đỗ Hữu Vị, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Ái Quốc, Hoàng Minh Giám, Phạm Huy Lục... Hoàng Tăng Bí, cha của Hoàng Minh Giám, là một nhân sĩ yêu nước tham gia mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục đã bị kết án tù và bị quản thúc. Ngay từ hồi còn là sinh viên tại Pháp, nhiều du học sinh Việt Nam đã tụ họp lại để chống chủ

nghĩa thực dân. Tam Điểm lúc đó là hội tiến bộ nhất đối với vấn đề thuộc địa, nên nhiều trí thức Việt Nam du học ở Pháp tham gia. Nguyễn Ái Quốc vào hội qua sự giới thiệu của những sinh viên trí thức yêu nước du học ở Pháp đã vào hội trước, như Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường…

Toàn quyền Tam Điểm Paul Beau đưa ra chính sách hòa bình mềm dẻo hơn so với thời những Toàn quyền trước ông. Ở Bắc kỳ, Pháp sử dụng một số nhà nho chế độ cũ nhưng vẫn miệt thị và ví họ như là mấy ông "nông dân bản địa" (*paysans indigènes)*. Họ trở thành đội quan chức bù nhìn chẳng có vai trò gì vì không đọc được và không thông văn bản của văn phòng. Chính quyền Pháp sử dụng họ chỉ là một hình thức mị dân, nhằm xoa dịu tình hình mâu thuẫn căng thẳng và chia rẽ lớp sĩ phu yêu nước. Nỗi lo đám văn thân yêu nước chưa dứt, chính quyền Pháp bắt đầu lo ngại lớp trí thức mới mà chính họ đào tạo ra, sau khi nhận thấy việc nâng cao dân trí ở Việt Nam đã tạo ra một lớp trí thức yêu nước mạnh mẽ hơn cha ông vì họ chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do, dân chủ của Pháp. Hấp thụ ảnh hưởng của tư tưởng tiến bộ Thời kỳ Khai sáng, lớp trí thức này đại đa số mang khát vọng độc lập, tự do, dân chủ. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam đã lên tiếng đòi tự do dân chủ qua diễn đàn báo chí. Nhiều người phản ứng trước chế độ cha truyền con nối, phản đối Chính phủ Bảo Đại. Nguyễn Ái Quốc và những người đồng chí hướng đã tiếp thu tư tưởng dân chủ Pháp để áp dụng vào nước Việt Nam độc lập.

Chính quyền Pháp nhận thức được việc nuôi ong tay áo, nên những năm 1930, chính sách vô hiệu hóa lớp trí thức Tây học bắt đầu được đề ra để hạn chế tư tưởng bài thực dân. Theo Trần Đức Thảo, hơn ba trăm sinh viên tốt nghiệp không được thu nhận làm việc ở Đông Dương và chính quyền hạn chế cấp học bổng du học cho học sinh Việt Nam. Người bản xứ được đào tạo chỉ được sử dụng trong những vai trò phụ, như công cụ tay sai, và vẫn phải chịu sự điều khiển của người da trắng học kém hơn và thua xa về kiến thức cũng như khả năng

"Cậu kia cắp sách đi đâu

Cậu học chữ Tàu hay học chữ Tây

Học chữ Tây không tiền không việc

Học chữ Tàu ai biết ai nghe

Chi bằng về chốn thôn quê

Cấy cày còn được no nê tối ngày."[1]

---

[1] *Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, sđd.*

Việc học chữ Hán đã chấm dứt từ năm 1915, chữ Quốc ngữ bắt đầu đi vào cuộc sống hàng ngày, bấy giờ cũng thất thế trước chính sách bài trừ trí thức bản địa, để dẹp tinh thần yêu nước và dân chủ của họ. Bác ái giả hiệu đã rõ. Sinh viên du học được cấp học bổng phải theo đúng ngành mà chính quyền thuộc địa yêu cầu. Tiếng Pháp là ngôn ngữ bắt buộc trong trường học. Chữ Quốc ngữ, tiếng mẹ đẻ trở thành sinh ngữ phụ. Sự bất bình đẳng càng khơi lên tinh thần yêu nước của những trí thức Việt Nam, thể hiện qua diễn đàn báo chí.

Đóng góp lớn nhất của các thành viên Tam Điểm được ghi nhận trong công cuộc nâng cao dân trí Việt Nam bằng cách sử dụng báo chí tuyên truyền khuyến khích học ngoại ngữ, tham gia giảng dạy, mở trường tư thục.

Sau năm 1945, nhiều thành viên Tam Điểm đã theo Việt Minh tham gia kháng chiến, nên trong phần này chúng tôi chỉ khảo cứu thời kỳ trước 1945, lúc họ còn là thành viên Tam Điểm tại Việt Nam. Sau Cách mạng, hội Tam Điểm coi như xóa sổ ở Việt Nam.

Nguyễn Văn Vĩnh đã đứng ra làm đơn xin mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục, do Lương Văn Can tổ chức và cũng là hiệu trưởng. Đông Kinh Nghĩa Thục khai giảng vào tháng 3/1907, là trường đầu tiên dạy chữ Quốc ngữ, chữ Nho, chữ Pháp không lấy tiền nhằm mục tiêu khai trí và truyền bá văn minh cho người bản xứ. Nguyễn Văn Vĩnh đã cùng nhiều người bạn của mình tham gia truyền dạy tư tưởng dân chủ cho học sinh trong trường. Do truyền dạy tư tưởng dân chủ và có ý đồ bài trừ thực dân, trường bị chính quyền Pháp đóng cửa và một số giáo viên bị bắt, trong đó có cả Nguyễn Văn Vĩnh. Được sự bảo trợ của một số huynh đệ Tam Điểm, Nguyễn Văn Vĩnh được thả và trở về tiếp tục viết báo. Ngoài ra, còn có Hoàng Minh Giám cùng bạn bè đứng ra mở trường Tư thục Thăng Long. Trường này chính là cái lò nuôi dưỡng mầm mống cách mạng. Ông đã phải khôn khéo để che mắt thực dân Pháp khi khơi dậy lòng yêu nước qua các bài giảng trên lớp.

Công lao của các thành viên Tam Điểm trong lĩnh vực giáo dục phải kể đến giáo sư Lê Thước (1891-1976) và Đỗ Thận (?-1959). Lê Thước tốt nghiệp thủ khoa trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương khi ba mươi tuổi. Ông làm giáo sư Quốc học Vinh năm

1927, sau điều ra Hà Nội dạy ở Lycée Albert Sarraut. Nơi đây, ông tiếp xúc với Phạm Quỳnh và giới Tam Điểm trong hội "Khổng Phu Tử". Ông từng làm việc ở nhà in của Nguyễn Văn Vĩnh. Ông được bổ hàm Tri phủ, Bố chính trong triều đình cũ. Lê Thước còn tham gia viết sách giáo khoa thời đó. Ông đã soạn cùng Nguyễn Hiệt Chi, cuốn giáo khoa *Hán văn Tân giáo khoa thư*, dành cho lớp Trung đẳng; in năm 1929 tại nhà in Lê Văn Tân. Ông là nhà giáo yêu nước, một người vừa học Hán vừa học Tây nên kiến thức uyên thâm. Ông có công trong việc nghiên cứu văn học cổ Việt Nam. Riêng Đỗ Thận từng làm chủ bút báo *Khai hó*a và tham gia viết báo. Ngoài ra, ông cũng tham gia dịch thuật, viết sách dạy tiếng Pháp, *Chuyện cô bé Lọ Lem* (Une version Annamite du Conte de Cendrillon) từng được ông dịch qua tiếng Việt.

Ông cho đăng trên Tập san *Viện Viễn Đông Bác Cổ*, số 7 năm 1927, bài "Phương pháp thực hành để học tiếng Pháp cho người An Nam" (*Méthode pratique pour l'étude du français à l'usage des Annamites*, Hà Nội, 1926), "Phương pháp thực hành học chữ Quốc ngữ trong các trường An Nam" (*Méthode pratique pour l'étude du Quốc ngữ à l'usage des écoles Annamites*, Hà Nội, 1927).

Ông Phạm Huy Lục, thành viên hội "Nhân quyền" và là Viện trưởng Viện Dân biểu Bắc kỳ từng viết thư đề nghị Chính phủ Pháp giúp đỡ cho sự tồn tại của Trường Mỹ thuật Đông Dương khi trường có nguy cơ bị chính quyền đe dọa đóng cửa. Chính vì thế Victor Tardieu, Hiệu trưởng của trường đã tặng ông hai bức tranh lụa do sinh viên Lưu Đình Khải vẽ. Hiện nay gia đình ông còn lưu giữ kỷ vật này.

Dịch thuật phát triển nhanh để tuyên truyền tư tưởng dân chủ tự do của Pháp; cũng là hình thức nâng cao dân trí và khơi dậy tình yêu nước. Nguyễn Văn Vĩnh là người hăng hái dịch các sách văn học tiếng Pháp ra Quốc ngữ để bạn đọc Việt Nam biết được một phong cách văn chương mới và tư tưởng tự do trong văn học. Ông giới thiệu nhiều tiểu thuyết, thơ, truyện ngụ ngôn Pháp: Thơ ngụ ngôn của La Fontaine (*Fables de La Fontaine*); Truyện trẻ con của Perrault (*Les contes de Charles Perrault*); Mai nương Lệ cốt (*Manon Lescaut*), tiểu thuyết của Abbé Prévost; Ba người lính ngự lâm pháo thủ (*Les trois mousquetaires*) của Alexandre Dumas; Những người khốn khổ *(Les Misérables)*, tiểu thuyết của Victor Hugo; Miếng da lừa (*La peau de chagrin*), tiểu thuyết của Honoré de Balzac; Guy-li-ve du ký (*Les voyages de Gulliver*), truyện của Jonathan Swift; Tê-lê-mác phiêu lưu ký (*Les aventures de Télémaque*), truyện của Fénélon; Bốn vở kịch của Molière: Trưởng giả học làm sang (*Le Bourgeois Gentilhomme*), Giả đạo đức (*Le*

misanthrope), Người bệnh tưởng (*Le malade imaginaire*), Người biển lận (*L'avare*); Túc ca lệ (*Turcaret*), kịch của Lesage. Ông còn giới thiệu những tác phẩm nổi tiếng của nước ngoài như: Truyện các danh nhân Hy Lạp và La Mã (*Les vies parallèles des hommes illustres de la Grèce et de Rome*) của Plutarque; Sử ký thanh hoa (*Le parfum des humanités*) của Emile Vayrac; Chàng Gil Blas xứ Xăngtizan (*Gil Blas de Santillane*), tiểu thuyết của Lesage.

Ông cũng dịch từ tiếng Hán sang tiếng Pháp cuốn *Tiền Xích Bích* và *Hậu Xích Bích* đăng trên *Đông Dương Tạp chí*, số 66-68, ông dịch *Kim Vân Kiều tân dẫn Pháp văn* (truyện Kiều của Nguyễn Du) cũng đăng trên *Đông Dương Tạp chí*. Phạm Quỳnh mê triết học. Ông chủ yếu dịch và giới thiệu những bài viết, khảo luận của Pháp thiên về triết lý, triết học, lịch sử bằng chữ Quốc ngữ để giới thiệu với bạn đọc Việt Nam các học thuyết Tây Âu, như *Văn minh luận*; *Khảo về chính trị nước Pháp*; *Lịch sử và học thuyết của Rousseau*; *Lịch sử và học thuyết của Montesquieu*; *Lịch sử và học thuyết của Voltaire*, v.v... Đồng thời, ông cũng bàn về triết học và tôn giáo Á Đông, về văn hóa Việt Nam, với chủ đề trải rộng từ tục ngữ ca dao tới Việt Nam thi ca, văn chương trong lối hát ả đào.

Hầu hết những tác phẩm dịch đều mang tính nhân văn cao như tiểu thuyết của Victor Hugo, và tiềm ẩn tư tưởng đấu tranh xã hội rất mạnh như truyện ngụ ngôn La Fontaine, kịch Molière. Sự chọn lọc sách dịch biểu hiện trình độ và ý thức của người dịch. Dịch giả muốn nhờ tác giả nói lên nguyện vọng và tư tưởng của họ. Việc hăng say dịch những tác phẩm mang tư tưởng nhân bản, tự do bình đẳng của Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh cũng thể hiện tinh thần ái quốc của các ông.

Cổ vũ học chữ Quốc ngữ cũng là một hình thức ái quốc để dân có ý thức bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ riêng của dân tộc. Nhiều nước châu Phi thuộc địa Pháp, Anh, Tây Ban Nha, hay Bồ Đào Nha đã bị xóa sổ ngôn ngữ dân tộc vì không có chữ viết.

Thành viên Tam Điểm Việt Nam thạo tiếng Pháp hơn tiếng Việt, vì đại đa số theo học trường Tây từ nhỏ, nhiều người du học ở Pháp, nhưng vì lòng ái quốc, muốn nâng cao dân trí, họ đã cố gắng và tích cực viết báo bằng chữ Quốc ngữ, dịch sách văn chương triết học hay của Pháp ra chữ Quốc ngữ, tham gia dạy và giới thiệu truyền thống và văn hóa Việt Nam sang tiếng Pháp. Tiếng Việt ngày nay phát triển, nước Việt có chữ viết và ngôn ngữ ngữ riêng chính là nhờ một phần công lao của một số thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên.

Nhiều thành viên Tam Điểm mang quốc tịch Pháp nhưng họ vẫn còn hồn Việt chất chứa sâu nặng bên trong. Họ là những đứa con lai của hai dòng văn hóa. Những thành viên Tam Điểm và lớp trí thức thời đó đã có công lớn làm chiếc cầu nối cho hai nền văn hóa. Nền văn hóa dân tộc không bị hòa tan hay xóa đi trong dòng văn hóa rộng lớn của Pháp. Nó được củng cố mạnh lên và tạo ra một nền văn hóa mới hiện đại hơn đáp ứng nhu cầu của dân tộc và thích hợp với sự phát triển của văn minh nhân loại. Những thành viên Tam Điểm thừa biết nước Pháp không thể trao quyền bình đẳng cho người bản xứ. Tờ giấy chứng nhận quốc tịch Tây của họ chỉ thuần túy là giấy tờ, một phương tiện. Nhiều người lấy hôn phối là người Pháp nhưng đại đa số người Pháp lúc đó chưa coi họ là người Pháp thực sự. Phạm Ngọc Thạch, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Thế Truyền đều lấy vợ Pháp. Con của họ mang nửa dòng máu Pháp, song điều đó không bảo đảm sự bình an của họ nếu họ đòi quyền bình đẳng và độc lập cho dân tộc. Phạm Thị Tốt, vợ thành viên FB3-Indo bị đe dọa tước quốc tịch Pháp, dù bà sinh ra ở Nam kỳ thuộc Pháp. Bà lấy chồng Pháp là một thành viên Tam Điểm, vậy mà khi bị bắt, tay cảnh sát nói với bà: "Mày sẽ trở lại thành con An-nam-mít", câu nói đó làm sao có thể quên được đối với người có học và yêu nước như bà? Vì thế nhiều thành viên Tam Điểm Việt Nam dù mang quốc tịch Tây nhưng đã bỏ theo Việt Minh để đấu tranh giành độc lập, họ hăng hái giúp đỡ những đồng hương khi ở Pháp và khi trở về nước họ tham gia tích cực mọi phong trào đòi độc lập.

Họ sử dụng văn hóa và ngôn ngữ dân tộc, là thứ vũ khí để giúp nâng cao dân trí và khẳng định sự tồn tại của dân tộc. Phạm Quỳnh với câu nói nổi tiếng đã khẳng định mối quan hệ giữa văn hóa ngôn ngữ và sự tồn tại của một dân tộc: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn". Văn hóa của một dân tộc tồn tại thì dân tộc đó tồn tại. Nền văn hóa Inca bị mai một và biến mất, nên dân tộc Inca đã bị xóa sổ trong lịch sử. Nhiều thổ dân da đỏ bị tiêu diệt vì văn hóa nghèo nàn, đã bị hòa tan và mất đi vĩnh viễn cũng như trường hợp thổ dân Úc. Việc bảo tồn văn hóa dân tộc và tiếng nói là nhiệm vụ thiết yếu mà những thành viên Tam Điểm Việt Nam cùng nhiều trí thức tiến bộ thời đó đã thấu hiểu được. Họ lợi dụng được điểm mạnh của họ khi sinh hoạt trong hội Tam Điểm để đòi quyền tham gia diễn đàn trực tiếp, nắm được nhà in và báo chí như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phạm Huy Lục. Nguyễn Văn Vĩnh cũng vì nhà in mà bị phá sản phải đi đào vàng trả nợ rồi mất vì bệnh. Lòng ái quốc, thương dân của những thành viên Tam Điểm bộc lộ rất rõ qua các bài viết trên báo và những hoạt động xã hội của họ.

Bảo tồn di sản văn hóa dân tộc cũng là thể hiện lòng yêu nước. Một số nhà văn, nhà báo thành viên Tam Điểm đã giới thiệu văn học Việt Nam bằng tiếng Pháp để người Pháp hiểu và đừng coi thường nền văn hóa Á Đông. Bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, phát triển ngôn ngữ dân tộc là công lao đáng kể của nhiều nhà văn, trí thức thời đó, trong đó có các thành viên Tam Điểm Việt Nam.

Albert Sarraut chủ trương dùng người Việt Nam để thay thế người Pháp trong một số chức vụ nhỏ và dùng phương tiện văn hóa Việt để ngăn cản ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc trong đời sống văn hóa người Việt; ông ta cũng muốn xích văn hóa Việt vào với văn hóa Pháp, nên nhiều nhà trí thức Việt Nam Tam Điểm đã cổ xúy việc học chữ Quốc ngữ, mở trường và dịch sách Pháp ra chữ Quốc ngữ để nâng cao dân trí.

Nhiều nhân sĩ nổi tiếng là thành viên Tam Điểm như Trần Trọng Kim, Nguyễn Quang Oánh, Hoàng Minh Giám, Đào Hùng, Phạm Huy Lục, Nguyễn Văn Luận... đã cùng với các nhân sĩ nổi tiếng cùng thời như Đặng Thái Mai, Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Mạnh Tường, Phạm Duy Khiêm, Hoàng Xuân Hãn... thành lập Ban Văn học, hội Khai Trí Tiến Đức. Trần Trọng Kim giữ chức Phó ban, Nguyễn Quanh Oánh Thư ký. Vậy ban lãnh đạo có 2/3 là thành viên Tam Điểm. Ông Nguyễn Văn Luận chủ nhà in Trung Bắc Tân Văn có cả con trai là Nguyễn Khắc Kham cũng tham gia hội Khai Trí Tiến Đức. Những nhân sĩ này yêu quý văn sử học Việt Nam, đã lập ra một thư viện riêng, và đã tìm cách mang kho sách vào Nam và mang sang Pháp khi có biến động, nên tủ sách tư nhân của một số người ở hải ngoại như của Hoàng Xuân Hãn, Trần Trọng Kim (ở Pháp), Nguyễn Khắc Kham (ở Mỹ) còn lưu trữ một số sách, tài liệu quý. Rất tiếc ngày nay con cháu họ ít người quan tâm đến kho tư liệu này.

Đỗ Hữu Trí chuyên nghiên cứu tư tưởng triết học châu Á và tìm cách giới thiệu truyền bá văn hóa Pháp đến người dân bản xứ. Ông Schneider đã tìm được Nguyễn Văn Vĩnh để thực hiện ý đồ của Albert Sarraut. Nguyễn Văn Vĩnh và những người trí thức Việt yêu nước đã nhân cơ hội này để tuyên truyền học chữ Quốc ngữ và văn hóa dân tộc. Nhà in Trung Bắc Tân Văn đã trở thành một nơi để những người trí thức gặp gỡ đàm đạo và sử dụng phương tiện in ấn sách báo bằng chữ Quốc ngữ. Các nhà Tam Điểm Việt Nam đã tham gia viết khảo luận, nghiên cứu. Họ là những nhà tân học, vừa là những người thấu hiểu truyền thống văn hóa dân tộc, vừa là những nhà thông dịch, nên nhiều người viết trực tiếp bằng tiếng Pháp để giới thiệu về triết lý phương Đông không thua kém gì các triết gia phương Tây. Khi thành lập hội Tam Điểm và quyết

định lấy tên "Khổng Phu Tử", ông Vũ Đình Mẫn đã viết bài tiểu luận dài về đề tài này. Phạm Quỳnh ra cuốn sách *L'idéal du Sage dans la philosophie Confucéenne* - Cái quan niệm người quân tử trong triết học đạo Khổng (nguyên văn dịch của Phạm Quỳnh), dịch ra cả Quốc ngữ, do nhà xuất bản Đông Kinh ấn hành năm 1928. Phạm Huy Lục viết một cuốn giới thiệu về hội "Nhân quyền" in năm 1935 do Trung Bắc Tân Văn ấn hành, trong đó ông cũng nhắc đến công lao của hội "Nhân quyền" đã can thiệp trong vụ Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu cũng như bênh vực, bảo vệ đạo Cao Đài.

Phạm Quỳnh viết một số tiểu luận như "Ba tháng ở Paris", "Văn học nước Pháp", "Chính trị nước Pháp", "Khảo về tiểu thuyết", "Lịch sử thế giới", "Lịch sử và học thuyết Voltaire", "Phật giáo đại quan" và *Thượng Chi văn tập* gồm năm quyển, nhà xuất bản Alexandre de Rhodes Hà Nội ấn hành năm 1943.

Nguyễn Văn Vĩnh sáng tác và viết tiểu luận, ký sự như "Xét tật mình" (đăng trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 6), "Phận làm dân" (đăng trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 48), "Chỉnh đốn lại cách cai trị dân xã" (đăng trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 61), "Nhời đàn bà" (đăng trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 5), "Hương Sơn hành trình" (Hành trình thăm chùa Hương đăng trên *Đông Dương Tạp chí* từ số 41 đến 45), "Một tháng với những người tìm vàng" (bản thảo dở dang).

Lê Thước năm 1928 viết về Nguyễn Công Trứ với tác phẩm *Sự nghiệp thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ*. Đỗ Thận viết "Cải lương hương chính", "Quan hôn tang tế" in trên *Nam Phong* (1925).

Ngoài báo chí một số thành viên có công cổ vũ phát triển nông nghiệp nước nhà qua báo chí khoa học như Nguyễn Công Tiễu (1892 - 1976) (Thẻ hội viên là Nguyễn Công Fieu viết nhầm vì tên Việt Nam không có chữ F đầu tiên). Ông là một nhà khoa học chuyên nghiên cứu về nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam ngay từ thời Pháp thuộc cho đến thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc đời làm khoa học của ông luôn gắn bó với người nông dân và nền nông nghiệp của đất nước. Ông là người sáng lập ra *Tạp chí Khoa học* năm 1931; tờ báo bị đình bản năm 1941 sau khi ông bị mù.

Báo chí Việt Nam bắt đầu phát triển để mở rộng tự do diễn đàn. Chẳng cần thống kê cũng thấy, thời kỳ Pháp thuộc, nền báo chí Việt Nam phát triển rõ rệt. Trước kia không có tòa soạn báo. Kể từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945, một loạt tờ báo ra đời. Phạm

Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh được coi như những bậc tiền bối có công giúp cho văn học, ngôn ngữ và báo chí Việt Nam phát triển. Họ cũng là những thành phần đầu tiên tham gia hội Tam Điểm bản địa. Họ lợi dụng quan điểm tự do, bình đẳng dân chủ của Pháp nói chung và của hội Tam Điểm nói riêng để thành lập tờ báo, truyền bá chữ Quốc ngữ và giới thiệu văn hóa Việt Nam cũng như văn hóa thế giới.

3. HOẠT ĐỘNG ÁI QUỐC - LẬP ĐẢNG, HỘI ĐOÀN VÀ LẬP ĐẠO

Tiểu sử của một số người Việt Nam nổi tiếng tham gia vai trò chủ chốt trên mọi mặt trận văn hóa và chính trị ở Việt Nam thời Pháp thuộc, khẳng định họ là những người yêu nước. Yêu nước ở đây cần hiểu ý nghĩa rộng và sâu xa của nó. Yêu nước có nhiều cách và nhiều góc độ để thể hiện. Đi làm việc cho Tây không đồng nghĩa là người đó không yêu Tổ quốc. Tinh thần yêu nước ở trong thời kỳ bị lệ thuộc được thể hiện rất đa dạng. Sự thể hiện này bộc lộ trí thông minh, tài nghệ và khéo léo của trí thức Việt Nam. Trải qua nghìn năm bị Tàu đô hộ và cống nạp, trước láng giềng mạnh, họ đã học được cách sống, cách ứng xử để tồn tại cho chính bản thân họ, và cho dân tộc. Xưa kia Trạng Quỳnh, Trạng Lợn không chỉ thuần túy là truyện tiếu lâm, mà còn nói lên sự khôn khéo của trí thức Việt Nam. Họ cũng là hiện thân cho lòng ái quốc của trí thức Việt Nam. Họ muốn chứng minh sự thông minh không thua kém, chỉ vì thiệt thòi không được học hành đầy đủ. Đấy là những ông trạng dân dã, còn trạng thật sự thì không thèm đua tài với trạng Tàu. Trạng Quỳnh thi vẽ thể hiện sự thông minh nhanh trí, biết tài mình không thể thắng được nên dùng mẹo để chơi khăm sứ Tàu. Tài vẽ là cách nói ẩn dụ không phải đề cao khả năng đối kháng, về vũ khí để đánh lại kẻ mạnh mà phải biết dùng mưu.

Thánh Gióng ngủ ba năm, ai bảo Thánh Gióng không yêu nước? Gióng ngủ và câm lặng đến ba năm, sự câm lặng là sự nhịn nhục, chịu đựng. Con giun xéo mãi cũng quằn, Gióng không thể nằm yên khi Tổ quốc bị xâm lấn từng ngày từng giờ. Gióng đã chuyển mình, đó là hình ảnh ngụ ý người trí thức không thể im lặng. Gióng ra trận và thắng.

Nhưng Gióng chỉ đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, và lại biến mất lên trời. Đấy là bài học cho những kẻ xâm lược, đừng động đến quê hương tôi. Những người trí thức Việt Nam thời Pháp thuộc cũng vậy.

Thánh Gióng cũng chỉ ra trận được khi có sức mạnh vật chất. Hình ảnh cả làng đúc ngựa sắt, áo giáp sắt cho Gióng là hình ảnh biểu trưng cho sự phát triển về kinh tế. Khi những người trí thức

thời thuộc địa biết nước Việt còn yếu về mặt kinh tế và quân sự, họ buộc phải chọn một con đường là tìm cách duy trì sự tồn tại của dân tộc bằng ngôn ngữ và văn hóa. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đó là lớp trí thức "trùm chăn". Thực chất các nhà nghiên cứu không hiểu hết lớp trí thức "ngủ" này. Họ ngủ theo kiểu Thánh Gióng. Khi điều kiện chống lại kẻ xâm lược chưa cho phép, và gương những người đi trước như Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, đều thất bại đã cho họ một bài học kinh nghiệm quý báu trong công cuộc giành độc lập dân tộc. Một số đã vào hội Tam Điểm để tìm đường cứu nước. Dưới ảnh hưởng của sự bình đẳng bác ái và dân chủ học từ nhà trường, họ đã thức tỉnh như Gióng để đuổi lũ thực dân chèn ép dân mình. Nhưng không thể cầm tre đi đuổi bọn giặc có vũ khí tối tân, có tàu chiến; người trí thức Việt Nam đã phải tìm những cách khác để bài trừ thực dân. Rất nhiều thành viên Tam Điểm thời đó tốt nghiệp trường luật, họ nắm được luật và họ tìm cách đấu tranh hợp pháp. Khi thấy hội Tam Điểm đề cao bình đẳng, bác ái huynh đệ, nhiều người gia nhập; họ nghĩ phải lợi dụng triệt để phương châm của hội để đòi độc lập dân tộc. Việc vào hội không phải đơn giản, chỉ người có tài, xuất sắc, ngang và hơn kẻ đi xâm chiếm thuộc địa mới được chấp thuận. Họ gia nhập hội cũng là một hình thức tập hợp nhau một cách hợp pháp, tránh sự dị nghị và nghi ngờ của chính quyền thực dân, đồng thời lợi dụng cảm tình của chính người Pháp trong việc đòi độc lập. Tinh thần yêu nước được thể hiện qua việc mở mang dân trí, khuyến khích học chữ Quốc ngữ, ủng hộ phong trào chống thực dân Pháp.

Họ đã tham gia viết thư đề nghị giảm án cho những người bị kết án vì hoạt động chống thực dân Pháp. Những chức sắc Cao Đài - Tam Điểm đã làm ngứa mắt chính quyền Pháp. Trong một chuyến viếng thăm Tòa Thánh Tây Ninh, người Pháp đã thóa mạ đạo Cao Đài vì sợ tinh thần ái quốc của họ. Những chức sắc Tây học đã phải nén lòng đau đớn ngồi cầu nguyện trong nhà thờ khi nghe đám thực dân thì thầm dùng những từ thóa mạ họ là *"những con rối", "mấy đứa con nít làm trò trước mặt cha mẹ", "lũ ranh", "chúng dám bày trò đòi nhân quyền cho người bản xứ (…) và đòi hợp nhất ba miền thành một nước Việt Nam, bắt chúng ta phải gọi chúng nó là người Việt không phải là Annamite hay lũ bản xứ (…). Chúng ta sẽ phải chế ngự những con vật gì cựa quậy (…) như chúng ta đã xóa sổ bọn khởi nghĩa Yên Bái, dẹp bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, bọn cộng sản Xô Viết Nghệ Tĩnh, (…) nhưng chưa hết (…) Thằng cha khoác áo tôn giáo Phạm Công Tắc dám bày đặt đòi chúng ta cho chúng nó quyền dạy học và hành nghề bác sĩ trong các trường học, bệnh viện (…) đòi bình đẳng đấu tranh trên diễn đàn mà chỉ có chúng ta mới có*

khả năng (…), chúng không có tư tưởng gì nên phải nhờ cậy thần linh."[1] Những thành viên Tam Điểm Việt Nam im lặng nhẫn nhục chịu đựng trước những lời thóa mạ đó, vì họ phải chờ thời cơ. Những người Cao Đài dưới sự chỉ đạo của chức sắc Tam Điểm - Cao Đài đều mang một tinh thần yêu nước muốn đuổi thực dân nhưng chưa có thời cơ. Bạo động sớm cũng sẽ bị diệt vong. Ngay những năm 1931-1932, những nhà cách mạng tiên phong như Trần Phú, Lê Viết Thuật bị tra tấn đến chết, Nguyễn Đức Cảnh bị xử tử. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của mình cũng bị tử hình. Hoàng Hoa Thám ngay đầu thế kỷ XX cùng các nghĩa quân bị bắt và xử chém. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên đã thấu hiểu con đường bạo động chưa phù hợp. Rất nhiều người họ hiểu được con đường đấu tranh đầu tiên là con đường đòi tự do ngôn luận, đòi quyền bình đẳng và tìm cách dựa theo những tiêu chí trong Hiến pháp của nước Pháp để tranh đấu nhân quyền cho đất nước mình.

---

[1] *Gibert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), sđd, quyển 2, tr. 70.*

Con đường báo chí cũng là con đường tuyên truyền nhanh nhất đến dân chúng và thức tỉnh đồng bào, cũng là cơ hội để nâng cao dân trí, khi tình trạng dân trí người Việt còn thấp so với người Pháp. Công lao lớn của những thành viên Tam Điểm Việt Nam là dùng báo chí làm vũ khí đầu tiên chống thực dân Pháp. Ngay Phan Châu Trinh, nhà nho thức thời cũng có nhận định cần nâng cao dân trí, nếu dân trí thấp quá, thì khó giành được độc lập, đất nước sẽ lại rơi vào hình thức nô lệ khác. Văn hóa giáo dục trở thành một cuộc cách mạng quan trọng. Ý thức được điều đó, những thành viên Tam Điểm đã sử dụng báo chí và giáo dục để mở mang văn hóa cho dân chúng.

Công lao rõ nhất của thành viên Tam Điểm Việt Nam là khơi dậy tinh thần ái quốc và tích cực tham gia các tổ chức chính trị với mục đích đòi độc lập dân tộc. Tinh thần ái quốc của những thành viên Tam Điểm Việt Nam bộc lộ rất rõ qua các hoạt động chính trị của họ. Thời Pháp thuộc, việc tham gia các tổ chức chính trị đấu tranh bài trừ thực dân, đòi dân chủ không phải là đơn giản. Con đường lựa chọn tự do độc lập là con đường đòi hỏi sự dũng cảm và tài năng để thuyết phục chính quyền Pháp chấp nhận. Vào hội Tam Điểm bị chỉ trích như là sự thỏa hiệp, nhưng thỏa hiệp không đồng nghĩa là theo gót Pháp hay là người thỏa hiệp đồng tình quan điểm với người mà họ phải thỏa hiệp. Thỏa hiệp trong tình

thế bắt buộc. Thỏa hiệp để chờ thời cơ. Thỏa hiệp để từ từ thuyết phục đối phương. Đó cũng là một cách để tồn tại và đấu tranh giành tự do cho dân tộc.

Truyện ngụ ngôn La Fontaine nói lên tâm trạng phân vân tìm con đường sống của các nhà Tam Điểm Việt Nam nói riêng và của trí thức Việt Nam tiến bộ nói chung thời Pháp thuộc. Con chó nhà gặp con chó rừng đói, con chó rừng gầy yếu nhìn con chó nhà no béo đầy đủ bèn hỏi nguyên nhân. Chó nhà rủ chó rừng về sống chung, được ăn uống đầy đủ, được chủ yêu, không phải lang thang, thỉnh thoảng được rong chơi đôi chút. Chó rừng thấy lời mời quyến rũ nên theo chó nhà, trên đường đi chó rừng chợt nhận thấy cổ chó nhà đầy sẹo xây xước, liền hỏi tại sao. Chó nhà đáp thỉnh thoảng bị xích, lâu lâu mới được thả. Chó rừng chấp nhận chết đói và bỏ đi luôn.

Chết đói, nhưng không chịu làm nô lệ, chó rừng chọn con đường tự do. Song thực tế cuộc sống vốn đa dạng, phong phú. Chấp nhận để tồn tại sau đó tìm cách thoát khỏi nô lệ cũng là một cách để chiến đấu. Nguyễn Trung Trực, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học bị giết chết cùng các nghĩa quân trở thành một bài học để một số trí thức yêu nước nhận thấy con đường đấu tranh bạo động chưa phải thời cơ, sự thỏa hiệp đi vào trong lòng kẻ thù mới tìm thấy được khe hở của đối phương. Đó cũng là cách lựa chọn của một số trí thức yêu nước thời bấy giờ.

Cảnh ngang trái, sự khinh rẻ và sự bất bình đẳng đã đổ dầu vào ngọn lửa yêu nước trong những người trí thức thời đó. Trong cuốn sách *La vie quotidiene des français en Indochine 1860-1910* (*Cuộc sống hàng ngày của những người Pháp ở Đông Dương 1860-1910)*, Charles Meyer đã ghi lại những nhận định của người Pháp đi khai thác thuộc địa nói về người Nam kỳ thời đó là những kẻ lười biếng, trộm cắp, dối trá, không thật, trong khi những người Lào là những đứa trẻ dễ bảo, hiền lành, người Cao Miên thì khó lường, nhưng dễ bảo. Tức người Việt Nam là người khó tin. Người lao động bị bóc lột và hành hạ. Lợi tức của các đồn điền cao su và cà phê ở Việt Nam đã nằm trong túi các quan thực dân cai trị. Lòng căm thù kẻ thực dân không đội trời chung nhưng họ phải chờ thời cơ. Họ không thể là kẻ trung thành với Pháp khi họ bị đối xử bất công và dân chúng khổ cực. Họ muốn đòi lại quyền tự do, quyền sống trên mảnh đất ông cha của họ.

Sự bất bình đẳng xảy ra ngay giữa các huynh đệ Tam Điểm. Quyền Giáo tông Cao Đài Lê Văn Trung khi bị bắt đã nói mật khẩu Tam Điểm với tay cảnh binh phụ trách cũng là thành viên Tam Điểm

cao cấp.

Tay Tam Điểm Toulon ngạc nhiên khi thấy Lê Văn Trung mở rương đựng đồ trang phục Tam Điểm, nhưng lại ăn nói rất khinh miệt không có tính chất huynh đệ, nhân ái: "Huân chương Bắc Đẩu hay Nhánh Acasia à? Ông cóc cần biết! Nhốt nó vào phòng biệt giam". Trước tình cảnh đó, những người trí thức đã thức tỉnh. Nhiều thành viên Tam Điểm, cũng lợi dụng sức mạnh của Tam Điểm đứng ra lập đảng riêng hoặc tham gia các tổ chức tiến bộ thời đó.

Hội, đảng được lập ra tụ họp được nhiều trí thức xung quanh họ để đấu tranh đòi quyền tự trị.

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc sang Pháp và tham gia câu lạc bộ Faubourg, do một trí thức tiến bộ Pháp là Léo Poldès sáng lập, gia nhập hội nghệ thuật và hội du lịch… Ông đã gặp Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường khoảng năm 1917, đến năm 1919 thì gia nhập đảng Xã hội Pháp. *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* chính do Phan Văn Trường viết theo ý đề xuất của Nguyễn Ái Quốc[1]. Năm 1922, Manuilsky mời Nguyễn Ái Quốc dự hội nghị đại biểu các dân tộc thuộc địa. Một số sinh viên yêu nước xuất sắc sang du học Pháp thời đó đã xin vào hội Tam Điểm, nhờ sức mạnh của hội để thành lập hội sinh viên Việt Nam tại Pháp. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam này trở thành những mầm mống đầu tiên của các phong trào bài trừ thực dân Pháp. Trở về nước, họ tiếp tục đòi nhân quyền, tham gia trên mọi diễn đàn báo chí. Những thành viên Tam Điểm tiên phong đã có công lớn trong việc hình thành báo chí ở Việt Nam. Điểm một số tờ báo đầu tiên ở Việt Nam, nhiều chủ bút báo là thành viên Tam Điểm. Tiếp xúc và làm việc với người Pháp là một dịp để học hỏi. Qua hội Tam Điểm, người trí thức Việt Nam nhận được giá trị của ba chữ bình đẳng, tự do, bác ái. Họ vào hội với khát vọng giành được hai chữ bình đẳng, tự do cho chính bản thân họ và cho dân tộc họ sau này. Họ nhận thức được phải đứng ngang tầm với người Pháp thì mới tranh thủ được sự ủng hộ của người Pháp. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên là những người có tinh thần yêu nước mạnh mẽ. Những người mạnh khi đi đồng hóa, tưởng đem văn minh và khoa học tiến bộ sẽ được sự cảm ơn, phục tùng. Người mất nước đều cảm ơn những tiến bộ họ đem lại, nhưng một số trí thức "cứng đầu" không chịu khuất phục, không chịu làm nô lệ và họ tìm cách để đòi quyền tự do và độc lập tự quyết.

---

[1] *Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb.*

Trẻ, tr. 29.

Cứng đầu ở đây chính là không chịu làm nô lệ, khát vọng tự do và lòng yêu nước thương dân tộc mình bị mất nước, bị đè nén. Thế nên những thành viên Tam Điểm Việt Nam đã hăng hái ra lập đảng, hội để thu hút những người yêu nước khác cùng tham gia.

Đảng Lập hiến Đông Dương do Bùi Quang Chiêu sáng lập năm 1923 ở Sài Gòn. Trước đó, khi còn là sinh viên tại Pháp, ông đã thành lập hội Tương trợ Đông Dương (*Association mutuelle des Indochinois*) rất có uy tín, được nhiều Việt kiều tham gia. Đảng Lập hiến tập trung các thành phần tư sản, địa chủ, tầng lớp khá giả với khẩu hiệu đòi tự do dân chủ và đòi tự trị để nhằm thu hút quần chúng và lợi dụng tinh thần cấp tiến để cải tiến tình trạng thuộc địa. Sau này, đảng có xu hướng ủng hộ chủ trương "Pháp - Việt đề huề".

Đông Dương Lao động đảng do Cao Triều Phát sáng lập năm 1926. Đảng này chỉ tồn tại một thời gian ngắn rồi tan rã.

Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc thành lập vào năm 1925. Ông từng là thành viên Tam Điểm Pháp. Do nhận thức sớm một số mâu thuẫn trong Tam Điểm, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ đi theo đảng Cộng sản. Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội là tiền thân của đảng Cộng sản Việt Nam, đã thu hút được nhiều thành viên Tam Điểm nổi tiếng tham gia vì độc lập dân tộc như Phạm Ngọc Thạch, Cao Triều Phát, Hoàng Minh Giám…

Đảng Dân chủ Đông Dương do Nguyễn Văn Thinh cùng với Trịnh Đình Thảo thành lập năm 1937. Nguyễn Văn Thinh tham gia hội "Khổng Tử", đấu tranh đòi quyền tự quyết của Nam kỳ.

Đảng Việt Nam Độc lập hay gọi là **An Nam Độc lập đảng** (*Parti Annamite d'Indépendance, PAI*) do Nguyễn Thế Truyền thành lập và làm Chủ tịch. Đảng này thành lập vào tháng 6 năm 1927, đến năm 1929 thì bị chính quyền Pháp giải tán. Tờ báo *Việt Nam hồn, L'Âme Annamite*, *Phục quốc*, *La Nation Annamite* của ông Nguyễn Thế Truyền biến thành cơ quan liên lạc của Đảng. Ông chủ trương đoàn kết dân tộc đi đến đòi độc lập.

Ngoài ra, các thành viên Tam Điểm tham gia vai trò lãnh đạo trong một số đảng phái ở Việt Nam, như Phạm Ngọc Thạch là Tổng thư ký Việt Nam Quốc gia Độc lập đảng thành lập năm 1945 ở Nam kỳ, tham gia chống việc Pháp tái chiếm Đông Dương. Đảng

này có sự hỗ trợ của đạo Hòa Hảo.

Hội Hỗ trợ những người Đông Dương (*Association mutuelle des Indochinoises*) do Bùi Quang Chiêu lập tại Pháp, tổ chức tập hợp những người Việt Nam tại Pháp để tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Hội Đồng bào Thân ái (*Fraternité des Compatriotes*), 1912-1916, do Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh thành lập, Phan Văn Trường làm Hội trưởng. Đây là một trong những tổ chức yêu nước đầu tiên của người Việt Nam tại Pháp.

Hội Khai Trí Tiến Đức (*l'Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites*) thành lập ngày 5/2/1919. Phạm Quỳnh là một trong những sáng lập viên và Tổng thư ký hội. Hội tự lập chủ trương giao lưu văn hóa giữa trào lưu Phương Tây và văn hóa truyền thống.

Thành tựu của hội là soạn cuốn *Việt Nam Tự điển* do nhà in Trung Bắc Tân Văn ấn hành năm 1931. Cuốn tự điển dày 663 trang, tra cứu cả chữ Nho lẫn chữ Pháp, có sự tham gia biên soạn của ba thành viên Tam Điểm: Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Luận, Phạm Huy Lục[1].

---

[1] Những nhân vật khác chúng tôi không xác minh được, vì thư viện lưu trữ hội "Nhân quyền" không cho phép vào với lý do cơ sở đang trùng tu.

Hội Trí tri Bắc kỳ (*la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*) thành lập tháng 4/1892, tồn tại đến năm 1945. Phạm Quỳnh, người đề xướng thuyết lập hiến, là Hội trưởng.

Hội này có sự tham gia tích cực của Nguyễn Văn Vĩnh. Hội có mười chín người Pháp và một trăm lẻ tám người Việt. Trụ sở tại 59 phố Hàng Đàn, Hà Nội. Hội chủ trương quảng bá, tổ chức triển lãm, diễn thuyết về văn hóa Pháp, tham gia truyền bá chữ Quốc ngữ và khảo cứu phong tục tập quán Việt Nam...

Việt Nam Độc lập Vận động Đồng minh Hội thành lập khoảng năm 1939, Trần Quang Vinh, thành viên Tam Điểm - Cao Đài làm Phó Hội trưởng và rất nhiều tín đồ Cao Đài tham gia.

Ủy ban Cứu trợ xã hội Bắc kỳ do Phạm Quỳnh làm Tổng thư ký.

Các thành viên cũng có mặt trong hội Địa dư Hà Nội.

Đặc biệt hai thành viên Tam Điểm Việt Nam tham gia sáng lập tổ

chức "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" và sau đó là FB3-Indo là Tạ Thu Thâu, Trần Trọng Kim.

FB3-Indo tuyên bố không phải là một tổ chức chính trị và quân sự nhưng thực chất là một tổ chức chính trị ngầm với mục tiêu ban đầu chống Nhật, sau đến bài trừ thực dân Pháp, giúp Việt Minh, nên không được sự ủng hộ của nhiều thành viên Tam Điểm Pháp. FB3-Indo từng mở rộng kết nạp những thành viên xuất sắc của các đảng phái khác nhau nhưng không thuộc Tam Điểm như Nguyễn Hữu Thọ (Spéos), Huỳnh Tấn Phát (Apsis), Trần Bửu Kiếm (Azerole), Hoàng Xuân Hoan (Scipion) [Cao Triều Phát (Acarie), Đặng Trung Chữ (Aligator), Trần Quang Nghiêm (Arec), Trương Kế An (Eustache).] Tạ Thu Thâu, Trần Trọng Kim sau bỏ FB3. Hoạt động của tổ chức này nằm ngay ở Phạm môn tại Tòa Thánh Tây Ninh. Một số thành viên chủ chốt của FB3-Indo về sau trở thành lực lượng chính của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969-1976). Tây Ninh vốn là thủ phủ của đạo Cao Đài, đại đa số dân theo đạo Cao Đài, một Chính phủ Cách mạng lâm thời thành lập trong bí mật, lấy Tây Ninh làm thủ đô chắc chắn cần sự hỗ trợ của người dân. Sự ủng hộ Chính phủ Cách mạng lâm thời và tinh thần yêu nước của nhiều tín đồ Cao Đài là không thể phủ nhận, trong đó phải kể đến vai trò của các chức sắc Cao Đài ái quốc. Các tín đồ thường chỉ nghe theo lời khuyên của các vị chức sắc. Các vị chức sắc Cao Đài đã bật đèn xanh cho các tín đồ Cao Đài trong việc tham gia kháng chiến chống Mỹ. Cộng hòa miền Nam Việt Nam chính là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trước đó do đảng Cộng sản Việt Nam thành lập để tạo nên một lực lượng chính trị trên bình diện quốc tế, chống lại sự có mặt của Mỹ ở miền Nam. Một số thành viên Tam Điểm tham gia ủng hộ cách mạng từ thời Pháp thuộc tiếp tục tham gia chống Mỹ, tiêu biểu là Trịnh Đình Thảo.

Từ ngày 6 đến ngày 8/6/1969, luật sư Trịnh Đình Thảo đã được bầu làm Chủ tịch Đại hội đại biểu Quốc dân miền Nam Việt Nam mà Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là nòng cốt, với Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam. Ông cũng được mời làm Phó Chủ tịch hội đồng cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời. Ông cũng chính là luật sư và cố vấn về luật cho đạo Cao Đài.

Thành viên Tam Điểm trên thế giới thường nằm trong tổ chức âm mưu lật đổ chính quyền, giúp cho các nước bị lệ thuộc đòi độc lập. Mikhail Gorbachev - thành viên Tam Điểm đã lên bậc 33, là người nổi tiếng trong lịch sử thế giới với việc giúp cho nước Đức thống nhất không cần đổ máu và nhiều nước trước kia thuộc Liên bang

Xô Viết tách ra độc lập như Ukraine. Tinh thần ái quốc của đại đa số thành viên Tam Điểm Việt Nam là không thể phủ nhận. Họ luôn khát vọng một nước Việt Nam độc lập thoát khỏi ách thực dân. Rất tiếc trong lúc nhộn nhạo tranh tối tranh sáng, một số thành viên xuất sắc đã bị thủ tiêu vì bất đồng quan điểm. Một vài người đã phải qua Pháp ẩn trốn để sống khi đất nước sắp độc lập. Trong lúc cao trào quần chúng đang lên, nhiều người quá khích do chưa hiểu rõ hoặc do bất đồng quan điểm, đã quy nạp tất cả vào tội liên quan đến Pháp.

Người đi du học thời Pháp thuộc trở về đã cống hiến lớn cho sự phát triển xã hội. Đội ngũ luật sư xuất hiện. Nhiều người nổi tiếng trong đó là thành phần Tam Điểm, và họ ý thức quyền tự do, bình đẳng nên tham gia đấu tranh đòi độc lập cho dân tộc dựa trên những kiến thức về luật nhân quyền mà chính Pháp đề ra như luật sư Trịnh Đình Thảo, Dương Văn Giáo, Đỗ Hữu Trí, Vương Quang Nhường. Do nắm vững được luật pháp, họ lợi dụng triệt để luật ghi trong Hiến pháp để chỉ trích những mâu thuẫn của Hiến pháp về chính sách thuộc địa, và vấn đề không công bằng xã hội trong việc đối xử với người dân bản xứ. Trịnh Đình Thảo là người Việt Nam duy nhất đã lên đến bậc thứ 31 trong phẩm trật Tam Điểm.

Lập đảng, lập hội hoặc tham gia các đoàn thể khác nhau thời đó đòi hỏi tinh thần yêu nước cao và một sự can đảm dám hy sinh quyền lợi cá nhân. Bất cứ thể hiện bài xích thực dân đều bị chính quyền Pháp nhòm ngó và có thể bị bắt. Đại đa số thành viên Tam Điểm xuất thân con nhà khá giả, họ có thể yên vị trong chính quyền để hưởng quyền lợi. Nhưng nhiều thành viên Tam Điểm Việt Nam như Tạ Thu Thâu, Dương Văn Giáo, Nguyễn Thế Truyền bất chấp nguy hiểm tham gia đấu tranh trên diễn đàn báo chí. Những thành viên Tam Điểm đã sử dụng vũ khí lợi hại là báo chí để lên tiếng phản đối chế độ bất bình đẳng ở các nước thuộc địa. Ngày 10/9/1927, Trịnh Đình Thảo, với lý luận sắc bén, đã cùng các sinh viên Việt Nam khác mở hội nghị quốc gia đầu tiên của sinh viên Việt Nam tại Pháp ở Aix-en-Provence. Họ liền bị nhà cầm quyền Pháp để ý. Pháp bắt đầu hạn chế du học và hạn chế sử dụng người đào tạo ở Pháp về. J. Godart được gửi đến Đông Dương để kiểm tra tình hình. Godart đã đưa ra biện pháp ngăn chặn làn sóng chống thực dân bằng cách ngưng đào tạo sinh viên Việt Nam ở Pháp cũng như ở Đông Dương. Nhiều trường học bị đóng cửa tạm thời lúc đó. Trường Canh nông, trường Thú y, trường Sư phạm bị đóng cửa vĩnh viễn. Đóng cửa trường Sư phạm là đóng cửa giáo dục và đào tạo. Chính sách ngu dân trở lại. Pháp định vô hiệu hóa tầng lớp trí thức tiến bộ ở Việt Nam. Việc hội họp tự do

bắt đầu bị cấm. Trước kia chính quyền Pháp loại bỏ lớp nhà nho cũ, nhưng sau thấy lớp trí thức Tây học mang đầy nhiệt huyết tự do, đòi tự trị, nên có chính sách mới loại bỏ hoặc hạn chế sử dụng trí thức do chính Pháp đào tạo, điều này đã châm ngòi nổ cho cách mạng giải phóng dân tộc sau đó. Lớp trí thức này nhìn thấy sự bất công và không thể có bình đẳng giữa người áp bức thực dân và người bị áp bức. Bùi Quang Chiêu đã sang Pháp đề nghị Chính phủ Pháp điều chỉnh lại chính sách đối với thuộc địa. Ông yêu cầu chín điều khoản, trong đó đề nghị đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do đi lại, tự do hội họp. Đấu tranh cho tự do chính là khát vọng của đại đa số thành viên Tam Điểm Việt Nam sống trong chế độ thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc nhanh nhạy hơn, tham gia Tam Điểm năm 1922, nhưng ông đã nhận thức sớm rằng hội Tam Điểm vốn tự do cho phép các thành viên sinh hoạt ở các tôn giáo và đảng phái khác nhau, nhưng không chấp nhận những người theo cộng sản. Hội Tam Điểm không kết nạp những người nghèo và nô lệ. Người Việt Nam thời đó dù là trí thức cũng chỉ là những nô lệ hiện đại, không được tin dùng. Nguyễn Ái Quốc đã bỏ Tam Điểm rất sớm, đi theo chủ nghĩa cộng sản để đòi độc lập cho toàn dân tộc. Việc đặt tên báo chí, tạp chí, tên đảng cũng nói lên tinh thần yêu nước, thương dân của các thành viên Tam Điểm Việt Nam như *An Nam Mới, Phục Quốc, Phục Sinh, Tiếng vọng An Nam, Đuốc Nhà Nam, Việt Nam Độc lập Vận động Đồng minh Hội…* Cách đặt tên đã thể hiện tinh thần yêu nước của những người sáng lập đảng và hội. Một số thành viên Tam Điểm giữ vai trò trọng yếu trong Chính phủ Pháp tại thuộc địa, tuy không trực tiếp tham gia cách mạng, nhưng cũng hiểu được giá trị hai chữ độc lập tự do, và khi được giác ngộ, họ đã sẵn sàng ủng hộ, giúp Cách mạng nhanh chóng thành công. Thẩm Hoàng Tín đã viết thư nhờ hội Tam Điểm can thiệp, đề nghị Pháp trao độc lập cho Việt Nam. Tinh thần yêu nước, chán ghét thực dân của những thành viên Tam Điểm được thể hiện qua việc quyết định thay toàn bộ tên đường của bác sĩ Trần Văn Lai. Ông vào Tam Điểm năm 1933, được giao giữ chức Thị trưởng ngắn ngủi thời Trần Trọng Kim, khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ông Lai đã đổi hết tên đường của Pháp thành những đường phố mang tên các vị anh hùng dân tộc Việt Nam, và cho tháo dỡ các bức tượng do Pháp dựng ở Hà Nội, trong đó bức tượng Nữ thần Tự do đại diện cho sự hiện diện Tam Điểm ở Việt Nam. Nếu bức tượng này còn cũng là kỷ niệm về những người Việt Nam Tam Điểm đầu tiên yêu nước đóng góp trong sự nghiệp đấu tranh vì tự do dân tộc và tượng Nữ thần Tự do sẽ trở thành di tích lịch sử nổi tiếng vì trên thế giới chỉ có một vài phiên bản do nước Pháp tặng.

Bức tượng là một chứng tích sống động cho sự có mặt của hội Tam Điểm tại Việt Nam. Hơn một thế kỷ mất nước, người Việt Nam đã đòi được độc lập và đòi luôn được sáu tỉnh Nam kỳ mà nhà Nguyễn đã nhượng cho Pháp.

Trần Trọng Kim, vị Thủ tướng Đế quốc Việt Nam trong thời gian rất ngắn, đã có công kịp thời thống nhất, đưa ba tỉnh trở lại về Việt Nam trên danh nghĩa và thay chương trình học tiếng Pháp bằng tiếng Việt trong các trường học. Việc đề nghị đặt tên "Khổng Tử" hay "Khổng Phu Tseu" cho hai hội Tam Điểm ở Việt Nam chứng tỏ tinh thần yêu nước và đề cao văn hóa dân tộc. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam muốn chứng minh cho người Pháp biết rằng triết lý phương Đông không thua kém phương Tây, cần phải trân trọng nó. Mặc dù các huynh đệ Pháp không thích ảnh hưởng văn hóa Hán, nhưng cũng phải chấp nhận trước lý luận sắc bén của Vũ Đình Mẫn. Các thành viên Tam Điểm Việt Nam khát vọng muốn dân tộc mình, văn hóa phương Đông sánh ngang hàng với văn hóa Pháp. Họ muốn chứng tỏ minh triết thông thái và nền văn minh của người châu Á không kém triết lý phương Tây. Vũ Đình Mẫn đã viết một bản báo cáo rất dài đọc tại hội nghị Tam Điểm về Khổng Tử và được hoan nghênh nhiệt liệt. Theo ông, Khổng Tử sắp xếp trật tự xã hội theo bậc thứ tự nề nếp, tinh thần tôn sư trọng đạo. Hội Tam Điểm cũng tôn sư trọng đạo, trọng đạo lý con người, tự do suy nghĩ… Ông cũng viết về hội Tam Điểm và người Việt Nam để nói lên lý tưởng của những người trí thức Việt Nam cũng giống như lý tưởng của thành viên Tam Điểm là tôn trọng sự tự do cá nhân, sẵn sàng vì tự do và bình đẳng.

Thành viên Tam Điểm Việt Nam luôn tìm cách nối kết liên minh các đảng để đấu tranh giành độc lập. Vidal nhân danh FB3-Indo mời đại diện các đảng đến bàn công việc. Để che mắt mật thám, họ tổ chức bữa ăn trong làng Gia Lai vào ngày 23 và 24/2/1945. Khách đáp lời mời có Phạm Quỳnh (Thượng thư Bộ Lại của Bảo Đại), Nguyễn Văn Huyên (đại diện Việt Minh), Nguyễn Bình (Việt Nam Quốc dân đảng), Tạ Thu Thâu (Đảng Lao động Đông Dương), Bùi Quang Chiêu (một sáng lập viên đảng Lập hiến), Nguyễn Văn Tương (Giáo tông Cao Đài Bến Tre), Nguyễn Văn Thinh (Đảng Dân chủ), Phạm Ngọc Thạch (Chủ tịch hội Thanh niên Tiền phong), Hoàng Xuân Hãn (kỹ sư - không đảng phái) và Ngô Đình Diệm (Công giáo - không đảng phái).

Cuộc họp tranh cãi nhiều, cuối cùng Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Văn Huyên đề nghị FB3-Indo cung cấp vũ khí để hành động. Ngô Đình Diệm và Hoàng Xuân Hãn khôn khéo với lý do không có đảng, chỉ đơn phương đấu tranh nên không cần hỗ trợ. Phạm

Ngọc Thạch thực chất cũng là thành phần Việt Minh nhưng ít người biết. FB3- Indo đã giúp Việt Minh một số lượng vũ khí và trang bị dùng về sau trong cuộc Cách mạng Tháng Tám. Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã gửi thư cảm ơn hội. Tinh thần yêu nước cũng thể hiện qua sự xóa bỏ những mâu thuẫn cá nhân và dẹp bỏ bất đồng chính kiến để cùng nhau liên minh bài trừ thực dân giành độc lập. Nhiều thành viên Tam Điểm không tán thành tư tưởng cộng sản, nhưng họ đã biết đặt lợi ích dân tộc lên trên những mâu thuẫn, họ vẫn tham gia ủng hộ Việt Minh vì mục đích cao cả: Độc lập dân tộc. Tạ Thu Thâu - thành viên Tam Điểm bất đồng quan điểm với FB3-Indo, đã bỏ không tham gia FB3, nhưng có tầm nhìn xa, ông đã đặt lợi ích độc lập dân tộc lên trên mọi bất đồng, nhận lời đến tham dự buổi họp. Buổi họp có hơn chục người bao gồm cả hai vợ chồng Vidal, hơn một nửa số thành viên chính tham dự là thành viên hội Tam Điểm. Họ sẵn sàng vì lợi ích chung mà xóa bỏ những hiềm khích. Vì độc lập Việt Nam, họ đã gặp và sẵn sàng làm cầu nối liên minh mọi đảng phái ở Việt Nam để đạt mục đích đánh Nhật và bài trừ thực dân. Thành viên Tam Điểm Việt Nam nhiều khi bất đồng chính kiến, như Phạm Quỳnh thiên về quân chủ, Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương cộng hòa, Tạ Thu Thâu theo Trotskyist… nhưng tựu trung họ là những người yêu nước chân chính. Họ sẵn sàng gạt bỏ hiềm khích xích lại gần nhau để cùng đi tìm giải pháp. Với tinh thần yêu nước cao, nhiều thành viên Tam Điểm đã sẵn sàng ủng hộ Việt Minh để giành độc lập dân tộc. Đại đa số thuộc thành phần trung lưu khá giả trong xã hội, nhưng họ sẵn sàng cống hiến gia sản cho kháng chiến, và bỏ lại những gì họ đang có để lên chiến khu. Phải có tinh thần yêu nước chân chính và cao độ mới thúc đẩy họ dám hy sinh tất cả như Cao Triều Phát, Phạm Ngọc Thạch, Trịnh Đình Thảo. Một số không tán thành tư tưởng cộng sản nhưng vẫn ủng hộ Việt Minh vì độc lập, giải phóng thuộc địa là mục tiêu chung cao cả của tất cả mọi người, mọi đảng phái.

Đại đa số thành viên Tam Điểm Việt Nam ái quốc chủ yếu học từ Pháp về là những người sáng lập viên của các đảng. Nguyễn Ái Quốc đã nhân tình huynh đệ chủ trương liên minh các đảng. Do mối quen biết cũ, và trước kia Nguyễn Ái Quốc cũng từng là thành viên Tam Điểm Pháp, ông dễ dàng thu hút được sự liên minh giữa các đảng ở Đông Dương. Nguyễn Văn Huyên đã thay mặt Việt Minh phát biểu trong buổi họp do FB3-Indo tổ chức: “Việt Minh là một mặt trận chung, liên minh chống phát xít và bài trừ thực dân, chiến đấu giành độc lập và thống nhất Việt Nam (…). Vì Việt Nam Quốc dân đảng, các đảng Lập hiến, Dân chủ, Lao động, Cao Đài mọi chi phái, Công giáo, Quốc gia không đảng đều có cùng mục

đích này, chính vì vậy tôi đề xuất chúng ta theo Việt Minh"[1]. FB3-Indo đã chấp nhận ủng hộ và trang bị vũ khí cho Việt Minh.

---

[1] *Gibert David, Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946), sđd, trang 418.*

Đại đa số thành viên Tam Điểm Pháp nằm trong bộ máy chính quyền Pháp, và chính quyền thuộc địa. Như vậy, những người Việt vào hội mới có ưu thế để đề xuất kiến nghị với Pháp vì lợi ích dân tộc. Hầu hết những người Việt Nam giữ chức vụ nhất định dưới thời Pháp thuộc đều là những huynh đệ Tam Điểm như Trần Văn Lai, Thẩm Hoàng Tín, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh. Họ đã lợi dụng chức vụ của mình để giúp phong trào đòi độc lập sớm thành công. Tranh thủ cảm tình và sự ủng hộ của những người Pháp Tam Điểm tiến bộ cũng là một mặt trận đã góp phần đưa đến thắng lợi năm 1945. Chính Thẩm Hoàng Tín, đã viết thư nhờ hội Tam Điểm đề xuất chính phủ Pháp trao quyền độc lập cho Việt Nam. Bức tượng Nữ thần Tự do bị Trần Văn Lai cho phá xuống đánh dấu sự gục ngã của hội Tam Điểm Pháp ở Việt Nam và bức thư của Thẩm Hoàng Tín coi như sự chia tay cuối cùng của những thành viên Việt Nam với hội Tam Điểm.

Cách mạng thành công năm 1945 là bởi nhờ tất cả các lực lượng yêu nước trong đó có các thành viên Tam Điểm Việt Nam. Sau Cách mạng Tháng Tám, nhiều thành viên đã bỏ hẳn Tam Điểm đi theo kháng chiến để quyết giành độc lập dân tộc. Chính vì thế những thành viên Tam Điểm thực dân sợ những thành viên Tam Điểm bản xứ ái quốc sẽ biến hội Tam Điểm thành cái lò âm ỉ nung nấu lòng yêu nước và phát nổ khi nhiệt độ lên cao.

Pháp đã không nhầm. Tiếc vì một vài thành viên Tam Điểm không tán đồng bạo động sớm, mà chỉ muốn đấu tranh không bạo lực và tranh cãi vấn đề giữ hay không giữ chính quyền Bảo Đại mà nhiều thành viên bị hiểu lầm và mất tích như Phạm Quỳnh, Tạ Thu Thâu, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo. Nhiều người đã phải rời Việt Nam khi đất nước độc lập. Ông Phạm Huy Lục có tâm sự với người con trai Phạm Huy Điển rằng khoảng năm 1945-1946, Hoàng Minh Giám, đã bí mật cho người đến báo cho Phạm Huy Lục trốn đi vì có thể có sự hiểu lầm của quần chúng. Hoàng Minh Giám đã biết được tình thế bất khả kháng. Nhiều người theo cách mạng quá khích không hiểu được tinh thần ái quốc của một số thành viên Tam Điểm. Nhờ ông Giám, nên ông Lục đã bỏ về quê ở ẩn, rồi sau năm 1949 ông qua Pháp sống. Thâm tâm ông vẫn mang nỗi đau, thèm khát sống trên đất nước của

mình mà ông và các bạn đã hàng ngày đấu tranh vì sự độc lập của nó. Khát vọng làm người Việt Nam, điều đó thể hiện rõ tinh thần ái quốc của ông. Trong khi nhiều người nhờ ông làm hộ đơn xin vào quốc tịch Pháp, ông vẫn dứt khoát không vào. Ông là thành viên Tam Điểm, việc vào dân Pháp rất đơn giản, chỉ là thủ tục hành chính, nhưng ông không xin nên đến cuối đời ông vẫn chỉ được cấp cái thẻ cư trú tạm thời tại Pháp cho người nước ngoài. Quê hương, Tổ quốc là nỗi niềm của nhiều trí thức yêu nước. Vua Bảo Đại trước lúc mất cũng có nguyện vọng được chôn cất tại quê hương. Mỗi người yêu quê hương, yêu đất nước đều khát vọng đất nước được tự do độc lập và cường mạnh. Yêu nước, nỗi đau mất nước là tâm trạng chung của toàn trí thức Việt Nam nói chung và của những thành viên Tam Điểm Việt Nam nói riêng thời Pháp thuộc. Việt Nam là của tất cả người Việt Nam. Những ai yêu Việt Nam đều sẵn lòng đấu tranh vì Việt Nam tự do và độc lập.

Trụ sở hội “Huynh đệ Bắc kỳ” trên phố Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo), Hà Nội.

Nguồn: Flickr Mạnh Hải.

Tòa soạn báo *Tương lai Bắc kỳ* ở Hà Nội.

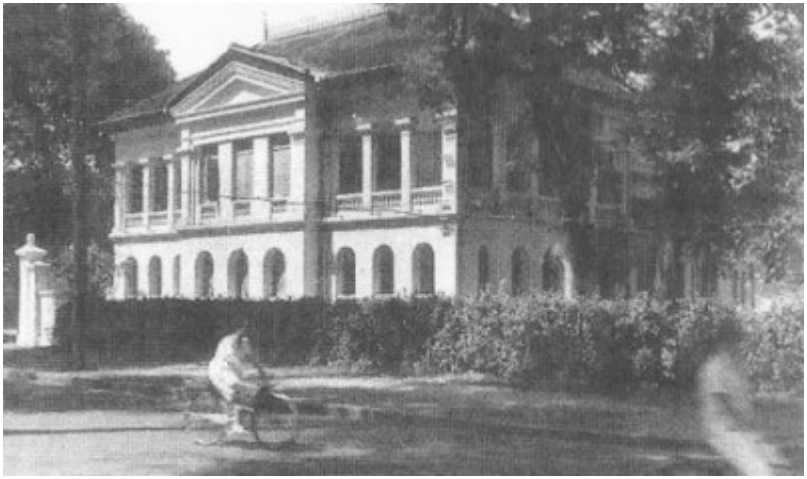

Trụ sở chi nhánh "Tình Huynh đệ Bắc kỳ" thuộc Đại Đông Pháp[1].

---

[1] Tòa nhà tọa lạc tại phố Boulevard Gambetta, nay là phố Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội, bị đổ sập vào ngày 22/9/2015 - BT.

Thẻ Nguyễn Ái Quấc (sinh 15-02-1895), thư viện Tam Điểm GODF 16 rue Cadet, Paris 17.

Nhà in Viễn Đông ở Hà Nội.

Phạm Quỳnh, hàng thứ hai, đeo mề đay Tam Điểm.

Đoàn nhà báo đi dự lễ tang Nguyễn Văn Vĩnh.

Lễ tang Nguyễn Văn Vĩnh theo nghi lễ Tam Điểm đăng trên báo *L'Annam Nouveau* ngày 11/5/1936.

Khu Ga, Hà Nội: hơn mười nghìn người tham dự lễ tang Nguyễn Văn Vĩnh.

Khoa học gia Nguyễn Công Tiểu.

Hai bức tranh lụa do V. Tardieu tặng Phạm Huy Lục để cảm tạ

công lao của ông giúp đỡ sự tồn tại của trường Mỹ thuật Đông Dương.

(ảnh gia đình cung cấp)

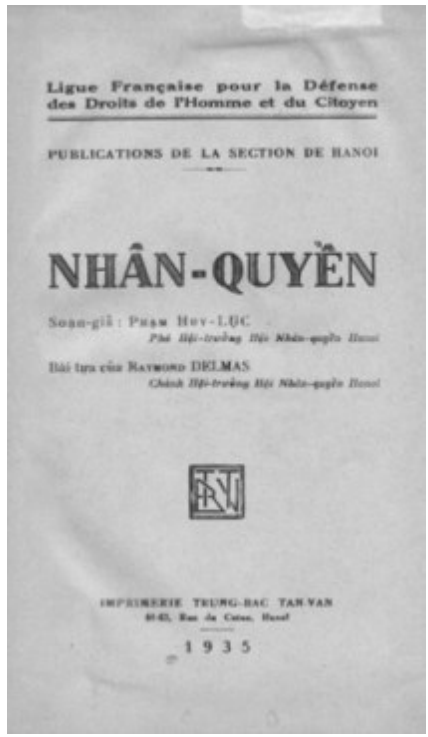
Ligue Française pour la Défense des Droits de l'Homme et du Citoyen
PUBLICATIONS DE LA SECTION DE HANOI
NHÂN-QUYỀN
Soạn-giả : Phạm Huy-Lục
Bài tựa của Raymond DELMAS
IMPRIMERIE TRUNG-BAC TAN VAN
1935

Bìa sách *Nhân Quyền* của Phạm Huy Lục do nhà in Trung Bắc Tân Văn ấn hành năm 1935.

Tòa Thánh Bến Tre (mặt tiền có hình tam giác và hai nóc hình kim tự tháp).

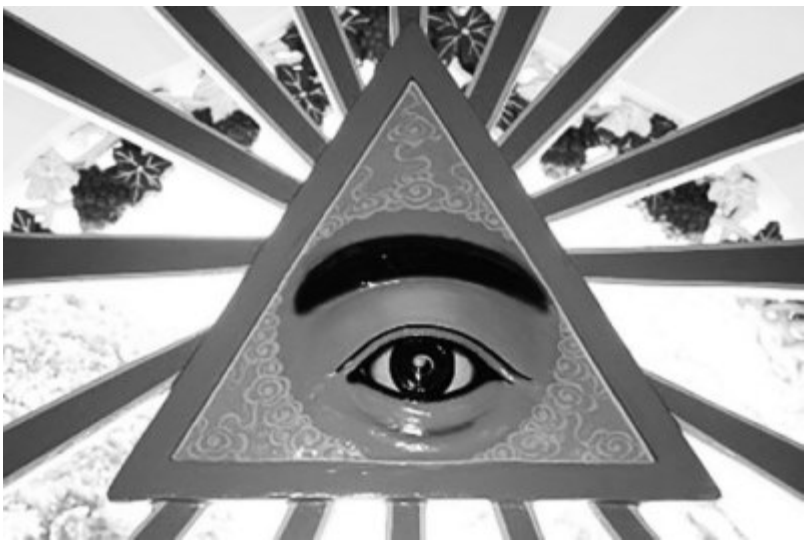

Mắt trong hình tam giác trang trí ở cửa sổ trong nhà thờ đạo Cao Đài.

Cổng chính khu chùa Nam Quốc Phật của đạo Dừa trên cồn Phụng với chữ vạn và thánh giá.

Thứ trưởng Bộ Nội vụ Hoàng Minh Giám đang đọc lại lần cuối bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp ngày 6/3/1946.

Hồ Chí Minh chụp hình chung với Jean Sainteny trên chiến hạm Pháp tại vịnh Hạ Long trên đường đi hiệp thương với Đô đốc Hải quân Thierry d'Argenlieu, đại diện Pháp.

Nom : TRINH-DINH-THAO Prénoms : Prof. :
Adresse : 1 Rue. Chaigneau Saigon (Cochinchine).
Né le à Nation. : nationalité française
Religion : Juif :

Loge : La Pagode d'Orient 401 Or. de Saigon Obéd. : Droit
Grade : 3e 30e Fonct. dans la Loge : Vén. 1931
Surv. 1932
Vén. 1930 et 36
1er Surv. 1933
Ateliers Supérieurs : Loge La Fraternelle
à Cochinchine Orient
de Saigon

Conseils Maç. :
Group. Frat. :

Initiation le 12.3.1931 Ex. 11.11.32. Dém. 3.6.33. Ex. 1933
Sortie le Motif :
Retour, le
Affil. à la Loge Hoang-Phu Tich Or. de Saigon G.L. le

Thẻ hội viên Tam Điểm của Trịnh Đình Thảo.

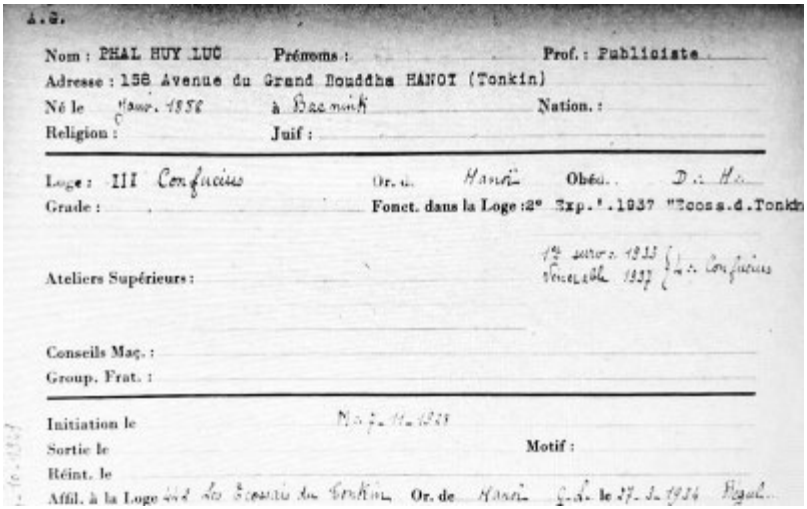

A.G.

Nom : PHAL HUY LUC Prénoms : Prof. : Publiciste

Adresse : 136 Avenue du Grand Bouddha HANOI (Tonkin)

Né le 1858 à Bac-ninh Nation. :

Religion : Juif :

Loge : III Confucius Or. d. Hanoï Obéd. D. de Ho.

Grade : Fonct. dans la Loge : 2e Exp.'. 1937 "Coos.d.Tonkin

Ateliers Supérieurs : 1re surv. 1933 / Vénérable 1937 / Cie Confucius

Conseils Maç. :

Group. Frat. :

Initiation le 16 Juin 1933

Sortie le Motif :

Réint. le

Affil. à la Loge Cie du Grand du Tonkin Or. de Hanoï G.-L. le 27 Juin 1934 Régul.

Thẻ hội viên Tam Điểm của Phạm Huy Lục.

P/G.

PHAM QUYNH Prénoms Prof.

Vén.

Démission.

Thẻ hội viên Tam Điểm của Phạm Quỳnh.

Chương VI
Hội Tam Điểm sau năm 1954

Sau hiệp định Genève năm 1954, Việt Nam chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến. Hội Tam Điểm do Pháp thành lập hầu như xóa sổ ở miền Bắc. Ngay từ năm 1945, tại Hà Nội, Hải Phòng, dù Pháp quay trở lại Đông Dương, nhưng hoạt động của hội yếu ớt và không được mấy người trí thức bản xứ hưởng ứng. Rất nhiều thành viên Tam Điểm đã thôi không sinh hoạt, một số bỏ đi theo kháng chiến. Ở miền Nam, gần thời Mỹ chiếm đóng, hội Tam Điểm Pháp coi như "ngủ". Hai hội "Khổng Tử" và "Khổng Phu Tseu" có nhiều thành phần người Việt tham gia ngừng hoạt động hoàn toàn. Chi nhánh "Huynh đệ Bắc kỳ" mở lại dưới sự chủ tọa của ông Eugene Berthet. Khoảng tháng 10/1945, ông Ủy viên Cộng hòa Nam kỳ Cédile thúc giục Maurice Weil khôi phục các chi nhánh Tam Điểm, nhưng cũng thoi thóp, chỉ có bác sĩ Tân Hàm Nghiệp là người Việt duy nhất tham gia trong số mười thành viên. Hội "Khổng Phu Tử" trở lại hoạt động bắt đầu từ ngày 11/12/1945.

Sau năm 1954, nhiều thành viên Tam Điểm đã trở về Pháp, một số lánh ra nước ngoài chờ theo dõi tình hình. Ngày 4/12/1966, ba mươi bảy Thầy Tam Điểm thuộc hai mươi lăm chi hội khác nhau đã nhất trí gửi Thầy W. Raymond E. Wilmarth, một lãnh đạo của hội Tam Điểm tại Philippines xin khôi phục lại hội Tam Điểm ở Sài Gòn. Đề nghị này được chấp thuận, nhưng còn phụ thuộc vào quyết định từ chính quyền miền Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1963, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa là một tín đồ Công giáo, ông không thể chấp nhận sự tồn tại của một hội đi ngược lại quan điểm của Công giáo trong vấn đề giáo dục. Hội Tam Điểm đã đưa ra luật cấm dạy tôn giáo trong nhà trường, trong khi Công giáo bắt buộc học sinh phải cầu nguyện và đọc lễ trước khi học. Năm 1960, Đô trưởng Sài Gòn gửi công văn đến cho

hội "Thức tỉnh Đông phương" và hội "Khổng Phu Tseu" yêu cầu giao lại tài sản cho chính quyền. Pháp thua trận, tài sản nào của Pháp là thuộc chính quyền. Tam Điểm tại miền Nam Việt Nam khôi phục hết sức khó khăn mặc dù có sự can thiệp của một số thành viên Tam Điểm Mỹ.

Những thành viên Tam Điểm Pháp còn lại với nhân số khoảng tám mươi người, muốn vận động thành lập Tam Điểm theo hệ thống Philippines nhưng không đạt kết quả. Khoảng năm 1965, dưới thời Đệ nhị Cộng hòa, Raymond Guilmet nhờ một nhân viên trong hội Truyền bá văn hóa (*Mission Culturelle*) để khôi phục lại, song hội cũng chỉ thoi thóp với mười thành viên tham gia cho đến năm 1972. Hiệp định Paris đánh dấu sự kết thúc hội Tam Điểm Pháp ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên âm hưởng của Đông Dương và sự thất bại của Pháp không thể xóa nhòa được trong tâm trí của những người Pháp thực dân Tam Điểm. Ảnh hưởng sâu đậm này đã bộc lộ rõ trong việc đặt tên hội khi một số thành viên quay về Pháp. Ngày 22/4/1990, một số thành viên Tam Điểm Pháp đã từng chiến đấu ở Đông Dương trở về nước đã đặt tên cho hội "Ngọn đèn pha Soisson" gồm ba trăm hội viên. Một trong các sáng lập viên từng là trợ lý Thị trưởng Hải Phòng, và thành viên hội "Ngôi sao Bắc kỳ". Hội "Tổ ong phương Đông" chuyển về Pháp hoạt động.

1. HỘI TAM ĐIỂM Ở MỸ

Hội Tam Điểm là một thế lực rất mạnh ở Mỹ. Nước Mỹ với quan niệm tự do nhận thức, tôn trọng quyền tự chọn ý thức của mỗi cá nhân đã gắn chặt với hội Tam Điểm. Một thành viên có thể sinh hoạt ở nhiều đảng khác nhau, có thể là thành viên của đảng Dân chủ, hay Cộng hòa, tu hành, tăng lữ cũng đều có thể đồng thời là thành viên của Tam Điểm. Thành viên Tam Điểm ở Mỹ được gọi là *Free mason* - Những người Thợ xây tự do, hay *Illuminati* tức những người khai sáng. Hội Tam Điểm Mỹ từ hội Tam Điểm châu Âu. Chừng một phần ba các tổng thống Mỹ từ thời tuyên ngôn độc lập là thành viên Tam Điểm (xem danh sách trong phần phụ lục). Hội Tam Điểm từng tham gia Cách mạng Pháp, lập nên nước Cộng hòa Pháp đầu tiên; ở Mỹ, một lần nữa hội Tam Điểm đã tham gia vào việc giành độc lập cho nước Mỹ. Tổng thống Mỹ đầu tiên, George Washington (giai đoạn 1789-1797), là thành viên của Tam Điểm, thuộc chi nhánh số 4, Virginia, anh trai của ông được tấn phong bậc Đại sư của một hội Tam Điểm vào ngày 20/12/1788 trước khi người em ứng cử.

Sau đó, từ đời Tổng thống thứ ba đến đời Tổng thống thứ hai mươi mốt (trừ Tổng thống thứ hai) liên tiếp đều là thành viên Tam Điểm. Tổng thống thứ hai, John Adams, không phải là thành viên Tam Điểm, nhưng Phó Tổng thống lại là thành viên Tam Điểm.

Một số đời Tổng thống khác không phải thành viên của Tam Điểm, nhưng Phó Tổng thống, hoặc cố vấn Tổng thống là thành viên Tam Điểm như thời Abraham Lincoln (1861-1865), Phó Tổng thống Andrew Johnson là thành viên Tam Điểm, sau trở thành Tổng thống kế tiếp. Vợ của Lincoln cũng tham gia hội Tam Điểm. Tổng thống J.F. Kennedy (1961-1963) không phải thành viên Tam Điểm, nhưng cha của ông là thành viên hội Tam Điểm, Phó Tổng thống B. Johnson là thành viên Tam Điểm. Đặc biệt, những tổng thống không phải là thành viên hội Tam Điểm không đắc cử lần thứ hai. Họ chỉ giữ nhiệm kỳ bốn năm.

Nếu tính trong 221 năm lịch sử nước Mỹ, có đến 160 năm các thành viên Tam Điểm làm tổng thống. Thành viên Tam Điểm làm phó tổng thống chiếm 39% (tỉ lệ 18/46). Như vậy, thành viên Tam Điểm hầu như nắm bộ máy chính quyền nước Mỹ. Trong nội các đều có mặt của thành viên Tam Điểm, vì vậy có thể khẳng định hội Tam Điểm Mỹ có chân rết khắp mọi mặt lãnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa quốc gia này. [Nhiều thành viên Tam Điểm Mỹ nổi tiếng như Charles Hilton, thành viên sáng lập ra hệ thống khách sạn Hilton.] Nhiều tư bản tài phiệt dầu lửa là thành viên Tam Điểm. Bản thân nước Mỹ là hợp chủng quốc, gồm nhiều dân tộc di cư đến, nhưng do hội Tam Điểm nắm gần như toàn bộ cơ cấu bộ máy chính quyền nhà nước, nên Mỹ có chính sách rõ ràng đối với người xuất sắc lưu vong. Chính sách ưu đãi nhập cư đối với những người giỏi của Mỹ đã thu hút lượng chất xám nhanh chóng khắp thế giới đổ về, vì thế nước Mỹ sinh sau nhưng phát triển nhanh chóng, trở thành cường quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới. Hình vẽ trên đại triện và đồng một đô-la của Mỹ đã cho nhiều người thấy sự hiện diện của Tam Điểm trong chính quyền Mỹ.

Có những thành viên Tam Điểm tham gia để lựa chọn quyết định mẫu vẽ; con mắt trên kim tự tháp giống biểu tượng của Tam Điểm. Năm chữ viết xung quanh kim tự tháp có thể được xếp lại thành M-A- S-O-N tức là Thợ xây - *Tam Điểm*). Năm 1935, Tổng thống Franklin D. Roosevelt, thành viên Tam Điểm đổi vị trí hình hai mặt trái phải của đại triện trên mẫu đồng bạc mới, và nhìn từ trái sang phải như cách đọc thì có nghĩa có Tam Điểm mới có nước Mỹ ngày nay. Hai nhân vật Tam Điểm quan trọng là Henry A.Wallace, Bộ trưởng Nông nghiệp và Henry Morgenthau, Bộ trưởng Tài chính dự phần vào sự sửa đổi đồng đô-la cũng là thành

viên Tam Điểm. Trong số người ký vào bản Tuyên ngôn độc lập nước Mỹ có chín người là thành viên Tam Điểm, chiếm gần một phần tư. Thomas Jefferson, thành viên Tam Điểm nổi tiếng, là tác giả thảo ra bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ.

Ở Mỹ, hội Tam Điểm đầu tiên thành lập chính thức khoảng đầu thế kỷ XIX, nhưng không chấp nhận người da đen vì người da đen qua Mỹ chủ yếu là do buôn bán nô lệ thời kỳ đầu. Nhưng cũng chính một số thành viên Tam Điểm đề nghị xóa bỏ chế độ nô lệ, người da đen được tự do, song vì thất học và nghèo nên cũng không được vào hội. Sau này một số vua dầu lửa, trưởng bộ tộc giàu có từ châu Phi gửi con qua Mỹ học, hội Tam Điểm muốn tranh thủ thế mạnh của gia đình thế phiệt và của chính những người này để làm hạt giống liên kết huynh đệ thế giới tương lai, một Đại sảnh Hoàng tử (*Hall Prince*) được thành lập để mở rộng đối với người da màu. Riêng tên đặt cho hội nhìn thấy rõ sự lựa chọn thành phần quý tộc tham gia trong hội Tam Điểm, tuy nhiên nước Mỹ ngày nay luôn phủ nhận có hội Tam Điểm dành riêng cho người da màu. Ban đầu phụ nữ Mỹ cũng không được gia nhập Tam Điểm, nên hội Tam Điểm Mỹ tổ chức những hội đoàn sinh hoạt dành riêng cho gia đình các thành viên Tam Điểm tương tự thời kỳ đầu ở Pháp như Hội Thánh DeMolay, Hội Thánh Ngôi sao Đông phương, hội Delphi v.v...

Hội Tam Điểm ở Mỹ mạnh, nên chỉ khoảng hơn hai trăm năm, tại Mỹ có gần tám mươi hội Tam Điểm khắp liên bang, ngoài ra khoảng sáu hội không trực thuộc quản lý nhà nước hoặc trực tiếp thuộc Đại đường Pháp.

2. HỘI TAM ĐIỂM MỸ Ở VIỆT NAM

Chiến tranh Việt Nam trở nên khốc liệt bắt đầu từ lúc Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam năm 1964[1], diễn ra vào đời Tổng thống thứ 36 của nước Mỹ, Lyndon B. Johnson (1963-1969), thành viên của hội Tam Điểm. Thành phần chính trong nội các của Johnson và Phó Tổng thống Hubert H. Humphrey (1965-1969) cũng gồm các thành viên Tam Điểm của các chi nhánh khác nhau. Johnson ra lệnh tăng cường chi viện vào Việt Nam nhằm tiêu diệt cộng sản. Năm 1968, tình hình Việt Nam trở nên căng thẳng hơn sau Tổng tấn công Mậu Thân, khi cộng sản đã tấn công vào tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn và chiếm thành phố Huế. Johnson tiếp tục đổ quân vào miền Nam, và ra lệnh ném bom xuống miền Bắc. Chỉ trong vòng ba năm từ 1965 đến 1968, hàng nghìn lính Mỹ thiệt mạng trong cuộc chiến ngăn cản sự tấn công của các lực lượng cộng sản.

Kinh phí đổ vào chiến tranh Việt Nam quá lớn, và số lính Mỹ chết quá nhiều dẫn đến nhiều cuộc biểu tình của sinh viên Mỹ chống đi lính ở Việt Nam ở khắp các trường đại học Mỹ. Vị tổng thống từng khoác áo sĩ quan đã phải chứng kiến nhiều cuộc biểu tình chống chính phủ đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. "Ê, ê L.B.J., ông giết bao nhiêu đứa con ngày hôm nay?" (Hey, hey, L.B, How many kids did you kill today?). Johnson là vị Tổng thống tuyên bố rất sớm không ra ứng cử nhiệm kỳ kế tiếp; Phó Tổng thống thành viên Tam Điểm Humphrey ra tranh cử tổng thống, thua phiếu Nixon. Phó Tổng thống thứ nhì của Nixon, Gerard Ford, là thành viên Tam Điểm Malta. Trong nội các chính phủ Mỹ luôn luôn có thành viên thuộc hội Tam Điểm và trong hội đồng cố vấn tổng thống bao giờ cũng có ít nhất một phần ba là thành viên Tam Điểm. Nếu tổng thống là thành viên Tam Điểm thì tỉ lệ này tăng lên hai phần ba. Hội Tam Điểm Pháp và Mỹ có mối liên hệ thân thiết, ngay thời kỳ Việt Nam thuộc Pháp, một số thành viên Tam Điểm Mỹ đã có mặt tại Việt Nam. Trong cuộc họp tháng 12/1935, gần Tây Ninh, hai nhân vật Tam Điểm Mỹ, Chennault và Stilwell, đã cùng với các thành viên Tam Điểm thế giới (trong đó có hai thành viên Việt Nam) thành lập tổ chức "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế". Tướng Chennault mang bí danh Ariel trong tổ chức Huynh đệ Tự do 3 - Trung Quốc (FB3-China) cũng từng có mặt ở Tòa Thánh Tây Ninh vào những năm 1940.

---

[1] Khởi đầu với chiến dịch Mũi Tên Xuyên (Opevation Pierce Arrow) không kích các mục tiêu tại miền Bắc vào tháng 8/1964 nhằm trả đũa Sự kiện Vịnh Bắc Bộ (Giulf of Tokin). Đây cũng là chiến dịch mở màn chiến tranh phá hoại miền Bắc kéo dài chín năm của Mỹ - BT.

Tướng Stilwell lấy bí danh là Advent-3 cũng thuộc tổ chức Huynh đệ Tự do 3 - Trung Quốc, sau là tùy viên quân sự của Đại sứ quán Mỹ ở Trung Quốc và trong thời gian hoạt động ở tổ chức FB3, Stilwell thường xuyên liên lạc với tổ chức FB3-Indo. Ngoài ra, còn có một nhân vật Tam Điểm gốc Mỹ - Canada là Laurie Gordon, lấy bí danh Athena chỉ huy Huynh đệ Tự do 3 - Đông Dương (FB3-Indo) sau chuyển sang Huynh đệ Tự do 3 - Trung Quốc (FB3-China), và Godon là một thành viên Tam Điểm thế giới tích cực, đại diện tập đoàn dầu lửa Texaco đặt văn phòng ở Hải Phòng - một cảng lớn nhất Bắc kỳ thời đó. Do sự can thiệp của những thành viên Tam Điểm Mỹ nên tổ chức "Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế" được đặt văn phòng tại Mỹ nhưng chỉ huy trực tiếp những vấn đề ở châu Á, đặc biệt vấn đề ở Đông Dương và Trung Quốc vì là hai trọng điểm nóng và nguy hiểm nhất mà hội Tam Điểm quan tâm thời đó. Lào và Campuchia coi như chỉ là một bộ phận nhỏ ở Đông

Dương. Một người Mỹ khác là Autin Glass phụ trách hãng dầu Mỹ Standard Oil, vợ là người Bắc kỳ, do Laurie Gordon giới thiệu tham gia tổ chức Huynh đệ Tự do, lấy bí danh Socrate đã tạo điều kiện làm nơi móc nối quan hệ giữa FB3-Indo với tổ chức Việt Minh đang ẩn ở bên Trung Quốc. Người Mỹ Tam Điểm đã có mặt rất sớm ở Đông Dương qua đại diện con đường thương mại và quân sự. Tất cả vì quyền lợi cá nhân, vì lợi tức thuộc địa nên đại đa số thành viên Tam Điểm Mỹ, Anh, Pháp đều không tán thành trao trả độc lập cho các nước thuộc địa. Việc phản đối này thể hiện quyền lợi thuộc địa cao hơn tình "Huynh đệ - Tự do - Bác ái" như khẩu hiệu Tam Điểm. Mặc dù có sự liên kết thân thiết giữa hội Tam Điểm Pháp và Mỹ cũng như sự có mặt của các thành viên Tam Điểm Mỹ từ trước, nhưng hội Tam Điểm Pháp ở miền Nam coi như vẫn bị xóa sổ ngay sau năm 1954. Do đó, sau khi tình hình miền Nam tương đối ổn định nhờ sự có mặt của Mỹ, các thành viên Tam Điểm muốn quay lại thành lập hội tại miền Nam Việt Nam. Ngày 4/1/1967, Đại sư W. Manuel cho phép các thành viên Tam Điểm thành lập hội ở Sài Gòn. Ngày 6/6/1969, Thầy W. Manuel Crudo thành lập ở Sài Gòn hội Tam Điểm A.F&A.M (Craft A.F&A.M.) số 188.

Hội chủ yếu gồm người Mỹ và Philippines tham gia. Vì chính quyền Việt Nam Cộng hòa sợ những hội kín nước ngoài tổ chức âm mưu đảo chính nên không thiện cảm với hội kín, đã cấm hội không được lôi kéo người bản địa, tuy nhiên sau đó cũng có hai thành viên Việt Nam phe quốc gia trở thành hội viên. Hội không có khu riêng để sinh hoạt và phải họp nhờ, đặt văn phòng ở khu vực Thánh địa Brethren (thực chất cũng là một bộ phận có liên quan mật thiết đến Tam Điểm nhưng đã tách ra và tồn tại công khai dưới dạng tôn giáo, hoạt động chủ yếu về từ thiện nhân đạo). Về sau, chi nhánh thuê được một tầng trên cùng của chung cư ba tầng ở trung tâm thành phố Sài Gòn. Hàng tuần, hội trao bằng chứng nhận thành viên cho năm người và đều đặn trong bảy năm liền như vậy, tức là không cần qua giai đoạn thử thách như trước kia. Chức sắc cao nhất của hội cũng đã đến Đại sứ quán Mỹ gặp gỡ, nhưng không để lại bằng chứng văn bản nào. Chứng chỉ cấp nhanh chóng như vậy, chứng tỏ người được cấp không phải là những thành viên xuất sắc như thời Đông Dương, chủ yếu như một lớp tập huấn cấp tốc cho sĩ quan Mỹ và Philippines để tạo nên sự ủng hộ cho mưu đồ chính trị khác. Dù số lượng tham gia không ít (hàng tuần hội tổ chức khai tâm cho năm hội viên, trong bảy năm tổng số khoảng gần 1.600 thành viên tham gia), nhưng vì không có người bản xứ xuất sắc tham gia như trước, hội Tam Điểm ở miền Nam không để lại dấu ấn lớn như thời Pháp thuộc.

Hội Tam Điểm Mỹ cũng tổ chức một số chi hội ở miền Nam dưới danh nghĩa câu lạc bộ, nhưng thực chất là các tổ chức Tam Điểm cho sĩ quan Tam Điểm sinh hoạt, nên đều có tên Compa và thước thợ (*Compas and square*) lập ra ở một số tỉnh lớn phía nam: Câu lạc bội Thước vuông và Compa Gia Định (*Square and Compas Gia dinh club*) ở Sân bay Tân Sơn Nhất, Thước vuông và Compa Đà Nẵng (*Da nang Square and Compas club*), Thước vuông và Compa Nha Trang (*Nha trang Square and club*), Câu lạc bộ Thước vuông và Compa Tự do Đà Nẵng (*Freedom Hall Square and Compas club of Da nang*), Câu lạc bộ Thước vuông Chu Lai (*Chu lai Square club*), Câu lạc bộ Hiram Cần Thơ (*Hiram Club Can tho*).

Hai nhánh thuộc Thánh địa (*Shrine*) thành lập: Câu lạc bộ Thánh địa Ốc đảo (*Oasis Shrine club*), Câu lạc bộ Thánh địa Châu thổ sông Cửu Long (*Mekong Delta Shrine club*) ở Cần Thơ. Hai câu lạc bộ hàng tháng tổ chức làm lễ ở Đại Nam cho tới lúc quân đội bắt buộc họ chuyển đến khu khác, họ thường gặp gỡ nhau ở các hội quán địa phương. Hội Tam Điểm dành cho sĩ quan: Những người Tạm trú Quốc gia (*The National Sejourners*) gồm nhiều nhánh Ánh sáng Nhiệt đới ở Long Bình (*Tropic Lightning*, Long Binh); Quân đoàn bộ binh số 4 (*4th Infantry Division*), Người hùng do Đại úy J. Parker thành lập năm 1955 (*Heroes Cam Captain J. Parker*); Quân đoàn Người hùng 76, 1966 (*I Corps Cam Heroes of 76*, 1966).

Ngày 29/4/1975, chủ tịch và hiền huynh Gerald R. Ford bắt đầu "Operation Frequent Wind" (tạm dịch "Chiến dịch Gió lốc"), đánh dấu sự ra đi của những người Mỹ cuối cùng ở Sài Gòn. Ngày 30/4/1975, lúc 7h30, chiếc trực thăng CH-46 cuối cùng đưa mười một sĩ quan hải quân Tam Điểm rời khỏi sứ quán Mỹ ở Sài Gòn bị cháy, nhưng hầu hết hồ sơ thẻ kịp chuyển trước đến Guam và hội Tam Điểm Sài Gòn chuyển đến Manila hoạt động. Điều này khẳng định sinh hoạt hội Tam Điểm ở Việt Nam coi như chấm dứt sau năm 1975 và những thành viên Tam Điểm Mỹ cũng rời bỏ Việt Nam ra đi ngay trước ngày 30/4/1975 vài tiếng đồng hồ. Hội thường hoạt động kín, các thành viên không công khai nhận mình là thành viên Tam Điểm, nên khi trụ sở đóng cửa, thành viên tự khắc hòa tan vào xã hội mới.

Một số thành viên Tam Điểm Pháp trở về nước, nhưng có một số chạy lánh nạn sang các nước xung quanh. Hiện nay ở Việt Nam có hội "Hoa Sen Lumière d'Asie" (vừa tên Pháp, tên Việt) số 1503 thành lập ngày 23/4/2005 thuộc Đại đường Pháp. Ở Bangkok cũng có hội tên như thế.

Có thể sau năm 1975, hội của Pháp cũ đã di chuyển về Thái Lan.

Sau bao nhiêu năm, hội mới chính thức lập lại ở Thái Lan.

Quyết định ném quả bom nguyên tử thứ nhì xuống Nagasaki cuối Thế chiến thứ hai có thể so sánh với quyết định tăng cường mức tham chiến của quân Mỹ. Các thành viên Tam Điểm trong nội các Mỹ có thể phản đối việc dùng bom nguyên tử cũng như việc rải thuốc khai quang dọc rặng Trường Sơn của Việt Nam và ném bom Bắc Việt, với cùng chung một kết quả là hàng chục nghìn người vô tội chết oan. Ba phần tư thế kỷ đã qua nhưng các sử gia vẫn còn bàn cãi, đánh giá quả bom nguyên tử dưới nhiều góc độ khác nhau, kể cả chuyện ước đoán những hậu quả gì sẽ đến nếu phát xít Đức hay quân phiệt Nhật không bị đánh bại.

Tham gia chiến tranh Việt Nam còn có nhiều nước như Úc, Anh, những nước thuộc Khối Thịnh vượng chung Anh, nơi mà các Thủ tướng có quyền quyết định chứ không phải Nữ hoàng. Kissinger, thành viên Tam Điểm, Tổng trưởng Ngoại giao Mỹ, người được giải Nobel Hòa bình cùng với Lê Đức Thọ vì đã dàn xếp hòa ước Paris cũng là người bị các cơ quan nhân quyền lên án tội phạm chiến tranh vì những hoạt động liên hệ đến nội bộ Chile, Pakistan và Bangladesh. Thủ tướng nổi tiếng Úc là McMahon thành viên Tam Điểm thuộc chi nhánh hội Tam Điểm Đại học Sydney số 5446 (*Lodge University of Sydney*), trái lại quyết định rút quân đội Mỹ ra khỏi Việt Nam từ tháng 8/1972. Nhiều thành viên Tam Điểm Mỹ phản đối chiến tranh Việt Nam. Vì vậy, việc đánh giá vai trò Tam Điểm trong chiến tranh và hòa bình là điều không đơn giản. Những vụ ném bom, rải chất độc màu da cam là những sự việc mà chắc chắn những nhà Tam Điểm đang điều khiển nước Mỹ và nhân danh xây dựng một "Trật tự Thế giới mới" không thể không hay biết. Cũng như luật sư Maurice Weil sáng lập viên và đứng đầu hội Tam Điểm Khổng Tử chính là chủ tọa tòa án, đã tuyên án xử 121 người Việt Nam yêu nước dưới thời thuộc địa. Việc kết án vô lương tâm không có tính nhân ái này đã làm bức xúc ngay chính một số huynh đệ Tam Điểm. Hai thành viên Constant Metter và Marcel Ner đã phúc trình thư về Đại sư chỉ trích vấn đề nhân quyền qua vụ xử án của huynh Weil.

Con người có quyền tự do bình đẳng. Ông Weil đã lên bậc Thượng sư, ông phải nhận thức được quyền tự do, quyền bình đẳng, nhưng ông lờ đi khi kết án không nhân nhượng những người cách mạng yêu nước muốn đòi nhân quyền, tự do, bình đẳng cho đất nước của chính họ.

Chiến tranh kết thúc, những thành viên Tam Điểm trở về nước họ, nhưng hình ảnh Việt Nam đã để lại ấn tượng đau đớn khó phai, họ

đã thành lập hội cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam và tổ chức gặp mặt thường xuyên như hội Tam Điểm ở Ohio. Họ tổ chức những chuyến đi thăm lại Việt Nam, nơi mà họ đã tham gia chiến đấu, nhiều bạn bè của họ đã chết vì một mục đích vô nghĩa. Người Mỹ Tam Điểm trở về vẫn mang nỗi đau chiến tranh Việt Nam. Họ xây nhiều bia, tượng đài kỷ niệm tặng cho những cựu chiến binh Việt Nam ở Mỹ. Bia kỷ niệm có in dấu ấn của Tam Điểm chứng minh những người nhân danh bác ái, bình đẳng đã sang gây chiến tranh, ném bom ở Việt Nam.

Ohio, thành phố lớn của Mỹ, trung tâm lớn đông thành viên Tam Điểm, đã khánh thành vào tháng 8/2010 một công viên lớn tưởng niệm những người lính chiến đấu ở Việt Nam do nhiều tổ chức đóng góp, trong đó có nhiều nhà tài trợ chính là thành viên tổ chức Tam Điểm như Cliton Historical Society, American Legion Post, Firestone V.F.W. Post, Fidelity Charitable Trust v.v... Một số thành viên Tam Điểm Mỹ, Pháp đã trở lại Việt Nam dưới hình thức đa dạng trong các tổ chức phi chính phủ, tôn giáo, tổ chức từ thiện giúp đỡ Việt Nam sau chiến tranh và các nạn nhân chất độc màu da cam. Họ đến thăm lại chính nơi mà họ đã gây tội ác như Sơn Mỹ và giúp đỡ khám bệnh trẻ em và những nạn nhân chiến tranh do chất độc màu da cam. Một số trở lại Việt Nam tham gia giúp đỡ Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh.

Cuộc chiến tranh Việt Nam chấm dứt do sự hy sinh đổ máu của nhân dân Việt Nam nhưng cũng là sự ủng hộ của nhân dân Mỹ chân chính và bạn bè toàn cầu để Mỹ rút quân đội khỏi Việt Nam và không can thiệp nội bộ. Họ muốn thay mặt những người Mỹ xóa đi hận thù, cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình bằng con đường từ thiện, giáo dục, cứu trợ giúp đỡ về khoa học và kỹ thuật như lý tưởng của hội Tam Điểm đề ra: "Bác ái và Tha thứ".

Đó là đạo đức cao cả nhất để con người dù ở hoàn cảnh nào, thuộc tôn giáo nào, chính đảng nào đều xích lại gần nhau vì Chân - Thiện - Mỹ và vì một thế giới đại đồng hòa cùng một lý tưởng: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Độc lập giành được là điều tự hào của mỗi người Việt. Trước kia, những người Pháp hay Mỹ sang Việt Nam với danh nghĩa khai sáng, thực dân, đế quốc với đầy uy quyền của kẻ bạo lực đi xâm chiếm, nhưng giờ đây họ đến Việt Nam trong vai trò của những người bạn để giúp đỡ Việt Nam, hàn gắn lại vết thương đau đớn giữa Việt Nam, Pháp và Mỹ năm xưa. Không có độc lập chắc chắn sẽ không bao giờ có sự bình đẳng ngang hàng với người phương Tây như ngày nay.

DEDICATED TO ALL THE VETERANS
WHO HAVE SERVED OUR COUNTRY.
THEY SERVED WITH HONOR,
AND NOW WE HONOR THEM.
DONATED BY ST. JOHNS MASONIC LODGE #5 A.F. & A.M.
28 MAY 2007

Bia tưởng niệm những người cựu chiến binh ở Việt Nam do nhánh Tam Điểm St. John số 5 A.F.&A.M., Brazoria, Texas tạo dựng.

Thay lời kết

Hội Tam Điểm hiện nay có mặt ở khắp các lĩnh vực văn hóa, xã hội, chính trị trên thế giới. Vài bộ phim nổi tiếng sử dụng một số hình ảnh tượng trưng huyền bí của Tam Điểm để nói lên sức mạnh huyền diệu của nhân vật. Tất nhiên hội Tam Điểm cũng xuất phát từ những truyền thuyết xưa, nên những nhà kiến trúc, hội họa cũng thích biểu tượng huyền bí đó, hoặc họ cũng là thành viên Tam Điểm hoặc làm theo đơn đặt hàng của các tổ chức Tam Điểm. [Nước Mỹ, một cường quốc trên thế giới, vẫn luôn đề cao tư tưởng "xây lại trật tự Thế giới mới".] Sức mạnh của đồng đô-la, sự quen thuộc trên thị trường thương mại, những hình ảnh nói trên cùng với biểu tượng trên đại triện nước Mỹ cũng gây sự tò mò và tạo cảm hứng cho sáng tác của nhiều nghệ sĩ. Thông thường, nếu công trình do tổ chức Tam Điểm tài trợ bao giờ cũng để lại dấu ấn Tam Điểm trên đó. Tuy nhiên, nhiều khi có sự ngẫu nhiên, hoặc ảnh hưởng khi sáng tạo ra những tác phẩm thấp thoáng dấu ấn của Tam Điểm. Điều này đưa đến sự khẳng định rằng Tam Điểm có mặt và ảnh hưởng lớn trên thế giới ở từng giai đoạn lịch sử nhất định và có ảnh hưởng ở Việt Nam trong thời kỳ thuộc địa, cũng như một phần tại miền Nam thời Mỹ chiếm đóng.

Ngày nay, nhiều nhân vật Tam Điểm tham gia điều khiển trong các tổ chức lớn trong xã hội như Disney Land, khách sạn Hilton, phim trường Holywood. Nhiều đạo diễn, ông bầu là thành viên Tam Điểm, được sự hỗ trợ của hội Tam Điểm nên họ muốn để lại dấu vết của sức mạnh Tam Điểm trên sản phẩm của họ. Nhiều đĩa DVD có in hình tam giác phía dưới. Một số logo như của hãng Vodafone mang hình tượng siêu thần bí của Tam Điểm.

Trong phim hoạt hình nổi tiếng *Yu-Gi-Oh! Due! Moster* có nhân vật Yu-Gi-Oh rất gần gũi với thế giới trẻ con cũng đeo vòng có hình tam giác và con mắt. Hầu hết các nhân vật như Harry Potter, Yu-Gi-Oh, hay Pokémon, Digimon thu hút trẻ em toàn thế giới đều có xu hướng đi tìm sức mạnh siêu nhiên thần bí huyền thoại

như Tam Điểm.

Ngay ở Nhật, đất nước hùng mạnh của châu Á, có một thời hội Tam Điểm bị cấm hoạt động, nhưng ngày nay trụ sở Tam Điểm công khai xây ngay cạnh tháp truyền hình Tokyo nơi nhiều khách du lịch tìm đến. Tháp truyền hình màu đỏ chói cao như tháp Eiffel, bên cạnh khối nhà vuông đen là trụ sở Tam Điểm Tokyo. Màu đen tương phản màu đỏ, như tấm màn đen đỏ trong nhà thờ Tam Điểm. Kính màu khắc logo Tam Điểm trên mặt tiền rất đẹp. Nhiều đồ vật gia dụng của Nhật cũng khắc biểu tượng Tam Điểm từ thế kỷ trước.

Ở Mỹ, hội Tam Điểm hoạt động công khai. Đến thành phố nào cũng có trụ sở lớn hoành tráng. Austin, thủ phủ bang Texas, có cả nhà hát Tam Điểm, thánh đường riêng dành cho những người Tam Điểm sinh hoạt lễ hội, hay tổ chức đám cưới. Trong nhà hát, việc trang trí, sắp đặt trên sân khấu rất ý nghĩa với hàm ý Tam Điểm là những người đi xây dựng trật tự xã hội mới như hình chữ in trên đồng một đô-la của Mỹ. Sân khấu là những trụ đá ngổn ngang, với bàn có compa, eke, dũa, đục…

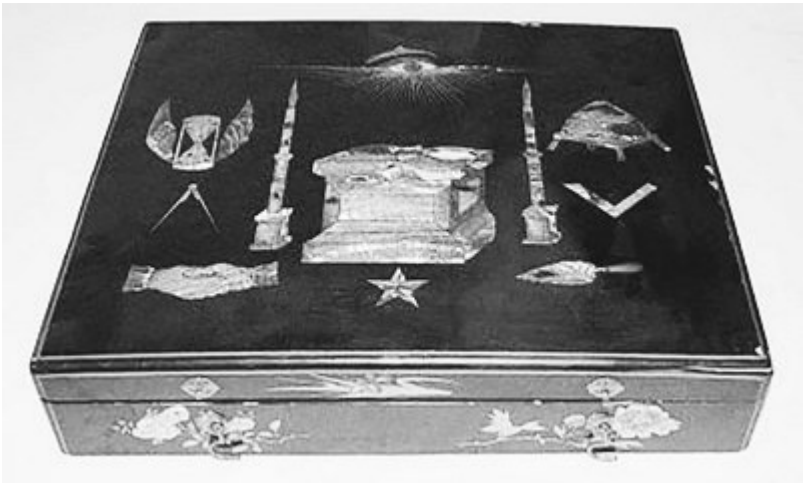

Sơn mài Nhật cuối thế kỷ XIX đã khảm trai hình ảnh Tam Điểm (Bảo tàng Tam Điểm Pháp).

Tác giả trong nhà hát Tam Điểm Austin, Mỹ.

Thư viện hội Tam Điểm ở New York, Mỹ.

Một số nhà lãnh đạo các tổ chức là thành viên Tam Điểm, khi tham gia đầu tư lớn trên mọi lĩnh vực, họ thường để lại dấu ấn trên logo, trên các công trình tượng trưng cho sức mạnh lan tỏa của hội. Ở Việt Nam, không biết vô tình hay hữu ý, hoặc có thể do tư tưởng lớn gặp nhau, ta cũng thấy những hình ảnh tương tự của các công trình mang dấu ấn Tam Điểm. Tuy nhiên, việc nhận định về vấn đề này không thuộc phạm vi cuốn sách.

Hội Tam Điểm tuy thất bại ở Việt Nam về vấn đề bình trị, nhưng cũng đã góp phần khai sáng văn hóa và giáo dục bằng tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái. Độc lập có được ngày nay là công lao của rất nhiều thành phần xã hội, của nhiều trí thức Việt Nam yêu nước ở mọi đảng phái đã liên minh để giành độc lập, trong đó có công của nhiều thành viên Tam Điểm Việt Nam đầu tiên. Những thành viên Tam Điểm Việt Nam không những góp phần đòi tự do dân chủ, họ còn góp công lao rất lớn trong quá trình phát triển ngôn ngữ tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Nhiều người vào Tam Điểm để có được tiếng nói tự do, sự bình đẳng cho cá nhân họ và sau nữa là tìm đường đòi độc lập bằng những cách khác nhau. Đó chính là bản chất chính của đại đa số các thành viên Tam Điểm Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc là một điển hình đầu tiên. Mặc dù đi theo cộng sản, ông cũng biết những người Việt theo hội Tam Điểm là những người yêu nước có tài, xuất sắc, nên ông đã tìm cách liên hệ và tìm sự ủng hộ của họ. Không nên đồng nhất tất cả những thành viên Việt Nam tham gia hội Tam Điểm là theo gót Pháp. Họ gia nhập hội cũng xuất phát từ lòng ái quốc. Họ mang một khát vọng giành độc lập cho dân tộc, nhưng do chưa tìm được đường đi chính thức, để tồn tại, họ vào hội vì nhận thấy hội Tam Điểm là một tổ chức tiến bộ thời đó.

Nhân đạo, bác ái và thế giới đại đồng bao giờ cũng là điều mà con người trên toàn thế giới mong muốn đạt được dù ở chính thể nào, tôn giáo nào, quan điểm chính trị nào. Một tác phẩm sống và vượt ra ngoài mọi biên giới cũng phải đạt được tiêu chí Chân - Thiện - Mỹ. Những thành viên Tam Điểm chân chính một khi đạt được tiêu chí đó thì dù có mặt ở đâu, họ đều được quần chúng ủng hộ. Hội Tam Điểm không phải là tôn giáo, hay học thuyết chính trị mà là một tư tưởng lớn, tôn trọng quyền tự do cá nhân, và dân chủ trên tinh thần nhân đạo bác ái, huynh đệ. Tự do - Bình đẳng - Bác ái là khát vọng của mọi người trên thế giới. Thành viên Tam Điểm chân chính là người hành động dựa trên lý tưởng cao đẹp đó. Những người Việt Nam Tam Điểm đầu tiên là những người ái quốc, họ muốn thực hiện được khát vọng đó không phải chỉ cho chính bản thân họ, mà cả dân tộc Việt Nam thời thuộc địa. Thế hệ ngày nay có quyền tự hào về tài năng của ông cha chúng ta ngay thời đó đã sánh vai với những người tài của Pháp, bắt buộc Pháp phải thừa nhận tài năng xuất chúng của người Việt mặc dù bị hạn chế vì là kẻ sinh ra trong một nước bị lệ thuộc, không được những ưu đãi như người Pháp. Nguyễn Văn Vĩnh từ người kéo quạt cho lớp học tiếng Pháp đã chinh phục được ông thầy Tây vì trí nhớ và sự thông minh của mình. Tài năng xuất chúng của ông đã thúc giục hai nhân vật Tam Điểm nổi tiếng người Pháp ở Đông Dương

phải tìm cách đưa ông qua Pháp kết nạp. Ông là thành viên Tam Điểm duy nhất gốc bản xứ được hưởng lễ tang theo kiểu Tam Điểm.

Tài năng của ông cha chúng ta đã làm cho thực dân Pháp và các huynh đệ Tam Điểm khâm phục, không dám khai trừ họ ra khỏi hội. Hội Tam Điểm muốn tên tuổi của ông cha ta nằm trong hội Tam Điểm. Hữu xạ tự nhiên hương, vì tài giỏi nên có những người dù bị bắt, bị chính quyền Pháp kết án cũng không bao giờ thấy bị khai trừ như Tạ Thu Thâu, Nguyễn Ái Quốc. Ông cha chúng ta với lòng yêu nước đã tương kế tựu kế, lợi dụng những khẩu hiệu tự do, bình đẳng, dân chủ của Pháp để lập hội, lập đảng, lập tôn giáo để giành độc lập.

Thành viên Việt Nam trong hội Tam Điểm cũng là những người làm gương cho con cháu cần noi theo, để vươn lên, tìm cách để đất nước Việt Nam sánh vai các cường quốc năm châu và làm sao để chúng ta tự hào mình là người Việt Nam. [Giờ đây đất nước Việt Nam đang có nguy cơ bị nước láng giềng ức hiếp.] Không phải vô cớ mà Nguyễn Văn Huyên ngay từ đầu năm 1945 đã nhận định về tình hình đất nước và mối nguy cơ đáng sợ đe dọa công cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam chính là Trung Quốc. Giờ đây người Việt Nam cũng noi gương ông cha liên minh, huynh đệ, bác ái, tha thứ cho mọi sự hiểu lầm, từ khắp nơi trên địa cầu đoàn kết để bảo vệ chủ quyền của dân tộc. Nín lặng rồi kẻ khác sẽ lấn chiếm. Martin Luther King, người nổi tiếng đấu tranh cho quyền lợi của người da màu đã phát biểu: "Thảm kịch lớn nhất không phải là sự tàn bạo của kẻ ác, mà là sự thờ ơ im lặng của người lành". Thánh Gióng không nằm im, thờ ơ được nữa, Thánh Gióng đã thức tỉnh. Hãy noi gương Gióng thức tỉnh, lên tiếng. Ông cha chúng ta đã từng khôn khéo, thông minh và hợp nhau lại để giành độc lập, con cháu chúng ta phải giữ lấy độc lập và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Dù chúng ta theo đảng nào, theo tư tưởng nào, nhưng khi Việt Nam nghèo, hay bị mất nước, là người Việt Nam, chúng ta đều xấu hổ. Hãy xóa bỏ hận thù, vì lợi ích dân tộc như ông cha chúng ta từng làm, người Việt Nam hãy liên minh để bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam tự cường và hạnh phúc như khát vọng của ông cha và khát vọng chung của toàn người Việt Nam trên thế giới, dưới ánh sáng tự do, dân chủ và huynh đệ bác ái. Chiến tranh là điều không ai đề cao, không ai muốn tham gia, nhưng cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước, giành độc lập dù dưới hình thức nào cũng đáng trân trọng và ca ngợi.

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC HỘI TAM ĐIỂM Ở ĐÔNG DƯƠNG

La Fraternité Tonkinoise (Huynh đệ Bắc kỳ), Hà Nội, 9/9/1886: hội đầu tiên của GODF (Đại Đông Pháp) tại Việt Nam.

La Fraternité et Tolérance (Vị tha và Tình Huynh đệ): năm 1911, sáp nhập với *La Fraternité Tonkinoise* (Huynh đệ Bắc kỳ), năm 1914, lấy lại tên cũ là *Fraternité Tonkinoise*.

Les Fervents du Progrès (Những người Nhiệt huyết với Tiến bộ), Sài Gòn, 16/4/1913, GODF (Đại Đông Pháp).

Le Réveil de l'Orient (Đông phương Thức tỉnh), Sài Gòn, 10/11/1868: do GODF lập, nhưng phải đến năm 1870 mới chính thức đi vào hoạt động với mục đích "khai sáng văn minh thuộc địa", cũng sáp nhập với *Les Fervents du Progrès réunis* ở Sài Gòn năm 1913.

L'Avenir Khmer, Phnom Penh, 1906.

La Libre Pensée (Tư tưởng Tự do), Huế, 1917.

La Ruche d'Orient, Sài Gòn, 19/6/1908, GLDF (Đại đường Pháp).

Les Ecossais au Tonkin, Hà Nội, 3/3/1912, GLDF (Đại đường Pháp).

L'Etoile du Tonkin, 21/7/1892, GLDF (Đại đường Pháp).

Confucius (Khổng Tử), Hà Nội, GODF (Đại Đông Pháp).

Les Fidèles du Progrès réunis, Sài Gòn.

Khong Phu Tseu, 1930, GLDF (Đại đường Pháp).

Minh Luan Tang (*Minh Luan Tang* for the Vietnamese of Chinese origin).

Carefour International de Fraternité, Tây Ninh, 12/1935, Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế.

FB3-Indo (Free brothers 3 - Indochine) tổ chức này thuộc quyền chỉ huy của Điểm gặp gỡ Huynh đệ Quốc tế.

DANH SÁCH MỘT SỐ THÀNH VIÊN TAM ĐIỂM VIỆT NAM

*Danh sách này thiếu rất nhiều, chúng tôi chỉ lấy một số thẻ để minh họa cho sự đa dạng thành phần nghề nghiệp và làm tư liệu cho cuốn sách. Tên nào chúng tôi biết chắc chắn thì ghi rõ bằng tiếng Việt, những tên chưa xác định được sẽ để nguyên theo thẻ in ronéo của thư viện lưu trữ Pháp có đánh dấu * và CĐ (Cao Đài). Danh sách này dựa theo tài liệu lưu trữ ghi chủ yếu ở Đại Đông Pháp, và Đại đường Pháp. Thành viên FB3 dựa trên tài liệu của Gibert David trong cuốn Chroniques Secrètes d'Indochine: 1928-1946 (Biên niên bí mật Đông Dương: 1928-1946).*

BÙI QUANG CHIÊU, Phó Chủ tịch Hội đồng Thuộc địa Nam kỳ, sau tham gia sinh hoạt hội *"Khổng Tử"* (*Confucius*), Sài Gòn, kết nạp năm 1925.

CAO SĨ TÂN, dược sĩ (pharmacist), thuộc hội *"Khổng Tử"* (*Confucius*).

CAO TRIỀU PHÁT, GODF, 1917, sinh hoạt thuộc *Le Réveil de l'Orient, et Les Fervents du Progrès réunis,* Bordeaux.

ĐẶNG TRUNG CHỮ, FB3, CĐ.

ĐẶNG VĂN DONY*, hội *"Nhân quyền"* (*Droit Humain*), kết nạp năm 1927.

ĐÀO HUNG*, giáo viên thể dục, hội *"Khổng Tử"* (*Confucius*), Hà Nội.

ĐỖ HỮU TRÍ, *Tự do Tư tưởng* (*Libre Examen*), 1903, Paris.

DƯƠNG VĂN GIÁO, bác sĩ, 1924, *Jean Jaurès*, GLDF.

DUY TÂN (tức Vĩnh San), 1927, *l'Amitié,* GLNF.

HOÀNG MINH GIÁM, giáo viên (teacher), hội *Huynh đệ Bắc kỳ* (*La Fraternité Tonkinoise).*

HOÀNG THÚY BA*, y sĩ, hội *"Nhân quyền"*, 1930.

HUỲNH TÂN QUAN*, kỹ sư, *Le Réveil de l'Orient, et Les Fervents du Progrès réunis*.

LÊ THANH Y, giáo viên, 20/9/1935, *Fraternité Tonkinoise*.

LÊ VĂN TRUNG, CĐ.

NGÔ HINH TRU*, địa chủ Rạch Giá, Chủ tịch hội *Phật giáo chân chính*.

NGÔ VĂN CHIÊU, 1919, CĐ, initiated in 1922.

NGUYỄN ÁI QUẤC, thợ rửa ảnh, GODF, 1922, Paris.

NGUYỄN BA TINH*, Jules, điền chủ, *Le Réveil de l'Orient,* Sài Gòn.

NGUYỄN CÔNG TIỄU*, phòng nông nghiệp, 24/12/1932, GODF.
NGUYỄN ĐĂNG TRUYÊN*, chủ văn phòng bưu điện, 29/01/1935, GPDF.

NGUYỄN ĐÌNH TÀI*, tri huyện, GODF. NGUYỄN HỮU HOI*, tri huyện, GODF.

NGUYỄN KIM DINH*, GODF, Sài Gòn. NGUYỄN PHAN LONG, GODF, Paris, 1925.

NGUYỄN PHƯỚC DU*, Denis, kỹ sư, *Khong Phu Tseu*, 1956.
NGUYỄN QUY TOAN*, giáo viên, GODF.

NGUYÊN UOC LE*, tri huyện, *Fraternité Tonkinoise*, 10/5/1934.

NGUYÊN VĂN HƯU*, thanh tra bưu điện, nhánh *Branche Leabeater*, Sài Gòn.

NGUYỄN VĂN LUẬN, nhà in, thuộc hội *"Nhân quyền" (Droit Humain)*.

NGUYỄN VĂN THINH, luật sư.

NGUYỄN VĂN TRUYẾT*, luật sư, *Le Réveil de l'Orient, et Les*

Fervents du Progrès réunis, 1939

NGUYỄN VĂN VĨNH, hội *"Nhân quyền" (Droit Humain)*, Paris.
NGUYỄN XUÂN ĐÀI, nha sĩ, Paris, GODF.

PHẠM HUY LỤC, hội "*Nhân quyền*" và *Khổng Tử.*

PHẠM NGỌC THẠCH, bác sĩ, FB3-Indo.

PHẠM QUỲNH, phiên dịch, *Khong Phu Tseu*, 1925.

PHẠM VĂN HUYÊN*, bác sĩ thú y, 20/10/1933, GODF.

TẠ THU THÂU, kết nạp tại Pháp.

THẨM HOÀNG TÍN, dược sĩ.

TRẦN ĐÌNH QUÊ*, bác sĩ, GODF.

LÊ THƯỚC, giáo viên.

TRẦN QUANG NGHIÊN, TĐ, CĐ.

TRẦN THUC HOAN*, thông phán, *Fraternité Tonkinoise.*

TRẦN TRỌNG KIM, thủ tướng, *Écossais.*

TRẦN VĂN LAI, bác sĩ, *Fraternité Tonkinoise,* 1936.

TRẦN VĂN TRINH*, bị khai trừ, 1933.

TRẦN VĂN TU*, điền chủ, 1936, *Le Réveil de l'Orient, et Les Fervents du Progrès réunis.*

TRỊNH ĐÌNH THẢO, luật sư đào tạo ở Pháp, *Convent 4, Ruche.*

TRƯƠNG KẾ AN, FB3-Indo, CĐ.

VŨ DINH MAN, Trường kỹ sư Canh Nông, *Fraternité Tonkinoise,* 29/2/1932.

VƯƠNG KHA LAI*, nhân viên thương mại, *Fraternité Tonkinoise,* 1929.

VƯƠNG QUANG NHƯỜNG, luật sư đào tạo ở Pháp, *nhánh 5, Ruche.*

VƯƠNG TỬ ĐẠI, Thượng thư bộ Công, bị khai trừ vì không đóng nguyệt liễm, Huế, 16/11/1931.

DANH SÁCH TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

(TĐ viết tắt là Tam Điểm)

Ernest Constans: 16/11/1887- 4/1888. TĐ

Etienne Antoine Guillaume Richaud: 04/1888 - 31/5/1889.

Jules Georges Piquet: 31/5/1889 - 4/1891.

Bideau (tạm quyền): 04/1891 - 6/1891. TĐ (F-M)

Jean-Marie de Lanessan: 6/1891 - 31/12/1894. TĐ (F-M)

Léon Jean Laurent Chavassieux (tạm quyền): 03/1894 - 10/1894.

François Pierre Rodier (tạm quyền): 12/1894 - 2/1895.

Paul Armand Rousseau: 2/1895 - 10/12/1896. TĐ (F-M)

Augustin Juline Fourès (tạm quyền): 12/1896 - 13/2/1897.

Paul Doumer: 13/2/1897 - 10/1902. TĐ (F-M).

Jean Baptiste Paul Beau: 10/1902 - 2/1907. TĐ (F-M)

Louis Alphonse Bonhoure (tạm quyền): 18/2/1907 - 9/1908.

Antony Wladislas Klobukowski: 9/1908 - 01/1910. TĐ (F-M)

Albert Jean George Marie Louis Picquié (tạm quyền): 1/1910 - 2/1911.

Paul Louis Luce: 2/1911 - 11/1911.

Albert Sarraut: 11/1911 - 1/1914. TĐ

Joost van Vollenhoven (tạm quyền): 1/1914 - 7/4/1915.

Ernest Nestor Roume: 4/1915 - 5/1916. TĐ

Jean Eugène Charles (tạm quyền): 5/1916 - 1/1917.

Albert Sarraut (lần thứ hai): 1/1917 - 5/1919. TĐ

Maurice Antoine François Montguillot (tạm quyền): 5/1919 - 2/1920.

Maurice Long: 2/1920 - 4/1922. TĐ (F-M)

François Marius Baudoin (tạm quyền): 4/1922 - 8/1922.

Martial Henri Merlin: 8/1922 - 4/1925. TĐ

Maurice Antoine François Montguillot: 4/1925 - 11/1925.

Alexandre Varenne: 18/11/1925 - 1/1928. TĐ

Maurice Antoine François Montguillot: 1/1928 - 8/1928.

Pierre Marie Antoine Pasquier: 22/8/1928 - 15/1/1934. TĐ (F-M)

Eugène Jean Louis René Robin: 15/1/1934 - 9/1936.

Joseph Jules Brévié: 9/1936 - 23/8/1939. TĐ

Georges Catroux (tạm quyền): 23/8/1939 - 25/6/1940. TĐ

Jean Decoux: 25/6/1940 - 9/3/1945. TĐ

DANH SÁCH CAO ỦY VÀ TỔNG ỦY ĐÔNG DƯƠNG

CAO ỦY

Jean Cédile (tạm quyền): 23/9/1945 - 5/10/1945.

Philippe Leclerc de Hauteclocque (tạm quyền): 5/10/1945 - 31/10/1945. TĐ (F-M)

Georges Thierry d'Argenlieu: 31/10/1945 - 1/4/1947. TĐ (F-M)

Émile Bollaert: 1/4/1947 - 11/10/1948. TĐ (F-M)

Léon Marie Adolphe Pascal Pignon: 20/10/1948 - 17/12/1950.

Jean de Lattre de Tassigny: 17/12/1950 - 11/1/1952. TĐ (F-M)

Jean Letourneau: 1/4/1952 - 27/4/1953. TĐ (F-M)

TỔNG ỦY

Jean Letourneau: 27/4/1953 - 28/7/1953. TĐ (F-M)

Maurice Dejean: 28/7/1953 - 10/4/1954. TĐ (F-M)

Paul Ély: 10/4/1954 - 4/1955. TĐ (F-M)

Henri Hoppenot: 4/1955 - 21/7/1956. TĐ (F-M)

DANH SÁCH THỐNG ĐỐC QUÂN SỰ NAM KỲ (1858-1879)

Charles Rigault de Genouilly: 9/1858 - 1859. TĐ

Jean Bernard Jauréguiberry (tạm quyền): 10/1859 - 3/1860. TĐ

Théogène François Page: 3/1860 - 2/1861. TĐ

Léonard Victor Joseph Charner: 2/1861 - 30/11/1861.

Louis Adolphe Bonard: 30/11/1861 - 16/10/1863. TĐ

Pierre-Paul de La Grandière: 16/10/1863 - 4/4/1868.

TĐ *Marie Gustave Hector Ohier*: 4/4/1868 - 10/12/1869.

TĐ *Joseph Faron* (tạm quyền): 12/1869 - 1/1870.

Alphonse Jean Claude René: 1/1870 - 4/1871.

Marie Jules Dupré: 4/1871 - 16/3/1874.

Jules François Émile Krantz (tạm quyền), 3/1874 - 11/1874. TĐ

Victor Auguste: 11/1874 - 10/1877.

Louis Charles Georges Jules Lafont: 10/1877 - 7/1879.

DANH SÁCH TỔNG THỐNG MỸ LÀ THÀNH VIÊN TAM ĐIỂM

1789 - 1797, *George Washington*, Tổng thống đầu tiên, chi nhánh số 4, Virginia.

1801 - 1809, *Thomas Jerfferson*, Tổng thống thứ 3, chi nhánh số 90, VA.

1809 - 1817, *James Madison*, Tổng thống thứ 4, hội New World Order.

1817 - 1825, *James Monroe*, Tổng thống thứ 5, hội The New Age. Williamsburg, Knights of the Garter.

1825 - 1829, *John Quincy Adams*, Tổng thống thứ 6.

1829 - 1837, *Andrew Jackson*, Tổng thống thứ 7, hội The Record for Brother Jackson.

1837 - 1841, *Martin Van Buren*, Tổng thống thứ 8.

1841, *William Henry Harrison*, qua đời sau 30 ngày nhậm chức.

1841 - 1845, *John Tyler*, Tổng thống thứ 10, thay thế Harrison.

1845 - 1849, *James K. Polk*, Tổng thống thứ 11, hội Columbia.

1849 - 1850, *Zachary Taylor*, Tổng thống thứ 12, chi hội Knights of the Garter.

1850 - 1853, *Millard Fillmore*, Tổng thống thứ 13.

1853 - 1857, *Franklin Pierce*, Tổng thống thứ 14, Knights of the Garter.

1857 - 1861, *James Buchanan*, Tổng thống thứ 15, chi hội Pensylvania, anh trai là Đại sư của Worshipful.

1861 - 1865, *Abraham Lincoln*, Tổng thống thứ 16, chi hội Rosicrucian.

1865 - 1869, *Adrew Johnson*, Tổng thống thứ 17, hội Greenville.

1869 - 1877, *Ulysses S. Grant*, Tổng thống thứ 18.

1877 - 1881, *Rutherford B. Hayer*, Tổng thống thứ 19.

1881, *James A. Garfiels*, Tổng thống thứ 20.

1881 - 1885, *Chester A. Arthur*, Tổng thống thứ 21.

1885 - 1889 và 1893 - 1897, *Grover Cleveland*, Tổng thống thứ 22 và 24, hội Illuminati Puppet.

1897 - 1901, *William McKinley*, Tổng thống thứ 25, hội Hiram.

1901 - 1909, *Theodore Roosevelt*, Tổng thống thứ 26, hội Matinecock.

1909 - 1913, *William Howardaft*, Tổng thống thứ 27, hội Body of Kilwinning.

1921 - 1923, *Warren G. Harding*, Tổng thống thứ 29, hội Marion, Ohio.

1933 - 1945, *Franklin D. Roosevelt*, Tổng thống thứ 32, hội Holland N°8.

1945 - 1953, *Harry S. Truman*, Tổng thống thứ 33, hội Belton N °450.

1974 - 1977, *Gerald Ford*, Tổng thống thứ 38, hội Malta N°465. 1993-2000.

1993 - 2001, *W.J. Clinton*, Tổng thống thứ 42, hội Senior DeMolay.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ TRONG TAM ĐIỂM

(Pháp-Anh-Việt)

Architecte de l'Univers - Achitect of Univers - Đại kiến trúc sư thế giới.

Apprenti - Entered apprentice - Tập sự, bậc đầu tiên của Tam Điểm. Chapitre - Chapter, Craft - Hội quán Tam Điểm.

Companion - Fellow craft - Thợ chính, bậc thứ hai của Tam Điểm.

Compas - Compass - Thước compa.

Degré - Degree - Cấp bậc.

Droit Humain - Humans' Right - Nhân quyền.

Enfants de la veuve - Widow's sons - Những đứa con côi của bà mẹ góa.

Équerre - Square - Thước thợ (Êke).

Franc-maçon - Freemason - Thành viên Tam Điểm.

Franc-maçonnerie - Freemasonry - Hội Tam Điểm.

Fraternité - Fraternity, Brotherhood - Tình huynh đệ.

Frère - Brother - Huynh, đệ, anh, em.

Grande Loge - Grand lodge - Đại đường.

Grand maître - Grand master - Đại sư.

Grande Loge de France - Đại đường Pháp.

Grande Orient de France - Đại Đông Pháp.

Initiation - Initiate - Nhập hội, kết nạp (thụ tâm).

Loge Bleue - Craft of Blue Lodge - hội Tam Điểm xanh.

Loge - Lodge - Hội, chi nhánh, phân hội.

Maitre - Master mason - Sư thầy.

Profane - Layman or uninitiated person - Người phàm tức là chưa được kết nạp vào hội.

Rites Ecossais - Anciens et Accetpés - Ancient and Accepted Scottish Rites - REAA - Nghi lễ người Ê-cốt cổ và chấp nhận.

Rite - Rite - Nghi lễ.

Ruche - Beehive - Tổ ong, hội Tam Điểm.

Soeur - Sister - Muội, chị, em.

Tablier - Apron - Tạp dề.

Templier - Templar - Nhà thờ.

Solstice d'hiver - Winter solstice - Lễ Đông chí (một lễ lớn của hội Tam Điểm như là lễ Noël bên Công giáo).

THƯ MỤC THAM KHẢO

BORESNIAK Daniel, *Symbols des Franc-maçons*, 1977.

CAO HUY THUẦN, *Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân tại Việt Nam*, Hương Quê, USA, 1988.

CHEVALLIER Pierre, *Grandes études historiques*, La Maçonnerie, 3 volumes (*École de l'égalité 1725-1799; Église de la République 1877-1944; Missionaire du libéralisme, 1800-1877*), Fayar, 1975.

COMBES A., *Les trois siècles de la franc-Maçonnerie française*, Edimaf, 1987.

COULET G., *Cultes et réligions de l'Indochine Annamite*, Saigon, 1929.

DALLOZ Jacques, *Franc-maçons d'Indochine, 1868-1975*, Éditions maçonniques de France, 2002.

DE LANESSAN, *L'Indochine française*, Alcan, Paris, 1889.

DE LANESSAN, *La Colonisation française en Indochine*, Alcan, Paris, 1895.

DE LANESSAN, *Les missions et leur protectoriats*, Alcan, Paris, 1907.

DE LANESSAN, *Principes de colonisation*, Alcan, Paris, 1897.

DEDOPULOS Tim, *The Brotherhood: Inside the secret world of the Freemasons*, Peguin Books, Wiking, 2006.

DEVILLIERS P., *Français et Annamites: partenaires ou ennemis? 1856-1902,* Aventure coloniale de la France, Denoël, Paris, 1998.

FÉRRY J., *Le Tonkin et la Mère-Patrie, témoignages et documents,* Victor Havard éditeur, Paris, 1890.

G. TANIULET, *La geste française en Indochine*, 2 vol., Andrien-Maisoneuve, Paris, 1955.

GALCERAN Sébastien, *Les Franc-Maçonneries*, La Découverte, 2004.

GARDNER Laurence, *The shadow of Solomon*, Harper Element, 2005.

H. LABOURET, *Colonisation, Colonialisme, Décolonisation*, Larose, Paris, 1952.

HARWOOD Jeremy, *The Secret of Freemasonry,* Lorenz Books, 2006.

KNIGHTS Christopher & LOMAS Robert, *The Hiram Key*, Fair Wind Press, Massachusetts, 2001.

L.D.COOPER Robert, *Cracking the freemason's codes: The truth about Solomon's key and the brotherhood*, Atria Books, New York, 2007.

LAZAR AM Peter, *It's no secret, Real Men Wear Aprons, The story of Freemason in Australia*, Griffin Press, 2009.

Les archives de la grande loge de France, Paris, France.

LIGOU Daniel, *Histoire des Franc-Maçons de 1815 à nos jours*, Presses Universitaires, 1967.

MacKENZIE Norman, *Secrets Societies*, Holt Rinehart & Winston. London, 1968.

MacNULTY W. Kirk, *Freemasonry, A journey through Ritual and Symbol*, Thames and Hudson, 1993.

MacNULTY W. Kirk, *La Franc-Maçonnerie, les symbols, secrets et significations*, Seuil, Paris, 1993.

MEYER Charles, *La vie quotidiene des français en Indochine 1860-1910*, Hachetter, 1985.

PALOU Jean, *La Franc-Maçonnerie*, Payot, 1977.

ROBERTSON Alexander, *The life of Sir Robert Moray*, Longmans, Green and Co., 1922.

TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam Sử lược*, Trung Tâm học liệu-Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1971.

TRƯƠNG BÁ CẦN chủ biên, *Lịch sử phát triển Công giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.

TỦ SÁCH VĂN HÓA - GIÁO DỤC

1. *Bài học Phần Lan,* Pasi Sahlberg

2. *Hàn Phi Tử,* Hàn Phi (Phan Ngọc *dịch*)

3. Sự hiện diện của thành viên Tam Điểm tại Việt Nam, Trần Thu Dung

4. *Một thức nhận về văn hóa Việt Nam,*Phan Ngọc

5. *Sử ký Tư Mã Thiên*(Phan Ngọc *dịch*)

6. *Sự tiếp xúc văn hóa Việt Nam với Pháp,* Phan Ngọc

7. Xây dựng xã hội học tập, Joseph E. Stiglitz và Bruce C. Greenwald

8. *Xin được nói thẳng,* Hoàng Tụy